

# Tâm lý đạo đức tập 2- Thích Chân Quang

## SỐNG ĐƠN GIẢN

### ĐỊNH NGHĨA

Sống đơn giản là không sử dụng quá nhu cầu cho bản phận của mình.

Người tu theo đạo Phật là đi tìm con đường giải thoát. Vì vậy, đời sống đơn giản là một đức hạnh, một đức hạnh cao cả mà ai cũng tôn trọng. Đức Phật của chúng ta cũng như những vị Thánh Tăng đều là những người có cuộc sống vô cùng đơn giản.

Như vậy, theo định nghĩa, chúng ta cần tránh được sự cực đoan. Đó không phải là sự ép xác mà sống đơn giản đúng với bản phận của mình. Trong cuộc sống, có những việc cần cho sự tu hành, chúng ta vẫn phải sử dụng. Chỉ lưu ý một điều, chúng ta không vượt khỏi nhu cầu đó để trở thành dư thừa, biến thành một đời sống xa hoa, sang trọng. Đây là chỗ rất khéo mà người tu chúng ta phải cẩn thận. Sống đơn giản không phải là ăn ít, mặc ít mà phải chọn mức sống sao cho vừa đủ, sao cho phù hợp với cuộc sống của

mình. Trong cuộc sống, chúng ta vẫn cảm nhận rằng người sống đơn giản, ít có nhu cầu, ít ham muốn là người tự tại hơn, thanh thản hơn những người sử dụng quá nhiều thứ, có quá nhiều nhu cầu.

Để thực hiện một đời sống đơn giản, trước hết, chúng ta phải xác định mình sống để làm gì và có nhu cầu gì trong việc tu hành.

Với chúng ta, sống là để tu. Tu là sửa, là tu dưỡng. Trước hết, chúng ta phải sửa nội tâm mình. Làm sao từ chỗ còn nhiều ý nghĩ bất thiện, chúng ta trở thành một con người thánh thiện, từ chỗ hẹp hòi ích kỷ, chúng ta trở nên vị tha hơn. Tu là tu dưỡng nội tâm. Vậy, chúng ta cần sử dụng những gì cho việc tu hành nội tâm của mình? Đã là tu trong tâm, chúng ta không đòi hỏi gì nhiều ở bên ngoài. Chỉ cần cơm vừa đủ ăn để sống, quần áo vừa đủ để mặc, chỗ ở cũng vừa đủ, không cần rộng rãi sang trọng. Khoảng sau Đức Phật vài thế kỷ, một vị triết gia tên là Diôzen xuất hiện. Ông sống gần Hy Lạp, ở vùng Trung Đông. Đời sống của ông vô cùng đơn giản, giáo lý của ông thể hiện ở cuộc sống tự tại, giải thoát. Có thể xem ông là một vị Bồ tát

nào đó của đạo Phật đầu thai qua, vì ông có cuộc sống rất giống với đạo Phật. Thời đó, đời sống vật chất của con người còn rất đơn giản, chưa có những tiện nghi trong sinh hoạt. Ông chỉ có một mảnh áo che thân và một cái bát để uống nước. Một lần, trên đường đi, ông nhìn thấy người ta cúi xuống múc nước bằng hai tay để uống. Ông cảm thấy cái bát mình đang dùng là thừa nên quăng đi. Nghĩa là ông hạn chế nhu cầu về vật dụng đến mức tối đa. Mọi người rất nể phục ông bởi đời sống tự tại, đơn giản như vậy. Khi khuyên một vài lời về đạo lý, ông vẫn làm cho người ta được hạnh phúc, được an lạc, được lợi ích. Do đó, tiếng đồn lan ra khắp nơi. Lúc bấy giờ, Alexandre Đại đế đem quân chinh phục khắp nơi. Ông chiếm hết vùng Trung Đông, qua Ấn Độ. Khi đánh chiếm vùng Trung Đông, xứ của Điôzen, ông nghe đồn có một triết gia nổi tiếng, bèn tìm đến. Ở đây, nhiệt độ dao động rất mạnh, có mùa trời nóng như thiêu như đốt, có mùa lại lạnh thấu xương. Lúc này, vùng Trung Đông rất lạnh. Ông kiếm một thùng gỗ, ban đêm chui vào đó đóng cửa lại, nằm ngủ, ban ngày ra ngoài sưởi nắng. Đây là phương

pháp tốt nhất để giải cái lạnh thấm vào cơ thể mà thiên nhiên ban tặng cho con người.

Khi ông đang ngồi phơi nắng, vua Alexandre cùng đoàn tùy tùng cưỡi ngựa đi tới. Từ xa, trông thấy một ông lão ngồi ung dung, tự tại, râu tóc dài xõa xuống, trên người có một tấm áo quần quanh, đẹp rục rỡ dưới ánh mặt trời, ông bèn xuống ngựa, chậm chậm đi tới. Đằng sau ông, đoàn tùy tùng cũng làm như vậy. Đến nơi, nhà vua hỏi:

-Ngài có phải là Diôzen?

-Phải, Ngài cần gì?- Ông từ tốn đáp.

Hai bên chỉ trao đổi vài câu ngắn ngủi, nhưng phong thái ung dung tự tại, bình thản của Diôzen khiến vua Alêchxăng cảm phục. Vì ông là một Đại đế, bách chiến bách thắng, nghe danh ông, ai cũng sợ hãi, chỉ có ông già lom khom, râu ria lồm xồm này liếc nhìn ông với ánh mắt bình thản. Ông cảm phục vô cùng. Sau vài câu ngắn ngủi, ông hỏi:

-Thưa Ngài, Ngài có cần gì không?

Hỏi như vậy vì nhà vua nghĩ rằng, mình là một ông vua bách chiến, bách thắng, uy danh khắp thiên hạ, dưới tay có không biết bao nhiêu là tài

sản. Nếu ông Diôzen cần gì, Ngài sẽ tặng ngay.

Nghe hỏi như vậy, vị triết gia trả lời:

-Có, cần Ngài xích qua một chút, đừng che ánh mặt trời mà tôi đang sưởi, tôi rất cảm ơn.

Thì ra, nhà vua và đoàn tùy tùng đến từ hướng đông, đứng một loạt che hết ánh nắng buổi sáng của ngài Diôzen. Nghe vậy, vua quay sang nói với đoàn tùy tùng: “Nếu ta không là Alexandre Đại đế, ta sẽ là Diôzen”.

Theo quan niệm bây giờ, triết gia là người hay lý luận, hay triết lý. Nhưng ngày xưa, khái niệm triết gia chỉ dành cho những người có đời sống tâm linh rất cao, như một chân sư bên Ấn Độ. Ông Diôzen là người như thế, là một triết gia, có đời sống đơn giản, ai ai cũng kính phục. Nhà vua đã nhìn thấy được đời sống vô cùng đơn giản, thanh thoát ung dung tự tại, toát ra một sự cao cả vô cùng của vị triết gia. Ông cũng ước ao, thèm khát cuộc sống ấy. Nhưng vì đã trót làm một ông vua, ở một ngôi vị quá vĩ đại, ông không nỡ từ bỏ địa vị vua chúa của mình. Nếu không có địa vị này, ông sẽ đi tìm một đời sống hết sức tự tại, hết sức giải thoát như vị triết gia

kia. Rõ ràng, không phải chúng ta bệnh vực, đề cao triết lý của đạo Phật, vì đó là câu chuyện ngoài đạo Phật.

Câu chuyện giữa một triết gia và một vị vua cho chúng ta thấy rằng, người sống được một đời sống đơn giản là người rất cao cả. Nghĩa là người đó vượt trội hơn những người thường, những người thích sống sung sướng. Sở dĩ chúng ta thích sung sướng, bởi trong thâm sâu tâm hồn mình có một bản năng hưởng thụ, khát khao hạnh phúc. Đây cũng là điều hợp với lẽ tự nhiên và được luật pháp công nhận, bảo vệ. Trong Tuyên ngôn độc lập của Việt Nam, Hồ Chủ Tịch cũng đã trích dẫn lời trong Tuyên ngôn độc lập của nước Mỹ: “Tất cả mọi người sinh ra đều có quyền bình đẳng. Tạo hóa đã cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được. Trong những quyền ấy, có quyền sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”.

Mưu cầu hạnh phúc là quyền tự do của con người, được tạo hóa ban cho và được luật pháp công nhận. Bởi vậy, trong thâm sâu con người ai cũng muốn sung sướng, muốn ăn ngon, mặc đẹp, ở nhà cao cửa rộng, muốn có quyền hành,

muốn được mọi người khen ngợi. Đó là điều bình thường, thậm chí đã trở thành tầm thường. Người nào vượt qua được cái bản năng hưởng thụ, không muốn sung sướng, không cần hạnh phúc cho chính mình, người đó đã vượt khỏi cái tầm thường để trở nên cao cả. Đó là người thắng được bản năng hưởng thụ tồn tại trong mỗi con người. Những người như vậy, được người đời tôn sùng là những bậc Thánh nhân, những triết gia cao siêu.

Chúng ta sống là để tu. Nếu tu nội tâm, chúng ta không cần nhiều nhu cầu, chỉ sống rất đơn giản. Tuy nhiên, ngoài tu tâm, chúng ta còn làm nhiều việc khác để tu. Chẳng hạn, tụng kinh cũng là một hình thức tu. Khi tụng kinh, chúng ta thường tụng ở chánh điện, trước bàn thờ Phật. Như vậy, chúng ta bắt đầu nảy sinh những nhu cầu: Cần có tượng Phật, có bàn thờ Phật, cần phải cất cho bàn thờ trang nghiêm. Khi có bàn thờ Phật, chúng ta thấy rằng không thể để tượng Phật ngoài trời nên phải cất nhà để che tượng Phật, rồi xây chùa có chánh điện. Nếu tụng kinh ban đêm, chúng ta cần có ánh sáng, cần có bóng đèn. Vào mùa nắng nóng, chúng ta lại cần

thêm quạt. Dần dần, thấy chánh điện không làm nền bằng hoàng, chúng ta cũng không yên tâm nên phải cố gắng lát bằng gạch bông.v.v... Cứ thế, cũng cho việc tu nhưng dần dần mọi cái trở nên rắc rối.

Câu chuyện về một đạo sĩ tu hành ở Ấn Độ làm nhiều người phải suy nghĩ. Ông tu rất tốt, đời sống cũng rất đơn giản. Ông sống trong một hang động, không làm gì chỉ lo tu và đi khát thực. Từ cái hang, nơi ông ở, vào làng cũng khá xa. Mỗi lần khi đi khát thực, ông thường xin nhiều để dành trong một cái bao nấu ăn dần dần. Khoảng một tuần, mười ngày, ông trở xuống làng xin. Cuộc sống như vậy thật đơn giản. Nhưng rắc rối đã xảy ra bắt đầu từ mấy con chuột. Vì có thức ăn để dành nên lũ chuột kéo đến quấy phá. Vị Đạo sĩ cảm thấy phiền toái, ông cần một con mèo. Do đó, khi vào làng khát thực, ông xin thêm con mèo về nuôi. Thức ăn chay vốn đơn giản, con mèo không chịu ăn. Vì là mèo con, ông nghĩ cần nhất là cho uống sữa. Sống xa làng bản, lấy đâu ra sữa cho mèo, ông thấy cần phải nuôi thêm một con bò. Khi có thêm bò, ông phải bớt thời gian tu để chăn bò



và vắt sữa cho mèo, để mèo giữ thức ăn cho ông.

Thời gian trôi qua, bao nhiêu chuyện rắc rối xảy ra. Đến lúc bò bệnh, chữa đỡ, ông phải chăm sóc, phải dắt đi ăn. Lúc này, ông không có thời gian nấu cơm. Một Phật tử có lòng cảm mộ xin đến ở công quả, nấu cơm cho Thầy. Đó cũng là nhu cầu chính đáng nên ông đồng ý. Nhưng vấn đề là cô Phật tử ở đâu, vì chỉ có một cái hang nhỏ. Thế là, ông ta phải cất một căn nhà cho đàn ông. Dần dần, ông có thêm vài chú tiểu lo lắng việc trong, việc ngoài. Như vậy, bắt đầu từ mấy con chuột mà sinh ra lắm chuyện phức tạp, rắc rối.

Câu chuyện có thể là không có thật. Nhưng kể ra như vậy người ta muốn nói rằng, cũng là cho việc tu nhưng chúng ta sẽ cần điều này, điều nọ. Từ nhu cầu này, chúng ta sẽ kéo theo những nhu cầu khác. Vì vậy, trong quá trình tu hành, chúng ta phải cẩn thận, đừng vì những nhu cầu phục vụ cho việc tu mà chúng ta phải mất thì giờ, phải làm cho tâm khuấy động. Nói như vậy để chúng ta lưu ý. Khi phát sinh những nhu cầu, chúng ta phải cẩn thận, xem có thật sự cần hay

không. Có những lúc chúng ta phải chịu đựng, kiềm chế những nhu cầu để giữ được cuộc sống đơn giản. Trong cuộc sống tu hành, nhiều khi cũng có những thiếu thốn, khó khăn nhưng khi giải quyết được khó khăn lại phát sinh bao nhiêu phiền toái khác. Nếu chịu đựng một chút rồi tất cả cũng sẽ qua, chúng ta sẽ giữ được đời sống đơn giản để tu hành. Hơn nữa, chúng ta sống đơn giản là để tiết kiệm phước. Dĩ nhiên, trong kiếp trước chúng ta cũng đã từng làm phước nên bây giờ mỗi người đều có phước để tích lũy. Chúng ta phải tiết kiệm phước để sau này làm được nhiều việc lớn lao, có lợi cho đạo. Từ định nghĩa về sống đơn giản, chúng ta cần xem xét hai điều: Một là nhu cầu, hai là bổn phận của mình. Chúng ta phải biết mình đang cần những gì, xem những cái đó có quá nhu cầu, quá bổn phận của mình hay không. Nếu vừa đủ hoặc thiếu thốn một chút, chúng ta còn được gọi là sống đơn giản. Nếu vượt khỏi nhu cầu đó, chúng ta trở thành người có một đời sống phức tạp. Đây là điều chúng ta phải cẩn thận. Một tu sĩ trong giai đoạn ẩn tu thường không có nhiều nhu cầu. Nhưng bước sang việc

học, nhất là học trong giai đoạn hiện nay, sẽ cần rất nhiều thứ: sách vở, bút viết, bàn ghế, đèn đuốc, cơm ăn, áo mặc. Những nhu cầu ấy được quý thầy trong Ban giám hiệu lo toan chu tất nên cũng rất đơn giản. Nhưng khi ra làm việc, mọi cái còn phức tạp hơn nhiều.

Trước kia, người tu thường đi bộ, dần dần dùng đến xe đạp, xe gắn máy. Vì khi chùa có nhiều đệ tử, công việc sẽ nhiều hơn, chúng ta không thể đi bộ hoặc đi xe đạp mãi. Khi đi giảng pháp nơi này, nơi kia, chúng ta không đủ sức khỏe để ngồi xe gắn máy, nhất là khi phải đi hàng trăm cây số. Vì vậy, nhu cầu đi xe hơi xuất hiện. Cứ thế, hàng loạt những nhu cầu trong cuộc sống theo thời gian mà tăng lên. Xét cho cùng, đó cũng là những nhu cầu chính đáng hỗ trợ cho chúng ta trong công việc. Nhưng sự phức tạp cũng theo đó mà tăng lên. Đây là chỗ khó xử đối với người tu hành. Một mặt, chúng ta muốn giữ đời sống đơn giản đạm bạc, nhưng mặt khác, cuộc sống với những nhu cầu phức tạp vẫn lôi kéo chúng ta.

Đơn giản nhất là chuyện ăn mặc. Ngày trước, người đi tu không có nhiều quần áo như bây

giờ. Nhưng cuộc sống ngày càng khá hơn, vài vóc cũng rẻ, nhiều chùa lại có đệ tử biết may vá nên vấn đề ăn mặc thoải mái hơn. Có thầy còn cẩn thận may những bộ quần áo màu vàng để khi có khách đến chùa tiếp cho đàng hoàng, lịch sự. Những lúc khác có thể mặc quần áo màu lam hay màu đà cho bình dị, gần gũi với thiên nhiên.

Có khi do phước kéo đến, chúng ta được nhiều người biếu tặng, cúng dường. Những lúc ấy nếu không cẩn thận, chúng ta sẽ thành người tích lũy tài sản. Một điều khó xử là trong luật của Tỳ kheo, người thí chủ cho vật gì chúng ta phải làm đúng ý họ. Nếu đem cho người khác, dù người ta không biết, chúng ta vẫn mang tội. Nhưng nếu giữ lại tất cả, chúng ta làm sao sử dụng hết. Bởi vậy, chúng ta nên tìm lúc thích hợp mang cho lại người khác, người thiếu thốn hơn. Thực ra, chính những lúc không có gì hết hoặc hơi thiếu thốn một chút, chúng ta dễ sống hơn. Khi phước đến, có thêm nhiều tài sản, vật dụng, chúng ta sẽ cảm thấy ray rứt, khó xử giữa đời sống đơn giản và những gì do phước đem lại. Ngay cả nhà cửa để ở cũng vậy, chúng ta rất

muốn đơn giản. Cửa có thể không sơn, để màu gỗ nguyên thủy, mộc mạc. Nhưng không sơn, lâu ngày sẽ hư hỏng. Giường ngủ, chúng ta cũng có thể không sơn, không đánh vec ni cho đơn giản, nhưng như vậy có cái gì đó giả dối. Vì chúng ta thừa biết, có thêm lớp sơn, gỗ sẽ bền hơn. Biết mà vẫn để như vậy cố làm ra vẻ sống đơn giản, chúng ta có cảm giác mình đang sống một cách giả dối. Rồi nơi ở cũng vậy, chúng ta có thể lợp cóc bằng tranh, làm bằng cây rừng cho đơn giản, mát mẻ. Nhưng tính ra lợp tranh, lợp lá lại phức tạp hơn nhiều lần lợp bằng tôn. Vì lợp tôn bền hơn, tranh lá mỗi năm lại phải thay, rất tốn công, tốn của. Khi chúng ta muốn giữ cái vẻ đơn giản nhưng như thể đó là sự giả dối. Đây cũng là điều khó xử của người tu chúng ta.

Nhìn ra ngoài đời chúng ta thấy, một nguyên thủ quốc gia buộc phải cần rất nhiều vật dụng và nhân lực hỗ trợ. Vì mỗi hành động trong cuộc sống, mỗi quyết định của họ đều có liên quan đến vận mệnh của cả quốc gia, dân tộc. Tất cả những gì tốt nhất, những phương tiện kỹ thuật hiện đại, tối tân nhất đều ưu tiên cho những

người ấy. Xe của các vị phải là loại xe chống đạn, xe bọc thép. Máy bay phải là loại chuyên cơ, đặc biệt, đảm bảo an toàn tối đa. Chưa kể đến đội ngũ những người bảo vệ bên cạnh họ, có khi lên đến hàng ngàn người. Mặc dù nhu cầu quá lớn, phương tiện phục vụ ưu tiên đến mức tối đa nhưng đó là những nhu cầu cần thiết để các vị sống và làm việc. Không ai phê bình hay trách cứ họ. Nhưng trong đời sống cá nhân, nếu không cẩn thận, vẫn có thể bị người đời phê phán.

Chúng ta tự hào vì đất nước chúng ta có những vị lãnh tụ vĩ đại. Cuộc đời những vị ấy là một tấm gương sáng về lối sống giản dị. Ở đây, không bàn về chính trị, chỉ nhìn vào đời sống chúng ta đủ thấy những vị ấy vĩ đại đến mức nào. Có thể lúc bấy giờ đất nước chúng ta còn nghèo, không đầy đủ tiện nghi nên sống đơn giản. Nhưng đó chỉ là một lý do rất nhỏ. Điều quan trọng là sống giản dị đã trở thành một nguyên tắc, một lẽ sống ăn sâu vào máu thịt của những vị ấy. Cách ăn uống đạm bạc, đi dép cao su, mặc áo bà ba, ở nhà sàn, sống chan hòa giữa thiên nhiên hoa lá. Hình ảnh vị lãnh tụ “áo

nâu túi vải” ấy đã đi vào văn học như một mẫu mực về đạo đức, về lối sống giản dị. Nhà thơ Tố Hữu từng ca ngợi:

Giường mây, chiếu cói, đơn chăn gối

Tủ nhỏ vừa treo mấy áo sờn...

... Còn đôi dép cũ mòn quai gót

Người vẫn đi về giữa thế gian

Nhiều lãnh tụ từ các quốc gia khác đến thăm

Việt Nam, ai cũng ngạc nhiên và cảm phục khi

nhìn thấy những con người nổi tiếng thế giới,

quyết định biết bao nhiêu vận mệnh, lại sống vô

cùng đơn giản như vậy. Họ nhận thấy mình

sống xa hoa sang trọng hơn nhiều. Vì vậy, trong

một lần bình chọn mười lãnh tụ sống liêm khiết

nhất thế giới, Người Việt Nam chúng ta được

các quốc gia xếp đầu bảng. Những con người

ấy có đời sống tinh thần rất thanh cao. Mỗi đêm,

Họ vẫn ngồi thiền. Một vị Tướng lãnh đạo đã

cho rằng Họ là Thiền sư, có trực giác rất mạnh.

Nhiều người kể rằng, khi Họ qua đời, trong đơn

của Họ chỉ tìm thấy râu chuối và cuốn kinh Lăng

già Tâm ấn bằng chữ Nho.

Một người vốn là sĩ quan cao cấp ở miền Bắc

từng kể rằng, từ nhỏ ông ta không hiểu gì về

chùa chiền, nhưng lúc rảnh rỗi ông thường vào chùa chơi.

Lớn lên, ông ta trở thành phi công lái máy bay chiến đấu, rồi trở thành cán bộ cao cấp, chỉ huy quân sự, chỉ huy tình báo, nhưng rất mộ đạo.

Khi vào Nam, ông đi thăm các chùa và tỏ ra rất thích không khí tu hành ở miền Nam. Nhưng ông thừa nhận, nhiều vị tu hành trong này vẫn không bằng đời sống giản dị ấy. Về giáo lý, có thể quý thầy rất cao siêu nhưng về đời sống, các thầy không giản dị bằng đời sống của những vị ấy. Người đời nể phục Họ cũng như Ngài Alexandre nể phục nhà hiền triết vậy. Vì Họ là người lãnh đạo tối cao của một nước, có quyền hưởng thụ mọi thứ theo bản phận của mình nhưng lại khước từ. Đó là người thắng được bản năng hưởng thụ vốn tiềm ẩn trong mỗi con người.

Trong đạo của chúng ta, Đức Phật là tấm gương tiêu biểu nhất về đời sống đơn giản.

Trong thời đại đó, người ta quan niệm, sống khổ hạnh là một hạnh tu cao quý. Người ta cho rằng, người chiết phục được đời sống của cơ thể này thì tâm linh của họ sẽ bừng sáng, sẽ giác ngộ.



Còn người cung phụng cho thể xác này thì tâm linh sẽ mờ tối. Đức Phật cũng tin như vậy nên đã thực hành khổ hạnh một cách rất khắc liệt. Ngài ép xác, ăn uống rất ít, nhịn thở để mong khi thể xác này kiệt quệ thì tâm linh Ngài bừng sáng. Nhưng qua sáu năm ép xác đến cùng cực, thấy mình sắp rơi vào hôn mê, tinh thần mờ tối, Ngài mới hiểu là mình đã sai và những người có quan niệm như vậy là sai. Rõ ràng, họ nói mà không thực hành, nói mà chưa có kinh nghiệm. Đức Phật hiểu ra rằng, thân xác kiệt quệ thì tâm linh cũng suy yếu. Ngài đã từ bỏ con đường khổ hạnh, và chọn con đường khác để đi đến giác ngộ, đi đến giải thoát. Đó là con đường thiền định. Vậy, trước khi chúng đạo Ngài có một đời sống cực kỳ khổ hạnh, sống ép xác. Sau khi chúng đạo, Ngài không có nhu cầu gì nữa và sống rất đơn giản. Dĩ nhiên, chúng ta không thể sống được như Đức Phật. Nhưng người tu phải lấy đời sống của Đức Phật làm thước đo cho mình. Nghĩa là chúng ta xem mình cách Phật xa như thế nào để tự điều chỉnh, đừng đi quá xa.

Sau Đức Phật là Ngài Ma Ha Ca Diếp. Vị này

phát nguyện sống rất đơn giản, khó có người so sánh được. Với Ngài, áo chỉ cần may bằng loại phần tảo, là loại giẻ rách hoặc vải để liệm người chết người ta vứt đi. Thời đó, ở Ấn Độ kỹ thuật dệt chưa phát triển nên đa số nông dân, dân thường và những ẩn sĩ tu hành đều mặc vải được nhuộm từ vỏ cây. Hầu hết vải đều có màu đà hoặc nâu nâu, đỏ đỏ. Những người giàu có hơn lấy bông dệt ra vải có màu trắng và để nguyên màu trắng đó may quần áo mặc nên gọi là bạch y cư sĩ. Chúng ta đừng nghĩ lúc ấy Đức Phật mặc áo màu vàng. Ngài cũng mặc vải màu đà như những người khác. Kỹ thuật may của người Ấn Độ lúc bấy giờ cũng thua người Trung Hoa. Họ không biết may thành từng ống để xỏ tay chân vào mà dùng tấm vải lớn quấn vòng quanh người, qua ngực vòng lên vai rồi kẹp vào nách. Mặc như vậy nên người ta đi đứng rất khó khăn.

Một điều chúng ta cần lưu ý, trong cuộc sống tu hành, nếu tu chân chính, dần dần chúng ta sẽ có phước. Khi phước tăng lên, những vật dụng hằng ngày tự nhiên sẽ đến với mình. Đây là chỗ thử thách đạo lực của chúng ta. Người có đạo

lực là người thắng được bản năng, biết khước từ hưởng thụ, giữ cho mình đời sống đơn giản. Người có đạo lực yếu, sẽ không thắng được bản năng hưởng thụ, phước đến bao nhiêu, hưởng thụ bấy nhiêu.

## **TU SĨ PHẢI SO SÁNH NHU CẦU CỦA MÌNH VỚI HOÀN CẢNH XÃ HỘI**

Trong đời sống, một tu sĩ muốn sắm sửa vật gì phải so với hoàn cảnh xã hội và với nhu cầu của mình. Nghĩa là phải xem mình cần gì và hoàn cảnh xã hội lúc bấy giờ như thế nào. Đây là điều rất quan trọng.

Ví dụ, chúng ta phát tâm về vùng sâu, vùng xa, vùng hẻo lánh để đem Phật Pháp đến cho người dân ở đó. Khi cất chùa, cất chánh điện, chúng ta nên xem cất như thế nào cho phù hợp với hoàn cảnh xã hội chung quanh. Lúc đó, được những Phật tử khá giả giúp đỡ, có thể chúng ta sẽ cất được một ngôi chùa bề thế, khang trang, nhưng xung quanh toàn nhà lá, chúng ta chỉ nên làm một ngôi chùa đơn giản như họ, chỉ lợp tranh, lợp lá. Như vậy, chúng ta

dễ hòa đồng với họ hơn. Đừng quá xa cách để khi bước vào chùa, người ta có cảm giác đó không phải là thế giới của họ. Nếu đó là nơi chưa biết Phật Pháp nhưng cuộc sống khá giả hơn, phố phường đông đúc, nhà cao cửa rộng, chúng ta có thể xây một ngôi chùa bề thế cũng không sao. Nói như vậy để thấy rằng, nhu cầu của mình, sự sắm sửa của mình phải phù hợp với hoàn cảnh xã hội chung quanh.

Về điểm này, ông Voltaire, người Pháp, đã từng phê bình những tu sĩ Thiên Chúa giáo (thực ra không chỉ riêng Thiên Chúa giáo, trong đạo Phật chúng ta cũng có vài trường hợp). Ông nói: “Vì tôn giáo mà cung điện đã được dựng lên cho giáo sĩ”. Ông không nói là nhà thờ mà gọi nơi thờ tự đó là cung điện. Chúng ta thường thấy, nhà thờ bên đạo Thiên Chúa rất lớn, rất cao, khuôn viên rộng mênh mông. Những giáo sĩ đạo Thiên Chúa sống trong những nhà thờ lớn như vậy nên ông cho rằng nhờ có danh nghĩa Thiên Chúa giáo mà những tu sĩ được ở trong cung điện, xa hoa hơn, sang trọng hơn, sung sướng hơn những người thường. Trong khi đó, đúng ra người tu hành phải sống bằng hoặc khổ hơn

những người thường. Đây là chỗ mà chúng ta cần lưu ý. Chúng ta phải so sánh sinh hoạt thời Phật và thời bây giờ về nhiều mặt để biết mình có những nhu cầu gì.

### Về việc học

Ngày nay đi học, chúng ta cần những gì? Ngoài sách vở, bút viết, bàn ghế, chúng ta còn cần phương tiện đi lại. Ở thành phố, mỗi người phải có một chiếc xe để đi học. Lúc đầu là xe đạp, nhưng đường xa, lại thêm nóng nực và bụi bặm, đi xe đạp lâu ngày cũng mất sức, nên ai cũng cố gắng sắm một chiếc xe gắn máy. Cách đây khoảng năm sáu chục năm trước, người tu thường đi bộ, trông rất hay, ai đi xe đạp đã thấy lạ, vì làm mất đi vẻ oai nghi. Sau này, theo nhu cầu, người tu bắt đầu đi xe Honda, nhìn không còn vẻ nghiêm trang như trước. Nhưng cuộc sống đã đổi thay đến chóng mặt, chúng ta cũng phải thích nghi dần dần với nhịp sống ấy. Cứ thế, rồi mọi cái cũng trở nên quen thuộc, bình thường. Bây giờ, nhiều thầy đi giảng xa phải dùng đến xe hơi, chúng ta cũng không có gì phải ngạc nhiên.

Xã hội ngày càng văn minh, con người càng

đánh mất dần nếp sống mộc mạc của mình. Chúng ta cũng bị nhu cầu lôi cuốn, dần dần mất đi đời sống đơn giản, bắt đầu một cuộc sống sang trọng hơn.

## **Về việc tu**

Thời chúng ta và thời Đức Phật có gì khác nhau? Nói về vấn đề tu thiền, chúng ta thấy thời nay và thời Đức Phật có nhiều điểm khác nhau. Ngày xưa, các vị ngồi thiền không có bồ đoàn, chỉ cần tọa cụ, là miếng vải để trải cho đỡ dơ. Các vị thường ngồi trên bệ đá hay dưới đất trắng nên phải trải tọa cụ. Bây giờ, chúng ta chế ra bồ đoàn để ngồi cho êm. Thực ra, theo kỹ thuật tọa thiền, chúng ta không nên dùng bồ đoàn. Ngày nay, chúng ta chỉ cần dùng tọa cụ khi ngồi thiền như các bậc tiền bối. Ngoài ra, khi ngồi thiền, chúng ta còn cần thêm mùng để tránh bị muỗi đốt, cần quạt máy vì thời tiết quá nóng. Thậm chí, có người ngồi thiền trong phòng máy lạnh. Ở phương Tây, nhà nào cũng có máy sưởi và máy lạnh, máy điều hòa nhiệt độ, người tu trong chùa cũng phải có đầy đủ như người thế gian. Đó cũng là điều bình thường.

## **Về việc thuyết giảng, truyền bá**

Chúng ta cần những kỹ thuật phương tiện: xe cộ để đi lại cho nhanh chóng, đúng giờ; máy móc, âm thanh ánh sáng, băng giảng, kinh sách. Để việc truyền bá giáo pháp được rộng rãi, thuận lợi, chúng ta cần ưu tiên tối đa, có thể sử dụng tất cả những gì tốt nhất. Vì đó là việc làm đem lại lợi ích cho chúng sinh.

## **Về việc ăn uống**

Thời Đức Phật, người tu đi khát thực, ai cho gì ăn nấy. Có người không biết, cho thịt cá, các Ngài cũng phải từ bi mà ăn hết. Sau này, Phật tử hiểu đạo hơn nên nhiều người lên chùa cúng dường, quý thầy dần dần chuyển sang ăn chay. Phái Bắc Tông Đại Thừa, người tu vẫn ăn chay. Đó là điều hợp với giáo lý từ bi của Đức Phật. Chỉ tiếc một điều, các sư Nguyên thủy không ăn chay. Thực ra, quan niệm như vậy là không nên, chúng ta không nên ăn mặn. Nếu có người không hiểu biết cúng thức ăn mặn, chúng ta phải khuyên họ nên cúng chay.

Chúng ta thấy rằng, với người tu hành, ăn chay vẫn tốt hơn, nhưng phải hợp lý về dinh dưỡng. Nghĩa là bữa ăn phải có đủ bốn nhóm dinh

dưỡng: thứ nhất là tinh bột (glucô), thứ hai là chất đạm (prôtit - có nhiều trong đậu nành), thứ ba là chất béo (lipit - có trong dầu, sữa, tuyệt đối không dùng mỡ), thứ tư là chất xơ (rau quả). Dùng đậu nành lâu ngày có thể làm cho chúng ta ngán nên chất đạm sẽ không cung cấp đủ cho cơ thể, chúng ta có thể uống thêm viên đạm hoặc truyền dung dịch đạm. Điều đó cũng hợp lý.

Ngoài bốn chất căn bản ấy, cơ thể còn cần những chất vi lượng như vitamin, chất khoáng. Vì vậy, chúng ta ăn uống phải hợp lý, không được ép xác, khổ hạnh. Ép xác là một sai lầm, có thể dẫn tới tình trạng suy nhược cơ thể. Từ chỗ suy nhược cơ thể, chúng ta sẽ bị suy nhược thần kinh, suy nhược tâm thần. Nguy hiểm hơn là chúng ta không còn sáng suốt nữa, sau đó có thể bị rối loạn tư cách và trở nên điên loạn. Bởi vậy, chúng ta phải ăn uống cho hợp lý, không nên để cơ thể suy nhược, thần kinh suy yếu dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng về sức khỏe. Trong bài Tham dực, chúng ta sẽ nói kỹ hơn về vấn đề ăn uống.

**VỀ MẶC**



Thời xưa, trong xã hội Ấn Độ, người ta thường quấn y vòng qua người. Xét cho cùng, đó chỉ là y phục ở Ấn Độ thời cổ, không phải là biểu tượng thiêng liêng của Đức Phật như nhiều người vẫn nghĩ. Tùy theo phong tục, tập quán, hoàn cảnh xã hội mà chúng ta ăn mặc cho hợp lý, không nhất thiết phải cố chấp giống thời Đức Phật. Chúng ta có thể mặc sao cho dễ phân biệt giữa người tu và người đời. Kiểu áo vạt nẻ của Phật giáo Việt Nam chúng ta rất hay, vừa giống áo bà ba, vừa đắp thêm miếng vải bên phải trông khác đi. Hoặc người Việt Nam hay mặc áo dài, chúng ta cũng có áo tràng tương tự như vậy, trông khá đẹp. Hiện nay, theo qui định của chùa, Sa Di đi đường thường mặc áo kiểu Nhật, kiểu Tàu trông có vẻ rườm rà. Nói chung, chúng ta phải ăn mặc tươm tất, không lôi thôi, luộm thuộm, vì cách ăn mặc cũng thể hiện lối sống văn hóa, thể hiện tư cách của con người. Người tu chúng ta có thể nghèo, có thể sống đơn giản nhưng không được phép bê bối, không được phép xấu. Dù mặc áo vá đi ra đường, miếng vá cũng phải ngay ngắn, phải đẹp, phải có thẩm mỹ. Vì mặc xấu, lôi thôi thể hiện giá trị tinh thần

kém.

Ngày nay, kỹ thuật vải vóc, may mặc tiến bộ hơn trước nhiều. Chúng ta nên mặc những loại vải tương đối tốt, có độ bền cao nhưng đừng chọn những loại vải quá đắt tiền, quá sang trọng. Theo tiêu chuẩn chung, mỗi thầy được ba bộ quần áo (Tam y nhất bát) nhưng trong hoàn cảnh xã hội bây giờ không nhất thiết phải như vậy. Các thầy có thể mặc nhiều hơn, ít nhất phải có năm bộ quần áo. Vì đề phòng mưa gió, hơn nữa vải vóc bây giờ quá nhiều, giá cả cũng phải chăng, không cần thiết phải tiết kiệm đến mức thiếu thốn nữa. Thời bây giờ, người bình thường có đến hai ba chục bộ đồ cũng là chuyện thường tình. Bởi vậy, tùy hoàn cảnh xã hội mà chúng ta điều chỉnh nhu cầu của mình cho hợp lý.

### **VỀ CHỖ Ở**

Ngày xưa, Đức Phật ở dưới gốc cây trong rừng, cũng có khi ở tinh xá, chòi tranh, trong hang núi hay bờ suối. Bây giờ, do xã hội tiến bộ, hơn nữa cơ thể con người không đủ sức chịu đựng nên chúng ta phải ở trong nhà đàng hoàng, tươm tất. Tuy nhiên, chúng ta cố gắng không trang bị

quá tiện nghi, cái gì không quá cần thiết, chúng ta đừng mang vào nhà để trông có vẻ sang trọng. Không ít người trong chúng ta bày biện trong phòng mình những món hàng sang trọng, đắt tiền. Khi có phước, người ta cho mình nhiều thứ nhưng chúng ta phải cân nhắc, cái nào quá cần cho cuộc sống tu tập, chúng ta sẽ dùng. Nếu những món đồ ấy làm cho căn phòng của chúng ta trở nên sang trọng quá, chúng ta nên thôi, đừng mang vào nhà. Đây chính là chỗ thử thách đạo lực của người tu, chúng ta phải cẩn thận. Chỗ ở đối với chúng ta chỉ cần tốt bền, rẻ, đẹp và tiện lợi.

## **CHÙA TO HAY CHÙA NHỎ**

Chùa là sở hữu quan trọng, cũng là tài sản quan trọng của người tu. Vậy, chúng ta nên cất chùa to hay nhỏ, đẹp hay không đẹp? Thực ra, những ngôi chùa to đẹp thường tiêu biểu cho văn hóa Phật giáo. Ngày xưa, chúng ta có những ngôi chùa rất to, rất đẹp do vua chúa xây dựng. Bây giờ, chúng ta phải biết ơn những ngôi chùa đó vì chính những ngôi chùa to đẹp ấy đã góp phần tạo nên văn hóa vĩnh cửu cho đạo Phật. Nhìn vào ngôi chùa, chúng ta biết vào thời đại đó,

người ta mộ đạo Phật đến mức nào. Có mộ đạo, người dân mới chung công, góp sức xây cất một ngôi chùa to lớn. Nói chung, đạo Phật rất cần có một số ngôi chùa to như vậy.

Nếu cất chùa để tu, chúng ta không cần nhiều đến hình thức, chỉ cất chùa đơn giản, có thể rộng để nhiều người đến tu. Nếu Phật tử đến tu đông quá, chúng ta có thể cất rất rộng, nhưng không cần phải sang trọng. Theo triết lý âm dương, cái chìm sâu khuất kín là âm, cái bộc lộ ra bên ngoài là dương. Nhìn vào một ngôi chùa, chúng ta cũng sẽ thấy hai mặt âm dương đó. Âm là nội dung, dương là hình thức. Nội dung của một ngôi chùa chính là sức tu hành của đại chúng trong chùa đó. Sức tu hành ấy khuất kín, chìm sâu không phải nhìn vào là thấy ngay được. Cái chúng ta có thể nhìn thấy là vẻ đẹp về kiến trúc, về đường nét, màu sắc của ngôi chùa. Trong Dịch lý có công thức thể hiện sự khôn ngoan của người xưa là: “năm âm một dương”. Nghĩa là, nếu nội dung bên trong (cái âm) có tới năm, chúng ta chỉ bộc lộ ra bên ngoài một mà thôi, như vậy, sẽ rất bền. Khi xây dựng chùa, chúng ta cần cân đối hình thức và nội

dung theo tỉ lệ 1/5. Nghĩa là sức tu tập năm phần, xây dựng một phần. Trong thực tế, có không ít chùa rất to, rất đẹp nhưng sức tu của đại chúng lại không cân xứng với chùa. Những chùa như vậy sẽ không tồn tại bền vững vì âm - dương không cân đối, hài hòa.

Đây là điểm mà chúng ta cần lưu ý. Nếu muốn cất chùa đẹp phải xem sức tu của đại chúng trong chùa có gấp năm lần cái đẹp đó hay không. Nếu chỉ chú trọng hình thức, cất ngôi chùa rất đẹp nhưng đại chúng tu không tốt thì chùa sẽ rất hoang tàn. Ngày nào đó, chùa không còn người chân tu ở thì người ngoài sẽ làm những điều sai trái. Nhiều chùa ở Trung Hoa đã xảy ra tình trạng đó. Có những ngôi chùa cổ rất to, rất đẹp sau này khi Ngài Hư Vân đến chỉ còn là nơi người ta nuôi heo, nuôi bò. Ngài phải chấn chỉnh, tu sửa lại tất cả.

Tóm lại, có ba điều chúng ta cần để ý: Nơi thờ Phật cần trang nghiêm. Nơi ở của chúng cần tiện nghi. Nơi ở của trụ trì cần đơn giản. Đó là cái đạo cho đại chúng. Nghĩa là người lớn bao giờ cũng phải lo cho người nhỏ trước. Người trụ trì phải nghĩ cho đại chúng trước. Có như vậy,

sau này đại chúng mới hiểu rằng, Thầy mình luôn hy sinh cho đệ tử. Tấm gương ấy sẽ được soi sáng và lưu truyền mãi mãi cho Phật Pháp.

## **TRƯỜNG HỢP CÓ PHƯỚC**

Trường hợp chúng ta có phước, vật dụng sẽ tự đến một cách sung mãn, dù mình không mong muốn. Lúc ấy, chúng ta phải bố thí san sẻ cho người khác. Đó là xét trên tư cách cá nhân. Nếu tự nhiên chùa mình được nhiều người cúng dường, trở nên sung mãn, dư dả, chúng ta phải giúp cho chùa khác, đại chúng khác. Nhưng lúc này, của cải có được không phải của cá nhân, mà của đại chúng, chúng ta phải cho họ biết. Vì một khi là của đại chúng, người trụ trì không được hoàn toàn sử dụng. Nếu sử dụng tùy tiện, chúng ta sẽ mang tội. Thậm chí, có trường hợp Phật tử chỉ cúng cho thầy trụ trì thôi, nhưng lúc ấy, người trụ trì phải hiểu rằng có cái đức của đại chúng trong đó. Cho nên, không được tùy tiện sử dụng riêng. Nếu muốn cúng dường qua một đại chúng khác, một chùa khác, chúng ta cũng phải báo cho chúng biết, phải hỏi ý kiến đại chúng. Chúng hoan hỷ thì chúng ta san sẻ bớt cho chùa này, chùa kia trên tinh thần “Mười

phương Tăng là một”. Chúng ta phải giữ đời sống của đại chúng vừa đủ. Nếu dư, chúng ta phải cúng dường cho Tăng Ni khác. Tích lũy quá nhiều, không những người trụ trì mang tội mà cả chùa cũng mang tội.

Có hai mức độ kém đạo đức là tham cái mình không có, và hai mức độ của đạo đức là tham giữ cái mình có. Trường hợp thứ nhất là khi thấy người khác có vật gì, chúng ta băn khoăn, suy nghĩ làm sao mình cũng có được. Đó là cái tham sai, chúng ta nên từ bỏ. Vì phước của mỗi người vốn khác nhau. Dân gian ta thường nói: “trời kêu ai người nấy dạ” hoặc “Cờ đến tay ai, người nấy phát”. Trường hợp thứ hai là khi có trong tay nhiều của cải, chúng ta tham giữ, không buông xả, không chia bớt cho người khác. Không tham cái mình không có đã khó, khước từ, buông xả cái mình có còn khó hơn nhiều. Đây là chỗ khó xử của con người mà chúng ta phải cố gắng.

## **NHỮNG SẢN PHẨM MỚI**

Sống trong thời đại văn minh, tiến bộ, hàng loạt những sản phẩm mới ra đời, chúng ta phải xem những sản phẩm mới ấy có cần thiết cho đời

sống tu hành của mình hay không.

Đối với bia và thuốc lá, chúng ta phải tuyệt đối cương quyết khước từ. Thời Đức Phật chưa có hai sản phẩm này nên Ngài không chế giới.

Nhưng bây giờ, chúng ta phải tự chế giới. Sở dĩ chúng ta cương quyết khước từ chúng vì hai lẽ: Thứ nhất, dùng bia và thuốc lá rất lãng phí. Phật tử cúng dường để cho chúng ta tu học chứ không phải để làm những điều vô bổ. Nếu đốt thuốc là đốt tiền của Phật tử, chúng ta sẽ phạm tội rất nặng. Thứ hai, bia và thuốc lá là những thứ có hại cho sức khỏe. Không những chúng chỉ tàn phá sức khỏe của chúng ta mà còn ảnh hưởng đến sức khỏe của những người xung quanh. Là người tu, chúng ta phải hiểu đó là cái ác và là sự ngu si. Cho nên, chúng ta không nên dùng. Hiện nay, trên thế giới, người ta cũng đang kịch liệt chống hút thuốc lá. Chúng ta đừng để cư sĩ than phiền về việc người tu ra đường phì phèo điếu thuốc lá vừa thiếu văn minh, vừa không còn sự nghiêm túc của một bậc tu hành. Đôi khi bia được cho là vị thuốc trợ tiêu hóa nếu sử dụng rất ít. Chúng ta hãy chờ xem xét lại. Đối với những sản phẩm điện tử như tivi, video,



radio, cassette, chúng ta không hoàn toàn phản đối hay khước từ. Vì chương trình tivi hiện nay rất phong phú. Bên cạnh ca nhạc, phim ảnh, bóng đá, tivi còn phát những chương trình về y học, về sức khỏe, về khoa học. Đó là những vấn đề rất bổ ích đối với tất cả mọi người. Chúng ta không nên mất thời gian tu hành vì những điều vô bổ, nhưng những thông tin bổ ích chúng ta cũng không nên bỏ qua. Nói chung, với ti vi, chúng ta nên sử dụng một cách dè dặt. Radio bây giờ chủ yếu dùng để nghe tin tức. Với chúng ta, nó không cần lắm. Cassette rất cần để nghe băng thâu những bài giảng kinh, những bài hát ngợi ca Đức Phật. Chúng ta không nên dùng vì những mục đích giải trí tầm thường. Vidéo cũng vậy, rất cần để chúng ta xem băng hình, băng phim về đạo, về những buổi giảng pháp của các bậc chân Sư. Chúng ta không được xem những phim chướng, phim tâm lý xã hội đang phát hành nhan nhản trên thị trường. Thực ra, trong các phim ấy cũng có nhiều đạo lý, nhiều triết lý thâm thúy. Nhưng để hiểu được triết lý đó qua phim, chúng ta phải thức đêm, vừa mất thời gian, vừa hại sức khỏe. Với người

tu hành như chúng ta, tốt nhất là đi tìm đạo lý trong kinh, trong những bài giảng, trong đời sống của những người xung quanh và trong đời sống của chính mình.

Với tủ lạnh, bếp gas: Để dự trữ thức ăn, trong chùa cũng cần có tủ lạnh và cả bếp gas. Hiện nay, người ta khuyến khích nên xài bếp gas, nên hạn chế dùng củi, dùng than. Vì người càng lúc càng đông, nhu cầu dùng củi ngày càng tăng sẽ dẫn đến nạn phá rừng. Đó là chưa kể dùng than củi nhiều sẽ làm ô nhiễm môi trường.

Đối với xe hơi, xe tải, xe máy xới: Chúng ta cũng cần những phương tiện ấy. Xe hơi tiện cho việc đi lại, nhất là đi giảng xa, vừa nhanh chóng, vừa đảm bảo an toàn. Trong công việc sản xuất, xây dựng, xe máy xới cũng rất cần thiết. Sử dụng những phương tiện ấy, chúng ta sẽ tiết kiệm được sức khỏe và thời gian. Khi không mệt mỏi, có sức khỏe, chúng ta ngồi thiền sẽ tốt hơn. Nói chung, áp dụng những phương tiện, áp dụng khoa học vào đời sống cũng là điều tốt, không có gì chúng ta phải băn khoăn.

Đối với computer: Máy vi tính rất cần cho chúng ta, mỗi người phải học sử dụng máy vi tính. Đó

là phương tiện hiện đại, hỗ trợ rất tốt cho chúng ta trong học tập và trong công việc.

Đối với điện thoại viễn thông: Đây là một phương tiện giao tiếp hiện đại, cũng cần cho chúng ta. Nhưng sử dụng điện thoại cũng có những phiền phức riêng. Người tu vốn hạn chế giao tiếp với bên ngoài. Bên cạnh cửa chùa, điện thoại cũng là một cửa để chúng ta phải tăng thêm quan hệ, giao tiếp. Tuy có những tiện lợi nhưng điện thoại thường làm mất thì giờ của chúng ta. Đôi khi đang ngồi thiền, đang tụng kinh, điện thoại reo làm chúng ta mất tập trung, mất sự thanh tịnh. Nói tóm lại, chúng ta không phản đối việc dùng điện thoại, cả điện thoại di động. Nhưng vì có nhiều điểm không hay, chúng ta nên sử dụng hạn chế.

Đối với điện, đèn: Chúng ta cũng rất cần. Đèn cần cho việc tụng kinh, học bài. Điện nói chung cần trong sinh hoạt hằng ngày. Chúng ta không thể không sử dụng điện.

Đối với tô chén, đĩa và các vật liệu mới: Chúng ta cũng cần cho cuộc sống hằng ngày. Tuy nhiên, khi sử dụng, chúng ta không nên lạm dụng, dùng một cách thừa thãi.

## **KINH TẾ TIÊU THỤ**

sản xuất sẽ mở rộng kinh doanh, sẽ thu hút nhân lực, góp phần làm cho xã hội phát triển. Ví dụ, một công ty chuyên sản xuất kinh doanh ngành may mặc, sản xuất ra nhiều loại vải, quần áo được khách hàng ưa chuộng. Theo kinh tế học, người ta quan niệm sự tiêu thụ sẽ thúc đẩy kinh tế phát triển. Điều đó hoàn toàn có cơ sở. Vì khi sản phẩm sản xuất ra, được người tiêu dùng tiêu thụ nhiều, cơ sở huộng, hàng của họ được tiêu thụ nhanh nên công ty phát triển rất nhanh. Họ mở rộng kinh doanh, thu nhận nhiều công nhân, tạo ra công ăn việc làm cho người lao động. Kinh tế xã hội cũng nhờ thế mà phát triển. Có một thời gian, nền kinh tế Pháp bị suy thoái. Chính Tổng thống Pháp đã kêu gọi dân chúng phải tiêu thụ nhiều, mua sắm nhiều để thúc đẩy kinh tế phát triển. Đó là lý luận của kinh tế học, và cũng là điều hợp lý. Người ta có những biện pháp kích cầu như giảm ngày làm, tăng ngày nghỉ trong tuần để người dân có thời gian mua sắm. Mấy năm gần đây, nhà nước ta cũng khuyến khích mua sắm bằng hình thức cho cán bộ, công nhân, viên chức nghỉ ngày thứ bảy.

Tuy nhiên, có một điều chúng ta cần lưu ý. Muốn sản xuất được nhiều, chúng ta phải khai thác tài nguyên thiên nhiên rất nhiều: Khai thác dầu mỏ, kim loại, khai thác rừng làm sớm cạn kiệt nguồn tài nguyên, đồng thời gây ô nhiễm môi trường. Hiện nay, xe hơi, xe máy xuất hiện ngày càng nhiều cùng với khói từ các nhà máy, xí nghiệp thải ra đã làm cho môi trường xung quanh chúng ta bị ô nhiễm nghiêm trọng. Trong khi đó, nạn phá rừng diễn ra khắp nơi, lá phổi tự nhiên của con người không còn nữa làm cho môi trường càng trở nên ô nhiễm. Quan niệm tiêu thụ mạnh để tăng trưởng kinh tế cũng là nguyên nhân quan trọng dẫn đến tình trạng cạn kiệt nguồn tài nguyên và gây ô nhiễm môi trường. Trên thế giới, ở một số nước tư bản còn sinh ra tình trạng khủng hoảng thừa do cung và cầu không hợp lý.

Đạo Phật ngày nay cần nhìn lại vấn đề một cách trung dung. Chúng ta phải chọn cách khác để đi, không thể cho rằng, tiêu thụ nhiều để kinh tế phát triển mà gây nên những vấn nạn cho xã hội. Chúng ta phải sống một cuộc sống đơn giản. Nếu có ai đó cho rằng, sống đơn giản

không kích thích sự phát triển kinh tế, chúng ta cũng có lý để giải thích cho cặn kẽ. Chúng ta phải vững tin mà đi trên con đường Đức Phật đã dạy, cố gắng tìm đời sống đơn giản và hợp lý.

## **MỘT VÀI TÂM GƯƠNG**

Trong cuộc sống có không ít những tấm gương về đời sống đơn giản. Trước hết, chúng ta phải kể đến ông Krishnamurti. Ông được người đời cho là một bậc Thánh nhân của thời đại, một bậc Đạo sư của thời đại, là người có được sức giác ngộ của nội tâm. Xuất thân từ Ấn Độ, ông đi khắp các nước, cuối cùng định cư ở Mỹ và chết tại đó. Ông đi giảng nhiều nơi trên thế giới, người ta theo ông rất đông, nhưng ông có một đời sống vô cùng đơn giản. Mặc dù sống trong một thế giới rất văn minh, rất tiện nghi nhưng ông vẫn giữ cho mình một lối sống đơn giản. Đây là điều rất đáng trân trọng. Sống như vậy, không có nghĩa là ông hoàn toàn khước từ và đứng ra ngoài sự tiến bộ của khoa học. Ông vẫn dõi theo sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật, những phát minh của con người. Khi đi giảng, ông cũng sử dụng những phương tiện kỹ thuật như micro, âm thanh. Ông ngồi kiết già bất động

hai tiếng đồng hồ để nói, không nhúc nhích, với thái độ rất trầm tĩnh, an lạc. Người ta rất nể phục ông. Rất tiếc, những cuốn sách của ông được dịch sang tiếng Việt còn tối nghĩa quá nên người đọc rất khó hiểu. Chỉ có những người hiểu đạo Phật, hiểu sâu sắc lý thiền mới cảm nhận được đó là một Thiền sư đặc Đạo.

Hoặc chúng ta từng được nghe chuyện về cuộc đời Thánh Milarepas của Tây Tạng. Trong thời gian tu hành, có lúc ông không một mảnh vải che thân. Người em gái phải tìm cho ông miếng vải che tạm những chỗ cần thiết. Ông sống rất đơn giản. Mùa đông tuyết lạnh, không cần áo mặc ông vẫn sống được. Đó là nhờ sức tu. Gần đây nhất là Hòa Thượng Hư Vân, người tu theo đạo Phật. Ngài cũng có một đời sống vô cùng đơn giản. Chỉ vài manh áo đơn sơ, tài sản chẳng có gì nhưng Ngài sống thật tuyệt vời, chúng ta không thể hình dung được. Chúng ta không thể sống được như những con người phi thường ấy, nhưng có thể xem đó là những tấm gương để ta cảm phục và kính ngưỡng.

## **CHỌN MỨC SỐNG HỢP LÝ**

Chúng ta phải chọn một mức sống hợp lý vì

sống dư thừa sẽ tổn phước, đắm nhiễm và không làm gương cho người sau. Còn nếu sống quá khổ hạnh, chúng ta sẽ bị hạn chế, khó làm việc đạo được. Hai lối sống ấy phải được cân đối lại, khi quyết định chọn đời sống như thế nào. Chúng ta nên nhớ rằng, sống dư dả là chúng ta đã rời xa đạo đức và lý tưởng sống đơn giản của đạo Phật. Nhưng nếu tự hạn chế, sống khắc khổ, chúng ta cũng không làm được những việc đạo cần thiết phải làm. Vì thế, tùy từng trường hợp, tùy theo hoàn cảnh và theo trí tuệ xét đoán, chúng ta chọn cho mình một đời sống trung dung hợp lý.

## **TINH TẤN**

### **TINH TẤN LÀ SỰ CỐ GẮNG THỰC HIỆN THIỆN PHÁP**

Nếu Nhẫn nhục là biết chịu đựng nghịch cảnh, đối diện với những quả báo trong quá khứ thì Tinh tấn là đối diện với tương lai, gieo những nhân tốt cho tương lai.

Tinh Tấn là nỗ lực, là sự cố gắng thực hiện thiện



pháp cho vị lai. Thiện pháp có hai loại chính: Một là tạo công đức để làm lợi ích cho chúng sinh. Hai là nhiếp tâm trong thiền định. Thực ra, nghĩa chính của Tinh tấn là nhiếp tâm trong thiền định, còn tạo công đức, làm lợi ích chúng sinh chưa hẳn gọi là Tinh tấn vì chữ Tinh trong Tinh tấn có nghĩa là tinh tế, tinh xảo, tinh vi. Có lúc chúng ta cũng cố gắng làm những việc tốt, việc thiện nhưng những việc làm ấy vẫn chưa được gọi là tinh, vẫn chỉ là thô. Việc làm thực sự tinh vi, tinh tế phải là sự nỗ lực nhiếp tâm trong thiền định. Tuy nhiên, nếu mở rộng phạm vi ý nghĩa, Tinh tấn còn là những nỗ lực trong những thiện pháp khác, cũng như trong việc làm lợi ích chúng sinh.

Ngoài ra, cố gắng học hỏi giáo pháp cũng có thể gọi là Tinh tấn, vì cố gắng học để hiểu và đi đúng con đường của đạo Phật cũng đem lại lợi ích cho chúng sinh. Ngày xưa, Đức Phật thường ca ngợi những người đa văn (nghe nhiều). Lúc bấy giờ, ở Ấn Độ nghe có nghĩa là học, nghe người khác nói gọi là văn. Người nghe nhiều có nghĩa là người học nhiều, hiểu nhiều. Bây giờ, chúng ta gọi đó là những người hiếu học. Trong

việc học, có những điều rất khó, nhiều khi chúng ta học sai nên càng học càng rối, không biết vận dụng vào việc tu như thế nào. Cũng có trường hợp, vì nghe giảng không đúng dẫn đến thực hành sai khiến cho việc tu hành của chúng ta không tăng trưởng, không đem lại lợi ích. Đây cũng là điều rất nguy hiểm. Thật ra, chân lý chỉ có một khung cửa hẹp, lách qua rất khó. Chúng ta cần phải học thật kỹ. Điều quan trọng là làm sao chúng ta biết được ai là thầy tốt, ai là người dạy đúng để theo học. Chúng ta phải luôn luôn cầu nguyện Tam Bảo cho mình gặp được minh sư thiện trí thức để được nghe những giáo pháp chân chính, từ đó tu tập được đúng đường. Thiện pháp thứ tư là công hạnh lễ Phật. Đây là công hạnh rất quan trọng. Chúng ta phải siêng năng lễ Phật để tạo phước căn bản cho mọi công hạnh khác. Đó là sự tinh tấn, sự nỗ lực mà chúng ta không được quyền buông bỏ cho đến suốt cuộc đời mình.

Tinh tấn nghĩa là sự nỗ lực, cố gắng. Nhưng đó là cái cố gắng không thể dùng lời để diễn tả được. Chỉ những lúc cố gắng vượt qua khó khăn để thực hiện công việc chúng ta mới hiểu

được.

Chẳng hạn, một lần nào đó, trong khó khăn, chúng ta cố gắng làm một việc cho bằng được. Sự cố gắng đó chỉ chúng ta mới hiểu, nếu dùng lời để diễn tả, để định nghĩa một cách cụ thể, chúng ta không làm được. Tuy nhiên, chúng ta phải hiểu rằng, sức tinh tấn hay còn gọi là ý chí, là yếu tố thuộc về tinh thần, không phải thể chất. Ví dụ: Hai người cùng làm một công việc. Cả hai đều mệt nhưng một người muốn bỏ cuộc, một người muốn làm tiếp, không chịu bỏ cuộc. Như vậy, cảm giác mệt đó thuộc về thể chất, do cơ bắp hoạt động bị những phản ứng hóa học gây nên. Người muốn làm tiếp là người sử dụng đến ý chí, có sức tinh tấn của tinh thần. Hoặc khi đẩy xe kéo, chúng ta chất đồ đạc lên xe rất nhiều vừa kéo, vừa đẩy. Có những lúc rất mệt, xe phải qua hố, qua ổ gà nhưng chúng ta vẫn cố gắng đẩy. Lúc đó, chúng ta đã gắng sức, và lực mà chúng ta gồng lên thuộc về thể chất. Nhưng cái tạo nên sức mạnh nơi bắp thịt ấy lại thuộc về tinh thần. Chính ý chí đã ra lệnh, buộc nó phải gồng lên để vượt qua. Chúng ta phải phân biệt được sự khác nhau đó.

Cố gắng là gì? Ý chí là gì? Chúng ta không thể trả lời được. Nhưng nếu đã từng cố gắng, chúng ta sẽ hiểu được ý nghĩa của nó. Cố gắng là sức mạnh của tinh thần nhưng không phải tự nhiên mà có. Chúng ta phải rèn luyện ngay từ khi còn nhỏ. Khi đã qua thời tuổi trẻ, chúng ta rất khó rèn luyện vì ý chí sẽ không khởi được nữa. Bởi vậy, khi còn trẻ, nếu có được những cảnh khổ để rèn luyện, chúng ta nên xem đó là một điểm phúc của cuộc đời. Phần lớn những người có một thời tuổi trẻ sung sướng là những người không có ý chí, nghị lực. Những người ấy chưa biết cố gắng là gì nên rất dễ dàng chùn bước trước khó khăn hay gục ngã trước hoàn cảnh.

Rèn luyện ý chí thường đi từ thô đến tế. Thô là sự cố gắng từ những công việc thuộc về lao động tay chân. Dần dần, chúng ta rèn luyện trong những lúc ngồi thiền. Đến một lúc nào đó, cảm thấy đau, nhưng chúng ta không phải dùng sức nữa, chỉ dùng ý chí một cách vô hình để chịu đựng. Đó là sự cố gắng thuộc về tinh thần, tinh tế hơn. Mọi việc tu học, làm việc công quả, chúng ta đều phải cố gắng. Tuổi còn trẻ đã khởi

được ý chí, tinh thần thì sức mạnh ấy sẽ tồn tại trong suốt cuộc đời. Khi có tuổi, nếu cần phải cố gắng, chúng ta đã có sẵn sức mạnh để vượt lên khó khăn, không bao giờ trở thành người bạc nhược.

## **Chúng ta có thể nhầm lẫn cố gắng với bướng bỉnh.**

Người bướng bỉnh là người cố gắng duy trì ý kiến sai, việc làm sai dù đã được người khác nhắc nhở. Đây cũng là mẫu người có cố gắng trong công việc nhưng sự cố gắng của họ không được gọi là tinh tấn. Chúng ta dựa vào mục đích, tính chất của sự việc để phân biệt tinh tấn và bướng bỉnh. Nếu có trí tuệ soi sáng, chúng ta chọn được con đường đúng để đi, chọn được việc tốt để làm, đó là tinh tấn. Ngược lại, thiếu sáng suốt, chọn con đường sai để đi, người khác góp ý, nhắc nhở vẫn không nghe, đó là bướng bỉnh, cố chấp.

Ví dụ, huynh đệ trong chùa cần mở một con đường để đi lại cho thuận tiện. Sau khi bàn bạc, mỗi người một việc, ai cũng hăng hái, cố gắng hết mình. Sự cố gắng đó gọi là tinh tấn. Nhưng công việc đang tiến hành bỗng có người góp ý

rằng mở con đường này sẽ gây nên những bất lợi cho chùa. Họ phân tích rõ ràng những lợi hại. Lúc ấy, mọi người không những không rút lui mà còn cố gắng, quyết tâm làm cho xong. Sự cố gắng đó không gọi là tinh tấn mà là cố chấp, ngang bướng, bởi biết việc không có lợi, không tốt đẹp mà vẫn làm, vẫn cố chấp ý kiến của mình. Như vậy, mặc dù ý chí khởi lên rất giống nhau, nhưng tính chất hoàn toàn khác nhau nên chúng ta cần phân biệt rõ để thực hiện tinh tấn, tránh thái độ cố chấp, bướng bỉnh. Nghĩa là chúng ta phải dùng trí tuệ để nhận định sự việc. Nếu việc đó sai, chúng ta phải dừng ngay, không được cố chấp. Nếu đó là việc làm đúng, chúng ta phải bảo vệ ý kiến, quan điểm của mình đến cùng và dù gặp khó khăn hay trở ngại cũng thực hiện bằng được. Đó chính là sự tinh tấn, nỗ lực.

Khi ngồi thiền, có lúc chúng ta bị hôn trầm. Nếu ngồi thiền điều thân đúng, mở mắt và biết rõ toàn thân, ít khi chúng ta bị buồn ngủ. Tuy nhiên, có nhiều nguyên nhân dẫn đến hôn trầm. Có trường hợp hôn trầm vì nghiệp, có trường hợp hôn trầm vì sai phương pháp, vì làm việc

nặng nhọc. Tùy theo từng trường hợp mà chúng ta có cách xử lý khác nhau. Nếu cảm thấy trong ngày làm việc quá nặng nhọc, hoặc trước đó thức quá khuya, chúng ta biết ngay là buồn ngủ do sinh lý tự nhiên. Lúc đó, chúng ta nên xả thiền đi ngủ. Nhưng trường hợp không làm việc gì nặng, cũng không thức khuya, chúng ta phải nhận định đây là hôn trầm do nghiệp. Như vậy, chúng ta phải tìm cách chống lại hôn trầm, sống chết cũng phải chiến đấu với nó, không được xả thiền. Bởi vì chúng ta biết hôn trầm này do ác nghiệp ngăn trở. Lúc này, chỉ có dùng sức mạnh của ý chí chúng ta mới chiến thắng được nó.

Câu chuyện Hòa thượng Kosen viết Thắng Nghĩa Đế trong Góp nhặt cát đá khiến nhiều người phải suy nghĩ. Khi mới xây chùa, ông định viết ba chữ thật đẹp để thợ khắc lên cổng chùa. Lúc đầu, ông viết ba chữ Thắng Nghĩa Đế lên giấy. Có một người đệ tử mài mực tàu cho ông viết và luôn phê bình. Hầu hết khi xem xong, người đệ tử đều lắc đầu cho rằng không đẹp. Ông nghĩ chữ khắc ngay ở cổng chùa mà có người chê là không ổn nên bỏ tờ giấy đó và viết chữ lên tờ khác. Viết xong, đệ tử của ông vẫn

cho là không đẹp. Ông lại bỏ và viết lại. Cứ thế, hai thầy trò người mài mực, người viết suốt một buổi sáng, không biết hết bao nhiêu giấy. Đến tờ thứ tám mươi rồi mà người đệ tử vẫn lác đầu, không hài lòng. Khi đệ tử có việc phải ra ngoài một lát, ông tranh thủ viết liền ba chữ Thắng, Nghĩa, Đế. Lúc quay vào, người ấy bỗng reo lên “Tuyệt vời!”. Ba chữ viết của Hòa thượng Kosen là kết quả của một quá trình kiên trì để đạt được ý nguyện đã trở thành một tuyệt phẩm để lại cho muôn đời sau. Cho đến bây giờ, ngôi chùa với ba chữ nổi tiếng ấy vẫn còn là niềm tự hào của những người theo đạo Phật ở nước Nhật. Như vậy, Hòa thượng viết được những chữ rất đẹp ấy là do đâu?

Rõ ràng, khi người đệ tử bỏ ra ngoài, Hòa thượng cảm thấy tự nhiên hơn, Ông viết chữ với một cái tâm thoải mái, không sợ hãi, không có cảm giác bị ức chế bởi sự để ý, theo dõi của người khác. Vì thế, nét chữ đẹp tự nhiên.

Nhưng chúng ta không nên căn cứ vào chi tiết cuối cùng mà ca ngợi. Thực ra, kết quả Hòa thượng đạt được là do cả buổi sáng ông không nản lòng, viết tám chục lần một cách chú tâm.



Đến khi tâm buông ra một cách thoải mái, ông mới thành tựu được. Giá trị của cố gắng là vậy. Cho nên, chúng ta phải suy xét trước sau, đừng bao giờ cho rằng kết quả cuối cùng là do nhân duyên gần đó mà phải hiểu rằng, nhân đó là sự cố gắng trong một thời gian rất dài. Tinh tấn là sự tiềm tàng, sự tích lũy, sự tôi luyện. Khi đánh giá thành quả cuối cùng, chúng ta phải cẩn thận, nếu không, sẽ phủ nhận cả một sự nỗ lực lâu dài.

## **TINH TẤN LÀM LỢI ÍCH CHÚNG SINH**

Theo định nghĩa, tinh tấn là nỗ lực thực hiện thiện pháp, làm lợi ích cho chúng sinh và nhiếp tâm trong thiền định. Vậy, tại sao muốn làm lợi ích cho chúng sinh, chúng ta cần phải tinh tấn nỗ lực?

Đã nói đến nỗ lực nghĩa là việc không đơn giản, dễ dàng. Quả thật, giúp đỡ người khác là việc rất khó khăn, chúng ta phải cố gắng rất nhiều mới thực hiện được. Những khó khăn ấy thường do nhiều nguyên nhân gây nên:

Thứ nhất, việc thiện thường đi ngược với khuynh hướng vị kỷ của con người. Trong mỗi

người chúng ta đều có bản năng chấp ngã. Từ bản năng chấp ngã, khuynh hướng vị kỷ sẽ xuất hiện và khiến chúng ta chỉ muốn làm điều có lợi cho mình; những điều có lợi cho người khác, chúng ta thường không quan tâm. Chúng ta biết rằng, phá được bản năng, khuynh hướng vị kỷ để làm lợi cho người khác là một việc rất khó khăn, không dễ dàng thực hiện được. Làm việc đó, chẳng khác nào chúng ta đang lội ngược dòng nước xiết. Một khi đã quen làm lợi cho mình, bây giờ phải làm lợi cho người khác, chúng ta phải đấu tranh, giằng xé dữ dội trong tư tưởng và tình cảm của mình.

Chẳng hạn, khi thấy người khác gặp khó khăn, thiếu thốn, chúng ta rất muốn giúp đỡ. Nhưng khi nghĩ lại, thấy rằng nếu giúp người ta, mình sẽ sống không thoải mái, sinh hoạt hằng ngày sẽ rất khó khăn, chúng ta lại chần chừ, không muốn giúp. Cứ thế, chúng ta sẽ rơi vào trạng thái tâm lý rất khó xử, cứ bần khoăn, giằng co mãi. Nếu muốn thoát khỏi sự giằng co ấy, chúng ta phải có ý chí, phải chiến đấu với bản năng vị kỷ của mình. Như vậy, nỗ lực trong lúc này không phải là gắng sức, không phải gồng người

lên như kéo chiếc xe nặng mà là sự tinh tấn, vượt lên chính mình bằng ý chí. Bao giờ cũng vậy, việc gì đem lại lợi ích cho mình, chúng ta đều làm rất dễ dàng, không cần tính toán nghĩ suy. Nhưng làm việc thiện một cách vô tư, hoàn toàn không nghĩ đến lợi ích của mình mai sau, không cầu phước là điều rất khó.

Tuy nhiên, trong cuộc sống cũng có những người làm phước một cách dễ dàng, sẵn sàng giúp đỡ người khác mà không hề cầu phước. Đó là những người đã thuần thục từ nhiều đời về tâm vị tha. Đây là điều mà người tu chúng ta phải phấn đấu. Khi người khác cần, chúng ta sẵn sàng giúp đỡ bất cứ việc gì, không bao giờ từ chối. Làm được như vậy, chúng ta sẽ cảm nhận được hạnh phúc rất lớn lao. Đây cũng là điểm mâu thuẫn trong quan niệm của một số người. Có người nghĩ rằng, tu tập là hướng vào trong, tránh duyên, tránh cảnh để tâm được yên tĩnh, còn làm việc từ thiện phải hướng ra bên ngoài sẽ không đưa đến một sự giải thoát thanh tịnh. Thực ra, chính cuộc sống vị tha hỗ trợ rất nhiều cho thiền định. Nếu hy sinh cả cuộc đời mình sống cho người khác, chúng ta sẽ cảm

nhận được mỗi việc làm thiện của chúng ta đều làm cho tâm xuất hiện trạng thái khinh an, hỷ lạc. Đây là một Chi trong Thất Giác Chi, hay còn gọi là Thất Bồ Đề Phần, bảy yếu tố đưa đến giác ngộ. Người hy sinh vị tha, làm lợi ích cho người khác sẽ xuất hiện được trạng thái khinh an của Thất Giác Chi. Chính phước đó hỗ trợ cho việc nhiếp tâm trong thiền định. Người tu chúng ta không được quay lưng sống một cuộc đời vị kỷ, chỉ lo nhiếp tâm. Sống như vậy, chúng ta không bao giờ nhiếp tâm vào định được.

Thứ hai, chúng ta không đủ phước nên không đủ điều kiện thực hiện. Chẳng hạn, nhìn thấy chúng sinh đau khổ vì nghèo đói, vì bệnh tật, chúng ta rất xót xa, muốn giúp đỡ nhưng lại không đủ khả năng. Chúng ta không có tiền, có gạo nên dầu muốn giúp cũng đành bó tay. Đó là do chúng ta không đủ phước. Hoặc có khi nhìn thấy tình trạng đạo đức của xã hội suy đồi, chúng ta muốn đem đạo đức truyền bá rộng rãi, nhưng bản thân không đủ trí tuệ hoặc không đủ biện tài, chúng ta vẫn không thực hiện được. Tuy nhiên, đã khởi được tâm thiện, chúng ta không được thoái tâm. Dù hôm nay chưa làm

được, chúng ta vẫn phải nuôi dưỡng và hy vọng một ngày nào đó sẽ thực hiện được. Vì tâm thiện có khả năng chiêu cảm, chắc chắn sẽ có người gia hộ chúng ta. Đây là việc khó, chúng ta phải có sự nỗ lực. Nếu không cố gắng, chí nguyện của chúng ta sẽ không bao giờ thành tựu.

Thứ ba, người ta không đủ phước nên không nhận được sự giúp đỡ của mình. Nói điều này chúng ta nhớ đến câu chuyện Ngài Xá Lợi Phất giúp cho Ngài Losaka Tissa được ăn bữa ăn cuối cùng no đủ. Trưởng lão Losaka Tissa là người đã chứng Alahán. Ngay từ nhỏ, Ngài đã bị mẹ bỏ rơi, phải đi xin ăn vất vưởng khắp nơi. Suốt cuộc đời, Ngài không bao giờ đủ ăn, chịu cảnh đói khổ ghê gớm. Một hôm, Ngài gặp ngài Xá Lợi Phất. Thấy hoàn cảnh thương tâm, ngài Xá Lợi Phất đã độ cho Losaka Tissa xuất gia. Lớn lên, ông ta cũng chứng Alahán, nhưng không bao giờ đủ ăn, lúc nào cũng đói. Khi cùng một đoàn Tỳ Kheo đi khát thực, những người khác luôn được chủ nhà bố thí, riêng Ngài bát vẫn trống không. Không hiểu sao, mỗi lần định san thức ăn vào bát Ngài, người ta thấy bát vẫn

đầy nên lại thôi. Cứ thế, Ngài phải liên tục nhịn đói.

Do ăn uống ít quá nên thân xác Ngài ngày càng tiêu tụy và cũng đến lúc thọ mạng chấm dứt.

Ngài Xá Lợi Phất muốn cho đệ tử của mình được một bữa ăn no đủ cuối cùng nên đã rủ người đệ tử đi cùng. Họ vào làng khát thực với hy vọng có ngài Xá Lợi Phất đi bên cạnh, người ta sẽ cúng cho. Nhưng đi mãi, đi mãi, hai thầy trò vẫn không được cúng món gì. Thấy vậy, ngài Xá Lợi Phất bèn nói: “Bây giờ hiền giả hãy trở về tịnh xá ngồi chờ, tôi sẽ đi xin mà gởi về”.

Ngài Losaka Tissa vừa đi khỏi, người ta tập nập cúng cho ngài Xá Lợi Phất rất nhiều. Ngài vội san thành một bát nữa và nhờ một vị Tỳ Kheo mang về tịnh xá cho đệ tử mình. Giữa đường, không hiểu gặp chuyện gì, vị Tỳ Kheo ấy đã quên luôn việc ngài Xá Lợi Phất nhờ. Sau khi thọ thực, tọa thiền xong, buổi chiều ngài Xá Lợi Phất trở về mới biết bát cơm chưa đến được tay ngài Losaka Tissa. Ông vẫn đang nhịn đói ngồi đó. Lúc này, mặt trời đã nghiêng bóng, Ngài không thể đi khát thực được nữa. Biết chắc trong chiều nay, ông ta sẽ nhập Niết Bàn, Ngài

vội biến mất ngay khỏi tịnh xá, hiện vào trong cung vua. Ngài đích thân xin vua những thức ăn, những loại bánh mà Phật cho phép ăn rồi hiện trở về tịnh xá. Ngài cầm bát đưa cho ông. Ông đón lấy bát, nhưng Ngài cản lại và nói: “Nếu tôi không cầm cái bát này thì bánh sẽ biến mất”. Thế là ngài Xá Lợi Phất đứng cầm bát như vậy. Ngài Losaka Tissa ngồi xuống, lặng lẽ lấy từng chiếc bánh trong bát ăn. Đó là lần duy nhất trong đời, Ngài được ăn no đủ. Và chiều đó, Ngài nhập diệt. Chúng ta thấy rõ rằng Ngài Xá Lợi Phất đã rất cố gắng giúp đỡ người, kể cả người rất thiếu phước.

Khi người ta không đủ phước, khó nhận được sự giúp đỡ của mình, chúng ta phải hết sức cố gắng, không được nản lòng, bỏ mặc họ. Vì như vậy là không cố gắng, là thiếu từ bi.

*Thứ tư, do ác nghiệp quá khứ của mình vẫn còn nên việc làm phước bị ngăn ngại. Có trường hợp, chúng ta muốn làm việc thiện nhưng những ác nghiệp của mình cứ ngăn cản nên không thực hiện được. Tuy nhiên, dù bị*

ngăn cản, chúng ta cũng không được thoái tâm, phải hết sức cố gắng thực hiện cho bằng được.

Chúng ta đều đã nghe câu chuyện ngài Huyền Trang hay ngài Pháp Hiền đi thỉnh kinh. Ngài Huyền Trang vượt sa mạc, sang Ấn Độ để thỉnh kinh Phật. Trên suốt hành trình sang Ấn Độ, Ngài đã chịu đựng biết bao gian khổ. Nhiều người đã chết, chính bản thân Ngài cũng từng sắp chết. Khi đến sa mạc, không còn nước uống, không còn thức ăn, Ngài kiệt sức và lịm vào hôn mê. Nhưng do phước lớn, trong cơn hôn mê, Ngài thấy hình ảnh Bồ tát Quan Âm hiện ra vẫy nước cam lồ xuống thân mình. Thế là Ngài cảm thấy khỏe khoắn trở lại. Như vậy, những khó khăn mà chúng ta gặp phải trong quá trình làm việc thiện có thể do ác nghiệp của quá khứ gây nên. Chúng ta phải cố gắng tạo phước để có thể vượt qua được những khó khăn ấy.

Việc làm phước có thể ví với việc đi gieo lúa. Phải có nắm lúa, chúng ta mới gieo được những cây lúa ban đầu. Cứ thế, dần dần chúng ta sẽ nhân lên rộng khắp. Chúng ta phải có phước mới làm phước được. Bởi vậy, bước đầu



làm phước sẽ rất khó khăn, chúng ta phải kiên trì, đừng bao giờ thoái tâm.

Trong *Thất chân Nhân Quả* có nhiều câu chuyện kể về những vị tu Tiên. Có lần, một vị Tiên là đệ tử của ông Vương Trùng Dương tình cờ gặp một tu sĩ khác. Để tranh hơn thua về sự tu hành, người kia thách ông ta ngồi thiền. Ông cũng đồng ý. Thách ngồi qua một đêm, Ngài cũng ngồi qua một đêm, nhưng người kia ngồi một chút lại phải đứng dậy làm việc riêng. Cuối cùng, Ngài đã thắng. Nhưng khi nói với bạn bè, Ngài cũng cho là nhờ hư không gia hộ chứ không phải tự sức mình.

Thông thường, người ta cho những câu chuyện trong *Thất chân Nhân Quả* là những chuyện bịa. Nhưng chúng ta vẫn tìm thấy tính hợp lý của nó, nhất là ở những chuyện về đạo đức, về nhân quả. Trong câu chuyện này, chúng ta gặp một quan điểm rất đúng đắn, khi làm một việc thành công, người ta vẫn không nghĩ là do sức mình, mà luôn nghĩ là nhờ sự gia hộ của ơn trên.

Hoặc trong đó có một câu chuyện nổi bật là ông Khưu Trường Xuân đến học với ngài Vương Trùng Dương. Do nghiệp nặng, ông bị

ông Vương Trùng Dương quở mắng, hành hạ đủ điều. Sau này, khi ngộ đạo, ông hiểu được sự thiếu phước của mình nên quyết tâm làm công quả. Ông không có tiền nhưng lại có sức khỏe. Lúc bấy giờ, tại nơi ông ở có một dòng sông rộng nhưng không có chiếc cầu nào bắc ngang. Nước sông cũng cạn nên mọi người có thể lội qua được. Nhưng mỗi khi muốn qua sông, mọi người phải cởi quần áo cho khỏi ướt, lên đến bờ lại tìm chỗ mặc vào, rất vất vả. Ông đã đến đó, tình nguyện cống người ta qua sông. Một thời gian dài chịu đựng khó nhọc như vậy, phước của ông dần dần tăng trưởng. Sau này, ông được làm thầy, còn là thầy của vua nữa. Theo nhân quả, điều đó hoàn toàn hợp lý. Khi người ta cố gắng làm phước trong điều kiện rất khó khăn, phước của họ sẽ rất lớn.

Chúng ta từng nghe chuyện về những quan tòa Ý đấu tranh chống Mafia để bảo vệ công lý. Trước đây, ở nước Ý có một tổ chức tội phạm, người ta hay gọi là Mafia. Tổ chức này hoạt động theo ba nguyên tắc:

- Kinh doanh bất hợp pháp, buôn lậu, buôn ma túy, mở sòng bạc, chứa gái.

- Sẵn sàng dùng bạo lực để giết người.

- Cấu kết với những viên chức Nhà nước bị thoái hóa.

Do đó, chống lại tổ chức này là điều rất khó. Khi có động, những người trong bộ máy nhà nước đã bị thoái hóa sẽ báo cho họ biết để trốn thoát hoặc tìm cách đối phó. Chúng bắn cả cảnh sát, cả những quan tòa, không chừa một ai khi biết người đó theo dõi, truy nã chúng. Trước sự lên án của thế giới, chính phủ Ý phải tìm đủ mọi cách để chống lại tổ chức này. Nhiều quan tòa đã bị chúng giết hại. Ông Falcon là một trong những người nhiệt tình điều tra, truy bắt bọn tội phạm ấy để bảo vệ công lý. Bọn chúng theo dõi, biết đường đi lối về của ông và đã đặt một trái bom nửa tấn bên lề đường khi ông từ phi trường về. Cuối cùng, cả xe và người đều bị bom nổ tan nát. Nhưng những người kế tục vẫn không sờn chí, vẫn tiếp tục truy lùng bọn Mafia, không chịu bó tay để chúng gây thêm tội ác. Đó là sự cố gắng, là những nỗ lực để thực hiện thiện pháp trong hoàn cảnh khó khăn, nguy hiểm.

Những người sống trong cảnh thuận tiện, sung sướng thường không có ý chí, không có sự tinh tấn, sẽ rất khó tu. Vì nỗ lực là một công hạnh quan trọng để nhiếp tâm, nếu không cố gắng, không có ý chí, chúng ta sẽ không nhiếp tâm vào định được. Sự cố gắng ấy phải được rèn luyện bằng những công việc thô trước. Đó là làm phước giúp đỡ mọi người. Dần dần, từ những việc làm tạo phước ấy, chúng ta sẽ nhiếp tâm vào định, gọi là tinh tấn trong tu tập thiền định.

## TINH TẤN TU TẬP THIỀN ĐỊNH

Đây là vấn đề chính, là Chánh đạo thứ sáu trong Bát Chánh Đạo. Trước khi tu tập Chánh Niệm, Chánh Định, chúng ta phải có Chánh Tinh Tấn. Phải chuẩn bị tư tưởng về Chánh Tinh Tấn, chúng ta mới có thể đi vào thiền định. Vì nếu không tinh tấn, chúng ta không thể nhiếp tâm được.

Trước hết, chúng ta phải có một pháp môn để dụng công. Đó có thể là *niệm Phật*, *hơi thở*, *trì chú*, *thoại đầu*, *tri vọng*, hoặc *bát nhã*, Pháp môn nào cũng tốt cho người tu hành. Trước kia, mỗi vị Tông Sư thường hay ca ngợi Pháp môn mà mình đã thành công. Tư tưởng độc tôn đó

đã gây ra sự chia rẽ trong đạo Phật. Thực ra, các Pháp môn đều bình đẳng, không pháp môn nào hơn pháp môn nào. Pháp môn chỉ là cành nhánh, còn bộ rễ là đạo đức, thân là phước. Rèn luyện được đạo đức, tích lũy được phước, chúng ta sẽ chọn một pháp môn để tu hành, tùy vào căn duyên của mỗi người chúng ta, không hẳn pháp môn này hay hơn pháp môn khác. Tất cả chỉ là phương tiện để mình tu tập. Khi đã chọn, chúng ta đừng để mất sự dụng công trong pháp môn đó, phải tinh tấn từng giờ, từng phút. Đó mới thật sự là Chánh Tinh Tấn. Ví dụ, khi *niệm Phật*, chúng ta không bao giờ để mất, luôn luôn giữ câu niệm Phật, trừ những lúc đi vào nhà vệ sinh. *Tri chú* cũng vậy. Còn *hơi thở*, *tri vọng*, hoặc *quán bát nhã*, chúng ta có thể tu bất cứ ở đâu, không bao giờ để mất công phu đó. Như vậy gọi là Chánh Tinh Tấn.

Trước khi đi vào pháp môn, chúng ta phải tập được hơi thở bụng, phải tập cho thuần thục để củng cố âm lực. Trong bài *Hơi thở, xả thiền*, chúng ta đã nói về vấn đề này. Tập hơi thở bụng không phải là việc dễ dàng vì nó có những chỗ rất sâu xa, chúng ta phải thực hành nhiều mới tích lũy được kinh nghiệm. Việc quan trọng thứ hai là thanh lọc tâm giữa thiện và ác, giữa

những tư tưởng đúng và những tư tưởng sai. Tâm phải được gạn sạch, chỉ để lại những gì thuần thiện. Chúng ta rất khó khăn trong việc nhiếp tâm vì nhiều nguyên nhân. Trước hết, vì *tâm là cái trừu tượng vô hình khó nắm bắt*. Chúng ta có thể chịu đựng những vất vả, khó nhọc trong công việc tay chân suốt cả ngày, nhưng không thể nhiếp tâm suốt cả ngày được. Dù đã biết tu thiền nhưng tâm vẫn lảng xãng. Người có lý tưởng sâu xa, có quyết tâm rất lớn mới dụng công, mới nhiếp được tâm vào trong thanh tịnh. Bước đầu dụng công sẽ gặp khó khăn, chúng ta phải hết sức cố gắng.

Cái khó thứ hai là *tâm từ lâu vốn có thói quen thích suy nghĩ mông lung, rất khó điều phục*. Ông Krishnamurti, người Ấn Độ, được coi là bậc Đạo Sư của thời đại. Ông có một sức ngộ rất cao, đã đi giảng nhiều nơi và làm lợi ích cho rất nhiều người. Không ít người đã ca ngợi ông là hiện thân của Bồ tát Di Lặc. Ông đã nói một câu rất chí lý: “Trên thế gian này, người thông minh cũng như người ngu dốt đều mắc chung một bệnh là hay suy nghĩ”. Quả thật, nếu để ý, chúng ta sẽ thấy tâm mình rất hay suy nghĩ. Hết suy nghĩ chuyện này, chúng ta lại nghĩ sang chuyện khác. Không ai có thể ngừng được

những suy nghĩ tự nhiên của mình. Đây là điểm rất giống nhau ở tất cả mọi người. Vì cấu tạo của não bộ trong mỗi con người đều giống nhau. Chúng ta có thể hình dung các tế bào não có cấu tạo rất lạ, từ nhân tế bào có những sợi râu tua tủa, đầu mỗi sợi râu ấy lại có một bộ phận gọi là sinapse có nhiệm vụ nối với những tế bào não khác. Khi xung động phát sinh từ tế bào não này, sẽ lập tức được truyền qua đầu sinapse. Đầu sinapse bị kích ứng sẽ làm lan truyền sóng đi đến các tế bào não khác. Cứ thế, xung động sẽ lan ra vô tận. Vì vậy, tâm mình chỉ cần động nhẹ một chút, ý tưởng sẽ tiếp tục trôi mãi, trôi mãi, không dừng lại được. Cũng vậy, niệm ban đầu đã xuất hiện sẽ lan mãi suốt cuộc đời mình.

Trong một sát na, không phải chúng ta chỉ có một tư tưởng để suy nghĩ, mà có đến hàng ngàn tư tưởng cùng xuất hiện một lúc. Vì trong não chúng ta có khoảng mười tỉ nơron thần kinh. Các tế bào não cứ hoạt động liên tục. Có thể hoạt động của các tế bào ấy không đều nhau nhưng rất phức tạp. Có khi chúng ta thấy trong tâm mình chỉ có một hoặc hai dòng tư tưởng đang diễn tiến nhưng thực chất, bên trong lại hoạt động rất phức tạp. Do cơ cấu vật

lý, do cơ thể vật chất sinh lý như vậy nên tâm chúng ta rất khó nhiếp tâm trở lại cho yên tĩnh.

Một nguyên nhân khác gây nên khó khăn cho việc nhiếp tâm là chúng ta *bị ràng buộc bởi những bồn phận, chính những bồn phận ấy buộc tâm phải suy tư*. Trong cuộc sống, con người không thể tách khỏi những mối quan hệ, cũng không thể rũ bỏ trách nhiệm đối với những người xung quanh và với chính bản thân mình. Người trong thế gian có bồn phận phải lo cho gia đình, phải làm lụng vất vả, tìm ra miếng cơm manh áo để nuôi sống cha mẹ, vợ con. Họ luôn phải suy nghĩ, lo toan. Người xuất gia tuy không có những nỗi lo lắng, những bức bách như người thế gian vì sống hoàn toàn nhờ vào sự giúp đỡ của Phật tử, nhưng vẫn có những nỗi lo khác. Chúng ta phải lo học tập, rèn luyện đạo đức, phải lo những công việc hằng ngày ở chùa. Đó là trách nhiệm, bồn phận của người tu. Vì bị ràng buộc, lo lắng bởi những trách nhiệm ấy mà tâm chúng ta không thể nào yên được.

Tuy nhiên, nếu có tác ý vị tha thì những sự bận tâm ấy sẽ tạo thành phước, làm cho chúng ta về sau nhiếp tâm được. Còn nếu đó là những suy nghĩ vị kỷ thì sau này, sức định của chúng



ta sẽ bị phá, không nhiếp tâm được. Nghĩa là sự bận tâm của chúng ta phải là bận tâm vì đại chúng, vì sự tu hành của đại chúng, vì lợi ích của mọi người, không vì cá nhân mình. Ở đây, mặc dù có một lý do để tự an ủi, tự biện minh là bồn phận làm cho mình bận tâm, nhưng chúng ta cố gắng chọn những bồn phận vì mọi người. Như vậy, tuy có bận tâm nhưng sự bận tâm ấy cũng là một cái nhân lành để sau này chúng ta có thể đạt được sự giác ngộ.

Một điều khó nữa là *những cám dỗ làm cho tâm bị xao lãng*. Đây là điều rất đáng lo ngại. Có nhiều loại cám dỗ, từ *tế* đến *thô*, từ yếu đến mạnh. Chẳng hạn, âm nhạc cũng là cái cám dỗ chúng ta. Chùa ở gần khu dân cư, khi người ta mở nhạc, âm thanh cứ vọng vào réo rắt, thiết tha làm cho chúng ta phải chú ý lắng nghe. Lúc ấy, tâm đã hướng ra bên ngoài khiến chúng ta xao lãng. Khi xem ti vi, video tâm chúng ta bị hướng ra ngoài, vì những thứ ấy có sức hấp dẫn ghê gớm. Nhất là những phim truyện truyền hình dài tập thường hấp dẫn, khiến chúng ta phải theo dõi rất phí thời gian. Đó là những cám dỗ làm cho tâm chúng ta hướng ra bên ngoài rất mạnh. Bị cám dỗ như vậy, chúng ta sẽ mang tội. Vì chúng ta đã ăn cơm đàn na tín thí mà không

biết dành từng giờ từng phút nhiếp tâm, lại để tâm chạy ra bên ngoài. Nếu chưa có sẵn video, chúng ta chỉ nên xem phim tư liệu về Phật giáo để được trực tiếp nhìn thấy những hình ảnh đẹp, được xúc động và quyết tâm tu tập.

Hoặc nhiều khi nói chuyện với Phật tử, chúng ta tỏ ra thích thú, chạy theo lời khen của họ, nghĩa là chúng ta cũng đã chạy theo cám dỗ làm cho tâm mình bất an, xao động.

Trong tất cả những cám dỗ ấy, đối với người tu hành, đáng sợ nhất là sắc dục, ái dục. Đây là cám dỗ mà chúng ta phải chiến đấu suốt cuộc đời mình để chiến thắng, nếu muốn làm một người tu hành vững chắc. Ái dục là vấn đề khó nói vì có liên quan đến vấn đề giới tính, liên quan đến tình dục. Điều này trong giới của người tu có đề cập nhưng mang tính chất tổng quát. Chúng ta sẽ có một bài dành riêng cho vấn đề này, một vấn đề tế nhị. Trong đó, chúng ta sẽ phân tích kỹ để tìm ra phương pháp vượt qua những cám dỗ thuộc về bản năng ấy. Đó là cám dỗ làm chúng ta bận tâm nhiều nhất, ghê gớm nhất.

Còn một điều khó nữa là *những ác nghiệp quá khứ làm cho tâm bị xao động bất an*. Ác

ngiệp quá khứ là một điều rất đáng sợ. Khi ngồi thiền, chúng ta có thể bị vọng tưởng khởi lên. Có những khi đang điều thân, đang biết rõ toàn thân, chúng ta bỗng quên đi vì mãi nghĩ suy điều gì đó. Hoặc có khi đang niệm Phật, chúng ta lại quên câu niệm Phật mà mãi mê lo nghĩ đến những chuyện xung quanh. Về hình thức, chúng ta cũng niệm Phật, nhưng những vọng tưởng cứ xen vào làm mình phân tán sự chú ý, không tập trung vào câu niệm Phật. Có khi vọng tưởng quá mạnh đã lôi kéo chúng ta đến những vấn đề rất xa. Khi rơi vào trường hợp ấy, có người kết luận là do pháp môn mình đang dụng công không hay, không hiệu quả và vội chọn cho mình một pháp môn khác với hy vọng sẽ nhiếp tâm được.

Đây là một quan niệm sai lầm mà nhiều người đã mắc phải. Trên thực tế, có người *niệm Phật* một thời gian không nhiếp tâm, chuyển qua *hơi thở* lại nhiếp tâm được. Họ kết luận rằng, trong tu thiền chỉ có *hơi thở* là hay còn *niệm Phật* không hay. Hoặc có người *quán Bát Nhã* một thời gian không nhiếp tâm, qua *niệm Phật* lại nhiếp tâm được và cho rằng, *niệm Phật* hay hơn *quán Bát Nhã*.v.v... Thực ra, như chúng ta đã biết, tất cả pháp môn chỉ là cành nhánh.

*Phước* mới chính là cái gốc làm cho chúng ta nhiếp tâm được, giữ được chánh niệm, không bị vọng tưởng lôi kéo. Hay nói cách khác, nhiếp tâm được không phải do pháp môn hay do tài năng mà là do công đức chúng ta đã tích lũy.

Vì vậy, khi ngồi thiền nếu cảm thấy nhiếp tâm một cách khó khăn, người tu tập phải biết rằng nghiệp của mình vẫn còn, phước của mình chưa đủ. Lúc đó, chúng ta phải lo tạo phước, lễ Phật. Đó mới chính là những yếu tố làm cho chúng ta nhiếp tâm được tốt hơn. Khi chưa đủ phước, càng cố gắng để tinh tấn, chúng ta càng không thu được kết quả, nhất là càng dần ép càng mắc phải sai lầm. Vì tinh tấn trong thiền định là sự tinh tấn rất kỹ lưỡng, nghiêm mật nhưng lại nhẹ nhàng như mây gió, mềm mại như hư vô. Có được điều đó là do dụng công đúng cách trong thiền định. Nhiều người không nắm được cách nhiếp tâm, khi ngồi thiền cứ gồng người lại, gồng đầu mình lại, vì nghĩ rằng như vậy sẽ buộc được vọng tưởng. Điều này rất nguy hiểm. Vì gồng như vậy sẽ làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến bộ não. Đây là chỗ chúng ta phải hết sức cẩn thận. Chúng ta phải thấy sự khác nhau giữa việc cố gắng làm từ thiện và tinh tấn của ngồi thiền. Gọi là tinh tấn vì nó quá tinh

vi, quá nhẹ nhàng nhưng đòi hỏi chúng ta phải hết sức cố gắng. Bởi vậy, khi ác nghiệp quá khứ làm tâm bị bất an, bị thất niệm, chúng ta phải tạo phước chứ không được cố gắng.

Chính vì gặp nhiều khó khăn như vậy nên chúng ta phải có quyết tâm cao và phải có ý chí bền bỉ để theo đuổi lâu dài việc tu tập thiền định. Mỗi người phải nguyện với lòng mình quyết tâm tu tập thiền định, nhiếp tâm cho bằng được. Vì nếu không có quyết tâm cao, tâm sẽ dễ bị thất niệm, tu một thời gian tâm không nhiếp được, chúng ta sẽ đâm ra chán nản. Như vậy, chúng ta đã uổng phí một đời tu hành vì đã xuất gia mà không hưởng được đạo vị của Phật Pháp. Trước mắt, chúng ta vừa học vừa tu, đến một lúc nào đó, chúng ta chỉ dành tất cả cho việc tu. Đó chính là lý tưởng, là hướng đi của người tu hành. Khi đã có kinh nghiệm trong việc tu tập, chúng ta sẽ giúp đỡ người khác được nhiều hơn.

Điều đáng lo ngại là khi tâm dễ nhiếp, an ổn, nhẹ nhàng, chúng ta lại bị sự thanh thản làm mất ý chí. Khi tâm đắc định, thường có hai trường hợp xảy ra. Người có phước lớn, sẽ say mê an trụ định. Những người này sẽ không mất

ý chí, không mất tinh tấn. Trong khi đó, người có ít phước, khi tâm đã nhiếp được tự nhiên lại thích sống nhàn hạ, ung dung. Đó cũng là một trở ngại trong việc tu tập. Rơi vào trình trạng này, con người sẽ dần dần mất hết ý chí. Chỉ có sự siêng năng lễ Phật mới giúp chúng ta thoát được tình trạng này.

Một hiện tượng nữa chúng ta cũng thường gặp trong quá trình tu thiền là khi dụng công theo một pháp môn nào đó, chúng ta sẽ có được *định*, được *hỷ lạc*, *khinh an* và khi có những cảm giác, những trạng thái đó, người tu dễ xuất hiện tư tưởng chiêm ngưỡng, thưởng thức, hưởng thụ và tâm bắt đầu xao lãng. Nếu là niệm Phật, chúng ta sẽ buông lời câu niệm Phật. Chúng ta biết rằng, trạng thái *hỷ lạc*, *khinh an* chính là quả mà nhân của nó là pháp môn mình đã chọn. Nếu chúng ta cứ ngồi ung dung hái quả, tất có ngày quả không còn nữa, hay nói cách khác, chỉ một thời gian, chúng ta sẽ hết phước. Lúc ấy, tâm tất loạn, chúng ta sẽ mất đi cái định mà mình phải tu tập vất vả bao nhiêu mới có được.

Bởi vậy, suốt cuộc đời tu hành, chúng ta phải ghi nhớ, trong trường hợp dụng công, nếu xuất hiện những trạng thái *khinh an*, *hỷ lạc* ấy, chúng ta không được để ý đến, vẫn tiếp tục nắm chắc pháp môn mà dụng công. Như vậy là chúng ta đang tinh tấn. Nghĩa là khi chưa định, chúng ta cố gắng hết sức giữ tâm để được định. Khi bắt đầu có định, bắt đầu xuất hiện trạng thái rỗng rang, khinh an, chúng ta càng phải nắm chắc pháp môn của mình, không được buông lơi. Vì lúc đó chỉ cần lơi lỏng một chút, chúng ta sẽ đi lạc ra ngoài, dần dần hết phước và loạn trở lại. Đó cũng là lý do tại sao nhiều người tu cứ than phiền mình tu được định rồi lại loạn.

### **Một số điều cần biết khi nhập thất**

Đạo Phật chúng ta có hình thức tu tập gọi là Nhập Thất. Có nghĩa là người tu hành vào sống đơn giản trong một ngôi nhà nhỏ và tránh duyên, không tiếp xúc với bất cứ ai. Hằng ngày, đến giờ, chỉ có một người hộ thất, mang cơm nước vào. Ngay cả khi họ mang cơm nước vào, người tu cũng không được nói chuyện, chỉ ra dấu. Cần thiết lắm, người ấy mới ghi vài chữ vào giấy nhờ họ giúp cho. Trong cuộc sống, nhiều người cảm thấy mình có nhiều chuyện phải bận tâm nên mơ ước được vào thất tránh

duyên, để chuyên chú giữ cho tâm thanh tịnh. Dù khi ngồi thiền, khi lễ Phật, khi kinh hành, hay cả lúc nghỉ ngơi, lúc nào người tu cũng kiểm soát tâm mình, nắm chắc pháp môn mình đang dụng công, không cho vọng tưởng kéo ra ngoài. Nhập thất chuyên chú như vậy là một hình thức tinh tấn rất cao, rất triệt để trong đạo Phật mà người tu nào cũng phải trải qua, gần như là bắt buộc phải trải qua. Đây không phải là vấn đề đơn giản. Có thể không biết qua bao nhiêu năm tháng chúng ta mới được lắng mình vào trong sự thanh vắng, cô độc để thực hiện con đường tâm linh của mình. Nhưng là một người tu hành, bất cứ ai cũng phải nuôi ước nguyện một ngày nào đó sẽ được nhập thất. Đó cũng là lý tưởng, là mục đích của chúng ta.

Hiện nay, nhiều người nhập thất đã có kết quả rất tốt, rải rác đây đó trong đạo Phật. Có những vị chưa nổi danh lắm nhưng thật sự đã có những kết quả tốt trong việc nhập thất. Cũng có không ít vị tu đạt kết quả nhờ quá trình nhập thất. Cho nên, người tu hành phải luôn có ước mơ là sẽ được nhập thất, được dụng công để khai mở tâm linh. Chúng ta phải xác định rằng, đi học chỉ là con đường của ý thức, tạm thời để biết được hướng đi, đừng bao giờ xem đó là cứu cánh. Việc khai mở tâm linh mới thực sự là



cứu cánh của chúng ta. Trong việc khai mở tâm linh, sự tinh tấn nhiếp tâm từng giờ, từng phút, không bao giờ để mất pháp môn mình tu là điều bắt buộc phải thực hành. Đó mới thật sự là tinh tấn, đại tinh tấn. Sự tinh tấn này vô cùng quan trọng đối với người tu hành.

### **Khi nhập thất, chúng ta phải lưu ý:**

- Thứ nhất, chúng ta phải chuẩn bị tâm vị tha để tránh bị tâm vị kỷ phát triển. Vì ở trong thất, chúng ta không còn phải lo cho ai nữa, chỉ còn lo cho việc tu của mình nên trong tiềm tàng, tâm vị kỷ cứ lớn dần lên, lớn dần lên. Bởi vậy, trước khi vào nhập thất, chúng ta phải sống một đời sống hết sức vị tha, lo lắng cho người khác đến quên mình. Trong thực tế, nhiều người thích nhập thất trong khi phước chưa đủ nên thường không đem lại hiệu quả. Chúng ta phải lễ Phật, phải tạo phước giúp mọi người trước khi vào nhập thất mới mong việc tu hành ấy đạt kết quả như mong muốn.

- Thứ hai, chúng ta phải cẩn thận với tâm kiêu mạn. Vì ở trong thất, không còn phải nhường nhịn ai, không còn phải tôn trọng ai nên chúng ta sẽ cảm thấy mình trở nên quan trọng, mình hay hơn người khác. Chính điều đó làm cho tâm kiêu mạn phát triển.

- Thứ ba, chúng phải nhận định công đức của

mình đã đủ chưa. Khi nhận định về duyên, về phước, cảm thấy mọi điều mong muốn trong cuộc sống của mình đã thuận tiện, chúng ta hãy quyết định nhập thất. Nếu chưa đủ công đức, chưa đủ phước duyên, chúng ta không nên nhập thất. Vì không tích lũy đủ những yếu tố ấy, khi nhập thất, chúng ta sẽ bị tổn phước, lâu ngày phước sẽ không còn nữa.

Ngoài ra, người tu phải nắm được một số quy luật cần tuân thủ khi nhập thất. Đó là những vấn đề về thời khóa, về dụng công, về những khó khăn cần phải hỏi thầy. Tất cả phải chuẩn bị vững vàng trước khi nhập thất.

## **NHỮNG CẢNH SỐNG CẦN THIẾT ĐỂ TẠO NÊN Ý CHÍ**

Học bài Tinh Tấn, chúng ta chủ yếu nhận định về giá trị tinh thần của sự tinh tấn. Đó là sự cố gắng không thuộc về thể chất nhưng buộc thể chất phải làm theo. Tinh tấn có hai loại thiện pháp: Nỗ lực thực hành công đức, làm lợi ích cho mọi người và nỗ lực nhiếp tâm trong thiền định.

Chúng ta cũng biết rằng, những cảnh khổ, cảnh khó là sự cần thiết để tạo nên ý chí. Do vậy, người tu phải biết dẫn thân vào những nơi khó khăn, những nghịch cảnh. Đừng bao giờ sợ hãi hay chùn bước trước khó khăn. Nếu rơi vào

những nghịch cảnh éo le, chúng ta hãy coi đó là những thử thách của cuộc đời đối với ý chí và nghị lực của chúng ta. Hiểu như vậy, chúng ta sẽ kiên trì, nhẫn nại, sẽ tinh tấn để vượt qua bằng ý chí và nghị lực của mình. Một nhà văn, qua số phận của nhân vật mình, đã từng gieo vào lòng người đọc niềm tin mãnh liệt khi cho rằng: “Cuộc sống không có bước đường cùng mà chỉ có những ranh giới. Điều cốt yếu là con người phải có đủ ý chí và nghị lực để bước qua những ranh giới ấy”. Quả thật, mỗi lần vượt lên được hoàn cảnh khó khăn là mỗi lần chúng ta có thêm sức mạnh tinh thần và cảm thấy tự tin hơn vào bản thân mình.

Chúng ta nhận định lại chuyện Marpa thử thách Milarepas để thấy sức mạnh của ý chí được tôi luyện trong khó khăn như thế nào. Trước khi theo Phật giáo, ông Milarepas là một người tu theo bùa. Ông có phép thần thông, có thể sai khiến được mưa đá rơi xuống giết người, phá hại mùa màng, hoa màu của người khác. Do đó, khi gặp ông Marpa, ông bị ông ta đày đọa đủ điều để trả nghiệp. Không những bị đánh, bị chửi, ông còn bị bắt làm những công việc nặng nhọc. Có khi khiêng đá cất ngôi nhà này được nửa chừng, ông bị bắt tháo dỡ khiêng qua chỗ khác. Bị đày đọa như vậy trong một thời gian

dài, sau đó ông được truyền trao giáo pháp và vào núi tu. Ông tu trên đỉnh núi tuyết cũng rất kham khổ, suốt ngày chỉ ăn rau nên người xanh xao, vàng vọt. Ông hoàn toàn không có quần áo để mặc, không có một mảnh vải che thân. Sau này, khi gặp lại người em, ông được người ấy xin cho một ít vải có thể che những chỗ cần thiết. Quá trình tu của ông rất vất vả do ác nghiệp nhưng tâm linh ông lại rất mạnh. Khi đắc đạo, phước của ông rất lớn. Như vậy, sự hành hạ, đọa đày của người thầy vừa là cơ sở để ông trả nghiệp, vừa là điều kiện để ông rèn luyện ý chí.

Tuy nhiên, chúng ta không nên bắt chước ông Marpa một cách triệt để trong việc thử thách đệ tử của mình. Nếu nghĩ rằng đệ tử mình nặng nghiệp và thiếu ý chí, chúng ta buộc họ phải làm những việc công đức. Vì buộc họ làm những việc công đức sẽ đem lại hai điều lợi: Một, làm việc trong khó khăn, người ấy sẽ rèn luyện được ý chí. Hai, làm việc công đức đem lại lợi ích cho mọi người, họ sẽ tăng phước, sau này tu dễ dàng hơn. Không chỉ buộc đệ tử mà bản thân chúng ta cũng phải làm công đức, siêng năng làm việc từ thiện rèn luyện ý chí nghị lực cho mình.

Trường hợp ngài Hư Vân triều sơn đến núi Ngũ

Đài Sơn để lễ Bồ tát Văn Thù cũng vậy. Ngài đi qua đoạn đường mùa đông tuyết phủ vô cùng lạnh lẽo. Tuyết phủ dày cả lối đi, Ngài lâm bệnh nặng đến gần chết. Lúc ấy, Bồ tát Văn Thù hiện ra trong dáng vẻ một ông già tên là Văn Cát bảo Ngài đừng lễ nữa vì Bồ tát đã cảm động trước việc ngài Hư Vân hành trình gian khổ để làm lễ mình. Khi nghe ông già ngăn cản, ngài Hư Vân nói rằng, đã phát nguyện rồi, dù chết trên đường Ngài cũng chấp nhận, không bao giờ dừng lại, không bao giờ Ngài có ý nghĩ dừng lại việc làm của mình. Khi chưa làm xong việc, Ngài thà chết chứ không bỏ nửa chừng. Chí nguyện của Ngài quả thật cao ngất trời. Chúng ta phải lấy đó làm tấm gương cho cuộc đời tu hành của mình.

Trong việc sử dụng ý chí, chúng ta phải dùng trí tuệ để nhận định đúng sai. Nếu đang làm một công việc nào đó, chúng ta phải hết sức cố gắng, nhưng khi biết đó là việc không đúng, chúng ta phải dừng lại ngay, không cố chấp. Trường hợp nhờ trí tuệ, biết chắc việc mình làm là đúng thì dù phải hy sinh thân mạng này, chúng ta vẫn quyết không lui bước. Đó là ý chí của người tu hành. Suốt cuộc đời, chúng ta phải tạo cho mình được ý chí mạnh mẽ như vậy. Một Thiền sư đã nói: “Nam nhi tự hữu xung thiên chí”. Đúng vậy, chúng ta tự mình phải có cái chí

ngất trời, nghĩa là phải tự rèn luyện, tự tôi luyện để có một ý chí cao ngất. Bất cứ việc khổ, việc khó đến đâu, nếu có lợi ích cho Phật Pháp, dù phải bỏ thân mạng này, chúng ta cũng không lui bước mà cố gắng đến cùng.

Trong cuộc sống, chúng ta gặp không ít những bậc cha mẹ rất cưng chiều con cái. Đó là điều vô cùng tai hại. Vì được nâng niu, chịu chuộng, con cái sẽ không có điều kiện rèn luyện ý chí, khi gặp khó khăn, tự họ không đủ ý chí để vượt qua mà dễ dàng ngã gục.

## **ĐỐ KỴ**

### **ĐỊNH NGHĨA**

Đố kỵ trong đạo Phật gọi là tật đố, là thù ghét những ai hơn mình, những ai được nhiều quyền lợi hơn mình. Ở đây chúng ta không gọi là tật đố vì nghe có vẻ xa lạ với những người bên ngoài, dùng chữ đố kỵ phổ thông hơn, dễ hiểu hơn.

Tâm đố kỵ rất nguy hiểm cho cuộc đời tu hành của chúng ta. Người nào không thoát được tâm này thì ba đường ác sẽ mở ra, không biết ngày nào sẽ kéo mình đi xuống. Vì tâm đố kỵ nguy hiểm như vậy nên người tu không được coi

thường.

Dấu hiệu dễ thấy nhất của tâm đố kỵ là thái độ khó chịu khi thấy người khác hơn mình. Ví dụ, trong lớp học, thấy có người huynh đệ học giỏi hơn mình, được nhiều điểm tốt hơn mình, chúng ta cảm thấy khó chịu. Khi sự khó chịu làm chúng ta bực bội, cảm thấy ghét người kia thì đó chính là đố kỵ. Tất nhiên, khi lòng có sự bực bội nghĩa là trong tâm đã tiềm tàng sự đố kỵ.

Thường khi đang còn là học Tăng, mọi việc đã có quý thầy lớn lo, quyền lợi cũng giống nhau nên chúng ta không bận tâm việc gì cả, cũng không có gì phải hơn thua, ganh ghét. Nếu có hơn thua nhau cũng chỉ là hơn thua ở điểm số. Nhưng khi ra ngoài làm việc, bắt đầu có chút quyền lợi, chúng ta không tránh khỏi sự hơn thua, đụng chạm quyền lợi với người này người khác. Nếu không biết tu, lúc đó tâm đố kỵ sẽ xuất hiện và chúng ta sẽ thấy thù ghét người hơn mình. Đây là một tâm vô cùng bất thiện, thậm chí có thể gọi là ác tâm. Người có tâm đố kỵ không thể nói đến chuyện giải thoát, giác ngộ, chỉ chờ ngày đọa địa ngục mà thôi. Tâm đố kỵ rất nguy hiểm và hậu quả của nó cũng thật

khủng khiếp.

Vì vậy, bây giờ tuy chưa gánh vác việc gì lớn lao nhưng chúng ta phải chuẩn bị điều này. Sau này, khi đã tu hành tốt, bắt đầu có những trách nhiệm, có uy tín, có ảnh hưởng với mọi người, chúng ta phải cẩn thận. Nếu không diệt trừ được tâm đồ kỵ, khi đụng chạm với người khác chúng ta để tâm đồ kỵ khởi lên.

Theo định nghĩa thì đồ kỵ là thù ghét những ai hơn mình. Vậy những cái hơn đó là gì?

Cái hơn thứ nhất là về tài năng. Tài năng là điều làm cho người ta hay ganh tỵ với nhau. Vì tài năng thường đem lại danh dự, đem lại thành công cho con người. Và tất nhiên, thành công đó cũng đem lại lợi ích về vật chất. Vì vậy, nếu ai đó hơn mình về tài năng, tự nhiên chúng ta cảm thấy người đó có danh tiếng hơn mình, uy tín cũng hơn mình, sự thành công cũng vượt hơn, có ảnh hưởng lớn hơn và sẽ thu hoạch được vật chất nhiều hơn. Trong khi đó, tâm lý sâu thẳm của con người là chỉ muốn mình hơn chứ không bao giờ muốn thua kém người khác cho nên nảy sinh tâm đồ kỵ.

Ví dụ, trong lớp chúng ta đang học sẽ có người



học kém, có người học giỏi. Đây là giai đoạn chúng ta hay có sự đố kỵ về tài năng, về sức học. Nếu thấy người nào học giỏi hơn, được tin tưởng, được khen ngợi nhiều hơn mà trong lòng mình cảm thấy có sự bực bội khó chịu, chúng ta biết rằng mình đã có tâm đố kỵ, phải nhanh chóng diệt trừ. Nếu cảm giác này chưa xuất hiện nhiều, chúng ta cũng cần phải đề phòng, tránh để tâm đố kỵ xuất hiện sau này gây nên những hậu quả nguy hiểm.

Sự đố kỵ thường xảy ra với những đối tượng cùng trang lứa. Khi đang còn học, chúng ta không đố kỵ với quý thầy lớn vì họ là những người đi trước, có giỏi hơn cũng là điều đương nhiên. Lúc này, chúng ta chỉ ganh tỵ với những huynh đệ đồng học nhưng hơn mình. Khi lớn lên, được giữ chức vụ gì đó, chúng ta bắt đầu ganh với lớp người ngang với mình. Với lớp đàn em, chúng ta không còn để ý ganh tỵ trừ những người học sau, tu sau mà tỏ ra giỏi hơn, tỏ ra qua mặt mình.

Trong môi trường tu hành, vấn đề này còn nhẹ nhàng nhưng ở ngoài đời, người ta sống chết, tranh giành hơn thua với nhau từng ly, từng tí và

tạo thành những ác nghiệp lớn lao. Tuy không khốc liệt như ngoài đời, nhưng tâm đố kỵ tồn tại trong môi trường tu hành sẽ làm cho Phật Pháp ngày càng suy yếu vì không có sự đoàn kết để tạo nên sức mạnh. Trong một đất nước cũng vậy, nếu con người có tâm hẹp hòi, hay đố kỵ lẫn nhau thì đất nước sẽ suy yếu, không tập hợp được sức mạnh.

Nhìn vào lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc, chúng ta sẽ thấy rõ điều này. Những năm tháng đất nước bị ngoại xâm, toàn dân có chung một kẻ thù nên cùng chung lưng đấu cật, góp sức người sức của đấu tranh chống kẻ thù, giành lại giang sơn xã tắc. Nhưng khi đã đuổi được kẻ thù ra khỏi bờ cõi, con người bắt đầu quay lại tranh giành quyền lực, ganh tỵ, chống đối lẫn nhau. Đó là tâm đố kỵ. Chính tâm đố kỵ này đã làm cho con người không tập hợp được sức mạnh để xây dựng đất nước ngày càng phát triển, ngược lại còn làm cho đất nước thêm suy yếu.

Có lẽ điều này làm buồn lòng nhưng đây là một sự thật, con người chúng ta còn bị tâm đố kỵ rất nặng nề. Hễ thấy ai giỏi hơn là cảm thấy khó

chịu, đố kỵ, ganh ghét và tìm cách chỉ trích, chống đối. Cứ như vậy, bản thân người hay đố kỵ đã không làm gì được nhưng người có tài cũng không phát huy được năng lực của mình. Đất nước, vì thế cũng không phát triển được. Trong khi đó, cũng là con người như chúng ta nhưng châu Âu lại có sự tiến bộ về khoa học kỹ thuật rất cao, xây dựng được những công trình vĩ đại. Sở dĩ như vậy vì tư tưởng của họ rất thoáng. Một phát minh khoa học có thể là kết quả lao động miệt mài, tận tụy của nhiều nhà khoa học. Hoặc có thể đó là sự kế tục công trình của người đi sau đối với người đi trước. Điểm hạn chế của chúng ta là không phát huy được sức mạnh trí tuệ của nhiều người. Khi gian khổ có thể chung tay góp sức, đồng tâm hiệp lực nhưng khi yên bình, sung sướng lại đấu đá, giành giật với nhau.

Điều này cũng đã đi vào trong Phật Pháp. Thực tế cho thấy, tình trạng ganh ghét, đố kỵ giữa người này với người khác, nhóm này với nhóm khác, chùa này với chùa khác đã làm cho Phật Pháp chia rẽ, không tập hợp được sức mạnh. Ví dụ, một người đang là giảng sư giỏi, có nhiều uy

tín bỗng phát hiện ra ở chùa kia cũng có một giảng sư từ đâu về, cũng nổi danh, được nhiều người mến mộ, ngợi ca. Cho rằng vị giảng sư kia đang giành ảnh hưởng, uy tín, quyền lợi với mình, người này cảm thấy khó chịu, đâm ra thù ghét và tìm cách chỉ trích, công kích.

Chính sự thù ghét, chỉ trích công kích đó đã gây nên sự nghi kỵ, chia rẽ trong Phật Pháp và làm cho Phật Pháp ngày càng suy yếu. Thật đáng tiếc!

Nếu không có lòng đố kỵ, những người tài giỏi ấy biết hợp lại với nhau sẽ làm được nhiều điều lớn lao cho Phật Pháp.

Có những vấn đề mà mười người không thông minh bàn luận mãi cũng không giải quyết được. Nhưng những người thông minh thật sự, khi hợp lại, bàn với nhau thì sẽ phát hiện ra được nhiều điều rất độc đáo mà một mình họ không nghĩ ra. Có những trường hợp chỉ cần một người giỏi thôi cũng giải quyết được tất cả, những người khác cứ thế làm theo. Trong khi đó, nhiều người họp bàn với nhau lại không đem lại hiệu quả vì không biết tôn trọng ý kiến của nhau.

Nếu người tu chúng ta biết quý nhau, tôn trọng nhau, hợp lại thì sẽ xây dựng được nhiều điều tốt đẹp cho Phật Pháp và có lợi cho chúng sinh. Ngược lại, nếu có tài mà cứ ganh tỵ với nhau vì cá nhân mình, không những chúng ta làm cho tài năng của mình và người bị giảm bớt mà còn gây thiệt thòi cho Phật Pháp, cho chúng sinh. Như vậy, chẳng những không ai được phước lại còn mang nặng nghiệp.

Tóm lại, tài năng là giá trị trên cao của một con người nên là khởi điểm dễ khiến người ta giành giật, ganh tỵ với nhau.

Một yếu tố nữa khiến người ta có thể ganh tỵ với nhau là tiền bạc. Nhắc đến tiền bạc, sự giàu có, chúng ta không thể không nghĩ đến “Công tử Bạc Liêu”. Đây là nhân vật có thật nhưng xung quanh sự thật về cuộc đời Trần Trinh Huy (Công tử Bạc Liêu), người ta đã dựng nên không biết bao nhiêu giai thoại. Trong những câu chuyện về Công tử Bạc Liêu có chuyện ganh nhau về tiền bạc và muốn chứng tỏ mình giàu giữa Công tử Bạc Liêu (Hắc Công Tử) và Phước Georges (Bạch Công Tử) - đệ nhất phong lưu ở Mỹ Tho. Trong Công tử Bạc Liêu - Sự thật và giai thoại,

Phan Trung Nghĩa kể: “Một bận, gánh hát cải lương Phước Chương của Bạch Công tử về Sóc Trăng hát, Bạch Công tử liền mời Hắc Công tử lên xem. Vãn hát, Bạch Công tử tổ chức ăn nhậu với Hắc Công tử... Đang nhậu, Một người nào đó đánh rơi một vật dưới gầm bàn rồi cúi xuống mò tìm trong bóng tối. Thấy vậy, Bạch Công tử liền móc tờ giấy con công (năm đồng) đốt làm đuốc soi cho tìm vật đánh rơi. Với ý chơi khăm và cũng để “giật le” trước hai người đẹp, Hắc Công tử liền bật hộp quẹt đốt tờ giấy bộ lư (100 đồng) cũng để làm đuốc (thuở ấy ai có tờ giấy bạc bộ lư là đã bị “lính kín” theo dõi). Chuyện đã lan truyền thành giai thoại “Công tử Bạc Liêu đốt tiền”. Tiền bạc có thể làm cho người ta ganh nhau đến mức ngông cuồng như vậy.

Trong cuộc sống của người thế gian, chúng ta cũng gặp rất nhiều trường hợp ganh ghét, đố kỵ với nhau về tiền bạc. Chẳng hạn, lâu nay mình sống trong ngôi nhà hai tầng sang trọng, bề thế không nhà nào sánh được. Bỗng nhiên, một hôm bên cạnh mọc lên ngôi nhà ba tầng sừng sững. Từ đó, đi ra đi vào chúng ta cảm thấy khó

chịu vì nhà mình thấp hơn. Tất nhiên, việc người ta xây ngôi nhà ba tầng lầu như vậy chẳng ảnh hưởng gì đến mình, chẳng làm mình thiệt thòi điều gì. Nhưng cảm giác khó chịu xuất hiện là do bản thân mình cảm thấy bị mất thể diện. Đó là tâm hơn thua của con người.

Người tu chúng ta cũng vậy. Có người trong tâm chưa diệt sạch đố kỵ nên đôi lúc cũng có sự khó chịu trước thành công của người khác. Có khi đó là sự thi đua, hơn thua về thể diện, lúc nào cũng muốn mình nổi bật hơn người khác.

Trong bài Khiêm hạ, khi nói về vấn đề danh dự, chúng ta đã khẳng định người tu chân chính không đặt vấn đề danh dự, không đặt vấn đề thể diện. Nhưng nếu không tu tỉnh, chúng ta vẫn xem điều đó là quan trọng nên cảm thấy phải có sự hơn thua. Chính điều đó làm chúng ta phiền não và tạo nghiệp.

Địa vị cũng là vấn đề để con người ganh tỵ với nhau. Vì địa vị, chức vụ, người ta có thể giành giết giết hại lẫn nhau. Trong lịch sử thế giới, chúng ta từng nghe kể về những vụ ám sát Tổng thống. Có những vụ xuất phát từ động cơ chính trị nhưng cũng có những vụ do tranh

giành địa vị, quyền lợi. Nhiều lãnh tụ vì đụng chạm quyền lợi vẫn có thể bị người dưới mưu sát. Đây là điều rất nguy hiểm.

Sự ganh ghét, đố kỵ về địa vị dễ khiến con người nảy sinh những suy nghĩ, những hành động bất thiện. Phim ảnh, sách vở đã nói nhiều đến vấn đề này. Chẳng hạn, trong một phim, vị Tổng thống luôn bị người ta âm mưu lật đổ, đã nói nửa đùa nửa thật trong một cuộc họp với các cố vấn cao cấp: “Cái chết của Tổng thống làm cho Phó Tổng thống quan tâm”. Vì Hiến pháp của Mỹ quy định: Tổng thống chết, Phó Tổng thống sẽ lên thay. Câu nói đùa của Tổng thống cũng ám chỉ vị Phó Tổng thống nào cũng mong cho Tổng thống chết bất đắc kỳ tử để mình được lên thay. Trong cuộc sống cũng vậy. Khi đang giữ chức phó người ta hay cầu mong người trưởng gặp bất trắc để mình được thăng tiến. Vì vậy, nhiều khi thấy người trưởng gặp nạn, họ không nói ra nhưng trong bụng mừng thầm. Hoặc có khi ngầm ngầm cầu cho người ta tiêu tan mất, đừng tồn tại nữa. Tuy không khởi thành hành động, cũng không thành lời nói, chỉ ngầm ngầm ở trong tâm, nhưng đó là tâm ác



độc. Tất cả những điều đó đều xuất phát từ tâm đố kỵ, hơn thua, tranh giành quyền lợi với nhau. Những người có tâm như vậy không thể tu, không thể giải thoát, giác ngộ.

Người tu chúng ta không đến nỗi có những ác tâm như vậy, nhưng nếu không khéo tu, vẫn có sự ganh tỵ hơn thua với nhau về vị trí, về chức vụ và cũng tìm cách triệt hạ nhau một cách ngầm ngấm, thấp kém, không xứng đáng là người xuất gia. Đây là trường hợp rất đáng sợ nên chúng ta phải cẩn thận.

Ví dụ, trong Chúng, mình là người tu trước, tuổi hạ cao nhưng không được giao chức trưởng chúng. Điều đó làm chúng ta cảm thấy bực bội. Sự bực bội đó chính là đố kỵ - điều làm cho chúng ta gây nghiệp. Trong phạm vi này, những biểu hiện của sự đố kỵ xuất hiện chưa nhiều. Nhưng về sau, khi bước ra làm việc, bắt đầu giữ một chức vụ trong chùa, trong Giáo hội, thì việc so sánh hơn thua giữa chức này, chức kia sẽ làm cho chúng ta cảm thấy khó chịu nhiều hơn và tâm đố kỵ dễ khởi phát hơn.

Trong Phật Pháp, chúng ta sẽ gặp nhiều sự đố kỵ, xía xói của người đời khi chúng ta đem khả

năng đóng góp nhiệt tình vào việc chung. Nếu không vững tâm, ta sẽ dao động, sợ hãi và lui bước. Vì tránh né sự đố kỵ của người mà ta đành phải hủy bỏ công đức, cũng là một sự thất bại. Chúng ta nên quan niệm rằng nếu đóng góp được, chúng ta cũng nên nhiệt tình đóng góp, miễn đừng tự cao, đừng vì danh lợi. Vì người tu vẫn còn sự đố kỵ nên chúng ta cẩn thận, đề phòng, đừng gây sự khó chịu cho người chung quanh khi ta đóng góp được nhiều cho cộng đồng. Còn riêng trong tâm, lúc nào chúng ta cũng mong có được nhiều người hơn mình, không bao giờ muốn tranh giành bất cứ điều gì với ai để tránh đi ý niệm đố kỵ.

Nếu mọi người đều biết đem khả năng của mình ra đóng góp thì cộng đồng xã hội hay Phật Pháp sẽ tốt đẹp hơn nhiều. Nhưng vì còn tồn tại những điều đố kỵ nên nhiều người không dám bộc lộ khả năng của mình. Đó cũng là điều bất lợi, điều thiệt thòi cho tất cả mọi người, cho Phật Pháp. Sống trong môi trường có quá nhiều đố kỵ, hơn thua, chỉ có những người can đảm mới không sợ sự ganh ghét, đố kỵ, mạnh dạn đem khả năng của mình ra cống hiến cho xã hội, cho

Phật Pháp. Có lẽ trong hai cách sống; im lặng không làm gì để tránh sự đổ kỵ và can đảm chấp nhận đổ kỵ, chúng ta nên chọn cách sống thứ hai. Vì nếu cảm thấy khó chịu khi đụng chạm với người xấu, sợ bị ganh ghét đổ kỵ mà chúng ta bỏ cuộc thì xã hội này sẽ rơi vào tay những người xấu, rất nguy hiểm. Những người quân tử, những người tốt thường mắc phải bệnh này. Vì vậy, sống trong môi trường hơn thua, đổ kỵ, ganh tỵ đủ điều, chúng ta cố gắng trụ lại, cố gắng chịu đựng để có thể đóng góp được nhiều điều tốt cho đất nước.

Một nguyên nhân nữa cũng khiến cho người ta đổ kỵ là danh tiếng. Chúng ta vẫn biết danh tiếng là cái rất hảo huyền nhưng người ta vẫn cứ tranh giành, hơn thua, đổ kỵ với nhau. Ngài Động Sơn trước khi tịch có nói một câu: “Ta có tiếng tăm ở đời, ai vì ta mà dẹp được”. Nghe vậy, một vị Tăng bước ra đánh lễ và nói: “Hòa thượng cho con xin”. Lúc ấy, ngài Động Sơn mới trả lời rằng: “Tiếng tăm của ta đã hết”.

Thực ra, Ngài muốn thử xem các đệ tử của mình ngộ đạo đến mức nào. Người đã ngộ đạo sẽ biết tiếng tăm là chuyện hảo huyền, không có

thật, không phải là cái gì cụ thể. Bởi vậy, khi đứng ra nói: “Hòa thượng cho con xin” nghĩa là vị Tăng kia đã hiểu được điều này. Làm sao Hòa thượng có thể đưa cho đệ tử mình cái danh tiếng vốn hão huyền đó được? Trả lời: “Tiếng tăm ta đã hết” là Hòa thượng muốn khen vị Tăng đã hiểu đúng ý nghĩa của danh tiếng. Người xưa quả rất thâm thúy. Chỉ một câu nói ngắn gọn nhưng đã thể hiện được trí tuệ cao siêu của một bậc giác ngộ.

Danh tiếng là hão huyền, không có thật tại sao con người cứ phải tranh giành nhau? Sở dĩ người ta chấp và giành giật với nhau về danh tiếng vì họ chưa đủ trí tuệ để thấy được nó là hão huyền. Chúng ta phải tu hành làm sao để thấy được tiếng tăm là hão huyền như vị Tăng kia.

Sự giành giật danh tiếng cũng tùy theo cấp độ. Ví dụ, chúng ta có tâm rất tốt, phát nguyện đi về một vùng xa xôi nào đó để giáo hóa. Sau một thời gian dài giảng giải, giáo hóa, chúng ta được nhiều người hâm mộ, quý mến, phát tâm tu theo Phật Pháp. Thời gian cứ thế trôi qua. Bỗng một hôm, chúng ta nhận ra số Phật tử đến nghe

giảng pháp giảm xuống, vì có một thầy khác giảng pháp rất hay đã chia bớt số Phật tử của ta đến đó nghe giảng. Chúng ta cảm thấy khó chịu vì sự xuất hiện của người này; vừa có sự hơn thua danh tiếng, vừa đụng chạm đến quyền lợi của mình. Nếu có tiếng tăm, người đó sẽ được san sẻ quyền lợi, sự cúng dường mà bấy lâu nay thuộc về độc quyền của ta ở khu vực đó. Như vậy, mặc dù tu rất tốt nhưng chúng ta vẫn không kiểm soát được tâm mình, không diệt trừ được đố kỵ. Khi có người xuất hiện gần như giành quyền lợi với mình, tâm đố kỵ của chúng ta đã khởi lên. Phải chăng, việc giảng pháp hay, làm lợi ích chúng sinh thực chất chỉ che đậy những tham vọng tiềm tàng của riêng mình, không thực lòng vì Phật Pháp, vì chúng sinh? Vì nếu thật lòng thương yêu chúng sinh, khi nghe có thêm người giảng hay, chúng ta phải vui mừng. Ngược lại, chúng ta lại sợ mất uy tín, mất ảnh hưởng, mất quyền lợi của mình. Đây chính là tâm đố kỵ. Nếu thấy chúng sinh được lợi ích, chúng ta phải vui mừng dù họ được hóa độ bởi bất cứ ai.

Hiểu được điều này, ngay từ bây giờ chúng ta

phải đề phòng tâm đố kỵ. Mỗi đêm, chúng ta phải phát nguyện độ cho tất cả chúng sinh. Mỗi khi ăn cơm, chúng ta cũng: “Nguyện đoạn nhất thiết ác, nguyện tu nhất thiết thiện, nguyện độ nhất thiết chúng sinh”. Nhưng chúng ta phải cẩn thận khi nguyện độ cho chúng sinh được giác ngộ giải thoát. Vì có khi việc nguyện đó chỉ vì quyền lợi, vì danh tiếng của mình chứ không phải vì chúng sinh. Nghĩa là chúng ta muốn chỉ một mình độ chúng sinh chứ không muốn có ai cùng làm việc đó.

Như vậy, tùy mức độ những người bằng mình hay hơn mình mà tâm đố kỵ xuất hiện để chúng ta cố gắng vươn tới, giành tới. Ở mức độ thấp (khi còn là Tăng Ni sinh), nếu có tâm đố kỵ hơn thua cũng chỉ ganh tỵ hơn thua với nhau trong vấn đề học hành. Khi lớn lên ra làm việc, tùy theo mức độ, phạm vi làm việc mà người ta ganh tỵ nhau.

Bạn lữ cũng là yếu tố làm cho con người đố kỵ với nhau. Khi thấy người khác có nhiều bạn trong khi mình chẳng có ai quan tâm, thăm hỏi, chúng ta ngấm ngầm bực bội. Đó cũng là đố kỵ.

Chúng ta phải hiểu rằng, người được nhiều người mến đều có nguyên nhân. Đó là cái phước, cái duyên với chúng sinh. Có thể đời trước họ có duyên với nhiều người nên bây giờ người ta cứ tìm đến. Còn chúng ta, có thể kiếp trước thích ăn tu nên bây giờ ít ai biết đến. Nếu không biết nguyên nhân, chúng ta sẽ sinh lòng đố kỵ. Khi có ai hỏi đến họ, chúng ta sẽ tỏ thái độ bực bội hoặc nhiều khi nói xấu, chỉ trích. Đây là điều rất nguy hiểm.

Một yếu tố nữa cũng khiến người ta ganh tỵ với nhau là nhan sắc. Điều này ít xảy ra ở người nam nhưng lại phổ biến ở người nữ. Chẳng hạn, một cô gái mỗi ngày soi gương nhận thấy mình đẹp nhất nhì thiên hạ nhưng ra đường chỉ toàn nghe người ta khen người khác đẹp, cô ta cảm thấy trong lòng bực bội. Ngược lại, nếu được ai khen đẹp, cô sẽ cảm thấy vui sướng vô cùng.

**Vậy, nguyên nhân làm cho tâm đố kỵ xuất hiện là gì?**

Nguyên nhân là do ngã chấp. Tất cả mọi phiền não, làm lỗi của con người đều xuất phát từ chấp ngã ban đầu.

Tuy nhiên, chấp ngã chỉ là nguyên nhân chung. Thật sự, ngoài chấp ngã còn có nhiều nguyên nhân khác. Chấp ngã phát sinh ra nhiều bệnh, trong đó có bệnh tự tôn. Đây là bệnh rất kỳ quái. Nó không phải là kiêu mạn. Kiêu mạn là dựa vào một ưu điểm của mình để thấy mình hơn người và có cảm giác thích thú bởi việc hơn thua đó. Còn tự tôn là tự cho mình hơn mọi người mặc dù chính mình không có điểm gì đặc biệt. Chúng ta thường bắt gặp trường hợp này nơi những người không có tài năng, danh vọng, tiền bạc nhưng luôn thích làm ra vẻ quan trọng, lúc nào cũng thấy mình hơn người khác.

Vì không muốn thua ai, nhưng không có cách nào để hơn người nên người này hay xuất hiện tâm lý thù ghét những ai hơn mình. Sở dĩ như vậy vì họ sợ bị thua thiệt, mất quyền lợi, mất ảnh hưởng. Đây cũng là vị kỷ.

Như vậy, chấp ngã đưa đến tự tôn (không muốn thua người khác) và vị kỷ (muốn có quyền lợi hơn người khác). Tự tôn cộng với vị kỷ sẽ đưa đến đố kỵ (thù ghét những người hơn mình). Cũng có trường hợp kiêu mạn dẫn đến đố kỵ. Vì kiêu mạn, chúng ta nghĩ rằng mình hơn tất cả



mọi người nhưng khi có người giỏi hơn xuất hiện, chúng ta sinh lòng đố kỵ, thù ghét họ. Hiểu được điều này, chúng ta cố gắng sống một đời vị tha, thương yêu tất cả mọi người, không tự tôn, không kiêu mạn, lúc nào cũng thấy mình thấp bé để tâm đố kỵ không xuất hiện.

## **ĐỐ KỶ KHIẾN NGƯỜI TA GÂY NHÂN XẤU NẶNG NỀ**

Việc đầu tiên mà người có tâm đố kỵ hay làm là thích chỉ trích để hạ uy tín của người giỏi, người làm được việc. Ví dụ, nghe người ta khen thầy nào đó giảng hay, được nhiều Phật tử mến mộ, chúng ta liền chỉ trích, nói xấu. Có thể người ta chưa tin ngay điều mình nói nhưng niềm tin, lòng kính trọng đối với vị thầy kia phần nào sẽ bị giảm sút. Khi đến nghe pháp, họ không còn nghe trọn lòng nữa. Như vậy, sự chỉ trích để triệt hạ uy tín lẫn nhau sẽ làm thoái tâm nhiều người khác. Đó là điều rất tai hại.

Hậu quả của tâm đố kỵ rất nặng nề nhưng nhân quả rõ nhất là chúng ta sẽ mất tâm đạo. Có người kiếp trước từng tu rất tốt nhưng bây giờ

mất hết đạo tâm, không tu hành được nữa, sống không nhà, không cửa, không vợ con, lang thang hết nơi này đến nơi khác. Đó là nhân quả của việc nói xấu người khác, nói xấu những vị Tôn túc, làm cho Phật tử thoái tâm.

Vì lời chê bai, chỉ trích làm người ta chia rẽ, làm Phật tử thoái tâm, góp phần làm cho Phật Pháp suy tàn nên chúng ta không nên nói xấu chỉ trích, ngược lại cần phải khen nhiều hơn. Ví dụ, khi Phật tử đến thăm chùa, chúng ta nên khen các thầy trong chúng. Nếu họ có hỏi về thầy nào, chúng ta cũng tìm những hạnh tốt để khen. Tất nhiên, sống trên đời không ai tránh được khuyết điểm, nhưng chúng ta tránh nói khuyết điểm, chỉ nói ra những ưu điểm nhằm giúp Phật tử tăng thêm tín tâm với đạo. Vì trong chùa có nhiều người tốt, người ta sẽ tin Phật Pháp là tốt đẹp. Hơn nữa, những lời khen ấy cũng tạo thành phước rất lớn cho chúng ta.

Những người làm giảng sư rất dễ có phước vì khi giảng, thế nào họ cũng ca ngợi Đức Phật, ca ngợi các vị Thánh Tăng. Một lời họ nói ra không phải chỉ một hai người nghe mà rất nhiều người nghe. Do đó, phước họ có được là vĩnh viễn,

đời đời. Lời khen rất dễ có phước. Nhưng nếu người giảng sư đứng trên bục giảng cứ công kích người này, nói xấu người kia thì sẽ bị tổn phước, không còn giảng được nữa, không còn tiếng tăm uy tín nữa. Những người viết sách cũng vậy. Viết sách ca ngợi Phật, ca ngợi chư Tăng, họ sẽ được đời đời hưởng phước. Nói chung, phước khen ngợi Đức Phật có thể kiếp sau mới được hưởng nhưng nghiệp chê người này, chỉ trích người kia chúng ta sẽ bị đọa ngay trong hiện tại.

Việc hay chỉ trích, công kích, chê bai không những làm cho chúng ta tổn phước, làm thoái tâm những người khác mà tai hại hơn nữa còn khiến Phật Pháp không phát triển được. Phật Pháp phát triển được hay không là do sự phát tâm của từng người, từng ngôi chùa, từng đạo tràng. Nếu mỗi người thoái tâm một chút, nếu mỗi người cứ đổ ky, chỉ trích để triệt hạ uy tín lẫn nhau, chúng ta sẽ không phát huy được sức mạnh và làm cho Phật Pháp suy tàn.

Cộng với tâm ác độc, người đổ ky có thể mưu hại người khác một cách hèn hạ. Ngoài đời, ác tâm của con người thật kinh khủng. Vì tranh hơn

thua với nhau, họ sẵn sàng dùng bất cứ thủ đoạn gì để giết hại nhau. Người tu có thể còn tâm đồ kỵ nhưng ác độc không nhiều vì biết tin nhân quả. Ngay đến việc giết một con vật nhỏ chúng ta còn không dám, làm sao có thể dám hại con người. Nhờ biết tin và sợ nhân quả, quả báo nên lâu ngày, tâm ác của chúng ta cũng giảm đi rất nhiều. Tuy nhiên, nếu không biết tu, không kiểm soát tâm mình, không có lý tưởng giải thoát thật sự thì khi có nhiều quyền lợi, người tu chúng ta vẫn tranh giành với nhau, vẫn có thể hại nhau đến mất hết uy tín, đến tiêu tan cả sự nghiệp.

Chúng ta còn nhớ câu chuyện Lục Tổ Huệ Năng được trao y bát. Ngài được Tổ Hoằng Nhẫn trao cho y bát nhưng phải truyền trao một cách lén lút vào lúc nửa đêm. Rồi sau đó Tổ phải đưa Ngài ra sông để trốn đi. Tại sao như vậy? Vì Tổ Hoằng Nhẫn không tin vào tâm của Chúng, họ vẫn còn nhiều đồ kỵ. Điều này thật sự làm chúng ta cảm thấy đau lòng, vì ngay vào thời sống gần với Tổ mà con người vẫn còn tâm đồ kỵ nặng nề như vậy. Có thể họ rất hiểu thiên lý nhưng những quan điểm về đạo đức vẫn chưa

vững nên tâm đồ kỵ vẫn tồn tại.

Phân tích tâm đồ kỵ của những người trong chúng đối với Lục Tổ Huệ Năng, chúng ta thấy có nhiều lý do. Tổ Huệ Năng là một cư sĩ mới đến chùa được sáu tháng, mới hơn hai mươi tuổi trong khi những người khác đã xuất gia ít ra cũng trên hai, ba chục năm, hạ lạp y áo đàng hoàng. Vậy mà Tổ Huệ Năng được trao y bát, tương lai sẽ được giữ địa vị Tổ - một địa vị quá lớn lao, bao nhiêu người từng ao ước. Điều này đã làm cho họ không thể chịu đựng nổi. Lòng đồ kỵ cộng thêm sự tự ái đã làm cho sức mạnh tăng lên dữ dội nên họ đã đuổi theo giành lại y bát. Thái độ của họ rất hùng hổ, sẵn sàng đánh giết để đoạt y bát trở lại. Đó cũng là tâm ác. Trong khi đó, ngài Thần Tú vẫn rất nhẹ nhàng. Ngài là người có đạo đức. Sau khi trình bài kệ không được Ngũ Tổ chấp nhận, Ngài cũng bình an ở lại giữ núi. Khi Ngũ Tổ tịch, Ngài vẫn tiếp tục tu hành, dạy chúng bình thường và sau này cũng rất nổi tiếng. Sự đạt ngộ của Ngài có thể không bằng ngài Huệ Năng nhưng Ngài có công phu tu hành chân chính, có đạo đức rất vững. Ngài cũng có sở đắc tâm linh, cũng nhập định

rất tốt. Khi còn ở trong chúng, ai cũng nể phục tài đức của Ngài. Họ tin chắc rằng, ngoài Ngài ra không ai xứng đáng được nhận y bát. Quả thật, Ngài cũng xứng đáng với sự tin yêu đó. Nhưng ngài Huệ Năng lại quá đặc biệt, quá siêu việt nên đã lãnh y bát khiến những người chúng dưới không chịu nổi. Còn ngài Thần Tú vẫn bình thản, coi như không có chuyện gì xảy ra vì Ngài tin vào sự chọn lựa của thầy mình.

Truyện Thái Dương Sơn Bình Thị Giả quật mờ ngài Minh An - thầy mình - trong Thiên Lâm Bảo huấn cũng cho chúng ta bài học về lòng đổ kỵ. “Lúc bấy giờ, ngài Minh An thuộc về tông Tào Động. Ngài là một Thiền Sư nổi tiếng đến mức ngài Phần Dương Thiện Chiêu - thuộc tông Lâm Tế - phải cho những đệ tử của mình qua đó tham học. Chúng ta biết rằng, tông Lâm Tế rất nổi tiếng và ít nể phục ai. Vậy mà thời đó ngài Phần Dương là người nối tông Lâm Tế chính tông lại cho đệ tử mình sang học với thầy Minh An. Điều này chứng tỏ ngài Minh An rất giỏi đồng thời cũng cho chúng ta thấy đạo đức của cổ nhân. Những bậc đạo sư đúng nghĩa là như vậy. Họ không có sự riêng tư. Đọc chuyện này,

chúng ta nể phục ngài Minh An bao nhiêu càng kính trọng ngài Phần Dương Thiện Chiêu bấy nhiêu.

Khi sang học, hai đệ tử của tông Lâm Tế được ngài Minh An khen ngợi. Ngài còn nói hai người đó sẽ nổi pháp của Ngài làm cho tông Tào Động được hưng thịnh. Nhưng hai vị từ chối vì cho rằng ngài Bình Thị Giả mới thực sự là người tài giỏi. Hai vị đã ngộ đạo mà khen như vậy chứng tỏ ngài Bình Thị Giả cũng đã ngộ đạo. Vì trong thiền tông, người đã ngộ đạo chỉ cần dùng trực giác để nhìn hoặc nghe người khác nói một vài câu sẽ biết ngay người đó đã ngộ hay chưa.

Nhưng ngài Minh An lại không công nhận ngài Bình Thị Giả ngộ đạo. Ngài nói: “Vì trong đây không tốt, sau này sẽ chết ở đây”. “Ở đây” là trong bàn tay của mình, người Trung Hoa còn gọi là hủ khẩu tức miệng cọp. Nghĩa là Ngài muốn nói ngài Bình Thị Giả tâm không tốt nên sau này sẽ chết ở miệng cọp.

Chuyện cứ thế trôi qua. Trước khi chết, ngài Minh An nói với mọi người: “Khi ta chết cho đến mười năm, không có chuyện gì. Nhưng sau mười năm sẽ có Thái Dương Sơn đánh ta.” Nói

xong, Ngài ngồi tịch một cách tự tại vì Ngài đã đắc đạo cao siêu. Sau đó, thân Ngài được đem vào nhập tháp trong tư thế ngồi như thế. Ngài Bình Thị Giả tiếp nối trụ trì, gọi là Thái Dương Sơn Bình Thị Giả. Nhưng không hiểu vì sao càng ngày ông càng đổ kỵ với cái tháp của thầy mình. Hình như ông cảm thấy cái tháp có vẻ uy nghi, đẹp đẽ sừng sững đứng trấn ở vị trí đó khiến ông không phát được. Thời gian cứ thế trôi qua, lòng đổ kỵ với thầy mình của ngài Thái Dương Sơn càng ngày càng lớn. Cho đến mười năm sau, cảm thấy lòng đổ kỵ đã đủ, ông nói: “Cái tháp Tiên sư để đây với ta có chướng ngại, thôi quật cái tháp đi, lấy xác thiêu và đem cốt vào thờ”. Chúng không chịu nhưng ông vẫn ra lệnh quật tháp. Điều ngạc nhiên là dù chết đã mười năm nhưng cơ thể ngài Minh An vẫn còn tươi tắn, hồng hào, râu tóc vẫn dài ra. Đây là điều rất độc đáo. Những vị khác tịch mười năm có thể nhục thân không hoại nhưng sẽ bị khô đi. Thân thể Ngài Minh An vẫn tươi như còn sống nên chất củi đốt cũng không thể cháy được. Thần lực Ngài Minh An để lại thật khủng khiếp! Thấy như vậy, Thái Dương Sơn bèn lấy búa rìu



dùng chẻ củi chém xả vào đầu, vào thân ngài Minh An cho đến khi tan nát. Sau đó, ông tưới dầu vào và đốt cho thân thể tiêu tan.

Hành động cầm búa rìu chém vào nhục thân thầy mình mười năm không hoại ấy đã khiến cho mọi người không ai chịu đựng nổi. Quá đau lòng, những người còn lại trong chúng đã chạy lên báo với quan huyện. Rất may, vị quan này vốn kính thờ ngài Minh An. Nghe tin, ông rất giận dữ sai quân lính đến lột y và đuổi Thái Dương Sơn ra khỏi chùa, không cho làm người tu nữa. Quả báo đã đến ngay tức khắc như vậy và ông ta đã hết phước làm Tăng. Sau đó, Bình Thị Giả đổi tên là Hoàng Tú Tài và đi nơi khác sống. Nhưng đi đến đâu, ông cũng không được trọng dụng. Một hôm, đi đến ngã ba đường, ông bị cọp vồ chết đúng như lời ngài Minh An đã nói trước kia.”

Lòng đố kỵ cộng với ác tâm khiến người ta có thể làm những chuyện động trời khuấy nước như vậy.

Ở mức độ nhẹ hơn, người có tâm đố kỵ thường quấy phá lật vật nhằm hạ uy tín của người khác. Ví dụ, cùng học với nhau, nhưng thấy người kia

làm bài được nhiều điểm hơn, người có tâm đồ  
kỵ sẽ tìm cách lấy bớt một vài trang trong bài  
làm của họ xé bỏ đi. Người kia không hay biết,  
vẫn mang bài đến nộp nên không được điểm  
cao. Hoặch thấy một huynh đệ được thầy trụ trì  
quí mến, vì đồ kỵ, họ cảm thấy bực bội. Đến  
phiên người ấy nấu bếp, họ phá bằng cách lấy  
muối bỏ thêm vào nồi canh v.v...

Trong Góp nhặt cát đá có câu chuyện về người  
mù và Thiền Sư Bankei. Thiền Sư Bankei dạy  
đạo ở một ngôi chùa. Trước cổng chùa có một  
người mù. Tuy không nhìn thấy nét mặt của  
người khác nhưng người mù có cái tai rất nhạy  
và chỉ cần nghe tiếng nói, ông có thể đánh giá  
được tâm trạng người khác, biết họ thật tình hay  
không. Ông từng nói: “Khi nghe một người khen  
sự thành công của người khác, tôi cũng nghe  
được cái bí mật trong lòng họ, đó là một sự  
ganh tỵ. Khi nghe một người chia buồn với nỗi  
đau khổ của người khác, tôi vẫn nghe được  
trong tâm họ cái bí mật của một sự vui mừng hả  
hê.” Ông nói: “Chỉ có Thiền Sư Bankei khi khen  
ai một điều gì, hay chúc mừng ai một điều gì, tôi  
nghe trọn lòng chân thành, sự vui mừng của

Ngài. Khi nghe Ngài tỏ sự buồn bã đối với nỗi buồn của ai, tôi nghe trọn vẹn cái nỗi buồn như thế”.

Vì tu thiền kiểm soát được tâm vững chắc, kỹ lưỡng nên Thiền Sư Bankei có lòng thương người rất chân thành, không đồ kỵ. Câu chuyện nhằm khen ngợi đức tính ấy của ông.

Cái tâm của con người là như vậy. Thấy người nào thua mình thì vui mừng, thấy ai hơn mình dù mở miệng khen nhưng trong lòng vẫn có sự bực bội. Hoặc thấy người hơn mình bị nạn, tâm vui mừng một cách lộ liễu hoặc thậm kín.

Ví dụ, người nữ hay hơn thua nhau về sắc đẹp. Thấy người kia được nhiều người khen đẹp, người này cũng khen nhưng trong lòng âm ức, bực bội. Đó là khen không thật tình vì lòng không thật vui khi thấy người ta đẹp hơn mình. Hoặc nghe tin người có tài năng, có danh tiếng hơn mình bị tai nạn, chúng ta không dám bộc lộ niềm vui một cách lộ liễu nên miệng vẫn xuýt xoa: “Tội nghiệp” nhưng trong lòng lại vui mừng quá đỗi vì từ nay ông ta không đi giảng được nữa, không hơn mình được nữa. Đó là tâm bí mật của con người.

Từ trong thâm sâu, chúng ta phải cố gắng kiểm soát tâm để khi thấy sự thành công của người khác, chúng ta xem như đó là thành công của chính mình; trước niềm vui của người khác, chúng ta cũng vui như chính niềm vui của mình. Vì vậy, trong bài Lời khẩn nguyện chúng ta vẫn tụng hằng ngày có đoạn:

“... Xin cho con sung sướng  
Khi thấy người thành công  
Hoặc gây tạo phước lành  
Như chính con làm được...”

Chúng ta tụng như vậy là để diệt lòng đố kỵ, khởi được tâm tùy hỷ trước sự thành công của người khác.

Tâm đố kỵ có quả báo rất kinh khủng. Có lẽ chúng ta còn nhớ câu chuyện về Tôn giả Losaka Tissa bị quả báo đói kém. Vào thời Đức Phật Ca Diếp, Ngài là một trụ trì ở một tinh xá đầu làng. Ngài cũng hiền lành, cả làng chỉ có mình Ngài ở ngôi chùa đó. Một hôm, một vị trưởng lão Alahán đi đến làng và gặp vị địa chủ. Người địa chủ này sau khi nói chuyện, thấy vị Tôn giả này quá trí tuệ bèn thỉnh thọ cơm rồi

nói:

- Thưa Tôn giả, đầu làng này có một ngôi tinh xá, xin Tôn giả hãy đến đó nghỉ ngơi, chiều con sẽ đến thăm Tôn giả.

Vị Tôn giả Alahán đến tinh xá gặp vị trụ trì. Sau khi chào nhau, vị trụ trì hỏi:

-Ngài đã dùng cơm ở đâu chưa?. Hòa thượng trả lời:

- Thưa Ngài, tôi có dùng cơm ở nhà vị trưởng làng.

Chiều hôm đó, người địa chủ mang cơm, thức ăn, sữa và một số vật phẩm đến cúng dường hai vị và đành lễ xin nghe Pháp của Tôn giả Alahán. Vị trụ trì thấy vậy rất khó chịu.

Sau khi đành lễ và nghe pháp xong, người địa chủ đành lễ thỉnh luôn hai vị:

-Con xin thỉnh hai vị trưa mai đến nhà con thọ thực.

Cả đêm đó, vị trụ trì không ngủ được vì bỗng dưng từ đâu có người đến giành bớt Phật tử của mình. Sáng hôm sau, ông dậy rất sớm để đến nhà người địa chủ nhưng không gọi vị Tôn giả Alahán kia đi cùng. Thực ra, ông có gõ cửa hai tiếng rất nhẹ, gõ nhưng cố ý không cho

người kia nghe.

Khi đến nơi, người địa chủ hỏi:

-Vị Tôn giả hôm qua đâu?.

Vị trụ trì trả lời:

- Hôm qua ông ăn cái gì đó chắc còn đầy bụng, tôi có gọi mà ông không dậy.

Câu nói tuy nhẹ nhưng là một lời chỉ trích, nói xấu làm cho người nghe có cảm giác vị Tôn giả kia ăn no, ngủ quên không chịu tu hành. Ăn xong, vị địa chủ lấy riêng một bát thức ăn và nói:  
-Con mong thỉnh Ngài, Ngài đem về cho vị kia giùm con.

Đi giữa đường, gặp đám than hồng người ta đang đốt, ông đổ tất cả bát cơm vào đó. Lúc bấy giờ, ở tinh xá, vị Tôn giả Alahán đã biết tất cả mọi chuyện. Thấy ông này quá đồ kỵ, ông đáp y, mang bát bay lên hư không qua vùng khác ở và không về đó nữa.

Về đến nơi không thấy vị kia, vị trụ trì giật mình nghĩ: “Hay là vị này đã chứng đạo biết được tâm ta đồ kỵ nên bỏ đi không ở lại. Ôi, ta vì ngu si đã làm một chuyện lầm lỗi”. Sau đó, ông buồn rầu, hối hận rồi chết.

Khi chết, ông xuống địa ngục mấy ngàn năm, bị

thiêu đốt ở đó. Hết nghiệp địa ngục, ông lên làm quỷ đói, trong năm trăm năm không hề được ăn một miếng gì trừ cái bào thai chết của người ta trục ra một hai lần. Sau khi mãn năm trăm năm ngạ quỷ, ông bị đọa làm chó năm trăm đời.

Trong thời gian làm chó, không bao giờ ông được người ta cho ăn uống đàng hoàng, chỉ được ăn khi người ta nhậu say nôn ói ra ngoài. Con chó ấy gầy ốm rồi chết. Sau đó, được trở lên làm người. Nhưng nơi ông được sinh ra, cả làng luôn mang tai họa. Ông bị người ta đuổi ra khỏi làng, sống lang thang vất vưởng. Sau này, ông gặp Đức Phật (lúc đó Ngài còn là Bồ tát). Ngài giáo hóa theo Phật để củng cố lại nhân duyên với Phật Pháp.

Trong kiếp cuối cùng thời Đức Phật sinh ra đời, ông cũng được sinh ra tại một làng đánh cá. Vào ngày ông ra đời, không ai đánh được một con cá nhỏ nào, hồ nước dự trữ cho làng cũng bị cạn, một số nhà trong làng bỗng nhiên bốc lửa cháy, rồi tự nhiên vua ra lệnh bắt cả dân làng... Những chuyện xui cứ tới dồn dập. Thế là người ta nghĩ trong làng đã xuất hiện một người nào đó xúi quẩy, phải tìm cách loại ra. Lúc đầu,

họ chia làng thành hai phần độc lập, không giao thiệp với nhau nữa. Phân nửa làng không có ông thì làm ăn phát đạt trở lại, còn nửa làng kia vẫn tiếp tục bị xui xẻo. Thế là, phân nửa làng đó lại được chia làm đôi. Cứ thế, cuối cùng chỉ còn lại gia đình ông. Họ đuổi gia đình đó ra khỏi làng và làng lại làm ăn trở lại bình thường. Khi bị đuổi, người chồng đuổi luôn người vợ ra khỏi nhà. Vì núm ruột mình đứt ruột để ra, người vợ không nỡ dứt bỏ nên cố gắng làm lụng nuôi ông trong đói khổ. Khi ông lấm chẫm cầm bình bát đi xa được, bà sai con đi xin ăn và ở nhà bà trốn đi. Thế là từ ngày đó, ông bắt đầu cuộc đời đói khổ, tự lập thân sống như con quỷ ăn bùn.

Nhiều khi chỉ xin được mấy hạt cơm người ta làm rơi ở sàn nước để ăn cho đỡ đói. Đến khi gặp ngài Xá Lợi Phất, bằng đạo nhãn, ngài Xá Lợi Phất thấy rằng người này có duyên với Phật Pháp, có thể tu được dù nghiệp rất khác nghiệt. Ngài hỏi:

-Cha mẹ con ở đâu?

-Thưa, mẹ con vì con mà quá khổ sở nên đã bỏ con.

-Con có muốn xuất gia không?



-Lành thay Tôn giả! Nếu có thể cho con được xuất gia!

Thế là ngài Xá Lợi Phất đem ông về, cạo tóc cho xuất gia. Mặc dù đã tu chứng Alahán nhưng suốt một đời, không bao giờ Ngài được ăn no cho đến ngày chết.

Quả báo đố kỵ kinh khủng, đáng sợ như vậy. Vì Ngài đã đố kỵ với vị Alahán nên bị đọa đày không biết bao nhiêu kiếp.

Trong cuộc sống, những người hay đố kỵ phải chịu nhiều quả báo. Nếu không có tài năng, luôn ganh tỵ với người, đời sau chúng ta sẽ không có tài năng. Thấy ai thành công, chúng ta chỉ trích, bực bội thì đời sau thành công sẽ không đến, làm gì cũng thất bại. Những người làm việc hay thất bại thường do nhiều nguyên nhân nhưng trong đó có nguyên nhân do đời trước có tâm đố kỵ nặng quá. Ngoài ra, người có tâm đố kỵ còn chịu một quả báo nữa là bị thân quyền bỏ rơi. Vì chỉ trích cho người ta bỏ nhau, ghét nhau thì chúng ta sẽ chịu quả báo sống cô đơn, bị người thân ghét bỏ. Và quả báo nặng hơn nữa là bị đọa ba đường ác: địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh.

## ĐỀ PHÒNG TÂM ĐỐ KỶ

Tâm đố kỵ đem lại quả báo khủng khiếp như vậy nên chúng ta phải đề phòng, đừng để nó khởi phát. Nhưng đề phòng tâm đố kỵ bằng cách nào?

Trong phạm vi gần

Đối với những huynh đệ cùng lớp, cùng trường và nhất là cùng trình độ với nhau, lúc nào chúng ta cũng chân thành cầu mong huynh đệ hơn mình. Nếu lỡ học kém, chúng ta cũng cầu mong cho huynh đệ mãi mãi hơn mình. Như thế, chúng ta sẽ có phước và dần dần sẽ học giỏi hơn. Nếu lúc nào cũng muốn hơn người, chúng ta sẽ ngày càng kém sút.

Khi thấy huynh đệ được nhiều người mến (đặc nhân tâm), chúng ta đừng phủ nhận mà phải tìm thấy ưu điểm nào đã khiến họ được như vậy. Có thể họ có phước gì đó trong quá khứ và ưu điểm gì đó trong hiện tại. Tìm những ưu điểm của bạn để chúng ta học hỏi, tuyệt đối không được chê bai, dè bĩu.

Trường hợp huynh đệ mình có uy tín, được người lớn giao nhiệm vụ như trông coi hương đăng, tiếp khách, tri sự, quản chúng, chúng ta

phải tận tình phụ giúp để huynh đệ hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Chúng ta đừng vì ganh ghét mà lén lút phá đám.

Sau một thời gian tu hành, thấy huynh đệ mình tu tiến, ngồi thiền được lâu, thuyết giảng hay, chúng ta phải hoan hỷ và thật lòng kính trọng. Vì người có trí tuệ, định lực tăng tiến cũng chính là thầy mình.

Đối với những huynh đệ kém hơn, chúng ta phải tận tình chỉ dạy, không giấu giếm để huynh đệ vượt lên. Thâm tâm chúng ta phải lúc nào cũng mong cho huynh đệ tốt hơn mình. Nếu thấy huynh đệ nào chữ viết còn xấu, chúng ta chỉ họ cách rèn từng chữ để dần dần chữ viết được đẹp hơn. Hoặc thấy huynh đệ viết câu văn chưa chuẩn, chưa suông, chấm câu còn tùy tiện, chúng ta phải hướng dẫn họ nắm lại những qui tắc ngữ pháp cơ bản.v.v... Nói chung, chúng ta luôn tận tình chỉ dạy cho huynh đệ tiến lên.

**Ở phạm vi xa (lúc trưởng thành làm việc lớn)**

Đây là lúc tâm đồ kị dễ có điều kiện khởi phát nhất. Vì lúc này, mối quan hệ của chúng ta rộng rãi hơn, quyền lợi cũng nhiều hơn. Vì vậy, chúng ta càng đề phòng tâm đồ kị cẩn thận

hơn.

Khi nghe có giảng sư nào thuyết pháp hay, được nhiều người hâm mộ, chúng ta phải chân thành tìm thấy ưu điểm của vị đó để tán thán, học hỏi, dù rằng có khi, giữa chúng ta và người ấy không đồng quan điểm. Trước những ưu điểm của người, chúng ta phải đánh lễ, kính trọng. Có như vậy, tâm đồ kỵ mới bị tiêu trừ và chúng ta mới có thể tiến bộ.

Đối với những vị tu có kết quả tâm linh, chúng ta phải chân thành kính trọng. Vì đó chính là những vị Thánh của cuộc đời, là chỗ dựa cho chúng sinh. Làm một giảng sư hay không bằng những người đắc định, ngộ đạo thật sự trong tâm. Họ mới thật sự là chỗ dựa của chúng sinh. Có thể người đó nhỏ tuổi hơn chúng ta, tu sau chúng ta nhưng nếu họ đạt được kết quả tâm linh thì tận trọng thâm tâm, chúng ta phải xem họ là thầy mình và thật lòng kính trọng, không được khởi tâm đồ kỵ. Nếu gửi đến các bậc Thánh lòng kính trọng, sau này chúng ta cũng sẽ đạt được nhiều điều tốt lành. Mặt khác, chúng ta phải giới thiệu những vị có tài đức cho nhiều người biết để cùng học hỏi. Chẳng hạn,

bác Như Sanh là người đạo Hòa Hảo nhưng sách Bác viết rất hay và sâu sắc. Khi giảng Pháp, nhờ giới thiệu cuốn sách cho nhiều người biết, chúng ta đã làm được một điều tốt là tạo mối quan hệ giữa đạo Hòa Hảo và đạo Phật mặc dù lâu nay, giữa hai đạo này vốn không có thiện cảm với nhau.

Như vậy, khi chân thành ca ngợi cái hay của người khác, chúng ta sẽ góp phần làm cho thế giới này đoàn kết hơn. Đối với những người có chức vụ cao hơn mình, chúng ta cố gắng phục vụ để giúp họ làm tròn trách nhiệm. Tận trong thâm tâm, chúng ta không mong cầu tìn đồ, tiền bạc, địa vị, danh tiếng vì tất cả chỉ là hư ảo. Vì không mong cầu nên chúng ta không có cảm giác bị đụng chạm quyền lợi với ai và không nảy sinh lòng đố kỵ khi thấy người khác hơn mình. Nói tóm lại, tâm đố kỵ rất đáng sợ. Vì vậy, chúng ta phải thương yêu mọi người chân thành, lúc nào cũng mong mọi người hơn mình. Đó là những nguyên tắc để diệt trừ tâm đố kỵ.

## **GIẢI THOÁT ĐỂ LÀM GÌ?**

## **GIẢI THOÁT LÀ MỤC TIÊU CỦA ĐẠO PHẬT**

Khi đến với đạo Phật, tất cả chúng ta đều xác định mục tiêu là tìm đến sự giác ngộ, sự giải thoát. Đó là lời khẳng định đúng đắn con đường đi của đạo Phật. Nhưng trong đạo Phật, ý niệm đem lợi ích cho chúng sinh cũng là một mục tiêu quan trọng không kém.

Như vậy, vừa tìm đến sự giải thoát, vừa đem lại lợi ích cho cuộc sống của con người luôn luôn là đôi cánh của con chim mà người tu theo Phật phải nhận thức chắc chắn không làm lẫn. Đó cũng là sự minh chứng hùng hồn rằng đạo Phật hoàn toàn không phải là đạo tiêu cực.

Nhưng để thiết tha đi tìm sự giải thoát, trước hết chúng ta phải hiểu sâu sắc thế gian này là ràng buộc, là đau khổ. Hiểu như vậy, chúng ta mới thấy được ý nghĩa của sự giải thoát. Nếu không ý thức được cuộc sống hiện nay là đau khổ thì lý tưởng giải thoát sẽ trở nên vô nghĩa.

Bao giờ cũng vậy, khi rơi vào hoàn cảnh bức xúc, ngặt nghèo, lý tưởng tìm đến giải thoát sẽ mạnh mẽ hơn. Trong hoàn cảnh sung sướng no đủ, người ta dễ mãn nguyện và không thiết tha tìm cầu điều gì vượt thoát hơn. Đạo Phật được gọi là đạo của trí tuệ chính vì ngay trong bất cứ hoàn cảnh nào, dù khổ đau hay sung sướng, người ta cũng được soi sáng một chân trời cao

siêu hơn, hoàn thiện hơn. Người ta sẽ luôn luôn được cảnh báo rằng cái sung sướng mà họ đang hưởng thực chất rất nông cạn, tầm thường, mong manh và nguy hiểm. Đây là trí tuệ then chốt của người tu học Phật Pháp.

Nếu không hiểu sâu sắc sự đau khổ của cuộc sống, chúng ta sẽ không có khát vọng hướng đến sự giải thoát. Một lúc nào đó, có người không tin tôn giáo, thắc mắc rằng tại sao Đức Phật nói cuộc đời là khổ trong khi con người, ai cũng có lúc khổ, có lúc sướng, chúng ta sẽ lúng túng không trả lời được. Hỏi như vậy, có nghĩa là người ta cảm thấy sự khẳng định của Đức Phật là cực đoan và cách nhìn thế gian của đạo Phật quá bi quan.

Về sự khổ, chúng ta đã học một phần trong kinh: Bát Đại Nhân Giác. Trong Tứ Diệu Đế, khổ được chia ra làm tám loại: Sinh, lão, bệnh, tử, cầu bất đắc, oán tắng hội, ái biệt ly và ngũ ấm xí thạnh. Chúng ta chưa bàn đến Sinh, lão, bệnh, tử vì đó là những vấn đề lớn. Cầu bất đắc là cầu không được. Ái biệt ly là thương yêu mà phải chia cách. Oán tắng hội là ghét mà cứ gặp hoài. Ngũ ấm xí thạnh là thân tâm là một khối khổ.

Xét từng trường hợp, chúng ta thấy rằng, có người cầu mong điều gì đều được như ý. Người ấy không có gì phải đau khổ. Như vậy, làm sao

khẳng định rằng cuộc đời này toàn là đau khổ? Hoặc nói ái biệt ly là đau khổ. Nhưng nếu người mình thương yêu luôn ở bên cạnh, không hề xa cách, thì làm gì có sự đau khổ. Như vậy, khẳng định cuộc đời này toàn là đau khổ, phải chăng đó là điều không đúng? Hoặc nói oán tắng hội là ghét mà gặp mặt hoài là khổ. Nhưng có những người mình ghét mà chẳng ở chung với họ thì không có gì gọi là khổ v.v... Nhiều người cứ lý luận như vậy, nếu chúng ta không hiểu rõ được nỗi đau khổ của cuộc đời thì sẽ không trả lời được. Cho nên, dù làm giảng sư hay không, chúng ta cũng phải chuẩn bị cho mình những lý luận cơ bản để có thể giải thích vấn đề một cách hợp lý. Trước hết, chúng ta phải hiểu rõ nỗi đau khổ của cuộc đời để thiết tha tu hành. Nhưng làm sao chúng ta nhận ra cuộc đời mình đang sống là đau khổ, là ràng buộc?

Để trả lời điều đó, chúng ta phải biết so sánh. Chẳng hạn, nếu nhìn một con chó hoang ghê lác, lông rụng hết, mùa đông đến, phải sống trong giá lạnh, lại bị con người xua đuổi, phải sống lang thang ngoài đường phố, chúng ta sẽ thấy thân phận nó khổ biết chừng nào. So sánh với thân phận con người, chúng ta sẽ nghĩ nếu thoát được thân chó và làm người, chắc chắn nó sẽ sung sướng hơn. Hoặc nhìn thấy những



con kiến bé nhỏ đang ì ạch tha mồi mang về hang, về tổ, chúng ta sẽ xót thương thân phận chúng vô cùng, vì chúng quá cực khổ. Thân phận con kiến đã quá bé nhỏ lại phải cằn mẫn tha từng miếng mồi to hơn mấy lần thân nó một cách vất vả. Với con người chúng ta, miếng mồi ấy có đáng gì, có thể đó chỉ là mảnh vụn rơi ra từ cái bánh ta vừa ăn. Nhưng đối với họ nhà kiến, miếng mồi ấy quý giá vô cùng. Như vậy, thử so sánh thân phận con kiến với con người, chúng ta sẽ thấy nó quá khổ còn mình thật sung sướng, hạnh phúc. Dầu sao, chúng ta cũng có cái ăn, có cái dự trữ, chúng ta còn được đi đó đi đây, xa hơn và tự do hơn. Trong khi đó, con kiến bị ràng buộc trong một phạm vi nhỏ hẹp. Bao giờ cũng vậy, nhìn xuống dưới, chúng ta luôn thấy mình sướng hơn nhiều người, nhưng nếu so sánh với Chư Thiên, chúng ta sẽ chợt thấy đời mình đầy ắp những nỗi khổ đau. Chư Thiên sống một cuộc sống thông dong an vui, tự do, tự tại và muốn gì được nấy. Nếu muốn đi đâu, chỉ cần khởi ý niệm bên này, chư Thiên sẽ biến mất và hiện ngay lập tức ở bên kia. Hoặc muốn liên lạc với ai, chỉ bằng ý niệm của mình, Chư Thiên sẽ làm cho người kia nhận ngay được ý tưởng. Các vị sống trong một thế giới mà mọi điều đều tốt đẹp. Rõ ràng, so sánh như

vậy, chúng ta sẽ thấy con người sống khổ hơn rất nhiều so với chư Thiên.

Trong cuộc sống, cũng có những lúc chúng ta thấy mình được vui, được hạnh phúc, nhưng cái vui của thế gian này nếu so sánh với Niết Bàn tuyệt đối của Phật chẳng có ý nghĩa gì. Như vậy, sở dĩ Đức Phật tuyên bố cuộc đời này đau khổ là vì Ngài dựa vào Niết Bàn tuyệt đối mà Ngài đã chứng được. Khi đã chứng được Niết Bàn tuyệt đối, Ngài mới hiểu rằng, mọi cái gọi là niềm vui hay hạnh phúc của thế gian thực chất chỉ là đau khổ vì nó quá tầm thường. Chúng ta chưa chứng được điều đó, chỉ nghe Phật nói nên thường hiểu không sâu sắc.

Sự thật, những gì chúng ta gọi là hạnh phúc (được nhà cao cửa rộng, lắm của nhiều tiền...) so với trạng thái Niết Bàn tuyệt đối của Chư Phật, chỉ là điều vụn vặt không đáng kể. Nếu so sánh với con kiến, chúng ta thấy nó quá cực khổ, quá ràng buộc, còn mình quá tự tại thì Đức Phật nhìn cuộc sống của chúng ta cũng vậy. Ngài thấy mình tự do, tự tại mà chúng sinh phải lặn hụp kiếm từng miếng ăn nho nhỏ chẳng khác gì con kiến.

Chúng ta thử hình dung chứng kiến cảnh hai con kiến đang giành nhau một mẩu bánh của con người làm rơi, chúng ta sẽ nghĩ gì? Có thể

lúc ấy chúng ta cảm thấy buồn cười vì sự tranh giành lật vật, xâu xé lẫn nhau vì một vật không đáng gì của chúng. Điều đó chẳng khác gì cách nhìn và cách nghĩ của Chư Thiên hay Chư Phật đối với chúng ta. Đối với các vị Bồ tát, Alahán, địa vị, danh lợi chỉ là những thứ tầm thường chẳng khác gì hạt bụi rơi ra từ chiếc bánh. Vậy mà, chúng ta lại cứ giành nhau, xâu xé lẫn nhau, cho đó là những gì quý nhất, quan trọng nhất. Khi hiểu được như vậy, chúng ta sẽ thấy rằng cuộc đời này thật sự là bể khổ. Những lúc cảm thấy sung sướng là do chúng ta chỉ so sánh lẫn quần trong phạm vi cuộc sống của con người. Nếu so sánh với hạnh phúc của Chư Thiên hoặc với sự an lạc của một vị Bồ tát, một vị Alahán, một vị Phật, thì những cái gọi là sung sướng trong cuộc đời này thật quá tạm bợ, quá nhỏ bé tầm thường. Chừng nào hiểu sâu sắc ý nghĩa đau khổ của cuộc đời, hiểu được thân phận tầm thường, nhỏ nhoi của mình, chừng ấy chúng ta mới hiểu sâu sắc đạo Phật và thiết tha đi tìm sự giải thoát.

Nguyên nhân của đau khổ là gì?

Đó là do khuynh hướng vị kỷ. Chúng ta biết rằng, vị kỷ sinh ra nhiều hệ quả, trong đó có một hệ quả quan trọng là sự đau khổ. Hay nói cách khác, tất cả những đau khổ của con người đều

bắt nguồn từ vị kỷ. Chúng ta thường dựa trên hai ý nghĩa cho rằng vị kỷ sinh ra đau khổ; hệ quả của tâm lý hiện tại và hệ quả của luật nhân quả đưa đến vị lai. Ví dụ, khi có người nào đó đem đến cho chúng ta một vật quý, chúng ta sợ phải chia lại cho người khác nên vội vàng tìm cách cất giấu và hưởng thụ riêng. Đó là tâm lý vị kỷ. Như vậy, điều đau khổ thứ nhất là chúng ta rơi vào trạng thái bất an. Hệ quả bất an là hệ quả về tâm lý. Đó cũng là đau khổ trong hiện tại. Về vị lai, qua một kiếp nào đó, theo luật nhân quả, chúng ta sẽ không được may mắn trong cuộc sống. Muốn làm điều gì, chúng ta cũng bị ràng buộc, khó khăn, chướng ngại, và cuối cùng không làm được việc gì có ý nghĩa. Còn gì đau khổ hơn khi sống mà chỉ có thất bại và hèn kém! Như vậy, vị kỷ là nguyên nhân của đau khổ. Ngược lại, người sống vị tha, sống cho người khác sẽ được nhiều phước nên dần dần được tự do và làm điều gì cũng được như ý nguyện. Đây là công thức tuyệt đối đúng. Nhìn vào thực tế, chúng ta sẽ thấy điều này rất rõ. Chẳng hạn, người thiếu phước muốn đi đâu, làm gì cũng khó khăn vì không đủ điều kiện. Trong khi đó, người có phước được giàu có về vật chất, muốn điều gì họ sẽ thực hiện được ngay, không bị ai ngăn cản. Như vậy, người không được tự do

làm theo ý mình muốn là người thiếu phước. Hay nói cách khác, càng có phước chúng ta càng được tự do. Tiên đề này rất quan trọng. Tự do còn có nghĩa là giải thoát. Trong tiếng Anh, giải thoát và tự do đều được dùng một chữ là freedom, hoặc liberty.

Càng có phước chúng ta càng được tự do nghĩa là càng được giải thoát. Cho nên, chúng ta phải sống vị tha để tạo thêm phước. Nếu sống vị tha nhiều, phước sẽ càng lớn và chúng ta càng tự do hơn.

Người tu đến độ vị tha hoàn toàn tuyệt đối là người cả cuộc đời chỉ sống cho mọi người, tuyệt đối không cầu cho mình điều gì dù chỉ trong ý nghĩ. Những người ấy sẽ có được phước đến vô biên và tự do không còn giới hạn. Đó thực sự là người được giải thoát. Như vậy, có hai con đường để chúng ta đi đến giải thoát. Một là tu tập trí tuệ thiền định để phá chấp ngã, phá vô minh và đạt được giải thoát. Hai là chúng ta sống cuộc đời vị tha, tạo phước cho đến vô biên vô lượng, để đạt được sự tự do tuyệt đối. Thực ra, hai con đường này chỉ có chung một lối, con đường tu tập thiền định, trí tuệ để phá chấp ngã, phá vô minh gọi là con đường tu Huệ. Con đường thứ hai gọi là tu Phước. Phước Huệ song tu là điều Đức Phật đã nói từ ngàn xưa.

Chúng ta đi tìm sự giải thoát phải đi trên cả hai con đường này, vừa tu phước vừa tu huệ. Tu phước hoặc tu huệ thật sự chỉ là một con đường duy nhất để đi đến giải thoát.

Có người hỏi bác Như Sanh rằng, đạo Phật là đạo tìm sự giải thoát vượt ra ngoài cả thiện và ác. Vậy khi tu hành giải thoát trong đạo Phật, chúng ta không làm tội cũng không tạo phước, điều đó có đúng không? Bác đã trả lời không đúng. Ông lý giải rằng, càng có tội, người ta càng bị ràng buộc và càng làm phước, người ta càng được tự do. Người ta chỉ được tự do trong phước và bị ràng buộc trong tội. Câu trả lời ấy làm cho đạo Phật viên mãn. Vì khi đi tìm sự giải thoát, chúng ta sẽ sống một cuộc đời hết sức vị tha, làm lợi ích cho tất cả mọi người. Điều này hoàn toàn trái với quan niệm cho rằng, muốn tìm sự giải thoát phải buông bỏ tất cả, quên hết tất cả mọi người, chỉ lo đóng cửa tu tập, lo cho chính mình. Đó là quan niệm rất sai lầm.

Chúng ta có quyền hoài nghi khi xét lại chuyện Tôn giả Losaka Tissa bị đói suốt đời, đến giờ phút cuối cùng nhờ thần lực và uy đức của ngài Xá Lợi Phất mới được ăn một bữa no đủ trước khi nhập diệt, và sau đó được chứng Alahán. Một người thiếu phước như ngài Losaka Tissa làm sao có thể đạt được sự giải thoát như vậy?

Chúng ta luôn nhớ một điều, sự tự do, sự giải thoát bao giờ cũng phải xuất phát từ phước. Trong suốt truyện tích về ngài Losaka Tissa, chúng ta chỉ thấy từ nghiệp đổ kỵ mà Ngài bị quả báo quá nặng nề. Trong khi đó, không có chi tiết nào kể về việc Ngài tạo phước lớn hơn để vượt qua sự quả báo ấy. Vậy mà, cuối cùng Ngài vẫn chứng được Alahán.

Chính vì những sự vô lý như vậy nên một số học giả phương Tây thường tỏ ra hoài nghi những kinh điển cổ. Trong chuyện này họ cho rằng, người sau có thể thêm thắt vào để có một kết thúc như vậy. Vì một người đang trong tình trạng thiếu phước cực độ không thể có được sự giải thoát. Khi bàn đến vấn đề này, chúng ta có quyền xét lại câu chuyện về tôn giả Losaka Tissa. Có thể Ngài còn một cái nhân lành rất đặc biệt khác nữa để trợ giúp cho sự chứng ngộ mà kinh điển không ghi ra hết.

## **MỤC ĐÍCH GIẢI THOÁT CHO MÌNH CHỈ LÀ SỰ VỊ KỶ TRÁ HÌNH**

Khi biết chắc rằng cuộc đời này vô cùng đau khổ, chúng ta xác định phải đi đến sự giải thoát. Nhưng nếu chỉ đi tìm sự giải thoát cho chính mình, chúng ta sẽ rơi trở lại tâm vị kỷ. Mà vị kỷ chính là nguyên nhân của mọi đau khổ trên đời.

Không ít người muốn thoát khỏi đau khổ nhưng không ngờ lại gieo nhân đau khổ. Đây là cái vòng lẩn quẩn mà không phải ai cũng dễ dàng thoát ra được. Chúng ta phải cẩn thận điều này. Nếu phát tâm tinh tấn tu hành mà chỉ tu cho bản thân mình, vĩnh viễn không bao giờ chúng ta đạt được sự giải thoát. Thực tế đã chứng minh điều đó.

Chúng ta phải hiểu rằng, thực chất của việc đi tìm sự giải thoát, giác ngộ nằm ngay trong cuộc sống của chúng ta. Nếu tách khỏi đời sống, những danh từ ấy sẽ trở nên vô nghĩa. Muốn giải thoát, mỗi người phải xem lại mình có thương yêu mọi người hay không, có giữ được tâm khiêm hạ hay không. Nếu nghĩ rằng chuyện giải thoát giác ngộ thật xa vời để rồi trong đời sống, chúng ta không có tình yêu thương, chúng ta sống một cách kiêu mạn, đố kỵ với mọi người thì sự giải thoát, giác ngộ chỉ là vô nghĩa.

Đức Phật xuất gia vì có một mục đích rõ ràng là đi tìm đường giải thoát cho chúng sinh. Mặc dù sống một cuộc đời sung sướng vương giả nhưng do lòng thương yêu của một vị Bồ tát nên Ngài nhìn thấy thân phận con người là vô nghĩa. Lúc bấy giờ, ở Ấn Độ, người đã tin có luân hồi và Đức Phật cũng theo tín ngưỡng thời đó. Vì tin có luân hồi nên Ngài nhìn thấy sự đau khổ



của con người. Người ta sinh ra, lớn lên, già đi rồi chết, rồi lại tái sinh. Cứ sống trong vòng lẩn quẩn như thế không biết bao giờ con người mới thoát ra được. Trong vòng lẩn quẩn đó, có khi con người cũng cảm thấy được sung sướng nhưng không phải là sự sung sướng đích thực. Tất cả rồi cũng trôi qua, con người rồi cũng vướng vào sự hơn thua, tranh giành, hận thù, tham lam, ích kỷ rồi cuối cùng cũng chấp nhận cái chết. Có thể bây giờ nghe câu chuyện này, chúng ta cảm thấy bình thường nhưng so sánh với những người khác, chúng ta sẽ thấy được sự vĩ đại trong cái nhìn của Đức Phật.

Hiện nay, trên thế giới có nhiều nhà từ thiện, họ nhìn thấy những nỗi đau khổ của kiếp người, và nỗ lực tìm cách xoa dịu nỗi đau đó. Chẳng hạn, có một nhóm người thấy rằng sử dụng mìn bẫy trong chiến tranh là điều rất vô nhân đạo. Không biết bao nhiêu người dân vô tội đã bị thương tật, đã bị bỏ mạng bởi vướng phải những quả mìn ấy. Nhìn thấy đó là một nỗi khổ lớn của nhân loại, họ đã đoàn kết kêu gọi các nước trên thế giới chấm dứt sản xuất mìn bẫy, chấm dứt sử dụng mìn bẫy trong chiến tranh để giết hại con người. Họ đấu tranh dữ dội khiến một số nước lớn đã phải ngồi vào bàn hội nghị để thảo luận và thống nhất vĩnh viễn chấm dứt sản xuất mìn.

Những việc họ làm thật vĩ đại. Những người ấy cũng nhìn thấy nỗi đau khổ của kiếp người và ra sức làm điều gì đó có lợi cho con người. Hoặc có người nhìn thấy nỗi đau khổ của những người bị bệnh phong cùi, tay chân bị mòn dần, thân hình lở lói khiến người ta sợ hãi, xa lánh mà động tâm. Họ tìm cách giúp đỡ những con người bất hạnh ấy. Những nhà khoa học thì miệt mài trong phòng thí nghiệm để tìm ra loại thuốc chữa bệnh cùi. Những người khác thì không ngần ngại vào những trại cùi để săn sóc, an ủi bệnh nhân cùi. Họ quả thật là những con người vĩ đại. Và trong cuộc sống, còn biết bao nhiêu tấm gương sống vị tha như thế. Họ đều là những người biết yêu thương con người, thấy được nỗi khổ của con người và cố gắng làm những điều lợi ích cho chúng sinh.

Nhưng tất cả những cái họ nhìn thấy chỉ là một góc nhỏ trong nỗi khổ của kiếp người. Còn nỗi khổ lớn, bao trùm vĩnh viễn lên kiếp người là luân hồi thì họ không nhìn thấy được. Đây là chỗ khác biệt giữa họ và Đức Phật. Khi nhìn thấy bên kia làng có một số người nghèo khổ, vất vả không có miếng ăn, Ngài cảm thấy đó thật sự là nỗi khổ nhưng chưa phải là nỗi khổ cuối cùng. Hoặc thấy những người bị bệnh, lăn lóc đau đớn không có thuốc thang, không người

chăm sóc, Ngài biết là khổ thật nhưng vẫn chưa phải là nỗi khổ cuối cùng. Nỗi khổ cuối cùng, lớn nhất theo Ngài, đó chính là luân hồi .

Chúng ta biết rằng, trong kiếp người này, dù người giàu hay người nghèo, dù người bệnh hay người khỏe, may mắn hay bất hạnh, tất cả đều phải bệnh, phải già, phải chết, phải tái sinh. Con người cứ lần lượt một cách mệt mỏi như thế. Nếu chúng ta hiểu được rằng, không phải đây là lần duy nhất mình vào ra thế gian này mà mấy triệu kiếp rồi, và sẽ còn nhiều kiếp nữa phải tiếp tục lang thang, vào ra như thế, chúng ta sẽ thấy chán ngán và mệt mỏi.

Trong bài Lời khấn nguyện chúng ta vẫn tụng hằng đêm, có đoạn viết:

“... Cúi lạy mười phương Phật

Đau khổ đã nhiều rồi

Vô lượng kiếp luân hồi

Đắng cay và mệt mỏi...”

Như vậy, khi hiểu được mình đã lang thang vô lượng kiếp bây giờ còn phải lang thang nữa, chúng ta sẽ cảm thấy cay đắng và mệt mỏi. Đức Phật nhìn thấy ngay điều đó và thấy được nỗi khổ bất tận của chúng sinh nên quyết tâm tìm con đường giải thoát để cứu chúng sinh. Động cơ xuất gia của Đức Phật hoàn toàn vị tha. Và sau đó, Ngài sống những năm tháng lặn lội khổ

sở trong rừng để tu tập cũng vì chúng sinh. Chúng ta cũng vậy, phải xác định dù tu hay học cũng vì lợi ích cho chúng sinh, đừng bao giờ nghĩ đến lợi ích của chính mình. Trong từng giây phút tu hành, chúng ta phải tinh tế nhìn ra điều sai điều đúng, kiểm soát tâm mình để rút ra những kinh nghiệm quý báu. Khi đã có kinh nghiệm, nếu có duyên chúng ta sẽ đứng trên pháp đàn tuyên dương hoằng hóa đạo Phật, thay Phật thay Tổ đem chánh pháp đến cho mọi người. Nếu không có duyên, chúng ta vẫn có lời để khuyên lơn, an ủi những người đang đau khổ khi họ tìm đến với mình. Làm được điều đó nghĩa là chúng ta đã làm lợi ích cho chúng sinh. Nếu cứ vị kỷ, học hành tu tập để được bằng cấp, danh tiếng cho mình, chắc chắn sau này cái chờ đợi chúng ta là khổ đau chồng chất vì lúc ấy chúng ta bị ràng buộc đủ điều. Để làm được những điều ấy, chúng ta phải nhìn kỹ tâm mình, xem mình có còn tâm đố kỵ, còn ganh tị với người khác hay không. Nếu tâm đố kỵ còn tồn tại, chúng ta phải sám hối, phải gạn lọc tâm mình cho thật kỹ. Chúng ta phải sống hết sức vị tha, vượt qua hết những phiền não. Nhiều khi, chúng ta cũng mắc phải những lỗi lầm. Điều quan trọng là mỗi người phải chân thành nhận đó là lỗi để sửa chữa, để tìm cách

vượt qua. Nhờ những lầm lỗi và sự chân thành nhận lỗi mà chúng ta có thêm nhiều kinh nghiệm tu hành. Đó là những kinh nghiệm mà chúng ta tu tập để dạy cho người khác. Người có lỗi mà không cho đó là lỗi sẽ không bao giờ tiến bộ. Như vậy, nhờ những lời dạy của Phật, những lời dạy của Thầy Tổ, kết hợp với sự chân thành nhìn lỗi của mình, chúng ta rút ra được nhiều kinh nghiệm, nhiều nguyên tắc để truyền đạt lại cho người sau. Xét cho cùng, khi phạm sai lầm, chúng ta biết rút kinh nghiệm là đã nghĩ đến người khác. Nếu đã phạm sai lầm, chúng ta phải làm sao cho người khác đừng mắc phải sai lầm như mình. Đó là vị tha.

Ngược lại, được điều gì hay chúng ta đều muốn cho chúng sinh cùng được. Ví dụ, khi được hướng dẫn ngồi thiền điều thân, biết được toàn thân và nhận ra đây là căn bản quan trọng của thiền, chúng ta phải nhớ đến những người khác. Chúng ta mong sao mọi người trước khi vào ngồi thiền đều biết được sự điều thân, vì điều này rất có lợi cho công phu của họ. Như vậy, được điều gì đúng, chúng ta luôn luôn mong cho mọi người cùng được. Và vấp điều gì dở, chúng ta lại muốn mọi người không bị vấp như mình. Đó là vị tha.

Chẳng hạn, khi tâm mình khởi lên điều ham

thích nào đó, chúng ta biết ngay đó là điều dở. Từ chỗ nhận thức như vậy, chúng ta phải tìm cách vượt qua. Khi vượt qua được, chúng ta sẽ nghĩ đến bao nhiêu người khác còn đang vướng kẹt và mong mỗi giúp họ đều vượt qua như thế. Ví dụ vấn đề ái dục, nếu có con đường, có phương pháp đúng đắn để vượt qua được ái dục sẽ có lợi cho những người tu hành biết bao nhiêu. Từ đó, mỗi người một ý kiến để có thể tìm ra được con đường ấy, giúp cho đời sống tu hành của Tăng Ni được thanh tịnh hơn, trong sạch hơn.

Tóm lại, chúng ta không nên đặt ra mục đích giải thoát cho bản thân mình. Vì đó là sự vị kỷ. Là người tu hành, chúng ta phải luôn tìm đến mục đích giải thoát cho chúng sinh.

## **BIỂU HIỆN CỦA GIẢI THOÁT LÀ ĐẠO ĐỨC**

Đạo đức là nền tảng ban đầu. Khi tu, chúng ta bắt đầu bằng đạo đức, phải rèn luyện bằng đạo đức. Nhờ có đạo đức, chúng ta mới tạo được phước. Nhờ phước, chúng ta mới giữ được giới. Người không có phước, không thể giữ giới được. Vì vậy, chúng ta phải tạo phước, phải lay Phật, sống một cuộc sống vị tha, phải khiêm hạ, để có bản lĩnh giữ được giới cho trong sạch. Khi đã giữ được giới, chúng ta mới vào định được.

Khi định đã thành, chúng ta sẽ được tuệ giải thoát. Và biểu hiện của giải thoát lại là đạo đức. Vì khi đã đạt được tuệ giải thoát, đạo đức còn sáng tỏ hơn bao giờ hết. Chúng ta bắt đầu bằng đạo đức và kết thúc cũng bằng đạo đức. Người được xem là tu tiến trong Phật Pháp cũng biểu hiện bằng đạo đức, không phải là điều gì xa xôi, khó hiểu. Chúng ta đừng bao giờ nghĩ rằng, người được giải thoát là người có những lời nói bí hiểm kỳ lạ, có hành vi khó hiểu, có cuộc sống ung dung, nhàn hạ chỉ thích ngao du sơn thủy:

Bình bát cơm ngàn nhà

Thân chơi muôn dặm xa.

Mắt xanh xem người thế

Mây trắng hỏi đường qua.

Hoàn toàn không phải như thế. Người được giải thoát là người có đạo đức, sống cuộc đời vị tha, lo cho người khác. Những người sống phong lưu, nhàn hạ vân du nơi này nơi khác mà chúng ta gặp chưa hẳn là người đã được giải thoát.

Biểu hiện của đạo đức là gì?

Trước hết, đó là tâm từ bi, từ bi rất mạnh. Khi chưa giải thoát, chúng ta phải tu tập lòng từ bi.

Khi giải thoát rồi, lòng từ bi sẽ cực mạnh. Có người ngay từ nhỏ đã là người tốt, sẵn sàng giúp đỡ người khác. Khi lớn lên, biết đạo người ấy lại càng tốt hơn, rất giàu đức hy sinh. Nhất là

khi hiểu đạo một cách sâu sắc, thấy lòng từ bi là một thuộc tính quan trọng không thể thiếu của người tu, người ấy rất siêng năng tu tập từ bi. Khi trở thành giảng sư, đi giảng khắp nơi, vị chân tu ấy cũng luôn kêu gọi mọi người phải tu tập từ bi, sống với nhau trong tình thương yêu. Vậy mà, có lúc vị này chợt nhận ra mình chưa biết thương ai. Đây là điều rất lạ. Dù đã sống rất tốt, hy sinh tất cả cho mọi người, không giữ lại gì cho riêng mình, cực khổ gian nan cũng không nề hà, nhưng vẫn có lúc thấy mình chưa đủ tình yêu thương với mọi người.

Sở dĩ nhận ra điều ấy là do vị chân tu vừa đạt được sự từ bi đích thực. Người chợt hiểu sự quan tâm đến người khác, hy sinh cho người khác của mình trước kia chưa phải từ bi. Đó là cái tốt của lý trí. Nghĩa là vì hiểu đạo lý, đạo dạy phải sống tốt, phải hy sinh, không được ích kỷ mà người ấy đã đối xử tốt với mọi người. Cái tốt đó không xuất phát từ lòng thương yêu thật sự của trái tim. Chỉ khi nào người tu hành cảm thấy trái tim mình thật sự có lòng thương yêu con người thì lúc ấy mới gọi là có từ bi. Và chính lúc ấy, chúng ta mới nhận ra trước kia mình chưa thực sự thương ai. Đây là điều rất khó. Khi đã có một chút từ bi, nhìn thấy ai chúng ta cũng có thể khởi lòng thương yêu. Ngay cả những người



sống giang hồ, quậy phá, nói năng thiếu văn hóa, chúng ta cũng có thể khởi lòng thương yêu mà không hề ghét bỏ. Điều này chúng ta đã được học trong bài Tâm từ. Tuy nhiên, tình yêu thương con người của chúng ta như vậy vẫn chưa đủ, cường độ vẫn còn yếu. Chúng ta chưa thể có tình yêu phủ trùm pháp giới một cách mạnh mẽ như Chư Phật hay Chư Bồ tát. Đó là lý do vì sao người đã được giải thoát, lòng từ bi rất mạnh.

Nếu không cố gắng tu tập, lòng từ bi sẽ bị chai lì, chúng ta sẽ không thương yêu được chúng sinh và dễ dàng rơi trở về tâm vị kỷ. Lúc ấy, đau khổ sẽ ngập tràn. Bởi vậy, chúng ta phải tu tập từ bi để hỗ trợ cho đạo đức của sự giải thoát.

Mỗi khi lễ Phật hay ngồi thiền, chúng ta đều phải tác ý quán từ bi, thương yêu chúng sinh. Cứ thế đến một lúc nào đó, chúng ta sẽ nhận thấy trong trái tim mình tràn ngập tình thương yêu đối với chúng sinh. Đó là lúc chúng ta bắt đầu có được lòng từ bi. Và điều đó chỉ bản thân chúng ta mới hiểu được.

Một biểu hiện khác của đạo đức giải thoát là sự khiêm hạ, khiêm hạ rất sâu vì có trí tuệ vô ngã. Khiêm hạ là khiêm tốn, không khoe khoang, không tranh hơn thua với bất cứ ai. Khi chưa được vô ngã, chúng ta giữ khiêm hạ bằng đạo

lý. Hàng ngày, hàng đêm, chúng ta luôn thấy mình như cỏ rác, cát bụi, mọi lời khen chê chỉ là bóng mây. Tự nhủ thường xuyên như vậy, tự nhắc nhở thường xuyên như vậy nhưng cho đến ngày nhắm mắt xuôi tay, chúng ta vẫn chưa hẳn đạt được khiêm hạ thật sự. Chỉ trừ khi được giải thoát hoàn toàn, chúng ta mới mong đạt được điều đó. Khi chưa thật sự giải thoát, ngã chấp luôn tồn tại. Rồi chấp ngã luôn tạo nên khuynh hướng kiêu mạn. Những tâm niệm kiêu mạn ấy rất dễ khởi lên trong tâm của mỗi người để thấy mình hơn người khác. Điều đó luôn luôn có thể xảy ra nếu chúng ta không kiểm soát kỹ tâm mình.

Xuất phát từ chấp ngã, những tâm kiêu mạn có thể khởi ra từng giờ, từng phút, nếu chúng ta không biết tỉnh táo thường xuyên kiểm soát tâm mình. Nếu chúng ta không siêng năng lạy Phật, không siêng năng phát nguyện thì những tâm niệm kiêu mạn ấy sẽ tàn phá hết tâm hồn mình. Trong bài Lời khẩn nguyện, chúng ta vẫn thiết tha mỗi ngày:

“... Cho con biết khiêm hạ  
Biết tôn trọng mọi người  
Tự thấy mình nhỏ thôi  
Việc tu còn kém cõi...”

Đó là những lời tâm niệm để giữ tâm hồn mình

lại. Nếu không giữ được, kiêu mạn sẽ xuất hiện. Người giải thoát do đạt được trí tuệ vô ngã nên không một hạt bụi nào có thể che mờ tâm các Ngài. Hay nói cách khác, tâm phiền não hay kiêu mạn dù nhỏ như một hạt bụi cũng không ngự trị trong tâm các Ngài. Bao giờ cũng vậy, các Ngài luôn kiểm soát tâm mình rất kỹ nên tâm kiêu mạn không khởi lên được, luôn luôn khiêm hạ, kín đáo, nhẹ nhàng.

Có những người được gọi là tu có tiến bộ, có tâm linh, có sở đắc, nhưng trong lời nói của họ vẫn còn cái ngông nghênh. Những người ấy rõ ràng chưa thật sự giải thoát, vẫn còn ngã chấp rất nặng. Đây là chỗ để chúng ta đánh giá mức độ tu tập của người khác và rút ra kinh nghiệm cho bản thân mình. Đừng bao giờ nghĩ rằng, tâm linh tiến bộ là hết kiêu mạn. Có người tu vào được định lại kiêu mạn hơn trước. Đây cũng là điều mà chúng ta phải cẩn thận. Với người giải thoát, đạo đức còn được biểu hiện ở sự tùy hỷ với ưu điểm và thành công của người khác. Khi biết họ có tài đức, có nhiều ưu điểm, có lòng từ bi, chúng ta vui mừng thật sự. Khi gặp một vị thầy tinh tấn tu hành, gương mặt phúc hậu, tỏa ra vẻ đẹp tâm hồn chân chính, nghiêm túc, chúng ta vui mừng vì biết đây là một trong những cột trụ của Phật Pháp. Có thể bây giờ

chưa có tiếng tăm gì, nhưng sau này chắc chắn người ấy sẽ làm lợi ích cho nhiều người. Nghĩa là sau này khi đến với họ, chúng sinh sẽ được an lạc, hoan hỷ. Chúng ta thực sự vui mừng khi nhìn thấy trong đạo có những con người như thế. Trước ưu điểm và sự thành công của người khác, người đã giải thoát sẽ thấy lòng tự nhiên chan hòa, vui sướng. Như vậy gọi là tùy hỷ. Hạnh tùy hỷ ngược lại đổ kỵ.

Một điều quan trọng nữa là người đã được giải thoát không bao giờ khinh miệt người kém hơn mình, không bao giờ khinh miệt người làm lỗi. Họ luôn mong cho tất cả mọi người trở thành người tốt dù biết rất rõ ai cũng có khuyết điểm. Đây là điều rất quan trọng. Người đã giải thoát rồi dù không muốn, không suy nghĩ nhưng tính cách của họ, tâm của họ lúc nào cũng bao dung như người cha, người thầy, người bạn lành của chúng sinh. Khi chưa giải thoát, chúng ta ai cũng có khuyết điểm, nhưng giải thoát rồi khuyết điểm không còn nữa. Lúc ấy, nhìn thấy những người khác có khuyết điểm, chúng ta vẫn không khinh bỉ, chỉ mong cho họ tốt lên. Đó chính là lòng bao dung, lòng từ bi cao cả.

Người giải thoát thật sự có thể được xem là bóng cây râm mát, làm nơi che chở, làm chỗ nương tựa cho chúng sinh. Ví dụ, khi biết rằng,

tâm bao dung là biểu hiện của đạo đức, người giải thoát có tâm bao dung như một người cha, một người thầy, chúng ta có thể yên tâm đem lỗi của mình giải bày với họ. Những lỗi đó chúng ta bí mật giấu kín trong lòng không cho ai biết, nhưng khi đến với người đã giải thoát, chúng ta không ngần ngại nói ra tất cả. Nghĩa là chúng ta tin ở lòng thương yêu và bao dung của họ.

Chúng ta biết rằng, khi nghe nói lỗi, người ấy sẽ không tỏ ra khinh bỉ mà vẫn bao dung, vẫn răn dạy mình, vẫn khuyên mình những điều sáng suốt để mình vượt qua được lỗi lầm. Đó là tấm lòng, là tính cách của người giải thoát. Ngược lại, khi có lỗi, chúng ta thường che giấu người khác vì biết họ không thương yêu mình, không đủ sức cảm thông với mình.

Người giải thoát có khả năng bao dung được các Pháp môn tu hành trong đạo Phật. Đạo Phật có nhiều pháp môn, người giải thoát có thể đắc đạo nhờ một pháp môn nào đó nhưng vẫn bao dung được các pháp môn khác. Không bao giờ họ cho rằng, chỉ có pháp môn mình tu mới đúng, còn những pháp môn khác là sai. Đây là điểm để chúng ta nhận ra người đã giải thoát thật sự và người chưa thật sự giải thoát, cũng là điểm để kiểm tra chính mình đã đi gần đến sự giải thoát hay chưa. Ví dụ, một người niệm Phật có

kết quả nên chê những pháp môn khác, người đó chưa phải là người giải thoát. Hoặc người tu quán hơi thở, nhiếp được vào trong định, gặp pháp môn nào cũng chê cả. Cái định của họ chưa phải là giải thoát. Tâm bao dung là một thuộc tính của Thánh. Một vị được gọi là chứng Thánh, được giải thoát phải có tâm bao dung, trước hết là trong đạo Phật và sau nữa là đối với các tôn giáo khác.

Hiện nay, ở nước ta có 6 tôn giáo được Nhà nước công nhận: Phật giáo, Thiên Chúa giáo, Tin Lành, Cao Đài, Hòa Hảo và Hồi giáo. Giữa các tôn giáo có nhiều điểm khác biệt. Người theo tôn giáo nào sẽ cho tôn giáo đó là đúng nhất. Chúng ta cũng vậy. Vì tin tưởng chắc chắn đạo Phật là chân lý đúng nhất nên chúng ta đã tu theo đạo Phật. Nhưng hãy nhớ rằng, không vì có niềm tin như vậy chúng ta chê bai, phỉ báng các tôn giáo khác. Một trong những biểu hiện đạo đức của người giải thoát là luôn tìm những chỗ tương đồng giữa các tôn giáo.

Ví dụ, giữa đạo Thiên Chúa và đạo Phật có nhiều điểm rất khác nhau. Chúng ta không tin có Thượng đế và không tin chính Thượng đế tạo ra muôn loài. Trong khi đó, những người theo đạo Thiên Chúa lại rất tin điều đó. Đây là điểm khác nhau rất căn bản giữa hai tôn giáo. Nhưng

không để ý đến sự khác biệt đó, chúng ta nên tìm những điểm tương đồng như tình thương yêu, lòng bác ái, sự công bằng, thưởng phạt nghiêm minh của Thượng đế. Những điều ấy chúng ta vẫn có thể lý giải để thấy sự tương đồng với đạo Phật ở lòng từ bi, ở luật nhân quả. Từ đó, khi gặp người theo đạo Thiên Chúa, chúng ta vẫn có điểm để tôn trọng họ. Chúng ta tin rằng, khi thực hiện những giáo lý đó, họ cũng trở thành những người tốt. Chúng ta đừng nghĩ rằng, chỉ có đạo Phật là chính, những đạo khác là tà.

Một biểu hiện đạo đức nữa của người giải thoát là tùy duyên mà sống, làm lợi ích cho mọi người, dù lớn hay nhỏ. Nghĩa là dù làm một việc rất lớn là đăng đàn thuyết pháp, hoằng hóa đạo Phật cho nhiều người hay chỉ một vài lời khuyên giúp người đau khổ, chúng ta cũng không từ nan. Việc lớn chúng ta cũng làm, việc nhỏ cũng không bỏ qua, miễn là những việc ấy đem lại lợi ích cho tất cả mọi người.

## **SỰ KHỦNG HOẢNG ĐẠO ĐỨC CỦA THẾ GIỚI VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA ĐẠO PHẬT**

Hiện nay, sống trong một thế giới mà văn minh vật chất và kỹ thuật hiện đại đang phát triển đến chóng mặt, con người dần dần đánh mất đi

những giá trị đạo đức, những giá trị tinh thần đã từng ngự trị trong đời sống của họ từ bao đời nay. Vì thế, tội phạm lan tràn trên mọi lĩnh vực, ở khắp mọi nơi, mọi giới, mọi lứa tuổi. Ngành nghề nào cũng có người phạm tội, khó mà kiểm soát được.

Ông bà ta thường nói: Túng quá hóa liều hoặc Đói ra ma, no thành Phật. Có nghĩa là vì hoàn cảnh quá khó khăn, hoặc rơi vào bước đường cùng, con người thường làm liều để trở thành kẻ phạm tội. Ngày nay, kẻ phạm tội không hoàn toàn là những người nghèo túng, khó khăn hay ngu si không biết luật pháp. Họ còn là những trí thức, rất am hiểu luật pháp, là những người giàu có, những kẻ có chức quyền trong xã hội.

Những con người này, một khi đã cố tình phạm tội, rất khó phát hiện bởi thủ đoạn của chúng quá tinh vi, và hậu quả để lại vì thế thật khôn lường. Chẳng hạn, một bác sĩ, người được tôn vinh là lương y như từ mẫu lại là con át chủ bài trong đường dây mua bán số đề. Người ấy dám bỏ ra một trăm năm mươi cây vàng để công ty xổ số phải ra đúng con số mà ông ta cần. Tất nhiên, ông bao tất cả con số đó khắp các tỉnh và trúng một quả rất đậm trong khi bao nhiêu người phải rơi nước mắt. Khi bị bắt, ông ta lại tha thiết kêu oan rằng bị người khác gài chử mình không



phạm tội. Hoặc là một ký giả có tài đi tổng tiền người khác bằng cách tìm đến những công ty, xí nghiệp có sai phạm trong kinh doanh để hù dọa. Nếu không muốn công ty mình bị phá sản và bản thân mình bị pháp luật sờ gáy thì giám đốc, bằng bất cứ giá nào cũng phải mua bằng được bài báo đó. Cứ thế, vị ký giả ấy tha hồ sắm xe hơi, tậu nhà lầu. Đó là một cán bộ chống buôn lậu có cỡ nhưng lại tiếp tay cho bọn buôn lậu. Nhờ thế, bao nhiêu vụ buôn lậu xuyên quốc gia cũng đều trót lọt, làm thất thoát hàng trăm tỉ đồng của Nhà nước.

Gần đây nhất, vụ án Trương Văn Cam và đồng bọn được đưa ra trước pháp luật đã làm nức lòng nhân dân khắp nơi trong nước. Nhưng khi được đưa ra ánh sáng, vụ án ấy cũng để lại trong lòng người bao nỗi xót xa. Bởi người ta biết rằng, bao nhiêu năm tung hoành ngang dọc, gây ra biết bao đau khổ cho người dân lương thiện, bọn chúng vẫn không bị sa lưới pháp luật là nhờ sự “bảo hộ” của những cán bộ Nhà nước có uy tín. Những con người ấy, vì lợi ích cho bản thân mình đã phụ lòng tin yêu của hàng triệu triệu người dân.

Tình trạng chủ bóc lột công nhân đang xuất hiện phổ biến trên đất nước ta cũng là một hình thức phạm tội, vi phạm Bộ luật Lao động của Nước

cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Chúng ta biết rằng, từ thế kỷ XVIII-XIX, do bất mãn về việc người chủ có tiền mở xưởng sản xuất, thuê công nhân và bóc lột công nhân tàn tệ, Các-Mác đã tìm ra con đường phát triển xã hội theo hướng Chủ nghĩa Cộng sản, Chủ nghĩa Xã hội. Bước đầu, do sự thắng lợi của chủ nghĩa Cộng sản ở Liên Xô và các nước Đông Âu, các nước Tư bản phương Tây đã sửa lại Bộ luật lao động, buộc các giới chủ phải chú ý đến quyền lợi của công nhân. Vậy mà hiện nay, khi đất nước chúng ta mở cửa cho các nhà tư bản nước ngoài vào đầu tư, những công ty, xí nghiệp ấy đã bắt buộc công nhân phải làm thêm giờ, trả lương thấp, thậm chí còn giữ lại tiền lương của công nhân.

Chưa hết, báo chí thỉnh thoảng vẫn đăng những tội lỗi trời không dung, đất không tha khác như: cưỡng hiếp trẻ em, con giết cha mẹ vì tranh giành tài sản, vợ giết chồng rồi chặt thành từng khúc.v.v... Biết bao cảnh đau lòng như thế đã xảy ra trong xã hội ngày nay. Nguyên nhân gây nên những tội lỗi ấy là do đạo đức của con người xuống cấp nghiêm trọng. Một khi không có đạo đức, không có lương tâm, con người sẽ không từ bất cứ việc gì. Vì thế, họ cứ gây ra đau khổ triền miên cho nhau.

Trở lại vấn đề đạo đức, khi nói đến các cán bộ tham nhũng, chúng ta thường gặp trên các báo, nhất là báo Công an Thành phố Hồ Chí Minh cụm từ “cần cái tâm trong sáng của người cán bộ”. Nói đến cái tâm trong sáng của người cán bộ nghĩa là nói đến đạo đức của họ. Nhưng chúng ta thấy, cái gọi là giáo dục đạo đức ở nước ta cũng như trên thế giới chưa ổn, chưa có đường lối rõ ràng, dứt khoát. Bước chân đến trường, học sinh được học rất nhiều môn, thậm chí có những môn quá nặng nề so với độ tuổi của các em, nhưng đạo đức lại được học rất ít và đó là môn được xem là không quan trọng. So với các môn khác như Toán, Văn, Ngoại ngữ, môn Đạo đức chỉ là môn hệ số 1. Đó là lý do vì sao học sinh không tập trung học tập và rèn luyện đạo đức. Vì vậy, ở nhiều nước trên thế giới trong đó có nước ta, biết bao thế hệ con người lớn lên nhưng không được giáo dục đạo đức một cách kỹ lưỡng. Một xã hội cứ tiếp tục sản sinh và lớn lên những con người không được dạy kỹ về đạo đức, xã hội ấy sẽ hỗn loạn, đạo đức ngày càng suy đồi và tội lỗi sẽ tràn lan. Nếu mỗi người được dạy đạo đức từ nhỏ thì xã hội sẽ tốt đẹp và lành mạnh biết bao nhiêu. Trước tình trạng đạo đức suy đồi như hiện nay, chúng ta luôn mong ước mỗi đệ tử Phật phải trở

thành một chiến sĩ trên mặt trận đạo đức. Nghĩa là tự mình sống rất đạo đức và truyền bá đạo đức cho mọi người.

Trong khi chúng ta vẫn cho rằng, đạo lý đạo Phật là đúng đắn nhất, phong phú nhất và xuất hiện sớm nhất. Tạng kinh của đạo Phật thật mênh mông, đồ sộ. So với những đạo khác, chúng ta thấy rằng, chỉ có đạo Phật mới có hệ thống kinh điển rất lớn cho đến bây giờ vẫn chinh phục được tầng lớp trí thức. Nhiều nhà bác học khi đọc giáo lý của đạo Phật đều chấp nhận và ngợi ca. Nhưng theo con số thống kê sơ bộ, chúng ta thấy giữa đạo Phật và những đạo khác có sự tương quan rất lớn về số lượng tín đồ. Chẳng hạn, Hồi giáo xuất hiện sau đạo Phật một ngàn năm. Hiện nay, họ có khoảng một tỷ hai trăm năm mươi triệu tín đồ trên toàn thế giới. Đạo Thiên Chúa sau đạo Phật khoảng sáu trăm năm. Hiện nay, họ có khoảng một tỷ một trăm mười triệu tín đồ trên toàn thế giới. Trong khi đó, đạo Phật xuất hiện sớm hơn hai đạo này nhưng hiện nay chỉ có không tỷ ba trăm năm mươi triệu tín đồ trên toàn thế giới. Nguyên nhân chính là do đâu? Do những người tu hành như chúng ta không làm hết trách nhiệm, bổn phận của mình. Không ít người đến với đạo Phật chỉ lo tu cho bản thân mình, thờ ơ

với mọi người, không thiết tha với sự nghiệp truyền bá Chánh pháp. Vì vậy, trước tình trạng này, chúng ta không được tu một cách thụ động như trước nữa mà phải mạnh mẽ hơn. Mỗi người phải sống vị tha, siêng năng dạy dỗ truyền bá để cho ánh sáng Phật Pháp được lan tỏa khắp mọi nơi.

Những người chưa hiểu đạo Phật, đi theo đạo khác, không phải ai cũng tìm được chân lý của mình. Nếu được về với đạo Phật, họ sẽ trong sáng hơn, thanh thản hơn, nếu để thêm một người bước sang con đường khác là lỗi của chính chúng ta, nhất là khi họ được dẫn đi theo con đường của bạo lực, con đường của mê tín, mù quáng.

Phật hóa gia đình là vấn đề rất quan trọng trong việc hoằng hóa Phật Pháp. Hễ một người biết đạo Phật, người ấy phải làm cho cả gia đình theo đạo Phật. Chúng ta phải dạy điều đó cho các Phật tử, dứt khoát không để xảy ra tình trạng mình biết đạo Phật nhưng những người trong gia đình đi theo đạo khác, để họ rơi vào tà kiến, rơi vào tội lỗi, không tin nhân quả, không kính trọng Phật Pháp, không những là điều thiệt thòi cho họ mà còn là lỗi của chúng ta. Cho nên, một người trong nhà biết đạo, phải làm cho tất cả mọi người đều biết đạo. Nhất là những em

bé, nếu từ nhỏ đã biết lễ Phật, đã quy y Tam Bảo, lớn lên chắc chắn sẽ có một cuộc đời tốt đẹp đồng thời sẽ là một người tốt cho xã hội. Chúng ta phải hiểu rằng, nếu để lại cho con cái một gia tài đồ sộ mà không để lại trí tuệ hay đạo đức, gia tài ấy rồi cũng sẽ bị phá cho tiêu tan. Nhưng nếu để lại phước, để lại đạo đức cho con cái, thì kiếp này đến những kiếp sau, nó sẽ được sung sướng, an vui.

Vậy, sức mạnh nào khiến người Phật tử mạnh dạn đem hết cả gia đình mình vào đạo Phật? Tất nhiên, sức mạnh ấy không phải tự nhiên mà có. Chính những người tu hành chúng ta đã truyền sức mạnh đó cho họ. Khi có lý tưởng thiết tha tu hành và tích cực ra làm việc, giáo hóa, chúng ta sẽ truyền cho Phật tử sức mạnh, niềm tin giúp họ cảm hóa được mọi người trong gia đình. Như vậy, việc Phật Pháp không được phục hưng, không được phát triển trước hết là do lỗi của người xuất gia. Đây là điều chúng ta phải nhìn thấy và phải lưu ý.

Khi thấy những kẻ tội phạm, trộm cướp, giết người, chúng ta phải tự nghĩ ra cách nào đó để cải hóa tâm hồn họ, làm cho họ trở nên lương thiện. Tuyệt đối chúng ta không ghét ai cả. Chẳng hạn, khi nghe có tên cướp khét tiếng, giết người cướp của không ghê tay bị đem ra xử

tử, chúng ta không thấy hủ hê mà cảm thấy lòng mình xót xa. Vì họ cũng là người như bao con người khác nhưng chỉ vì trong tâm có chủng tử của tội lỗi mà trở thành một kẻ cướp của giết người. Nếu cũng với con người đó, vẫn mái tóc bông bênh đó, vẫn đôi mắt, đôi tay khỏe mạnh đó, nhưng tâm của họ được thay bằng những tư tưởng đạo đức, chắc chắn họ sẽ trở thành con người tốt cho xã hội.

Như vậy, lỗi không phải ở toàn bộ con người họ mà là ở tâm của họ, mà tâm là cái có thể thay đổi được. Cho nên, chúng ta không bao giờ được ghét bỏ ai, kể cả người gây nhiều tội lỗi. Chúng ta phải suy nghĩ, phải băn khoăn tìm cách làm cho họ tốt hơn. Đây chính là trách nhiệm của người tu hành. Chúng ta phải nghĩ đến điều đó, nghĩ đến việc cải hóa đạo đức cho phạm nhân. Chúng ta đừng nghĩ cứ trừng phạt cái thân của họ, giam giữ đầy đọa cái thân của họ sẽ làm họ thay đổi. Một khi tâm chưa thay đổi thì những việc làm đó mới chỉ là nắm cái ngọn mà thôi .

Là người tu theo đạo Phật, chúng ta phải luôn mơ ước mọi người đều hiểu luật nhân quả. Muốn vậy, chúng ta ước mơ gia đình, nhà trường, xã hội đưa đạo đức - nhân quả vào trong học đường dạy cho học sinh để trẻ thấm

nhuần đạo đức từ bé. Nếu từ nhỏ được dạy nhân quả nghiệp báo, những đứa trẻ ấy lớn lên sẽ là người tốt, có đạo đức biết cân nhắc thiện ác, tội phước. Vì sở dĩ người ta sống tội lỗi là vì họ không tin hoặc không hiểu về nhân quả, tội phước.

Thực ra, nhiều người tin là có nhân quả. Nhưng chưa ai dám chính thức, công khai nói mạnh điều ấy trong nhà trường. Chúng ta thấy nhân quả là điều có thật, là sự công bằng của cuộc đời. Điều quan trọng là làm sao đưa được môn học này vào trong nhà trường, dạy cho học sinh từ lớp 1 đến lớp 12. Được như vậy, xã hội sẽ thay đổi, sẽ có rất nhiều người tốt xuất hiện trong cuộc đời này. Đây là ước mơ của tất cả chúng ta. Hy vọng rằng, mơ ước này sớm trở thành hiện thực.

Hiện nay, tình trạng đạo đức của Tăng Ni có dấu hiệu xuống cấp. Do đó, môn Tâm lý Đạo đức được dạy là để phục hồi lại đạo đức cho Tăng Ni. Mong rằng, sau khi ra trường, nhiều người sẽ tiếp tục dạy Tâm lý Đạo đức cho thế hệ Tăng Ni khác để cây đạo đức mãi mãi nở hoa trong đạo Phật và trong lòng người.

**ĐIỂM KHÁC NHAU GIỮA ĐỜI SỐNG VỊ THA CỦA NGƯỜI HƯỚNG VỀ GIẢI THOÁT VỚI NHỮNG NHÀ TỬ THIỆN LỚN CỦA CÁC TÔN**



## **GIÁO**

Giữa đời sống vị tha của người hướng về giải thoát trong đạo Phật với những nhà từ thiện lớn thuộc các tôn giáo khác đều có điểm giống nhau là có lòng tốt, lòng thương người. Nhưng giữa hai đối tượng này cũng có những điểm khác.

Trước hết, đạo Phật hướng về mục tiêu vô ngã tuyệt đối, còn những nhà từ thiện khác không có mục tiêu đó.

Thứ hai, khác nhau ở quan điểm, cách nhìn về thế giới (thế giới quan). Đạo Phật thấy thế giới này là tạm bợ, trong khi đó, những nhà từ thiện kia lại thấy thế giới này là thật. Vì thấy là thật nên họ xây dựng thế giới này cho tốt đẹp.

Chúng ta, tuy thấy thế giới này là giả, là tạm bợ nhưng vẫn thương yêu con người, vẫn xây dựng thế giới này tốt đẹp.

Một sự khác nhau nữa là khác ở sự thực hành thiền định. Chúng ta thực hành thiền định, kiểm soát những tâm niệm bí mật để thoát khỏi mọi ham muốn về danh tiếng, mọi ước mơ về quả báo.

## **LÀM GÌ ĐỂ GIẢI THOÁT VÀ GIẢI THOÁT ĐỂ LÀM GÌ?**

Đây là câu hỏi cuối cùng chúng ta phải đặt ra khi nói về vấn đề giải thoát. Chúng ta sống vị tha để được giải thoát và giải thoát cũng để sống vị

tha. Nhưng nếu chỉ hướng về giải thoát cho riêng mình, đó là sự vị kỷ. Nếu thiếu đạo đức thì sự tu hành của chúng ta chỉ là công phu của ngoại đạo. Chúng ta phải nhớ rằng đạo đức là vấn đề rất quan trọng.

Và điều quan trọng cuối cùng chúng ta phải luôn tâm niệm là cả cuộc đời mình, dù giải thoát hay chưa, chúng ta đều phải làm lợi ích cho chúng sinh.

## **NIỀM TIN**

### **TIN LÀ CHẤP NHẬN ĐIỀU GÌ ĐÓ ĐÚNG SỰ THẬT**

Con người sống trên đời này không thể không có một niềm tin. Niềm tin là chấp nhận có cái gì cao đẹp để ta vươn tới. Có thể niềm tin đó đã được kiểm chứng chắc chắn, và cũng có thể chưa, chỉ là tin suông. Hoặc là ta tin rằng có thần linh theo dõi hành vi thiện ác của con người để thưởng phạt công minh; hoặc ta tin rằng sống trên đời phải biết hy sinh cho đất nước. Trong thái độ ứng xử cũng như trong việc chọn lựa con đường đi cho cuộc đời mình, niềm tin là điều rất quan trọng. Nhưng quan trọng hơn cả là tin điều gì, tin ai và tin như thế nào? Cuộc sống vốn rất phức tạp. Xung quanh chúng

ta hằng ngày xảy ra bao nhiêu chuyện vui buồn, bao nhiêu điều đúng sai, có những điều đáng tin và những điều không đáng tin. Đôi khi vì cả tin, chúng ta mắc phải những sai lầm đáng tiếc.

Cũng có lúc vì quá hoài nghi, vì mất niềm tin, chúng ta lại bỏ qua những cơ hội tốt cho cuộc đời mình, thậm chí còn phụ mất bao tấm lòng trong thiên hạ. Bởi vậy, thái độ đối với niềm tin của mỗi người rất quan trọng. Nhất là trong thời đại bùng nổ thông tin hiện nay, chúng ta phải có trí tuệ và bản lĩnh để chọn cho mình một cách xử lý thông tin đúng đắn nhất, có hiệu quả nhất. Tin là chấp nhận một điều gì đó là đúng sự thật. Chúng ta có thể tin vào một câu chuyện kể, tin nhân cách của một con người, tin một lý thuyết hoặc

một giáo điều, nhưng chúng ta chỉ tin khi nào? Trước một câu chuyện kể, chúng ta phải cân nhắc. Nếu nghe người ta kể lại một câu chuyện, chúng ta không suy xét mà tin ngay, đó là lối tin sai lầm. Vì ngay cả những chuyện xảy ra trong lịch sử đã được ghi vào sử sách cũng có lúc sai. Chuyện kể về Công Chúa Ngọc Hân, Hoàng hậu, vợ vua Quang Trung là một ví dụ. Chuyện kể rằng, khi Tây Sơn bị quân Nguyễn Ánh đánh bại, bà Ngọc Hân vẫn ở lại kinh đô Phú Xuân-Huế. Sau đó, Nguyễn Ánh thấy bà đẹp quá nên

giữ lại và bà tiếp tục làm vợ của Nguyễn Ánh. Câu chuyện được người đời thêm “gia vị” vào càng trở nên hấp dẫn. Nhưng đến bây giờ, qua nghiên cứu, tìm hiểu, những nhà sử học đã phát hiện ra đó là chuyện bịa đặt, sai lầm. Như vậy, một thời gian dài, ai cũng tin chuyện đó là có thật. Thật ra, khi biến cố xảy ra, bà cùng hai người con chạy trốn khỏi kinh thành. Sau đó, ba mẹ con bà bị quân Nguyễn Ánh bắt và giết chết. Trên thực tế, không có một Ngọc Hân nào ở lại làm vợ vua Nguyễn Ánh cả.

Hoặc một câu chuyện khác trong đạo Phật, chuyện về tiền thân của Đức Phật. Thái Tử Tu Đạt Noa tu hạnh bố thí, bố thí Ba la mật, ai xin gì Ngài cũng cho. Chính vì điều đó nên vua cha giận và đày đi nơi khác mang theo cả vợ con. Trên đường đi, người ta xin vợ con, Ngài cũng cho nốt. Vì đây là câu chuyện được kể lại trong kinh Phật nên được rất nhiều người tin. Theo tư duy của con người lúc bấy giờ, người ta cho rằng câu chuyện đó có thật. Vì đối với người đàn ông, vợ con là sở hữu của họ. Một khi đã là sở hữu, họ muốn cho ai cũng được. Đối với người có tâm bố thí rộng lớn, cái sở hữu lớn nhất, quý nhất là vợ con ruột thịt, họ cũng sẵn sàng cho đi. Như vậy, người ấy đúng là người

có hạnh bố thí viên mãn. Đó là lý luận của người xưa. Nhưng nếu đặt ngược lại vấn đề, chúng ta sẽ thấy quan điểm ấy hoàn toàn trái với đạo Phật. Bởi vì, khi sẵn sàng cho cả vợ con, Thái Tử tỏ ra tốt với người khác nhưng không tốt đối với vợ con mình. Ngài có biết khi vợ con mình về ở với người kia có được đối xử đàng hoàng hay không? Nếu cứ bình thản, không băn khoăn, day dứt, cho đi cái mình yêu quý nhất, để được gọi là tu hạnh bố thí Ba la mật thì đó là điều rất vô lý, không thể chấp nhận được. Xét trên góc độ nhân bản, người này không có trí tuệ, không biết cân nhắc, đối xử vợ con như vậy là không tôn trọng, không hợp với đạo lý.

Một câu chuyện bộc lộ nhiều điểm vô lý, sai lầm như vậy mà cả thời gian dài chúng ta đã tin là thật. Phải thừa nhận rằng, không phải mọi câu chuyện trong đạo được kể lại đều là sự thật, đều chính xác. Tính xác thực của những câu chuyện cổ trong đạo Phật rất thấp. Bởi vậy, trong quá trình thuyết giảng cho đệ tử, chúng ta chỉ kể những câu chuyện mình tin chắc là có thực. Sống trong thời đại khoa học, văn minh, con người thường cân nhắc kỹ lưỡng trước khi tin một vấn đề. Chúng ta phải cẩn thận, nếu không sẽ làm mất niềm tin trong lòng họ, có khi lại trở thành trò cười cho thiên hạ.

Trong đạo Phật có chuyện Lòng hiếu của chim Oanh Vũ. Chuyện kể về tiền thân Đức Phật lúc đó là con chim Oanh Vũ. Vì ba mẹ bị mù, chim Oanh Vũ đi gắp lúa về nuôi ba mẹ. Lúc bấy giờ, ngài Xá Lợi Phất là một điền chủ trồng lúa. Khi bị mắc bẫy, chú chim cất lên tiếng nói, tiếng nói của con người. Những câu chuyện như thế này chỉ mang tính chất ngụ ngôn chứ không có thật. Bởi vậy, khi sử dụng những câu chuyện ấy để chứng minh cho bài giảng của mình, chúng ta không được khẳng định đây là chuyện có thật trong đạo Phật mà phải nói rõ chuyện được xem như là một chuyện ngụ ngôn để răn dạy người đời.

Trong cuộc sống, đôi khi chúng ta cũng nghe được những câu chuyện lạ. Những chuyện ấy rất hấp dẫn nhưng vì không kiểm nghiệm được nên thật khó tin. Chẳng hạn, chúng ta từng nghe chuyện lạ về một người thợ săn. Vào thời Pháp thuộc, khi rừng Sác còn dày đặc, còn nhiều những cây cao bóng cả, với muông thú rất nhiều. Có một người thợ săn hằng ngày mang súng vào rừng săn bắn. Một ngày nọ, ông vào rừng săn như thường lệ. Nhưng một điều rất lạ là đã vào sâu trong khu rừng mà ông vẫn không nghe một tiếng chim, không nhìn thấy một con thú nào, bốn bề vắng lặng. Thế rồi ông đi mãi, đi

mãi tới một khu rừng lạ mà trước đây ông chưa hề đặt chân tới. Khi qua khu rừng vắng, đến một cánh đồng cỏ, ông nhìn thấy xa xa có một bà già đội nón lá lụp sụp đang đi về phía ông. Trong rừng vắng, gặp được con người, ông lấy làm ngạc nhiên lắm. Nhưng do kinh nghiệm hoặc nghe phong phanh điều gì đó, ông bèn ngồi xuống nhìn cho kỹ. Lúc bấy giờ ông mới phát hiện ra chân của bà già đi không chạm đất. Ông nghĩ rằng hôm nay mình đã gặp quỷ và giương súng lên, hướng mũi súng về phía bà già. Với cái nón lá lụp sụp, bà ta cũng đang đi về phía ông. Hai người đi dần dần về phía nhau. Lúc bà già đến vừa tầm ngắm, ông bắn liền một phát. Tiếng súng nổ, bà già phóng đến chỗ ông đang đứng. Với kinh nghiệm của một người thợ săn, khi bắn xong, ông lăn ngay sang một bên. Khi bà già nhảy xuống đúng chỗ ông đứng, ông bắn thêm một phát nữa, bà ta ngã lăn ra chết và hiện nguyên hình là một con cọp bạch. Sau đó, ông về làng kêu mọi người vào rừng kéo xác con cọp về. Biết là cọp bạch, lại là cọp thành tinh, họ rất sợ nên lập miếu thờ. Từ đó, người thợ săn giải nghệ luôn, không dám đi săn nữa. Ông cho rằng quỷ đã dụ ông vào rừng săn, có nghĩa là thời của ông đã hết. Nếu ông vẫn cứ lì lợm, vẫn tiếp tục đi săn sẽ động đến “chúa sơn

lâm”.

Câu chuyện cũng hấp dẫn, người kể cũng có lý luận, nghe hay hay nhưng không biết thật giả ra sao. Những câu chuyện nghe có vẻ hấp dẫn như vậy chúng ta đừng vội tin. Nếu tin nghĩa là chúng ta đã chấp nhận điều đó là đúng sự thật. Nhưng để xác nhận một điều có thật, chúng ta phải rất cẩn thận, cảnh giác. Chúng ta chỉ tin vào những điều mình đã kiểm nghiệm, không được nghe điều gì tin ngay điều đó. Đó mới thật sự là thái độ sống đúng đắn.

Đối với nhân cách của một con người cũng vậy, trong cuộc sống, qua việc gặp gỡ, tiếp xúc, chúng ta sẽ có sự đánh giá đúng đắn về mọi người hơn. Tùy mức độ tin cậy, chúng ta sẽ có mối quan hệ giao tiếp đúng mực.

Ví dụ, khi biết một người là xấu, chúng ta chỉ quan hệ giao thiệp với họ trong một chừng mực nào đó, không để họ đi sâu vào cuộc đời mình, cũng như chúng ta không cần đi sâu vào cuộc đời của họ. Chúng ta nên biết rằng, đó không phải là người tốt, nếu gặp nhau ngoài đường, chỉ cần chào xã giao hay mời nhau ly nước và sau đó không cần mời họ đến nhà và mình cũng chẳng đến nhà họ.

Trong quan hệ giao tiếp, một khi đã tin nhân cách của người khác, chúng ta có thể hợp tác



dễ dàng hơn. Trong cuộc sống, nhu cầu hợp tác với nhau rất quan trọng bởi không ai muốn mình sống cô đơn, cô độc giữa cuộc đời này. Chúng ta luôn cần có người để hợp tác, quan hệ. Khi có niềm vui, nỗi buồn, chúng ta cũng cần có người để sẻ chia, tâm sự. Nhu cầu được kết bạn là nhu cầu lớn của con người. Nhưng chúng ta phải biết “chọn mặt gửi vàng”, không phải gặp ai cũng đem chuyện đời mình ra tâm sự. Đôi khi những lỗi lầm trong quá khứ chúng ta đã vượt qua nhưng khi kể cho người khác nghe, họ lại thêm chút “gia vị” vào và đem kể lại cho người khác, vậy là lỗi lầm trở nên mới như chúng ta vừa phạm phải. Điều ấy không tốt chút nào và bao nhiêu phiền phức từ đó lại nảy sinh. Khi hợp tác với người khác cũng vậy. Trong quá trình đi làm Phật sự, có khi chúng ta mời huynh đệ nào đó về chùa ở chung với mình, cùng hợp tác lo việc đạo với mình. Nhưng lúc ấy, chúng ta phải biết rõ người đó như thế nào, phải tin được nhân cách của họ mới có thể hợp tác được. Trong trường hợp làm trụ trì, muốn nhận đệ tử, chúng ta cũng phải tin tưởng phần nào vào nhân cách của người học trò mình. Còn tin như thế nào, tin ở mức độ nào, điều đó phụ thuộc vào sự đánh giá của mỗi người, vào bản lĩnh của mỗi người. Nếu là người có bản lĩnh, chúng

ta sẽ nhìn sâu sắc hơn, hoặc do tiếp xúc lâu ngày, chúng ta sẽ đánh giá chính xác đối tượng và có niềm tin. Có khi nghe người ta nói, chúng ta tin, hoặc cũng có khi tin do trực giác.

Ví dụ, có người đến với chúng ta và hay tự kể chuyện tốt về họ, nào là cúng dường chùa này, chùa khác, giúp đỡ người nọ, người kia, như vậy, chúng ta tin họ là người tốt thật. Đây là điều sai lầm mà chúng ta hay mắc phải. Nếu chỉ tin nhân cách của một người qua lời nói của họ mà chưa một lần chứng kiến, kiểm nghiệm, là chúng ta đã sai lầm.

Trường hợp tin người do sống gần với nhau lâu ngày là niềm tin có cơ sở nhất. Bởi sống với nhau lâu ngày, không ai giấu người khác được điều gì. Ông bà ta rất thâm thúy khi đưa ra kinh nghiệm trong việc đánh giá một con người:

“Thức đêm mới biết đêm dài.

Ở lâu mới biết lòng người cạn sâu”.

Quả thật, nhìn nhận, đánh giá con người để có một niềm tin qua thời gian gần gũi tiếp xúc là cách chắc chắn nhất.

Có khi chúng ta dùng trực giác để tin. Nghĩa là gặp một người nào đó, bằng trực giác, chúng ta cảm nhận ngay ban đầu là người này tốt hay xấu. Điều này thường thấy ở người phụ nữ. So với nam giới, người phụ nữ có linh cảm, có trực

giác mạnh hơn. Nhưng sở dĩ họ vẫn sai lầm trong quan hệ, đánh giá là do họ rất dễ xiêu lòng. Ban đầu, chỉ cần thoáng nhìn qua, họ biết ngay đó là người không tốt, nhưng nghe người ta khen mình hay quá, người ta ngọt ngào quá lại tin ngay. Người nam không có trực giác mạnh như phụ nữ nhưng bù lại, họ rất cứng rắn. Ngoài việc tin vào nhân cách của một người, chúng ta còn có những niềm tin khác, tin vào một lý thuyết. Đó có thể là lý thuyết về kinh tế, chính trị hay vật lý. Đây là niềm tin về những vấn đề trừu tượng cao cấp hơn.

Một thời gian dài ở Âu Châu người ta tin rằng, cứ để cho con người làm ăn tự do thì xã hội sẽ giàu mạnh, phát triển. Nhưng đến một lúc nào đó, vì tự do quá, xã hội sẽ xuất hiện tình trạng người bóc lột người. Người có nhiều tiền, làm chủ một xưởng sản xuất, khi người công nhân đến làm việc phải chịu sự quản lý, đối xử của người chủ. Vì có quyền hành trong tay, ông chủ muốn trả lương cho người lao động bao nhiêu hoặc bắt buộc họ làm bao nhiêu giờ trong ngày cũng được. Nếu ai không đồng ý, không chấp hành sẽ bị chủ đuổi việc. Như vậy, vì sự sống còn, người làm công phải lệ thuộc hoàn toàn vào chủ. Và những tay chủ thấy mình có quyền cứ ra sức bóc lột công nhân, bắt họ làm việc

nhiều, điều kiện làm việc thiếu thốn, trả lương ít để được lợi nhuận cao. Xã hội đã có sự bất công.

Có thời gian, người ta lại thay đổi quan điểm. Họ nghĩ rằng, không nên để con người tự do như vậy, Nhà nước phải quản lý, điều khiển mọi hoạt động kinh tế. Sau một thời gian làm việc, tình trạng làm việc càng chùng xuống. Vì người ta cho rằng mọi cái đều là của nhà nước và không ai chịu làm việc. Nhà nước đã có chế độ bao cấp, làm nhiều hay làm ít họ cũng đều được nhận một mức lương ổn định trong một tháng. Không ai chịu nỗ lực làm việc, công chức thì cứ “sáng vác ô đi, tối vác về” nên kinh tế bị suy giảm nghiêm trọng.

Hiện nay, ở một số nước phương Tây, người ta vẫn tin rằng cứ để con người tự do thì xã hội sẽ phát triển. Nhưng gần đây, (khoảng hai năm nay) ở vùng Đông Nam Á xuất hiện tình trạng khủng hoảng kinh tế, bắt đầu từ Thái Lan, qua Inđônêxia, vòng lên đến Nhật Bản, Đại Hàn. Lúc bấy giờ, các nước Đông Nam Á bắt đầu xét lại cái gọi là thị trường tự do để thấy được những hạn chế của nó. Vì tin tưởng một cách tuyệt đối và áp dụng triệt để những lý thuyết kinh tế ấy nên nhiều nước đã thất bại. Như thế chúng ta không nên tin một cách tuyệt đối, cần phải cẩn

thận để tránh khỏi những sai lầm đáng tiếc. Có khi đó là niềm tin vào một lý thuyết về vật lý, về sinh vật, là các lý thuyết về khoa học. Chẳng hạn, thuyết tiến hóa của Darwin cho rằng mọi sinh vật trên trái đất tiến hóa từ các loài đơn giản đến phức tạp, phức tạp nhất là loài người. Và trước con người là loài khỉ. Hay nói cách khác, theo học thuyết ấy thì tổ tiên của loài người là loài khỉ. Xét cho cùng, chúng ta thấy rằng thuyết tiến hóa của Darwin dù được rất nhiều người tin nhưng mới chỉ là một thuyết, chưa được chứng minh một cách khoa học. Trong khi đó, chúng ta chưa tin vào điều gì khác để tạo nên một sự ứng xử mới.

Thử tưởng tượng nếu tin rằng con người có nguồn gốc từ loài khỉ thì trong chúng ta sẽ có người nhìn thấy trước mặt mình bao nhiêu con người với những gương mặt đáng yêu, đáng mến cũng như nhìn thấy những con khỉ. Họ sẽ ứng xử ra sao với mọi người? Có thể đó là một sự xem thường, vì họ nghĩ rằng xét cho cùng con người cũng chỉ là con vật mà thôi. Đây là điều chúng ta nên cẩn thận.

Trong đạo Phật của chúng ta có một lý thuyết: Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Phật tánh là cái gì tuyệt đối, cao cả nằm trong thâm sâu tâm hồn mình. Nếu chúng ta tin vào điều đó, tin

là nơi mình có Phật tánh và nơi người cũng có Phật tánh thì trước mắt chúng ta những gương mặt đều trở nên đẹp đẽ, đáng yêu. Bởi nhìn thấy những gương mặt này, chúng ta không phải nhìn thấy những con người nữa mà thấy trong họ hình ảnh của Phật. Nếu nhìn thấy tất cả hiền lành, từ bi như Phật, chúng ta sẽ tôn trọng và thương yêu. Như vậy, chúng ta có thể rút ra một kết luận, niềm tin trong lý thuyết nào đó sẽ tạo nên thái độ ứng xử cho con người. Nếu niềm tin đó đúng sẽ tạo ra một lối ứng xử tốt cho cuộc đời mình, cho quan hệ giữa người và người trong xã hội. Ngược lại, nếu tin một cách mù quáng, tin vào những điều không có căn cứ, chúng ta sẽ có những cách ứng xử sai lầm. Hoặc là có một lý thuyết là Big bang, một vụ nổ lớn đầu tiên của vũ trụ. Khi đưa kính thiên văn nhìn lên vũ trụ, các nhà khoa học họ nhìn thấy các thiên hà đang càng ngày càng rời xa nhau. Chúng ta hình dung, một thiên hà có tỉ tỉ những ngôi sao như mặt trời tập hợp thành. Trong các ngôi sao đó có thể có nhiều hành tinh vây quanh như Thái dương hệ của chúng ta vậy. Mặt trời cũng chỉ là một ngôi sao rất nhỏ, một thiên hà gồm hàng tỉ các mặt trời giống như mặt trời của chúng ta. Từ chỗ nhìn lên bầu trời thấy các thiên hà ngày càng rời xa nhau, các nhà khoa học suy

luận rằng ngày xưa chắc chắn nó gần nhau. Họ cho rằng những suy luận ấy là hợp lý. Và vì trước kia các thiên hà tập trung một chỗ nên hấp lực rất cao. Các nhà khoa học tin rằng vũ trụ ngày xưa chỉ là một điểm duy nhất, sau đó bùng nổ thành một vụ nổ lớn. Trong quá trình bùng nổ của vũ trụ, sự sống hình thành, các hành tinh hình thành, con người, sinh vật hình thành.

Ngày nay, rất nhiều nhà khoa học lớn, những nhà bác học lớn đều tin vào thuyết Big bang, tin rằng vũ trụ bắt đầu bằng một vụ nổ. Tuy nhiên, chúng ta có thể không tin vì nhận ra có nhiều điểm rất vô lý. Thật khó tin rằng vũ trụ bắt đầu bằng vụ nổ. Các nhà bác học đang ra sức chứng minh thuyết này, chứng minh bằng tất cả phương tiện hiện đại của vệ tinh, bằng phương tiện của máy tính. Một trong những nhà bác học lớn của thế giới, rất nhiệt tình và cố gắng chứng minh thuyết ấy là ông Stephen Hawking. Ông vốn bị tật không nói được, không nhúc nhích được, chỉ có bàn tay là còn hoạt động, có thể bấm phím được. Vậy mà ông vẫn đi giảng ở các trường Đại học và ra sức chứng minh thuyết Big bang. Nhưng nhiều người cho rằng không bao giờ các nhà bác học chứng minh thành công, họ không bao giờ tin vào thuyết đó. Như vậy, trong

cuộc sống này có nhiều thuyết rất hấp dẫn nhưng không phải mọi cái đều có thể đem lại cho chúng ta niềm tin. Chúng ta chỉ tin những gì đã được chứng minh, đã được kiểm nghiệm. Và thuyết Big bang đúng hay sai, chúng ta phải chờ câu trả lời của khoa học và thời gian.

Ngoài những vấn đề trên, chúng ta còn những niềm tin khác nữa, tin vào một giáo điều (tín ngưỡng). Chẳng hạn, chúng ta là người Phật tử, tin theo lời Phật dạy, tin rằng trên đời này có nhân quả, có luân hồi. Đó là điều may mắn cho chúng ta vì niềm tin ấy hoàn toàn đúng đắn. Khi tin có nhân quả, chúng ta sẽ biết cân nhắc cuộc sống của mình, cân nhắc mọi hành động của mình để trở thành người có đạo đức. Nhưng cũng có nhiều người không có được cái may mắn ấy vì họ chưa có niềm tin hoặc tin vào những giáo lý khác. Hiện nay, ở Mỹ tồn tại hàng trăm ngàn đạo, có đạo chỉ một người, có đạo hai ba người, có đạo hàng trăm ngàn người. Như vậy, tín ngưỡng là vấn đề rất quan trọng đối với đời sống con người. Nếu tin vào một giáo lý đúng, cuộc đời chúng ta sẽ thăng hoa, tốt đẹp. Ngược lại, nếu tin vào những giáo lý sai lầm, chúng ta sẽ rơi vào tà kiến. Đó là điều rất nguy hiểm và cũng rất đáng thương. Tóm lại, trong cuộc sống có nhiều điều để chúng ta tin,



nhưng có thể khái quát trong bốn điều: Tin vào câu chuyện kể, tin vào nhân cách một con người, tin vào một lý thuyết (về kinh tế, chính trị...) và tin vào một giáo điều nào đó.

Đây là những điều thường gặp trong cuộc sống và có ảnh hưởng rất lớn đến cuộc đời mỗi con người. Nếu tin vào những điều đúng đắn thì cuộc đời chúng ta sẽ tốt đẹp. Nếu tin vào những điều không đáng tin, cuộc đời chúng ta có thể đi xuống địa ngục.

## **NHỮNG CÁCH TIN**

Trước một sự kiện, một vấn đề, có thể có nhiều cách tin. Điều này phụ thuộc vào tính chất của sự việc, vào bản thân người truyền thông tin và người nhận thông tin.

Trước hết là tin một cách dễ dàng không suy xét. Trường hợp này người ta gọi là cả tin. Người cả tin là người đứng trước một vấn đề, một câu chuyện nào đó không có sự suy xét mà tin một cách dễ dàng, thậm chí tin một cách rất ngây thơ. Những người như vậy thường là người không có bản lĩnh, không có trí tuệ. Đây cũng có thể xem là một căn bệnh. Vậy, người thường mắc căn bệnh này là ai? Đó là những

người quá thật thà, nghĩ rằng ai cũng tốt như mình. Nhiều khi vì quá thật thà, những người ấy đã phải trả giá rất đắt cho cuộc đời mình vì họ đã bị người khác lợi dụng lòng tin mà không biết. Bởi vậy, ông cha ta thường nói: “Thật thà là cha đũa đại”. Một đối tượng khác cũng được xếp vào loại người cả tin là những người đàn bà hay ngồi lê đôi mách. Họ rất dễ tin lời người khác. Khi qua nhà hàng xóm chơi, nghe kể chuyện gì họ cũng thấy hấp dẫn cả và tin ngay. Khi đã tin, trong lòng lại không yên muốn báo tin ngay cho người khác. Cứ thế, câu chuyện được truyền đi rất nhanh và có khi được thổi phồng lên so với sự thật ban đầu. Lafontaine, nhà thơ được coi là bậc thầy về thơ ngụ ngôn của thế giới, đã có bài thơ “Bí mật với đàn bà” rất hay. Từ câu chuyện đức ông chồng sau một đêm ngủ dậy bỗng hô lên mình để được một quả trứng vàng, người vợ cả tin và đem câu chuyện lạ kỳ ấy kể cho người hàng xóm nghe như một điều bí mật. Dù đã được dặn dò kỹ lưỡng là phải giữ bí mật vì tôi chỉ kể cho mình chị nghe, nhưng chờ cho người đàn bà ra khỏi nhà, người bạn quý hóa ấy đã vội chạy sang hàng xóm kể lại câu chuyện vừa nghe được. Cứ thế, câu chuyện qua đến người thứ 10 thì người đàn ông kia không phải để được một quả mà là mười

quả trứng vàng. Mà sự thật, ông ta có để được quả trứng nào đâu.

Câu chuyện hết sức vô lý ấy đã được các bà tin một cách dễ dàng và truyền đi rất nhanh. Thói quen thích có chuyện để làm quà, bất kể là chuyện gì từ chuyện trên trời đến chuyện dưới đất, miễn là cho vui miệng, đã trở thành thói quen xấu đối với một số phụ nữ. Vì cả tin, vì gặp nhau không có chuyện gì để nói, những câu chuyện của họ đôi lúc đem lại cho người khác những hậu quả khôn lường.

Trong đạo, điều này càng phải cẩn thận hơn nữa. Khi nghe được những chuyện không đâu, những điều sai lầm, có người không chịu phán đoán, suy xét mà tin ngay. Đó là những người không có bản lĩnh. Những người ấy rất dễ tin và vì thế cũng dễ bị người khác lừa gạt. Trong cuộc đời, chúng ta gặp biết bao tình huống bất ngờ, nghe biết bao chuyện “động trời”. Nhưng điều quan trọng là chúng ta phải biết phán đoán, không phải nghe nói điều gì cũng tin ngay.

Ví dụ, một hôm, có người từ đâu chạy vào chùa hốt ha, hốt hải kêu lên: “Trời ơi! Ngoài đường có một vụ đánh lộn, đâm chém nhau thật kinh khủng”. Trước tin ấy, chúng ta có tin hay không? Tại sao? Chúng ta phải phán đoán, xem chuyện ấy có thật hay không. Nhưng dựa vào đâu để

biết là có thật hay không? Nếu không phải là người cả tin, trước hết chúng ta cứ bình thản nghe người ta nói, sau đó là kiểm tra, thăm dò bằng cách dựa vào thái độ và nét mặt của những người khác. Nếu có thêm vài người cũng chạy vào hót ha, hót hải như thế, chúng ta tin chuyện người ấy nói là đúng. Nếu nhiều người cũng từ ngoài đường đi vào chùa, nhưng họ không tỏ ra hốt hoảng, cũng chẳng có thái độ gì khác, chúng ta biết ngay là không có chuyện gì xảy ra ngoài ấy. Vì nếu quả thật có chuyện đâm chém nhau động trời xảy ra như vậy làm sao họ có thể bình thản được. Như vậy, có thể người ta muốn dựng chuyện lừa chúng ta cho vui vậy thôi. Trong cuộc sống có nhiều chuyện đến với mình như thế, chúng ta phải phán đoán, đừng vội tin ngay.

Hoặc nhiều khi có những chuyện rất buồn cười nhưng lại ảnh hưởng rất lớn đến người khác nếu chúng ta tin một cách vội vã, không suy xét. Ví dụ, có một người nào đó đến chùa chơi và trong lúc huyên thuyên đủ điều, người ấy bỗng nhìn thấy một thầy đi sau nhà Tăng và nói, Thầy đó trước kia ở gần nhà tôi, vì cha mẹ không đồng ý cho ông ta cưới người mình yêu nên đã hận đời bỏ đi tu. Nghe câu chuyện đó, chúng ta nên có thái độ như thế nào? Phải phán đoán

xem chuyện đó có thật hay không. Vậy, chúng ta dựa vào đâu để biết sự thật và có thái độ tin hay không tin? Có người cho rằng, vì chưa tận mắt chứng kiến nên họ không tin chuyện đó. Nhưng thực tế, cũng có không ít những điều có thật mà chúng ta không được tận mắt nhìn thấy. Như vậy, chỉ dựa vào việc được “mục sở thị” hay không để phán đoán, có khi không chính xác. Chúng ta phải suy luận dựa trên những yếu tố khác. Trong trường hợp này, tốt nhất là chúng ta nên nhìn vào thái độ tu của thầy ấy. Nếu đó là người tu hành nghiêm túc, hoan hỉ phần khởi thì chúng ta không thể tin điều người ta nói là thật. Nếu cứ tin một cách vội vã và truyền những thông tin sai sự thật ấy đi, chúng ta sẽ mang tội với người khác.

Bên cạnh việc tin một cách dễ dàng, không suy xét còn một cách tin khác là tin vì thấy điều đó hợp lý. Sự hợp lý ấy lệ thuộc vào khả năng phán đoán sâu hay cạn của người nghe. Khi nghe bất cứ chuyện gì, chúng ta phải phán đoán xem có đúng hay không rồi hãy tin. Nếu phán đoán không cạn lẽ, điều chúng ta tin cũng không chắc chắn lắm. Nếu phán đoán một cách sâu sắc, điều chúng ta tin tạm coi là xác thực.

Ví dụ, có tin đồn rằng, năm 2000 là năm “tận thế”. Điều này có đáng tin hay không chủ yếu

dựa vào khả năng phán đoán, kiểm tra của mỗi người. Trước hết, chúng ta phải hỏi người truyền thông tin dựa vào đâu mà nói năm 2000 tận thế. Nếu họ cho rằng dựa vào kinh, chúng ta phải tìm hiểu là kinh nào. Nếu là kinh của ông “đạo Dừa” thì chuyện ấy rõ ràng là bịa. Nếu họ khẳng định khoa học nói 2000 có một thiên thạch, hành tinh đụng vào trái đất, báo đã đăng tin, chúng ta cũng không được tin ngay, phải hỏi báo nào đã đăng tin đó và yêu cầu người ta cho xem trực tiếp bài báo. Nếu quả thật, có một tờ báo đã đăng kết quả nghiên cứu của một nhà khoa học với lý luận rất hợp lý, chúng ta có thể tin. Dựa vào đường đi của các thiên thạch, sự vận hành của quỹ đạo trái đất, họ cho rằng sẽ có một thiên thạch cắt ngang rất gần quỹ đạo của trái đất. Họ tính toán thời điểm cắt ngang này vào đúng năm 2000. Lúc ấy, sự va chạm lớn sẽ gây ra một cuộc tận thế, có thể trái đất bị móp đi, nước biển bị sôi trào lên, sự sống bị tiêu diệt.

Tuy nhiên, điều đó cũng không chắc chắn. Vì từ thời điểm họ tuyên bố kết quả nghiên cứu của mình đến thời điểm xảy ra sự cố còn một khoảng cách khá lớn về thời gian và sự tính toán có thể bị sai số nửa giây. Trong nửa giây đó, đường đi của thiên thạch có thể chệch đi

khoảng ba trăm cây số. Đối với kích thước của vũ trụ, khoảng cách ấy có thể chỉ là hạt cát, nhưng đối với trái đất, khoảng cách ấy quá lớn. Bởi vậy, theo tính toán, chúng ta có thể tạm thời tin nhưng điều ấy chưa chắc đã xảy ra. Trong hiện tại, chúng ta không có gì phải lo ngại, cứ tiếp tục sinh hoạt bình thường, cứ bình thản nghe giảng kinh và niệm Phật. Tóm lại, khi nghe điều gì chúng ta phải suy xét cho cặn kẽ, suy xét một cách hợp lý, không phải ai nói gì cũng tin. Một cách tin nữa là vì dựa vào uy tín của người nói. Khi nghe người khác nói điều gì, chúng ta phải xem người đó có uy tín đến mức nào. Nếu đã từng sống và làm việc với họ nhiều năm qua, thấy họ nói điều gì cũng đúng, chưa hề mất uy tín với ai, chúng ta có thể tin điều họ nói là đúng. Tin như vậy gọi là dựa vào uy tín mà tin. Nếu họ chưa nói dối ai, nhưng cũng không có gì đặc biệt để có thể tin, trước một thông tin quan trọng mà họ nói ra, chúng ta cũng không nên tin vội. Có một câu chuyện mà người ta kể cho nhau nghe để làm bài học kinh nghiệm, chúng ta cũng nên lưu ý. Đó là chuyện quan hệ giữa một người đàn ông người Trung Quốc với người đàn ông Việt Nam. Người đàn ông gốc Trung Quốc quen biết với người đàn ông Việt Nam rất giàu có. Một hôm, ông ta đến mượn bạn mình một

ngàn đồng vì có việc cần đột xuất và hứa ba ngày sau sẽ trả. Đúng hẹn, ba ngày sau ông mang số tiền ấy đến trả, kèm theo một nải chuối và một ít trái cây. Khoảng một tháng sau, ông ta lại đến mượn năm ngàn đồng và hẹn hai ngày sau sẽ trả. Đúng hai ngày sau, ông mang số tiền đã mượn đến trả cùng với ít trái cây để hậu tạ. Cứ thế, ông ta đã gây được niềm tin cho người khác. Trong vòng ba năm mượn rồi trả rất đúng hẹn như thế, người bạn ông không tỏ chút nghi ngờ. Cuối cùng, khi số tiền mượn lên đến hàng triệu, một số tiền rất lớn, ông ta đã biến mất tăm. Đây là lối “kinh doanh uy tín”, nghĩa là tạo uy tín cho người ta tin mình, rồi lừa họ. Bản chất của những con người như vậy không thật. Tuy nhiên, trường hợp này rất khó nhận định, thông thường, chúng ta tin người nào đó qua quá trình tiếp xúc với họ. Thường ngày họ vốn nói thật, bây giờ nói điều gì chúng ta cũng có thể tin được.

Thứ tư là tin vì truyền thống. Nghĩa là ngày xưa, tổ tiên ông bà nói một điều gì đó, qua thời gian thấy điều đó là hợp lý, chúng ta có thể tin được. Chẳng hạn, người xưa cho rằng:

“Muốn sang thì bắc cầu kiều,  
Muốn con hay chữ phải yêu lấy thầy”

Nghĩa là cha mẹ có kính trọng thầy cô giáo thì



con cái mới có thể chăm học vì cũng vâng lời thầy cô.

Tuy nhiên, có những điều ông bà ta để lại không còn phù hợp với thời đại ngày nay. Nếu tin như vậy, chúng ta sẽ có sự bất công trong việc đối xử. Chẳng hạn, trong thời đại phong kiến, người ta quan niệm rằng: “nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô”, một người con trai cũng cho là có, mười người con gái cũng cho là không. Xã hội ấy coi trọng con trai hơn con gái. Vì họ cho rằng, con trai là người nối dõi tông đường, thờ phụng tổ tiên, còn con gái là con người ta, lớn lên sẽ theo chồng, gánh vác giang sơn nhà chồng. Quan niệm ấy ăn sâu vào đời sống của người dân Việt Nam từ bao đời nay và để lại không ít những bi kịch cho người phụ nữ. Thực ra, ngày nay không ít con trai lập gia thất rồi chỉ biết vợ con, bỏ bê cha mẹ yếu. Ngược lại, không ít những người con gái hiếu thảo dù ở trong hoàn cảnh nào cũng lo lắng cho cha mẹ mình.

Chúng ta tin vào truyền thống của cha ông nhưng tùy hoàn cảnh, tùy đối tượng mà vận dụng cho hợp lý. Nói đến truyền thống, chúng ta nhớ lại bài kinh Kalama:

Một lần, Đức Phật đến vùng Kalama, các trưởng lão ở đó đến gặp Ngài và nói:

- Thừa tôn giả Gotama, người ta đồn rằng tôn giả có bùa khiến các đệ tử của những đạo khác gặp tôn giả rồi bỏ đạo theo tôn giả. Chúng tôi không muốn xuyên tạc tôn giả, chúng tôi không muốn xuyên tạc sự thật. Xin tôn giả hãy xác nhận điều đó đúng hay không, tôn giả có bùa hay không?

Đức Phật trả lời:

- Đừng tin những gì do lời đồn đại, đừng tin những gì do truyền thống để lại, đừng tin những gì do một người có vẻ khả kính nói ra, đừng tin những gì do ý nghĩ chủ quan của mình cho là đúng. Hãy tin điều gì chúng ta đã thực hành, suy xét, cân nhắc và thấy rõ kết quả.

Đức Phật không trả lời câu hỏi của các trưởng giả mà có một lời khuyên. Câu trả lời của Ngài đã trở thành một tuyên ngôn độc đáo của đạo Phật mà bây giờ cả thế giới đều ca ngợi. Vì người ta cho rằng, không một giáo chủ nào khuyến khích sự hoài nghi, giáo chủ nào cũng kêu mọi người tin mình, chỉ có Đức Phật khuyên mọi người phải biết suy xét, phải biết hoài nghi. Nhà triết học nổi tiếng Descart cũng từng nói rằng: "Tôi hoài nghi là tôi tư duy. Tôi tư duy là tôi tồn tại". Ở đây, Phật đã cho chúng ta một thái độ hoài nghi đúng đắn.

Cũng có trường hợp tin vì nghe nhiều người đồn đại. Quả thật, trước một sự việc, nghe nhiều người đồn chúng ta sẽ rất dễ tin.

Ngày xưa, có một ông vua trong thời gian trị vì nghe rất nhiều người tâu trình là vị quan kia không tốt, một đại thần không tốt. Vua bèn hỏi Án Tử. Án Tử tâu rằng:

- Thưa Bệ hạ, có một người nói với Bệ hạ ở chợ có cọp, Bệ hạ có tin không?

- Trẫm không tin, chợ làm sao có cọp - Vua trả lời. Lúc đó, Án Tử hỏi tiếp:

- Nếu có người thứ hai cũng đến nói với Bệ hạ là ở chợ có cọp, Bệ hạ có tin không?

- Bây giờ Trẫm bắt đầu tin vì đã có hai người nói.

- Nếu có người thứ ba đến nói với Bệ hạ ở chợ có cọp, Bệ hạ có tin không?

- Bây giờ thì Trẫm tin vì đã ba người nói cùng một thông tin.

- Vua nói một cách dứt khoát. Bây giờ, Án Tử mới trả lời:

- Bệ hạ thấy không, chuyện ở chợ có cọp là chuyện không thể có, ngay từ đầu Bệ hạ đã không tin nổi. Nhưng tới người thứ ba nói điều ấy, Bệ hạ đã tin rồi. Như vậy, trên cuộc đời này cũng có những điều không có thật, không thể tin được, nhưng vì nhiều người lặp đi, lặp lại khiến chúng ta tin. Bệ hạ hãy cẩn thận.

Nghe xong, nhà vua mới vỡ lẽ. Từ đó ông không nghe những lời gièm pha nữa. Vì có những Đại Thần rất tốt nhưng bị ganh ghét, gièm pha nhiều lần nên nhà vua tin và truất phế. Trong cuộc sống có không ít những chuyện tương tự như vậy nên chúng ta phải cẩn thận. Có chuyện vui về cách chữa bệnh của một bác sĩ nhưng ngẫm ra cũng rất thâm thúy. Một hôm, có một bệnh nhân bị tai nạn được đưa đến bệnh viện cấp cứu. Sau khi xem xét và xử lý vết thương, bác sĩ điều trị nói với người nhà bệnh nhân rằng: “Vết thương không có gì nghiêm trọng, bệnh nhân chỉ cần ở lại một hôm là có thể ra viện”. Gia đình rất mừng, chuẩn bị làm thủ tục xuất viện. Nhưng sáng hôm sau gặp lại, vị bác sĩ ấy làm ra vẻ rất quan trọng và yêu cầu bệnh nhân phải nằm điều trị tại bệnh viện ít nhất một tháng. Gia đình thắc mắc và được bác sĩ trả lời: “Đúng là hôm qua tôi thấy không có gì nghiêm trọng nhưng khi về nhà, ai cũng cho rằng như thế là nghiêm trọng và tôi cũng thấy như thế nên phải quyết định để bệnh nhân lại tiếp tục điều trị”. Thật là câu chuyện cười ra nước mắt. Hoặc khi nghe một người nào đó nói rằng chính mắt họ nhìn thấy các thầy trong chùa đi chợ mua thức ăn mặn, lúc đầu không ai tin. Nhưng hôm sau, một người khác lại nói tương tự như

vậy, rồi đến người thứ ba, thứ tư... Nghe nhiều người đồn, người ta bắt đầu tin, mặc dù người trước đó nói, họ không hề tin.

Những lời đồn vốn có sức mạnh rất lớn, có thể giết chết con người. Do vậy, chúng ta phải tỉnh táo thoát ra những lời đồn đại, không vội tin, phải suy xét cho kỹ. Nếu sự thật điều ấy không bao giờ xảy ra nhưng do nghe đồn nhiều quá mà chúng ta tin là thật thì niềm tin ấy đem lại tội cho chúng ta. Chúng ta hãy nhớ rằng, nghĩ sai cho một người tốt là chúng ta đã mang tội.

Một cách tin khác là tin vì dựa vào cảm nhận của trực giác. Nghĩa là khi có một người nào đó kể cho chúng ta nghe một câu chuyện, chỉ nghe qua chúng ta đã đoán câu chuyện có thật hoặc không có thật. Điều này dựa vào trực giác của mỗi người. Người tu lâu thường có trực giác như vậy. Cách tin do trực giác không lý luận được, không lý giải được. Khi nào còn phước, trực giác sẽ có.

## **HAI CÁCH TIN SAI LẦM**

### **Mê tín**

Mê là mê muội, không biết phán đoán. Mê tín là tin một cách vô lý về những điều thần bí, không dùng lý trí để phán đoán. Chính niềm tin mù quáng vào những điều tà kiến đã dẫn dắt chúng

ta đi vào làm lỗi, phước bị suy tổn. Vậy, tin như thế nào, tin vào điều gì sẽ bị gọi là mê tín? Trước hết, đó là tin vào những giáo điều quá sai lầm, phần lớn những giáo điều này thuộc về tôn giáo.

Ví dụ, ngày xưa, vì không giải thích được mọi hiện tượng tự nhiên nên con người thường cho rằng, mỗi hiện tượng là do một vị thần tạo nên. Chẳng hạn, họ tin rằng, chính Thần Lửa đã tạo ra lửa cho muôn loài. Người xưa tìm lửa rất khó khăn, gian khổ. Họ phải lấy đá đánh vào nhau và đặt cây bụi nhùi ở giữa. Khi nóng, cây bụi nhùi sẽ bốc cháy và có lửa. Sau đó, người ta phải đốt củi để giữ lửa. Nếu lửa bị tắt, phải tìm lại rất khó. Từ chỗ kiếm được lửa khó khăn như vậy nên họ phải luôn cầu nguyện các vị Thần cho lửa. Họ nghĩ rằng, khi cạy lửa phải gọi tên một vị Thần nào đó, lửa mới nhanh xuất hiện. Và họ tin là có vị Thần Lửa. Vì tin như vậy nên họ coi Thần Lửa là vị thần rất thiêng liêng. Họ đốt lửa, nhảy múa xung quanh để cầu nguyện, rồi cúng bái, tôn thờ... Tín ngưỡng thờ cúng Thần Lửa tồn tại rất lâu trong đời sống người dân.

Như vậy, chỉ vì kỹ thuật làm ra lửa của người xưa rất sơ đẳng nên họ phải tin vào một điều hoàn toàn không có thật. Phần lớn thời gian quý

báu họ dành cho việc đốt lửa lên và cứ thế quỳ lay ngọn lửa, vì tin trong đó có một vị Thần. Bây giờ sống trong thời đại văn minh, muốn có lửa, con người chỉ cần bật hộp quẹt một cách nhẹ nhàng.

Hoặc người ta tin rằng, trên đời này có Thượng Đế, là đáng tối cao đầy quyền uy. Mọi tội phước trên cuộc đời này không phải do con người mà do Thượng Đế quyết định. Nếu con người đã làm tổn hại đến chúng sinh, giết người, cướp của, chỉ cần quỳ xuống trước Thượng Đế cầu xin, sám hối, mọi tội lỗi sẽ không còn nữa. Đó là niềm tin rất mù quáng, sai lầm. Người ta có thể gây ra bao tội lỗi rồi mua lễ vật dâng lên Thần linh, Thượng Đế để xin tha tội và khi chết, cũng được lên Thiên Đường. Nếu có một niềm tin như thế, chúng ta sẽ trở thành loại người độc ác vô cùng. Vậy mà, trên thế giới niềm tin này vẫn đang tồn tại. Có những tôn giáo vẫn khuyến khích con người tin như thế. Và thậm chí, con người có thể giết hại, tàn sát lẫn nhau miễn điều đó làm đẹp lòng Thượng Đế của họ. Đó là những giáo điều hết sức sai lầm, nếu tin theo, con người sẽ đi vào con đường sai lầm, tà kiến. Hay gọi là mê tín, không phán đoán, suy xét. Thứ hai là tin vào vận số mà không dựa vào luật nghiệp báo. Điều này chúng ta thường gặp

trong đời sống, sinh hoạt của người dân. Ví dụ, người ta tin rằng hễ con người được sinh ra trong một gia đình giàu có, lớn lên chắc chắn sẽ sung sướng. Hoặc sinh ra trong gia đình dòng dõi quan lại thì con người sẽ giỏi giang. Ngược lại, người nào sinh ra trong một gia đình nghèo khó, sau này họ chỉ là người hạ tiện, tầm thường v.v... Niềm tin đó không có cơ sở, không có nhân quả. Đức Phật phủ nhận: “Không có giai cấp khi mà máu người cùng đỏ”. Giá trị của con người không phải là việc xuất thân từ dòng dõi giàu sang hay nghèo hèn mà ở nhân cách, trí tuệ và đức hạnh của họ. Không cần biết nguồn gốc và hoàn cảnh xuất thân, chỉ nhìn trong hiện tại, nếu một người có đạo đức, có trí tuệ, họ đã xứng đáng để chúng ta tôn trọng. Cho nên, điều Đức Phật nói là dựa vào nhân quả thực; còn tin vào giai cấp, dòng dõi là một lối tin sai lầm, cũng có thể gọi là mê tín. Chính cách tin này khiến cho con người có những sai lầm trong việc đối xử cũng như trong việc tu dưỡng, rèn luyện. Người xuất thân từ gia đình dòng dõi, giàu có sẽ ỷ lại, không phấn đấu, rèn luyện. Người xuất thân nghèo hèn sẽ mặc cảm, tự ti và bi quan không muốn nỗ lực để thay đổi cuộc đời mình.

Trên thực tế, hiện nay nhiều người vẫn còn một



niềm tin dù thật sự không biết đúng sai như thế nào. Đó là tin vào ngày giờ “Hoàng đạo”. Người ta cho rằng, nếu đi ra đường vào ngày giờ tốt, công việc sẽ tốt đẹp; ngược lại gặp giờ xấu, công việc sẽ không thành công, hay gặp chuyện xui xẻo. Thực ra, việc coi ngày, coi giờ là việc rất khó hiểu, khó lý giải. Có trường hợp người ta nghiệm ra cũng đúng nhưng nếu dựa vào lý nhân quả lại sai.

Ví dụ rõ nhất là vấn đề tử vi của con người. Khi chấm ngày giờ sinh của một người nào đó, theo lá số tử vi người ta biết cuộc đời của họ sẽ ra sao. Nhiều lúc, trải qua những thăng trầm của cuộc sống, so lại với số tử vi, họ thấy những điều được luận giải trong ấy rất đúng. Như vậy, người ta tin thời gian, thời điểm con người được sinh ra đời báo hiệu cuộc đời của họ. Nhưng xét cho cùng, sinh vào ngày giờ nào là do nghiệp, do nhân quả. Chỉ cần sinh chệch giờ đó, chúng ta sẽ có một cuộc sống sung sướng, nhưng nhân quả, nghiệp báo đã khiến như vậy, con người không tránh khỏi. Hoặc trường hợp dựa vào thời gian để bấm độn, tính toán sự thành hay bại của con người. Nhiều người rất tin vào điều này. Họ có quy luật bấm độn hẳn hoi. Nhưng điều này cũng có lúc đúng, có lúc sai, không tuyệt đối. Có người cũng thử bấm độn và

cho rằng tỷ lệ đúng khoảng 50% đến 60%. Vì vậy, chúng ta không nên tin việc này là đúng tuyệt đối để tránh bị lừa bịp, phải hiểu rằng, nhân quả là cái đúng tuyệt đối. Thật sự, trong cuộc sống nếu làm những điều lành, chúng ta sẽ gặt hái được những điều tốt, đó là nhân quả. Tin vào nhân quả như vậy gọi là chánh tín.

Chúng ta không nên tin rằng; không cần giúp đỡ ai, không cần bố thí, phóng sinh, không cần làm điều thiện gì, chỉ cần chọn được ngày tốt để khởi hành, để bắt đầu công việc là chúng ta sẽ thành công. Đó là mê tín, tin không cơ sở.

Thứ ba là tin vào những chân lý còn giới hạn (khoa học). Khoa học rất tiến bộ, đúng mức nhưng không hoàn toàn tuyệt đối. Sự thật, khoa học vẫn còn nhiều giới hạn, vẫn còn nhiều điều phải bó tay. Nhưng rất nhiều người, nhất là những người trí thức, thường tin tưởng một cách tuyệt đối vào khoa học. Họ cho rằng, cái gì khoa học nói đúng là đúng, cái gì khoa học nói sai là sai và hay viện khoa học để chứng minh cho ý kiến của mình trong những cuộc tranh luận.

Ví dụ, hiện nay trong y học có nhiều bệnh tây y không chữa được nhưng uống thuốc nam và châm cứu nhiều lần có thể hết như bệnh thấp khớp, hoặc bệnh viêm thận mãn. Hai quả thận

bị viêm sẽ dần dần bị teo lại, không còn chức năng lọc máu, lọc nước. Người mắc bệnh này nước bị giữ lại, huyết áp tăng lên, người phù ra và rất dễ chết, tây y không chữa được. Thông thường, người ta chữa bằng cách cắt bỏ quả thận bị viêm và xin thận của người khác ghép vào hoặc chạy thận, mỗi tuần chạy vài lần rất đau đớn, khổ sở. Những người bị bệnh này, gần như không đi đâu xa bệnh viện, không rời xa máy lọc thận, sống rất khổ sở. Vậy mà, có những người trị bằng thuốc nam, thuốc bắc lại hết. Có nhiều bệnh nhân bị bệnh viện trả về vì bó tay nhưng theo cách trị của đông y lại qua khỏi.

Có những điều khoa học phán đoán, kiểm nghiệm qua thực tiễn lại hoàn toàn không đúng, hoặc có những điều khoa học chưa nhìn thấy được. Một thời gian dài vì khoa học không thấy thế giới siêu hình nên phủ nhận sự tồn tại của thế giới siêu hình, không tin có linh hồn. Nhưng thực tế cho thấy đó là điều có thật, thế giới tâm linh là điều có thật. Hiện nay, qua một số hiện tượng xảy ra trong cuộc sống, nhiều người đã tin và tập hợp những thông tin trên khắp thế giới về thế giới siêu hình. Tuy nhiên, chưa ai tìm ra con đường để chứng minh điều đó.

Chẳng hạn, hiện tượng đĩa bay xuất hiện cách

đây khoảng tám, chín năm ở nước Mỹ đã làm đau đầu biết bao nhà khoa học. Trên các xa lộ ở nước Mỹ, người ta thấp đèn điện sáng choang nên đĩa bay đã ghé xem. Một lần, đài Rađa của quân đội báo động là có một vật thể lạ bay trên bầu trời nước Mỹ. Nghe báo động, hai máy bay tức tốc tìm cách đuổi theo. Theo dõi trên màn hình Rađa, các chuyên gia nhận thấy một đĩa bay hiện ra rất rõ. Người phi công trưởng bấm nút thu lại hình ảnh đó trong máy Cassette, trong băng Vidéo. Khi lao gần đến đĩa bay, bỗng nhiên họ thấy đĩa bay hạ độ cao rất đột ngột, và từ trên cao đĩa bay hạ xuống mặt đất rồi biến mất. Khi nghiên cứu, tính toán qua việc xem băng Vidéo, người ta mới nhận ra tốc độ gia tốc của đĩa bay quá nhanh. Gia tốc của trái đất khoảng  $9,8\text{m/s}^2$ . Trong khi đó, gia tốc của đĩa bay, người ta tính toán được đến mấy ngàn. Chỉ trong một vài giây, nó có thể tăng tốc khủng khiếp và biến mất. Người ta không hiểu động cơ nào đĩa bay có thể tăng tốc nhanh như vậy, trái đất không thể làm được việc đó. Thậm chí, nó có thể tàng hình, không còn dấu vết như một bóng ma. Nền khoa học của họ tiến xa như vậy đó, chúng ta còn rất lâu mới có thể bắt kịp. Thứ tư là chủ quan tin vào ý nghĩ của mình. Hễ nghĩ ra điều gì, chúng ta tuyệt đối tin điều đó là

đúng. Đó cũng là một loại mê tín do kiêu mạn mà ra. Nếu chủ quan do kiêu mạn, lúc nào cũng tin ý nghĩ của mình là đúng, chúng ta sẽ rơi vào cách tin sai lầm, cũng là mê tín. Chính mê tín đưa đến tổn phước. Bởi vậy, mỗi lần suy nghĩ một điều gì, chúng ta nên suy xét trong một thời gian. Nếu thấy hợp lý, lúc ấy chúng ta hãy nghĩ rằng điều mình nghĩ là đúng. Đây cũng là một kinh nghiệm quý báu cho chúng ta trong cuộc sống để tránh khỏi những sai lầm.

### **Cuồng tín.**

Cuồng tín là tin một điều gì quá cuồng nhiệt, dẫn đến hành vi thái quá.

Ví dụ, trước một ngôi chùa nọ có một cây mít sống lâu năm, rất to. Một hôm, bỗng dưng có một người từ đâu đến nhìn nó và bảo: Cây mít này linh lắm, che chở cho cả vùng này, mọi người không được chặt phá nó. Người nào muốn học giỏi, hằng ngày phải thắp nhang quỳ lạy cây mít. Lúc đầu, mọi người nửa tin, nửa ngờ. Sau đó, ai cũng tin một cách cuồng nhiệt và bắt đầu bảo vệ, làm hàng rào, thắp nhang lạy nó. Thậm chí, có người còn đứng đó canh chừng, ai đi qua đều bị bắt cúi đầu xá, không xá sẽ bị phạt.v.v... Tin như vậy gọi là cuồng tín. Vì tin một cách cuồng nhiệt, không có cơ sở dẫn đến hành vi thái quá.

Một số tôn giáo có những chủ trương cuồng nhiệt, bảo vệ tôn giáo bằng bạo lực, truyền bá Tín ngưỡng cũng bằng bạo lực. Chẳng hạn, những người theo đạo Hồi nói chuyện với nhau toàn bằng súng đạn. Nếu ai xúc phạm họ, xúc phạm đến đạo của họ sẽ bị giết ngay. Họ tin rằng hành động đó được Thánh Ala khen ngợi. Điều này hoàn toàn trái với chủ trương của đạo Phật. Đức Phật khuyên chúng ta rằng, phải biết nhẫn nhục và cảm hóa những kẻ xúc phạm mình bằng lời nói, bằng lý lẽ, chứ không phải bằng vũ khí, bạo lực.

Hoặc có những tôn giáo tin rằng khi chết con người sẽ được lên Thiên đường nên họ đã tự thiêu như giáo phái Đền Mặt Trời ở Thụy Sĩ. Đó cũng là sự cuồng tín. Hoặc có trường hợp những tín đồ của tôn giáo Công Thiên Đường đã uống thuốc độc tự tử vì tin rằng sẽ được lên hành tinh khác sống sung sướng hơn. Tất cả những hành động ấy đều cực đoan, thái quá xuất phát từ sự cuồng tín của con người. Bởi vậy, chúng ta phải cẩn thận. Khi tin điều gì mà cảm thấy điều ấy gây cho mình một sự nóng nảy, nhiệt tình, chúng ta phải nhận ra ngay là mình đã bắt đầu sai, bắt đầu xa chân lý, vì chân lý chỉ đưa đến sự an lạc, điềm đạm. Hay nói cách khác, tin vào điều đúng con người chúng

ta sẽ trở nên điềm đạm, còn tin một điều gì mà tỏ ra vội vàng, nóng nảy thái quá, lúc đó hãy cẩn thận, điều mình tin là sai.

Hiện nay trên thế giới có những trường hợp do cuồng tín đã dẫn đến những cuộc xung đột sắc tộc đẫm máu. Chẳng hạn, ở Phi Châu có nhiều bộ tộc căm thù nhau, vì bộ tộc nào cũng tin rằng chỉ có họ mới đúng, còn những bộ tộc khác là kẻ thù. Vì vậy, họ tìm cách chém giết lẫn nhau rất dã man.

Ở Rwanda, sắc tộc Hutou và Tussu rất căm ghét nhau, có khi tàn sát nhau khủng khiếp. Họ đối xử với nhau thật độc ác. Chúng ta nhìn vào chỉ thấy người châu Phi ai nấy đều tóc quăn, da đen, răng trắng lóa, ai ai cũng giống nhau.

Nhưng giữa họ có những khoảng cách, những sự khác nhau rất lớn. Họ tin rằng, mình mới là người đáng sống, còn người bên kia đáng để chết. Rõ ràng, tin như vậy, họ sẽ giết nhau một cách không thương tiếc. Đó cũng gọi là cuồng tín. Tất nhiên, điều này cũng do nghiệp quá khứ nào đó, nhưng không phủ nhận thái độ cuồng tín của họ đã dẫn đến hành vi thái quá.

Sự phân biệt màu da dẫn đến bạo lực cũng là một biểu hiện của cuồng tín. Ngay khi sống vào thế kỷ này mà ở nước Mỹ vẫn còn tình trạng phân biệt màu da, người da trắng được ưu đãi,

người da đen lại bị hắt hủi. Người da đen bị tước cả quyền được bầu cử của một công dân. Ở đó, có những nhà hàng chỉ dành cho những người da trắng; có những trường học, học sinh da đen không được vào; lên xe buýt, người da đen luôn ngồi ở phía sau. Chính vì có sự kỳ thị như vậy nên ở Mỹ liên tục xảy ra những cuộc đấu tranh đòi quyền bình đẳng của người da đen. Một mục sư nổi tiếng trong việc đấu tranh cho quyền bình đẳng ấy là Luther King - Ông vốn là một nhà hùng biện nên nói chuyện rất hay. Năm 1968, ông bị ám sát bởi những người da trắng cực đoan. Họ muốn giết ông để ngăn chặn làn sóng đấu tranh ấy. Lúc bấy giờ, nước Mỹ xuất hiện nhóm KKK là Klu Klux Klan. Mỗi khi hành động, nhóm này mặc toàn đồ trắng, trùm mặt nạ, xông vào đốt nhà, bắt giết những người da đen và phá nhà thờ của họ. Nhóm này bây giờ vẫn còn tồn tại, nhưng hoạt động lén lút. Có thời gian, FBI lùng bắt bọn chúng rất ráo riết. Sở dĩ có sự phân biệt và dẫn đến bạo lực như vậy là do người da trắng tin rằng chỉ có họ mới là con người, là người thông minh nhất; còn người da đen không phải là con người, chỉ đáng sống để làm nô lệ mà thôi. Mục sư Luther King đã vận động nhân dân khắp nước Mỹ đấu tranh chống sự phân biệt này, đấu tranh một cách hòa



bình. Những lời nói của ông làm mọi người cảm động. Ông nổi tiếng khắp nơi nhờ tài hùng biện, nhất là bài diễn thuyết: “Tôi có một giấc mơ”.

Trong những lần diễn thuyết, ông thường nói: “Tôi có một giấc mơ” nhưng không nói rõ đó là giấc mơ gì. Một lần, khi diễn thuyết đề tài về sự đấu tranh sắc tộc, ông cũng nói: “Tôi có một giấc mơ”. Khi bài diễn thuyết vừa chấm dứt, chợt có một người la lên: “Xin ông hãy nói cho tôi nghe giấc mơ của ông”. Lúc ấy, ông ứng khẩu nói say sưa về giấc mơ của mình và bài diễn thuyết ấy đã trở thành tuyệt tác của nhân loại .

Ông nói rằng: Tôi có một giấc mơ, trong giấc mơ đó, con người trên thế giới sống với nhau, thương yêu nhau không phân biệt màu da hay chủng tộc. Tôi có một giấc mơ, trong giấc mơ đó có một ngôi trường mà những trẻ em da trắng và da màu nắm tay nhau vui đùa, thương yêu nhau. Tôi có một giấc mơ mà trong đó con người bỏ hết ý nghĩ về sự phân biệt màu da, chủng tộc chỉ còn biết thương yêu, biết xây dựng cuộc sống này tốt đẹp như một Thiên đường. Tôi có một giấc mơ...

Ông cứ nói say sưa như vậy khiến người nghe ai cũng xúc động và bật khóc. Đây là bài thuyết pháp nổi tiếng của ông. Khi ông qua đời, nổi

bức xúc dâng lên cao độ và chính quyền Liên bang phải ra những sắc lệnh nghiêm khắc về sự bình đẳng giữa người da đen và người da trắng. Xóa được điều này là xóa được sự cuồng tín tồn tại bao nhiêu năm, gây ra bao nhiêu đau khổ cho người dân da đen sống trong lòng nước Mỹ. Một biểu hiện nữa của cuồng tín là sự đấu tranh chính trị khủng khiếp. Nói về đạo, chúng ta không muốn liên hệ đến chính trị. Nhưng phải hiểu rằng, chính trị đã đưa con người đến cuồng tín. Chẳng hạn, khi lên cầm quyền, Hitler đã tuyên bố rằng, chủng tộc Anglo thượng đẳng của người Đức là chủng tộc xứng đáng cai trị cả loài người này, còn mọi chủng tộc khác chỉ đáng làm nô lệ mà thôi. Lý thuyết ấy đã truyền niềm tin vào người dân Đức một cách mãnh liệt, cuồng tín. Vì thế, người Đức đã không ngần ngại xếp hàng cầm súng lên đường đi đánh chiếm hết nơi này đến nơi khác. Như vậy, tin vào một lý thuyết nào đó để có thể chém giết người khác được, đó cũng là một loại cuồng tín. Chủ thuyết chính trị có thể dẫn đến những cuộc chiến tranh tàn bạo, khốc liệt. Chúng ta phải cẩn thận tránh xa.

Là đệ tử Phật, chúng ta tin vào giáo lý từ bi của đạo Phật để sống, để xây dựng một cuộc sống thanh bình cho con người, tránh xa những lý

thuyết làm tăng lòng sôi sục, cảm phẫn để phải chém giết đồng loại của mình. Hãy nhớ rằng, cuồng tín đưa đến tội rất nặng và mê tín sẽ đưa đến tổn phước. Dĩ nhiên, mê tín cũng có tội nhưng không nặng bằng cuồng tín. Cuồng tín gây nghiệp khủng khiếp nên chúng ta cần có sự tỉnh táo, không bao giờ để rơi vào cuồng tín.

## **NIỀM TIN ĐÚNG ĐEM LẠI NHIỀU PHƯỚC LÀNH VÀ LỢI ÍCH**

Ngược lại với mê tín và cuồng tín là niềm tin đúng. Nó đem lại nhiều phước lành và lợi ích cho chúng ta. Vậy, tin những gì được gọi là có niềm tin đúng?

Đó là tin Phật. Quả thật, tin Phật đem lại cho chúng ta nhiều phước lớn. Vì chúng ta đã đặt niềm tin đúng nơi một vị Thầy cao cả, siêu việt, viên mãn về đức hạnh. Khi tin Đức Phật, trong chúng ta sẽ xuất hiện lòng tôn kính. Ai cũng biết rằng, tôn kính một vị Thánh thì chính mình dần dần sẽ xuất hiện nhân cách của một vị Thánh. Đây chính là chìa khóa để chúng ta phát triển trí tuệ, nhân cách. Hiểu điều này, chúng ta sẽ thương yêu, tin tưởng, hy vọng nơi con người và không khinh miệt bất cứ ai. Thấy một người làm lỗi, chúng ta không khinh miệt vì biết người đó chưa có lòng tôn kính Phật. Nếu một ngày

nào đó có lòng tôn kính Phật, họ sẽ vượt ra khỏi làm lỗi. Do có điểm nhân quả này mà chúng ta có niềm tin nơi con người, không ruồng bỏ bất cứ ai.

Ngay cả người xuất gia, nếu quên lễ Phật, tưởng là mình đã bằng Phật thì phước sẽ tiêu tan. Người ấy sẽ hoàn tục và trở thành con người xấu xa, có nhân cách tầm thường. Có lẽ chúng ta đã nghe không ít chuyện về những thầy tu hoàn tục, ra đời làm điều xằng bậy hơn cả những người thường. Đó là chuyện có thật. Tại sao lại có chuyện hoàn tục? Vì do có một tà kiến nào đó, họ tin mình bằng Phật, không chịu lễ Phật thường xuyên, không tôn kính Phật, không thấy mình đối với Phật chỉ là hạt cát mà thôi. Từ đó, họ không còn phước và phải hoàn tục. Cũng con người đó, nếu biết tôn kính Phật trở lại thì nhân cách của họ sẽ nâng cao dần dần và sẽ có nhiều phước. Họ có thể xuất gia trở lại mà không gặp trở ngại gì.

Bởi vậy, chúng ta nói rằng, lòng kính Phật là chìa khóa để mở ra muôn công hạnh lành. Điều này đã được khẳng định trong bài: Hiểu và tôn kính Phật.

Khi tin Phật và có sự tôn kính Phật, chúng ta sẽ có niềm tin vào Niết Bàn Tuyệt Đối. Đó là nơi mà tất cả chúng ta đều phải trở về, đều phải đạt

đến trong vô số điều tuyệt đối khác: An lạc tuyệt đối, đức hạnh, trí tuệ tuyệt đối, từ bi tuyệt đối. Một niềm tin tốt nữa là tin Nhân Quả luân hồi. Chúng ta không tin rằng quả báo tốt là do ai đem đến mà chỉ tin rằng có luật nhân quả, làm điều lành, sẽ được hưởng quả lành; làm điều xấu, sẽ chịu quả xấu. Tin như vậy, chúng ta sẽ có sự cân nhắc kỹ trong hành vi, ý nghĩ và lời nói của mình. Hay nói cách khác, niềm tin đối với luân hồi nhân quả khiến cho con người tu sửa được đạo đức. Cho nên, chúng ta phải làm sao truyền bá giáo lý nhân quả lan rộng khắp nơi, được như vậy là chúng ta đã góp phần xây dựng xã hội này tốt đẹp hơn.

Dù khoa học chưa chứng minh được, nhưng tin được giá trị Tâm linh chúng ta cũng đã có một niềm tin đúng. Chúng ta tin rằng, trong con người ngoài sức mạnh vật chất còn có sức mạnh tâm linh. Nếu phát huy được năng lực ấy sẽ trở nên vĩ đại. Hoặc chúng ta tin là có thể giới siêu hình tồn tại, trong đó cũng có nhiều chúng sinh đang sống. Có thể không nhìn thấy, nhưng một khi đã tin đó là điều có thật, chúng ta vẫn tôn trọng họ. Tin như vậy, chúng ta sẽ sống mà không quá lệ thuộc vào thế giới vật chất này, không lệ thuộc vào đồng tiền thế gian giả tạm này. Dù sống trong cảnh giàu sang, chúng ta

vẫn không chấp vào nó. Vì chúng ta tin rằng thế giới tâm linh cao siêu hơn, còn cái hữu hình thường dễ hoại.

Hoặc tin được đạo đức là nền tảng của mọi tiến bộ xã hội là chúng ta đã có một niềm tin đúng. Khi tin rằng, xã hội cần nhiều người tài giỏi, kỹ sư, bác sĩ, luật sư nhưng ngoài tài năng, những con người ấy phải có đạo đức, xã hội mới tốt được, chúng ta sẽ suốt đời phấn đấu không ngừng để rèn luyện đạo đức cho mình và truyền bá đạo đức cho mọi người. Có như vậy, chúng ta mới xây dựng được một xã hội thực sự tiến bộ.

Cuộc khủng hoảng kinh tế hiện nay của các nước trong khu vực Đông Nam Á phần lớn cũng bắt nguồn từ lối ứng xử thiếu đạo đức của con người. Chẳng hạn, một quốc gia láng giềng của chúng ta được coi là một đất nước giàu có, nhưng sự thật đó là một nơi ăn chơi trác táng, tồn tại nhiều tệ nạn xã hội. Du khách đến Thái Lan không ít người chỉ nhằm mục đích thỏa mãn những ham muốn tầm thường. Do vậy, khủng hoảng tất yếu phải xảy ra. Ở mỗi sự khủng hoảng, nếu đi tìm nguyên nhân, chúng ta sẽ nhận thấy phần lớn đều do sự thiếu đạo đức của con người. Như vậy, muốn xã hội thực sự tiến bộ, thực sự ổn định, con người phải lấy đạo

đức làm nền tảng. Chúng ta tin tưởng chắc chắn vào điều đó.

Một điều tin đúng nữa là tin được một vị chân sư. Quả thật, tìm được một vị chân sư để tin là một điều may mắn, là niềm hạnh phúc lớn lao trong cuộc đời mỗi chúng ta. Nếu tìm đúng vị chân sư để gửi gắm niềm tin, cuộc đời của chúng ta sẽ đi theo một hướng tốt lành. Nhưng điều này thực ra là do duyên may vì chúng ta khó đánh giá đúng, khó nhận ra ai thật sự là chân sư. Khi đã biết phân biệt vị nào đúng, vị nào sai, vị nào tài giỏi để nương tựa, chúng ta cũng đã giỏi, đã đạt đến một trình độ nhất định. Thật ra, chúng ta chỉ biết thường xuyên cầu Tam Bảo gia hộ để gặp được thầy lành, bạn tốt.

### **ĐA NGHI VÀ CẢ TIN ĐỀU LÀ BỆNH**

Trong cuộc sống, bên cạnh những người rất dễ tin, chúng ta còn gặp rất nhiều người hay đa nghi, ít chịu tin hoặc không tin vào bất cứ điều gì. Cả hai đều là bệnh. Vậy, tại sao chúng ta hay đa nghi, ít tin vào người khác?

Trước hết, ít chịu tin vì chính mình hay nói dối. Thật sự, người hay nói dối thường ít tin ai vì “suy bụng ta ra bụng người”. Như vậy, gặp những người hay đa nghi, chúng ta phải cẩn thận, không chừng người ấy là chuyên gia nói dối. Trong lịch sử Trung Quốc, có một nhân vật

nổi tiếng đa nghi, đó là Tào Tháo. Ông đa nghi đến nỗi khi chết đi, phải xây 72 ngôi mộ giả rải rác khắp nơi để người đời không quật mộ trả thù được vì lúc sống, ông ta là một kẻ bị cho là nhiều thủ đoạn tuyệt gian, bên cạnh Lưu Bị tuyệt nhân, Quan Công tuyệt nghĩa, Trương Phi tuyệt dũng, và Khổng Minh tuyệt trí.

Trường hợp khác, có người ít chịu tin vì có tính kiêu mạn. Đó là mẫu người ai nói gì cũng không chịu nghe, luôn cho rằng ý nghĩ của mình là hay hơn, đúng hơn, người khác không thể bằng. Người như vậy rất khó thành công trong cuộc đời.

Trường hợp thứ ba, ít chịu tin vì không đủ trí tuệ phán đoán. Chúng ta gặp nhiều người vì không nhận ra điều người khác nói là đúng hay sai nên không dám tin chắc chắn. Nếu có đủ trí tuệ phán đoán, trước lời nói của người khác, chúng ta sẽ biết được điều đó đúng hay sai để có một niềm tin, một thái độ đúng đắn.

Ví dụ, có một người đến nói với chúng ta là cần tiền để cất chùa nên đi quyên góp. Nhìn vẻ ngoài, có thể không nhận biết họ nói thật hay không, chúng ta phải có cách kiểm tra. Chẳng hạn, hỏi: “Thầy tên gì? Chùa Thầy ở đâu? Chùa tên gì?” Sau đó, chúng ta có thể điện thoại đến địa phương xem có chùa đó hay không, chùa



đang xây dựng như vậy phải không, v.v... Chúng ta phải kiểm tra trước khi đặt niềm tin để tránh khỏi sai lầm. Trong trường hợp này, vội tin hay vội nghi đều sai nên cần phải kiểm tra cẩn thận. Ngược lại, trong cuộc sống còn có nhiều người rất dễ tin, vì sao?

Trước hết, người dễ tin vì tính tình thật thà, hiền lành. Người thật thà, không bao giờ biết nói dối thường rất dễ tin người vì nghĩ ai cũng thật thà như mình. Đây cũng là một bệnh nguy hiểm. Vì cuộc đời không đơn giản như chúng ta nghĩ, có rất nhiều người dối trên lừa dưới, lừa thầy, phản bạn. Nếu quá tin người, chúng ta sẽ phải trả giá đắt cho cuộc đời mình.

Cũng có trường hợp dễ tin vì nghiệp đời trước hay dụ người khác. Ví dụ, có người trước kia thường hay dụ dỗ trẻ con để lấy đồ của, tiền bạc. Vì gieo nhân đó nên kiếp sau họ bị người khác lừa mà vẫn tin một cách mê muội, không nhận ra được. Đó là do nghiệp báo của quá khứ. Hiểu như vậy để sống ở đời, chúng ta đừng bao giờ lừa dối ai, dù là việc rất nhỏ.

Cũng có trường hợp dễ tin vì yếu lòng. Có người mắc “bệnh” yếu lòng nên ai nói gì cũng nghe, cũng tin. Đó là người không có lập trường vững chắc với lẽ phải, không có trí tuệ phán đoán.

Tóm lại, cả tin và đa nghi đều là bệnh, chúng ta cần phải tránh để đừng mắc phải. Nói về niềm tin, một nhà thơ Nga nổi tiếng đã khẳng định:

Trong chúng ta, ai là người đau khổ nhất?

Đau khổ nhất là người chẳng ai tin.

Trong chúng ta, ai là người đau khổ nhất?

Đau khổ nhất là người chẳng tin ai

### **NHỮNG VẤN ĐỀ CỦA THỜI ĐẠI**

Trong niềm tin, chúng ta phải cẩn thận đối với các tín ngưỡng mới. Đó là sự pha trộn của khoa học giả tưởng và các tín ngưỡng cổ truyền.

Phật tử phải cẩn thận để không bị lạc lòng.

Ví dụ, tín ngưỡng cổ truyền nói rằng, có một Thượng đế tạo ra muôn loài. Còn khoa học giả tưởng cho rằng có những người ngoài hành tinh tới. Người ta trộn hai loại đó lại thành một tín ngưỡng mới. Tín ngưỡng đó nói rằng, Đức

Thượng đế Javê ở hành tinh khác sai Thiên sứ đi bằng đĩa bay xuống đây để tiếp xúc với con người. Nếu ai tin theo, sẽ được ông đưa lên đĩa bay, bay về gặp Thượng đế. Đó là cách trộn hợp giữa tín ngưỡng cổ truyền và khoa học giả tưởng mới để đáp ứng được tâm tình của thời đại. Nhưng những điều ấy đều sai lầm.

Gần đây, chúng ta nghe tin đạo này, đạo kia xuất hiện trong đó có đạo Địa mẫu. Người theo

đạo này tin rằng có một đạo mẫu là mẹ của Phật Thích Ca, đẻ ra mọi loài mẹ (Phật, Bồ tát...). Đó là niềm tin vô lý, là sự mê tín. Vậy mà, không ít tín đồ nghe theo. Hoặc có trường hợp tin rằng Thượng đế nhập vào một người đàn bà để giảng pháp cho mọi người nghe, để phán xử con người, v.v... Đó là những lý luận hoàn toàn giả dối, lừa bịp của những kẻ thích nổi tiếng, thích được người khác tôn sùng.

Một vấn đề mang tính chất thời đại nữa là sự tuyên truyền, xuyên tạc, công kích giữa người này với người kia, giữa đạo này với đạo kia do tính xấu của một số người. Hiện tượng này rất thường xảy ra trong cuộc sống. Bởi vậy, trước những sự tuyên truyền, công kích, chúng ta không nên tin. Trong lòng chúng ta chỉ có một niềm mơ ước mọi người đều trở thành người tốt nên khi nghe những điều này, chúng ta cảm thấy đau lòng, không muốn nghe nữa, không muốn tin nữa. Nếu tin theo, chúng ta sẽ bị nghiệp lây.

Qua bài Niềm tin, chúng ta phải có thái độ đúng đắn đối với những thông tin mình nghe được, không bao giờ vội vã chấp nhận ngay mà phải luôn luôn suy xét. Đặc biệt, chúng ta cần tránh hai bệnh đa nghi và cả tin.

## **SỰ HÒA HỢP**

# **SỐNG TRONG CỘNG ĐỒNG LÀ MỘT ĐẶC TÍNH CHUNG**

Chúng ta biết rằng, trong vũ trụ không có một sự vật, hiện tượng nào có thể tồn tại độc lập mà không có mối quan hệ với các sự vật, hiện tượng khác. Một chiếc lá vàng rơi, một con kiến bé nhỏ bò trên mặt đất, một hạt cát giữa sa mạc mênh mông... tưởng rằng sẽ không liên quan gì đến nhau, không liên quan gì đến con người, nhưng thực ra, tất cả đều có một sự tương tác với môi trường sống chung quanh. Có thể sự tương tác đó quá nhỏ chúng ta không nhìn thấy được. Đó là cách nói theo vật lý. Theo lý thuyết của kinh Hoa Nghiêm thì vạn vật là “trùng trùng duyên khởi”, một hạt bụi có thể chứa đầy cả mười phương Chư Phật. Lý thuyết đó vô cùng cao siêu khi nói đến sự tương quan chặt chẽ giữa một cá thể với toàn thể Pháp giới. Đó là cách nói trên lý Bát Nhã. Trong bài này, chúng ta không nói về lý Bát Nhã. Sau này, khi đã có duyên, chúng ta sẽ đề cập vấn đề này.

Như vậy, dù nói theo lý đạo hay trên vật lý, chúng ta cũng thừa nhận rằng, không ai có thể tồn tại độc lập giữa thế gian này mà tất cả đều phải có sự tương quan. Trong cuộc sống, chúng ta không thể tách mình ra khỏi môi trường

chung quanh. Ngay cả trường hợp người nhập thất cũng vậy. Người nhập thất không tiếp xúc với người chung quanh. Nhưng trên thực tế, ít nhất họ cũng còn một người hộ thất, lo vấn đề cơm nước. Qua đó, họ còn có sợi dây liên lạc với thế giới bên ngoài, chứ không hoàn toàn tách biệt. Tất nhiên, lúc đó mỗi tương quan giữa người nhập thất và mọi người chung quanh giảm đi rất nhiều vì họ phải xoay vào nội tâm để tu hành. Hoặc trường hợp người tội phạm bị biệt giam. Vì phạm tội quá nặng, thuộc vào loại tội phạm nguy hiểm, họ bị giam riêng, gần như bị cắt đứt mọi mối quan hệ với người chung quanh. Tuy nhiên, người biệt giam vẫn có sự quan hệ với người cán bộ canh giữ tù, vẫn còn một chút quan hệ chứ không hoàn toàn mất hẳn.

Người ta hay truyền tụng câu chuyện về Robinson Crusoe để nêu bài học quý báu về trí thông minh, tinh thần dũng cảm, vượt khó cho con người. Bị đắm tàu, lạc vào trong một hoang đảo, đối mặt với biết bao khó khăn nguy hiểm nhưng Robinson vẫn kiên trì, tự sáng chế ra mọi cách để sống giữa thiên nhiên hoang dã bằng vốn kiến thức của thời đại mình. Tuy nhiên, nhà văn đã đưa vào tác phẩm nhân vật người da đen để làm bạn với Robinson. Điều này có ý

nghĩa gì? Phải chăng nhà văn muốn khẳng định, nhu cầu tiếp xúc, quan hệ giữa con người với con người là một nhu cầu không thể thiếu. Chúng ta không thể nào sống cô độc, tách khỏi mối dây liên hệ với mọi người chung quanh. Chúng ta không thể sống mà không có mối tương quan với cộng đồng loài người được. Vì sống như vậy, con người sẽ buồn đến chết, thậm chí có thể hóa điên. Nhất là những người bị lạc vào rừng, sống lâu trong rừng vắng, cuối cùng đã trở thành những “người rừng” trông thật đáng sợ.

Hằng ngày, trong mọi sinh hoạt, chúng ta đều có quan hệ gần gũi với người khác nên cảm thấy rất bình thường. Nhưng một lúc nào đó, nếu chỉ một mình ta sống trong một thành phố hoang, không một bóng người, bên này bên kia đều là những cánh cửa mở toang, những ngôi nhà đã sụp đổ... tưởng tượng chúng ta sẽ sống như thế nào? Chúng ta sẽ rơi vào trạng thái căng thẳng, khủng hoảng về tinh thần đến không chịu đựng nổi. Và có thể, nếu kéo dài tình trạng đó, chúng ta sẽ chết trong cô độc vì đau khổ, buồn chán. Như vậy, tương quan giữa người và người là nhu cầu có thật trong đời sống của chúng ta.

Trong truyện “Lặng lẽ Sapa”, nhà văn Nguyễn

Thành Long đã xây dựng một nhân vật rất đáng để chúng ta cảm phục. Đó là anh thanh niên làm công tác khí tượng thủy văn ở Sapa. Suốt ngày, một mình thui thủi trên đỉnh Yên Sơn cao 2600m với công việc đo mưa, đo gió. Anh ta sống gần như cách biệt với con người. Bởi vậy, một lần vì thèm nghe tiếng nói của con người quá, người thanh niên đã tìm cách lặn cây ra đường, chặn một chuyến xe khách đi ngang và mời mọi người lên tham quan nơi ở, nơi làm việc của mình khiến ai cũng xúc động. Thế mới biết nhu cầu được giao cảm, giao hòa với người khác trong mỗi người mãnh liệt biết chừng nào.

Chúng ta cũng đã từng nghe câu chuyện về vị Thánh Sư Milarepas. Ông sống ẩn tu mười một năm trên núi hoang, không tiếp xúc với một ai. Khi tuyết rơi xuống trắng xóa, ông vẫn ngồi thiền lặng lẽ chịu đựng cái lạnh buốt giá ấy. Phải thừa nhận rằng, ông thành tựu định lực rất vững khiến ai cũng cảm phục. Sau mười một năm sống cách biệt với cộng đồng để tu tập, ông trở ra giáo hóa và rất thành công. Người Tây Tạng tôn thờ ông như tôn thờ một vị Thánh. Đó là trường hợp rất hiếm hoi và cá biệt. Khi đã có được cái định ở trong tâm, người ta cảm thấy nhu cầu về mối tương quan với con người không còn là điều bức xúc nữa. Còn đa số

chúng ta đều sống trong sự tương quan và phải có bốn phận với người khác.

Không ai có thể sống cô độc mãi trên cuộc đời này. Bây giờ sống với nhau trong một tập thể, một cộng đồng, có khi chúng ta cảm thấy không cần phải thương nhau, có khi chúng ta coi thường tình cảm của người khác. Nhưng những người hay phụ bạc tình nghĩa đó sau này sẽ không bao giờ tìm lại được nữa. Chúng ta nhớ rằng, hễ phụ bạc điều gì, chúng ta sẽ mất nó mãi mãi. Đó là nhân quả.

Ví dụ, một người còn phước, sống trong giàu có sung sướng và thường đến ăn uống ở những nhà hàng lớn. Bao nhiêu lần họ gọi thức ăn thừa mứa để rồi phải đổ đi. Cuối cùng, quả báo cũng xảy ra. Một lần nọ, trong một chuyến xe đang đi vào đường rừng, băng qua một cái đèo, nửa chừng xe bị chết máy, phải nằm lại ba, bốn ngày. Khi đó, vì không mang theo thức ăn dự trữ nên họ đành phải nhịn đói suốt mấy ngày liền. Mặc dù tài sản, tiền bạc vẫn còn đầy ắp nhưng họ cũng phải rơi vào một hoàn cảnh éo le, phải nhịn đói, nhịn khát để trả cái quả báo những lúc phí phạm thức ăn. Bởi vậy, ngày xưa ông bà chúng ta thường khuyên con cháu phải biết quý trọng từng hạt gạo, hạt cơm. Đó là những “hạt ngọc”. Khi ăn, một hạt cơm rơi



xuống chúng ta cũng phải nhặt lên. Đạo lý ấy tưởng như đơn giản nhưng thực ra sâu sắc vô cùng. Mỗi người không bao giờ được coi thường điều đó. Thực tế đã cho chúng ta nhiều bài học về vấn đề nhân quả. Không ít vị giám đốc khi còn đương nhiệm đã không ngần ngại quăng tiền qua cửa sổ, lao vào những cuộc chơi, sống sa đọa, trác táng. Họ có thể tiêu hàng chục triệu đồng chỉ trong một đêm. Vì lúc đó, tài sản trong tay họ tính bằng tỉ, số tiền vài chục triệu đồng ấy có nghĩa lý gì. Như vậy, coi thường, phung phí đồng tiền, quả báo xảy ra với họ là gì? Đến một lúc nào đó làm ăn phá sản, họ trở thành những kẻ trắng tay. Từ một vị giám đốc sang trọng “lên xe xuống ngựa”, có khi họ trở thành một người nghèo khổ, nợ nần bao vây, thậm chí phải ngồi tù.

Điều dễ thấy nhất là khi sống trong tình thương yêu của cha mẹ, con cái thường coi thường, phụ bạc. Một ngày nào đó lớn lên thành gia thất, được làm cha làm mẹ mới chợt hiểu ngày xưa cha mẹ mình đã thương mình biết chừng nào. Khi nhận ra, biết thương yêu cha mẹ thì mọi cái đã muộn mất rồi, có khi không còn gặp lại nữa. Hiểu như vậy, chúng ta phải biết quý trọng những gì mình có hôm nay để không phải chịu quả báo. Cùng sống bên nhau trong một mái

trường, cùng đi một con đường, chung một lý tưởng mà chúng ta không tôn trọng mỗi quan hệ gắn bó, không tôn trọng tình nghĩa huynh đệ đồng học với nhau, sau này chúng ta cũng sẽ bị quả báo. Đó chính là sự cô độc, không bạn bè, không người sẻ chia những nỗi niềm trong cuộc sống. Có thể chúng ta cũng thành đạt, ra ngoài làm việc sẽ được làm trụ trì hoặc sẽ đi thuyết giảng. Nhưng dù làm gì, quanh đi quẩn lại chúng ta vẫn một mình, vẫn thấm thía sự cô độc.

Trong cuộc sống, mỗi quan hệ tốt đẹp, hòa hợp là một nhu cầu cũng là một yếu tố của hạnh phúc. Nghĩa là, nếu đó là mối quan hệ xấu, chúng ta sẽ đau khổ. Ngược lại, đó là mối tương quan tốt, chúng ta sẽ cảm thấy hạnh phúc. Về tương quan xấu khiến con người đau khổ, chúng ta đã được biết đến trong giáo lý “Tứ Diệu Đế”. Trong bát khổ, có một nỗi đau khổ mà con người khó tránh khỏi là oán tắng hội, ghét mà gặp nhau. Quả thật, ghét mà gặp nhau cũng là một nỗi khổ lớn của con người.

Chẳng hạn, chúng ta, nhất là người đời, thường có cái thương ghét phàm tình. Nhưng dân gian thường nói: “Ghét của nào trời trao của đó”. Thường những người mình ghét, trời xui đất khiến lại cho gặp nhau, thậm chí còn phải ở

chung phòng, làm chung công việc, đi ra đi vào chúng ta cảm thấy bực mình, khổ sở, đó là đau khổ, gọi là oán tắng hội. Nghĩa là mối tương quan không tốt đã làm cho mình đau khổ. Để vượt qua điều đó, chúng ta chỉ có một cách là đừng ghét người ta. Khi không ghét nữa, tự nhiên chúng ta thấy mọi cái bình thường, không có gì phải khổ sở. Tuy nhiên, không phải điều gì cũng đơn giản như chúng ta nghĩ, điều ấy còn phụ thuộc vào sức mạnh của nghiệp quá khứ. Nếu oán tắng hội là một trong những điều khổ của con người thì thương nhau mà gặp nhau, ở bên nhau là điều hạnh phúc, là niềm vui.

Là đệ tử Phật, chúng ta phải cố gắng xây dựng mối tương quan tốt đẹp với cộng đồng. Khi còn là Tăng Ni sinh, không có gì để cho nhau, chúng ta hãy cho nhau cái tương quan tốt đẹp, cách cư xử tốt đẹp. Đó cũng là cách giúp nhau được hạnh phúc. Chúng ta phải sống làm sao để thương được tất cả mọi người và mọi người cũng thương mình. Khi nói điều này, có người cho rằng chúng ta lý tưởng quá, thậm chí thành ảo tưởng. Vì người ta nghĩ rằng, con người sống với nhau luôn luôn có thương, có ghét, không bao giờ có tình thương trọn vẹn. Hay nói cách khác, chúng ta không thể thương yêu tất cả mọi người và không phải mọi người ai cũng

thương mình. Đó là thực tế.

Trong cuộc sống, có rất nhiều lý do để người ta ghét nhau. Có những lý do rất vô lý, rất vật vãnh cũng khiến cho họ ghét nhau, không thể thương nhau. Bởi vậy, khi nói chúng ta thương tất cả mọi người, điều ấy có vẻ như ảo tưởng. Nhưng đó là những suy nghĩ của thế gian. Người thế gian thường dựa vào thực tế để đối xử. Nghĩa là, sống trong cuộc đời này, họ biết có người thương mình và cũng có người ghét mình. Vậy, ai thương họ sẽ được họ thương lại, ai ghét họ cũng sẽ bị họ ghét lại. Đó là cuộc sống thường tình. Còn những người tu theo đạo Phật phải vượt lên thường tình và phải tìm đến sự hoàn hảo. Nói đến tình thương và sự hòa hợp trong Đại chúng, mỗi người phải sống làm sao để thương được tất cả mọi người và cũng để mọi người thương mình. Chúng ta không đòi hỏi điều đó, nhưng được mọi người thương lại là dấu hiệu tốt của tâm mình. Tuy điều đó khó có thể thực hiện nhưng chúng ta vẫn phải tìm đến, vẫn phải thực hiện cho bằng được.

Tuy nhiên, đạt được đạo lý về sự hòa hợp của đạo Phật trong Đại chúng vẫn chưa đủ. Cái tâm của chúng ta là phải đi tìm được sự hòa hợp với tất cả mọi người trên thế giới này. Làm sao dưới mắt chúng ta mọi người ai cũng là người để

mình thương yêu, triu mến. Đó là ước mơ, là lý tưởng của người đệ tử Phật. Đó là lý tưởng rất cao mà có người cho là “không tưởng”, nhưng chúng ta vẫn quyết tâm đạt đến lý tưởng đó, nhất định không dừng lại. Trước mắt, chúng ta phải phấn đấu sống một đời tốt đẹp, hòa thuận trọn vẹn với những người xung quanh. Còn tâm phải trải rộng đến tất cả mọi người trên thế giới này.

## **TINH THẦN LỤC HÒA**

Nhắc đến đạo lý về sự hòa hợp, trong đạo Phật có giáo lý Lục Hòa, là sáu điều hòa hợp. Ý nghĩa lục Hòa thường được Phật chỉ dạy cho Tăng chúng trong một trú xứ để sống một đời hòa hợp với nhau. Học bài Hòa hợp, chúng ta không thể không tìm hiểu, phân tích giáo lý này. Thân hòa đồng trú

Đây là sự hòa thuận khởi đầu nơi việc ở chung với nhau trong một trú xứ. Sự hòa thuận này là khởi điểm để có năm sự hòa hợp tiếp theo. Chúng ta từ muôn phương có mặt ở đây, trong một tập thể, thì thân xác này, hình hài này (gọi theo bây giờ là hộ khẩu) phải bước vào một cuộc sống hòa thuận. Cuộc sống hòa thuận này dựa vào những điểm nào? Tuy có nhiều lớp người khác nhau nhưng chúng ta phải có sự nương tựa, tin cậy và giúp đỡ lẫn nhau. Đó là

tin thần hòa thuận trong một môi trường sống. Trong một ngôi chùa, có thể chúng ta có nhiều điều khác biệt về nơi xuất thân: người đến từ “vùng nước mặn đồng chua”, người về từ vùng quê “đất cày lên sỏi đá”... Điều quan trọng là chúng ta vẫn từ bỏ hết những khác biệt đó để sống chung với nhau trong một trú xứ và hòa thuận được với nhau. Nhưng điều này không phải bắt đầu từ chúng ta mà từ các vị thầy lớn: thầy trụ trì, thầy giám viện, giám hiệu, thầy thư ký.v.v... Trước hết, trong chùa, thầy trụ trì phải là người vượt qua mọi sự sai biệt, thương yêu, đối xử bình đẳng, không phân biệt với tất cả mọi người. Chính tinh thần ấy của thầy sẽ là tấm gương cho những đệ tử trong chúng noi theo. Đối với chúng ta, khi còn trong chúng, phải biết quan sát cách làm việc của quý thầy lớn để học tập, rút ra ưu khuyết điểm về sau. Có người khi còn ở trong chúng đã được thầy mình nhờ viết tài liệu dạy cho một khóa trụ trì và viết rất thành công. Sở dĩ làm được như vậy là do người ấy thường xuyên quan sát sự làm việc, quản lý của quý thầy lớn và rút ra được những kinh nghiệm, những kết luận.

Quý thầy lớn đã nêu tấm gương, tạo sự hòa hợp cho chúng ta, sự hòa hợp trải rộng không có một chút phân biệt nào. Bản thân chúng ta

cũng phải vượt qua mọi sai biệt để thân hòa đồng trú, thương yêu nhau, nương tựa, tin cậy và giúp đỡ lẫn nhau. Sống như vậy, một ngày nào đó gặp lại sau bao nhiêu năm xa cách, chúng ta vẫn vui, vẫn tình cảm tràn đầy. Nếu đã từng trải qua những năm tháng gắn bó, sẻ chia những khó khăn, vui buồn trong cuộc sống, chúng ta sẽ nhận ra rằng, tình đạo còn thiêng liêng hơn cả tình ruột thịt. Đó không phải là sự cường điệu hay ảo tưởng. Đó là sự cảm nhận sâu sắc khi chúng ta trải qua bao nhiêu năm tu hành gian khó. Chúng ta ai cũng có gia đình, cha mẹ, anh chị em, vẫn sống trong tình yêu thương triu mến của gia đình nhưng ngấm lại, chúng ta vẫn thấy tình máu mủ không thiêng liêng bằng tình đạo. Điều này thật khó giải thích cặn kẽ. Chỉ khi nào thương được những người huynh đệ chung quanh mình, khi nào nhắc đến họ, lòng mình trào dâng bao tình cảm thương yêu, khi đó chúng ta sẽ thấy đúng là tình đạo vượt lên trên tình của thế gian, kể cả tình gia đình. Thật ra, gia đình, máu mủ là duyên nghiệp của nhiều đời. Đôi lúc người ta cũng chẳng còn coi đó là vấn đề thiêng liêng nữa. Không ít gia đình, anh em đã giết nhau để tranh giành gia tài. Chỉ có đạo đức mới có thể chuyển cái không thành cái có. Ví dụ, chúng ta là những con

người xa lạ, từ khắp nơi về đây, không một chút ràng buộc nào cả. Nhưng nếu ai cũng có đạo đức, cũng thương nhau trên tình đạo trong lý tưởng của Phật Pháp, chúng ta sẽ thấy mình sống với nhau vui hơn, hạnh phúc hơn là sống trong gia đình, nhất là gia đình không có đạo đức. Nếu đem đạo đức đối xử với nhau, chúng ta sẽ hạnh phúc hơn bất cứ điều gì khác trên đời này.

Tóm lại, hòa thuận chỉ là bước đầu, điều quan trọng là chúng ta phải đạt đến được sự đối xử với nhau như ruột thịt. Muốn đối xử với nhau như ruột thịt, chúng ta phải sống như thế nào? Mỗi người tự cân nhắc lại thái độ của mình, cách cư xử của mình trong quá trình sống với huynh đệ sẽ thấy rõ hơn.

Nếu còn ở trong Chúng, sống được như vậy, chúng ta sẽ là tấm gương đạo đức tuyệt vời cho mọi người noi theo. Nếu thờ ơ, dửng dưng với mọi người xung quanh, khi bước ra làm Phật sự, tâm chúng ta sẽ còn khô khan lạnh lùng nhiều hơn nữa. Lúc ấy, chúng ta không thể là hình ảnh đạo đức cho mọi người noi theo, cũng không thể là một tàng cây che mát cho mọi người được. Chúng ta phải nhớ rằng, người ta nương tựa vào người tu là nhờ lòng thương yêu, một lòng thương yêu chúng sinh mệnh



mông và không phân biệt. Điều này chúng ta đã được học trong bài Tâm từ. Để phát huy điều đó, chúng ta phải xem môi trường huynh đệ là môi trường tốt nhất để mình thực hành.

## **Khẩu hòa vô tranh**

Là sự hòa thuận bộc lộ nhiều ở lời nói. Trước hết, sự hòa thuận này được biểu hiện ở việc không tranh cãi nặng lời. Trong một ngày, chúng ta thường làm ít hơn nói. Chỉ có một vài người đặc biệt, làm nhiều hơn nói. Dĩ nhiên, những người ấy làm chuyện tốt chứ không phải chuyện xấu. Khi đi học, họ cứ lặng lẽ không nói gì.

Những người đó rất tốt, tâm khá an định. Còn bình thường, đa phần chúng ta nói nhiều hơn làm. Trong việc thiết lập tương quan với mọi người, lời nói là đường dây quan trọng. Theo kinh Phật, lời nói phải êm dịu, tao nhã, khả ái đẹp lòng người. Đó là lời nói tốt để tạo thành tương quan tốt. Chúng ta phải cố gắng tập luyện, phải học nói lời hay, phải cố gắng giữ gìn lời nói của mình. Vì nếu không tập, không sửa được chúng ta sẽ nói lời thô bạo, làm mất lòng người khác. Tất nhiên, lời nói xuất phát từ tâm. Nếu để ý lời nói một chút, chúng ta sẽ nhận xét được cái tâm của mình. Chẳng hạn, khi có một huynh đệ xẵng giọng với mình, chúng ta cũng

bực bội phản ứng lại bằng lời nói xằng. Chính lời nói không đẹp ấy khiến chúng ta không thiết lập được mối tương quan tốt. Chúng ta sống không phải vì mình mà vì chùa mình, vì Phật Pháp. Nếu lỡ nói nặng lời, chúng ta phải nhìn tâm của mình ngay, tập sửa tâm mình để lời nói phát ra trở thành ái ngữ, làm đẹp lòng người. Trong cách xưng hô của người Việt Nam, chúng ta cần tránh năm từ tiêu biểu cho sự kém văn hóa là thằng, con, mày, tao, nó. Đó cũng là một trong những yếu tố khiến người Việt Nam chúng ta tổn phước so với các nước khác trên thế giới. Những cách xưng hô như vậy, người đời có thể dùng nhưng người tu chúng ta hoàn toàn không nên. Khi nói về người thứ ba, chúng ta chỉ nên gọi bằng tên, không cần dùng đại từ. Trong đạo, khi nói chuyện, xưng hô với nhau, chúng ta nên dùng Pháp danh.

Một biểu hiện nữa của khẩu hòa vô tránh là không nói xấu sau lưng. Nói xấu người khác sau lưng là một việc không tốt. Nếu nghe được, người ta sẽ rất giận và dẫn đến mất hòa khí, mất đoàn kết. Mối tương quan hòa hợp vì thế cũng không còn. Nói xấu sau lưng thường có hai trường hợp: ác ý và không ác ý. Người nói xấu sau lưng người khác có ác ý là người thực sự muốn hạ nhục người kia, muốn hạ uy tín

người kia. Trường hợp còn lại, người nói không có ác ý nhưng do vô tình mà trở thành nói xấu người khác. Có khi chỉ là một câu nói đùa, không có ác ý nhưng sự thật vẫn làm cho người nghe đánh giá thấp về người được nói đến. Cho nên, dù có ác ý hay không ác ý, chúng ta cũng không nên nói sau lưng người khác. Khi nghe được, họ sẽ buồn lòng và mối tương quan giữa chúng ta với họ sẽ không còn tốt đẹp nữa. Nếu không đồng ý với người ta ở điểm nào đó, chúng ta cũng không được phát ngôn một cách tùy tiện, nhất là khi có người hỏi đến người đó. Vì nhiều khi do sự bất đồng, chúng ta không kìm chế được buột miệng nói ra những điều không hay. Như vậy, vô tình chúng ta trở thành kẻ nói xấu sau lưng người khác. Tốt hơn hết, khi có sự bất đồng, chúng ta nên trực tiếp góp ý với họ. Nếu thấy không có duyên hay không tiện, chúng ta cũng im lặng, đừng nói qua người thứ ba làm mất uy tín của họ.

Một điều cần lưu ý nữa là chúng ta đừng gây gổ với nhau. Thực ra, điều này cũng đã từng xảy ra trong giới tu sĩ ở một vài chùa. Để xảy ra gây gổ nặng nề như vậy chứng tỏ việc kiểm soát ngôn hạnh và cái tâm của người tu còn kém. Nếu không đồng ý với nhau, lòng mình vẫn điềm tĩnh, tìm xem lỗi từ ai. Nếu lỗi thuộc về mình,

chúng ta phải thành thật nhận lỗi và quyết tâm sửa chữa. Nếu lỗi thuộc về người, chúng ta cố gắng góp ý để giúp họ vượt qua.

## **NƠI VÔ NGÃ, MỌI CÁI TRỞ THÀNH ĐỒNG NHẤT**

Trong đạo Phật có một trí tuệ cao tột, đó là trí tuệ vô ngã. Chúng ta tu tập rất nhiều nhưng cuối cùng cũng hướng đến vô ngã. Có thể đang nhiếp tâm trong thiền định, tâm chúng ta sẽ được định. Nhưng phải nhớ một điều, chúng ta dùng cái định này để đi đến vô ngã, không còn thấy mình nữa. Càng hướng về vô ngã bằng thiền định, tâm tự nhiên sẽ chan hòa với mọi người, mọi vật. Chúng ta đừng bao giờ tự nhận mình đã giác ngộ, đã có trí tuệ, đã thành tựu, đã có sở đắc. Đây là điều nguy hiểm của một người tu thiền.

Thông thường, khi dụng công có kết quả, chúng ta hay nghĩ đến trí tuệ, thần thông, năng lực, và thấy giá trị của mình tăng lên. Khi đã nhiếp tâm vào định, hàng loạt những ý niệm bí mật ấy nảy sinh. Và chính những điều này đã làm cho định mất, hoặc làm cho ngã chấp tăng lên. Do vậy, một điều quan trọng chúng ta phải nhớ là khi tâm vừa vào được định, chúng ta vẫn nghĩ mình chưa đạt đến cái cần đến và nguyện buông bỏ

hết mọi điều khác để hướng đến vô ngã. Phải tâm nguyện như vậy, chúng ta mới không bị cảm giác của cái định lừa.

Khi đi đến vô ngã, tâm chúng ta tự nhiên sẽ chan hòa với mọi người, mọi vật. Đây là một điều không có lý luận, không cần giải thích. Từ đầu, chúng ta đi tìm sự hòa hợp trên lý luận, giải thích vì sao chúng ta phải sống hòa hợp thương yêu nhau. Nhưng nếu một người vào được định và hướng về vô ngã thì không cần nói một lời nào, tâm vẫn tự nhiên chan hòa với mọi người. Trước khi chưa có định, chúng ta thấy tâm mình chỉ ở trong đầu mình thôi. Nhưng khi đã có định, chúng ta lại thấy mọi người ở ngay trong tâm mình và lòng thương yêu, sự hòa thuận tự nhiên lan tỏa. Đó chính là giá trị của định, mà phải là định hướng về vô ngã.

Ngược lại, người có định mà chỉ nghĩ đến những sự sai biệt với người khác, chấp ngã sẽ tăng lên, lại cách biệt với mọi người và càng rời xa vô ngã, vô ngã giúp chúng ta tìm thấy được sự tương đồng, còn chấp ngã khiến chúng ta tìm thấy sự sai biệt. Hiểu như vậy, mỗi người chúng ta cố gắng tu tập thiền định, siêng năng tinh tấn đến khi nào tâm chan hòa với mọi người, mọi vật. Dù không nói nhưng sự hòa hợp thương yêu trong chúng ta vẫn lan tỏa, vẫn tràn

đầy với mọi người.

Trong Tiểu Kinh Rừng Sừng Bò, câu chuyện ba Tôn giả Anuruddha, Nadiya và Kimbila sống đời sống thanh tịnh hòa hợp được giới thiệu và tán thán. Đức Phật ấn chứng rằng, ai nghe đến tên của ba Tôn giả Alahán sống hòa hợp này sẽ được nhiều công đức lành. Khi Đức Phật đến thăm ba vị Tôn giả, Ngài hỏi:

-Các ông có thể sống hòa thuận với nhau được hay chăng?

Các Tôn giả trả lời:

-Chúng con sống với nhau hòa thuận như nước hòa với sữa. Đức Phật lại hỏi:

-Làm thế nào các ông sống được như vậy?

-Kính Bạch Đức Thế Tôn! Vì con không sống bằng tâm của con mà con sống bằng tâm của huynh đệ con.

Câu trả lời thật tuyệt vời! Trước thời Đức Phật chưa có câu trả lời này và vĩnh viễn đời sau không có câu trả lời hay hơn nữa. “Con không sống bằng tâm con mà con sống bằng tâm của huynh đệ con”. Sở dĩ các Tôn giả ấy sống hòa hợp một cách tuyệt vời như vậy vì họ sống bằng tâm của huynh đệ mình. Một khi thân khác nhau nhưng tâm vẫn tương đồng, họ sẽ nhìn nhau bằng ánh mắt thiện cảm, sống vui vẻ bên nhau, không tranh cãi hơn thua. Đó là một điều tuyệt

đẹp trong cuộc sống. Chỉ trong đạo Phật, những vị chứng được cái vô ngã của Alahán mới có thể nói được như vậy, mới có thể sống được cuộc đời như vậy.

Là đệ tử Phật, chúng ta cần phải hướng đến điều này để sống hòa hợp với mọi người. Nghĩa là dù chưa đạt được Alahán, chưa đạt được Vô ngã nhưng nếu cố gắng bỏ ý riêng của mình để sống theo tâm ý của huynh đệ, chúng ta cũng gieo được nhân để đạt được vô ngã, đạt được Thánh vị Alahán. Hằng ngày, huynh đệ muốn làm việc gì có ích, chúng ta nên cùng làm với họ. Nghĩa là chúng ta sống hòa thuận theo huynh đệ, không còn cái gì của riêng mình nữa, nhất là về ý kiến, về tư tưởng. Tất nhiên, đạo lý phải thống nhất, không thể sai. Khi huynh đệ đi sai đạo lý, chúng ta kiên quyết không theo. Đạt được như vậy, chắc chắn chúng ta sẽ có một cuộc sống hòa thuận tuyệt đẹp với mọi người.

## **NƠI VÔ NGÃ, MỌI CÁI TRỞ THÀNH ĐỒNG NHẤT**

Trong đạo Phật có một trí tuệ cao tột, đó là trí tuệ vô ngã. Chúng ta tu tập rất nhiều nhưng cuối cùng cũng hướng đến vô ngã. Có thể đang nhiếp tâm trong thiền định, tâm chúng ta sẽ được định. Nhưng phải nhớ một điều, chúng ta

dùng cái định này để đi đến vô ngã, không còn thấy mình nữa. Càng hướng về vô ngã bằng thiền định, tâm tự nhiên sẽ chan hòa với mọi người, mọi vật. Chúng ta đừng bao giờ tự nhận mình đã giác ngộ, đã có trí tuệ, đã thành tựu, đã có sở đắc. Đây là điều nguy hiểm của một người tu thiền.

Thông thường, khi dụng công có kết quả, chúng ta hay nghĩ đến trí tuệ, thần thông, năng lực, và thấy giá trị của mình tăng lên. Khi đã nhiếp tâm vào định, hàng loạt những ý niệm bí mật ấy nảy sinh. Và chính những điều này đã làm cho định mất, hoặc làm cho ngã chấp tăng lên. Do vậy, một điều quan trọng chúng ta phải nhớ là khi tâm vừa vào được định, chúng ta vẫn nghĩ mình chưa đạt đến cái cần đến và nguyện buông bỏ hết mọi điều khác để hướng đến vô ngã. Phải tâm nguyện như vậy, chúng ta mới không bị cảm giác của cái định lừa.

Khi đi đến vô ngã, tâm chúng ta tự nhiên sẽ chan hòa với mọi người, mọi vật. Đây là một điều không có lý luận, không cần giải thích. Từ đầu, chúng ta đi tìm sự hòa hợp trên lý luận, giải thích vì sao chúng ta phải sống hòa hợp thương yêu nhau. Nhưng nếu một người vào được định và hướng về vô ngã thì không cần nói một lời nào, tâm vẫn tự nhiên chan hòa với mọi người.



Trước khi chưa có định, chúng ta thấy tâm mình chỉ ở trong đầu mình thôi. Nhưng khi đã có định, chúng ta lại thấy mọi người ở ngay trong tâm mình và lòng thương yêu, sự hòa thuận tự nhiên lan tỏa. Đó chính là giá trị của định, mà phải là định hướng về vô ngã.

Ngược lại, người có định mà chỉ nghĩ đến những sự sai biệt với người khác, chấp ngã sẽ tăng lên, lại cách biệt với mọi người và càng rời xa vô ngã, vô ngã giúp chúng ta tìm thấy được sự tương đồng, còn chấp ngã khiến chúng ta tìm thấy sự sai biệt. Hiểu như vậy, mỗi người chúng ta cố gắng tu tập thiền định, siêng năng tinh tấn đến khi nào tâm chan hòa với mọi người, mọi vật. Dù không nói nhưng sự hòa hợp thương yêu trong chúng ta vẫn lan tỏa, vẫn tràn đầy với mọi người.

Trong Tiểu Kinh Rừng Sừng Bò, câu chuyện ba Tôn giả Anuruddha, Nadiya và Kimbila sống đời sống thanh tịnh hòa hợp được giới thiệu và tán thán. Đức Phật ấn chứng rằng, ai nghe đến tên của ba Tôn giả Alahán sống hòa hợp này sẽ được nhiều công đức lành. Khi Đức Phật đến thăm ba vị Tôn giả, Ngài hỏi:

-Các ông có thể sống hòa thuận với nhau được hay chăng?

Các Tôn giả trả lời:

-Chúng con sống với nhau hòa thuận như nước hòa với sữa. Đức Phật lại hỏi:

-Làm thế nào các ông sống được như vậy?

-Kính Bạch Đức Thế Tôn! Vì con không sống bằng tâm của con mà con sống bằng tâm của huynh đệ con.

Câu trả lời thật tuyệt vời! Trước thời Đức Phật chưa có câu trả lời này và vĩnh viễn đời sau không có câu trả lời hay hơn nữa. “Con không sống bằng tâm con mà con sống bằng tâm của huynh đệ con”. Sở dĩ các Tôn giả ấy sống hòa hợp một cách tuyệt vời như vậy vì họ sống bằng tâm của huynh đệ mình. Một khi thân khác nhau nhưng tâm vẫn tương đồng, họ sẽ nhìn nhau bằng ánh mắt thiện cảm, sống vui vẻ bên nhau, không tranh cãi hơn thua. Đó là một điều tuyệt đẹp trong cuộc sống. Chỉ trong đạo Phật, những vị chứng được cái vô ngã của Alahán mới có thể nói được như vậy, mới có thể sống được cuộc đời như vậy.

Là đệ tử Phật, chúng ta cần phải hướng đến điều này để sống hòa hợp với mọi người. Nghĩa là dù chưa đạt được Alahán, chưa đạt được Vô ngã nhưng nếu cố gắng bỏ ý riêng của mình để sống theo tâm ý của huynh đệ, chúng ta cũng gieo được nhân để đạt được vô ngã, đạt được Thánh vị Alahán. Hằng ngày, huynh đệ muốn

làm việc gì có ích, chúng ta nên cùng làm với họ. Nghĩa là chúng ta sống hòa thuận theo huynh đệ, không còn cái gì của riêng mình nữa, nhất là về ý kiến, về tư tưởng. Tất nhiên, đạo lý phải thống nhất, không thể sai. Khi huynh đệ đi sai đạo lý, chúng ta kiên quyết không theo. Đạt được như vậy, chắc chắn chúng ta sẽ có một cuộc sống hòa thuận tuyệt đẹp với mọi người.

## **KÍN ĐÁO**

### **KÍN ĐÁO LÀ KHÔNG NÓI VỀ BẢN THÂN MÌNH CHO NGƯỜI KHÁC BIẾT**

Thông thường, sự kín đáo không nói về bản thân mình cho người khác biết được xét trên hai phương diện: một là đạo đức, hai là sự khôn ngoan. Đang học về Tâm lý Đạo đức cho nên chúng ta chỉ tìm hiểu sự kín đáo như một hạnh đẹp của đạo đức.

Là một người tu hành, dù là cư sĩ hay người xuất gia, vì đạo đức, chúng ta ít nói về bản thân mình. Ngay cả khi có những điều hay, chúng ta cũng không nói cho người khác biết. Trong khi đó, theo tâm lý thường tình của con người, khi thấy mình có những điều hay, người ta dễ bộc lộ ra bên ngoài hoặc kể lại cho người khác nghe. Có chút tài năng gì, có một tài sản gì, họ

cũng nói ra. Hoặc làm được một việc phước lành, họ cũng kể cho người khác biết. Hay nói cách khác, những gì làm cho mình có giá trị trước mắt mọi người, họ đều thích kể cho nhiều người biết.

Thích nói ra những cái hay, cái tốt của mình cho người khác biết, đó là tâm lý thường tình của con người. Vì người ta nghĩ rằng, những điều đó làm cho họ tăng thêm giá trị và khiến người khác phải nể phục. Tâm lý thèm khát sự cảm phục của người khác là tâm lý rất mãnh liệt của con người. Nhưng chúng ta phải hiểu rằng, kín đáo không kể những điều tốt của mình cho người khác biết là một biểu hiện của đạo đức. Vì trong thâm sâu, chúng ta không thấy mình là người quan trọng, không cần sự nể phục của người khác nên cũng không cần phải kể những chuyện tốt của mình. Đây là tâm của một người có chấp ngã tương đối nhẹ. Thường những người ấy đã đạt được thiền định rất tốt sẽ không thấy mình là quan trọng. Thực ra, họ không muốn kể cho ai nghe về mình chứ không phải giấu giếm điều gì về mình. Chúng ta phải phân biệt được hai trường hợp như vậy. Vì có những người vẫn thấy mình quan trọng nhưng muốn giấu người khác nên không nói ra. Tâm của những người này chưa thật sự hợp với đạo.

Ví dụ, một người thấy mình có một món tiền khá khá nên rất tự hào vì nghĩ mình có giá trị hơn mọi người nhưng họ vẫn giấu, không nói ra vì sợ phải giúp đỡ những người khác. Rõ ràng, trường hợp này cũng giấu, cũng kín đáo không nói về bản thân mình nhưng không phải là biểu hiện của đạo đức. Điều này hoàn toàn khác với người biết mình có nhiều tiền hơn người khác nhưng cho rằng như vậy không có gì quan trọng. Trên thực tế, số tiền ấy cũng chưa cần phải giúp ai nên họ không cần nói ra. Bởi thấy những gì thuộc về mình không quan trọng nên không cần phải bày tỏ. Đây là yếu chỉ căn bản nhất của hạnh Kín đáo. Khi nói ra những cái hay của mình nghĩa là chúng ta đang khoe khoang, trong tâm chúng ta đang ngầm có sự kiêu mạn về điều hay, điều tốt của mình. Đây là sự tổn thất trong đạo đức, chúng ta phải cẩn thận. Khi lớn lên, càng tu hành, càng giữ giới, càng làm được nhiều việc thiện, chúng ta càng có công đức với Phật Pháp và phước cũng tăng lên. Sự ngưỡng mộ của người khác cũng dần dần xuất hiện. Lúc đó, chúng ta dễ chấp vào nó và sinh tâm kiêu mạn. Chính kiêu mạn là cái gốc làm nên sự khoe khoang.

Trong bài Khiêm hạ, chúng ta đã nói rất nhiều về kiêu mạn, kiêu mạn ở trong tâm. Bây giờ, sự

kiêu mạn dễ nhìn thấy hơn khi đã thốt lên thành lời khoe khoang. Thật vậy, có những lỗi trong tâm mình, chúng ta không dễ dàng nhìn thấy, trong đó có sự kiêu mạn. Nhưng khi buột miệng nói ra lời khoe khoang, tự nhiên chúng ta sẽ sực tỉnh: “Thì ra mình vừa mới khoe khoang, mình đã có sự kiêu mạn”. Như vậy, trường hợp không đủ trí tuệ để nhìn thẳng vào tâm, để thấy kiêu mạn trong tâm mình, chúng ta sẽ nhờ lời nói để biết được lầm lỗi tiềm tàng trong tâm mình. Chúng ta biết rằng, tâm của con người rất phức tạp, thường có 2 phần: ý thức và vô thức. Ý thức là phần tâm mình thấy được. Vô thức là những hoạt động của tâm mà mình không tự thấy được. Ví dụ, những suy nghĩ, hình ảnh mà chúng ta có thể tưởng tượng, hình dung được, biết được đều thuộc về ý thức. Hoặc một người nào đó nói một câu nặng làm mình buồn, cái buồn đó chúng ta có thể thấy được, cảm được nên thuộc về ý thức. Ngoài ra, trong con người còn có nhiều tâm phức tạp của vô thức. Hoạt động của vô thức rất nhiều, rất bí mật, chúng ta không thể nhìn thấy được. Muốn thấy được hoạt động của vô thức, chúng ta phải vào trong định rất sâu. Bình thường, ranh giới giữa ý thức và vô thức trong con người chúng ta không rõ ràng. Điều này tùy thuộc vào trí tuệ bẩm sinh của mỗi

người. Có người, sự ý thức rất hạn chế, nghĩa là tâm nào rất thô mới nhìn thấy, còn tâm hơi tế một chút, họ sẽ không nhìn thấy được. Trong khi đó, có người trí tuệ rất sáng, ý thức rất sâu nên có thể thấy được nhiều tâm bí mật trong lòng họ. Người ta gọi đây là người có trí tuệ. Những người này, khi phạm lỗi, họ sẽ thấy ngay hoặc chỉ cần người khác nhắc nhẹ là họ nhận ra ngay lỗi của mình. Vì họ nhìn rất sâu vào trong tâm họ, những lỗi lầm tiềm ẩn họ đều nhìn thấy. Đây là người có căn cơ tu hành. Ngược lại, những người kém trí tuệ, chỉ nhìn thấy tâm thô, thường khó nhìn thấy lỗi mình. Những người này căn cơ thấp, rất khó tu.

Có khi kiêu mạn phát ra thành hành động. Trong mỗi trường hợp, hành động phát ra sẽ khác nhau. Nhờ hành động, chúng ta sẽ biết mình đã bị kiêu mạn chi phối. Ví dụ, một người mới vào chùa để làm điều tu hành. Trong chùa có một ông già vốn là trí thức nhưng thất cơ, lỡ vận phải vào nương chùa ở để sống qua ngày. Cứ một, hai ngày, đưa con gái của ông ta lại vào thăm cha và tiện thể nhờ cha giảng bài cho. Một hôm, chú tiểu đang nằm võng ở nhà kho xem kinh, ông già đến hỏi một bài hóa học (có lẽ cô con gái lại vào nhờ cha giảng giúp bài vở). Chú tiểu thấy bài quá dễ nên vẫn nằm trên võng, tay

cầm lấy cuốn vở của ông già và giải thích cho ông ta. Khi hiểu ra được, ông rất vui, vội cầm vở chạy về phòng mình để giảng lại cho con gái. Sau đó, một thầy lớn thấy vậy đã nhắc chú tiểu rằng hành động của chú đã sai. Vì chú là người mới tu, còn nhỏ nhưng khi nói chuyện với một người lớn tuổi như thế vẫn nằm trên võng. Rõ ràng, trong tâm người ấy có sự kiêu mạn tiềm tàng và đã bộc lộ bằng hành động. Điều ấy không chối cãi được. Nhờ bộc lộ bằng hành động và được người khác nhắc nhở mà người ấy biết rằng mình đã kiêu mạn mà bản thân không nhìn thấy được.

Trong cuộc sống có nhiều trường hợp tương tự như vậy. Điều quan trọng là khi được nhắc nhở, chúng ta phải chân thành nhận lỗi và phải sám hối ngay, tuyệt đối không được chối cãi. Vì đây chính là chỗ mà chúng ta không đủ trí tuệ để nhìn thấy chính mình. Một khi đã nhận ra được lỗi và cố gắng sửa, có tâm nguyện sửa, chắc chắn chúng ta sẽ vượt qua được.

Người hiếu danh thường khoe khoang về mình. Bởi vậy, không nói về mình cho người khác biết nghĩa là chúng ta không hiếu danh, không mong muốn được kính trọng. Chữ danh ngoài nghĩa là tên còn có nghĩa là tiếng khen, là danh dự, là sự



cảm phục trong lòng người khác. Thói thường, con người chúng ta hay mắc một bệnh, bệnh thèm khát sự cảm phục của người khác. Nhiều khi vì sự thèm khát ấy trở dậy quá mãnh liệt, người ta đã giả mạo, đã bịa đặt bao nhiêu chuyện để lừa dối mọi người. Sự cảm phục về người này chỉ xuất hiện trong tâm người kia nhưng có thể làm cho họ sung sướng khi biết người khác cảm phục mình. Điều này có sức mạnh thật ghê gớm. Trong cuộc đời, người ta theo đuổi rất nhiều thứ: tiền bạc, tình yêu, danh lợi. Trong đó, thèm muốn sự cảm phục của người khác cũng là điều khiến con người đuổi theo một cách dữ dội. Đây cũng có thể xem là nhu cầu của con người, một nhu cầu rất tai hại. Chúng ta từng nghe người ta nói với nhau về công án của ngài Động Sơn. Ngài nói: “Ta có tiếng tăm ở đời, ai có thể vì ta trừ dẹp nó”. Một vị Tăng trả lời bằng cách xoè tay ra: “Hòa Thượng cho con xin”. Ngài Động Sơn nói: “Vậy là tiếng tăm ta đã hết”. Nghĩa là vị Tăng kia thấy được sự cảm phục của người khác nằm trong tâm của người ta chỉ là một cái gì đó giả dối, không cảm, không nắm được. Vậy mà, con người cứ chấp nó là có thật để rồi vui buồn theo nó. Khi được người ta cảm phục thì vui. Khi bị người ta khinh ghét lại buồn. Xoè bàn tay ra xin

Hòa Thượng cho tiếng tăm là vị Tăng muốn nói cái đó không có thật, không cụ thể như cơm ăn áo mặc, vô hình, giả dối. Bởi vậy, ngài Động Sơn đã nói : “Tiếng tăm của ta đã hết”. Thực ra, đó là một lời khen, khen vị Tăng kia đã hiểu được bản chất vấn đề.

Khi còn nhỏ, trong chúng ta không ít người được người lớn khen vài lần. Nếu từng được người khác khen ngợi và tỏ ra cảm phục, chúng ta sẽ rất khó quên cảm giác sung sướng ấy. Đó là cảm giác rất mạnh, rất rõ mà chính chúng ta cũng không sao hiểu nổi. Như vậy, được người khác cảm phục cũng là một hạnh phúc và điều ấy luôn được người ta đeo đuổi, thêm khát. Cũng chính nó đã gây nên biết bao nhiêu thảm cảnh, bao nhiêu oan trái trong cuộc đời này. Chúng ta phải nhìn thấy tâm thêm khát sự cảm phục của người khác là điều rất nguy hiểm, là một ảo tưởng, ảo vọng, giả dối và phải vượt qua được điều đó. Chúng ta nên chấp nhận sống một đời thanh bại, kín đáo, không cần ai biết đến mình. Có thể trong cuộc đời, chúng ta sẽ làm được nhiều việc tốt cho đạo, được nhiều người biết đến và nể phục. Những lúc ấy, chúng ta càng cần phải cẩn thận, đừng rơi vào trạng thái thêm khát sự cảm phục của người...khác.

## **KÍN ĐÁO KHÁC VỚI THÂM HIỂM**

Kín đáo trong đạo là không mong sự cảm phục của người khác, vì chúng ta không muốn sinh tâm kiêu mạn, không muốn thấy mình là quan trọng trước mắt mọi người. Như vậy, xét trên khía cạnh đạo đức, chúng ta cần phải sống kín đáo, không khoe khoang về mình. Nhưng trong thế gian, không phải bao giờ người kín đáo cũng là người tốt. Có những người kín đáo vì thâm hiểm. Thâm nghĩa là sâu. Hiểm là hiểm độc. Người thâm hiểm thường giấu kín ý định xấu của mình để thừa cơ hội ra tay thực hiện. Những ý định xấu đó là mưu hại người, làm những điều ác độc với cuộc đời. Bề ngoài, lúc nào cũng thấy họ ít nói, chỉ im lặng hoặc mỉm cười nhưng bên trong họ là người thâm hiểm, sẵn sàng làm bất cứ điều gì để hại người khác. Trong cuộc sống, chúng ta gặp nhiều người rất ít nói. Có người ít nói vì hiền lành. Tâm họ rộng rang, thanh thản, không bận tâm nên không có gì để nói. Theo khoa học, đó là người có vùng não của ngôn ngữ không hoạt động nhiều nên ít nói. Những người như vậy là người có căn tu, hiền lành, hợp với đạo. Nhưng có trường hợp ít nói không phải là hiền lành. Họ vẫn có thể là người độc ác hoặc cộc cằn. Chúng ta phải cẩn thận khi đánh giá hai loại đối tượng này để tránh

nhằm lẫn. Muốn biết một người ít nói là hiền lành, hợp với đạo hay thâm hiểm, chúng ta nên nhìn vào đôi mắt của họ. Người ta nói: “Đôi mắt là cửa sổ của tâm hồn”. Quả thật như vậy. Nếu nhìn đôi mắt họ từ ái, thông dong, thư thả, chúng ta biết đó là người hiền lành. Còn nhìn vào đôi mắt sâu hiểm, chúng ta biết ngay con người ấy cộc cằn và ác độc.

Không ít người từng rơi vào hoàn cảnh thất điên bát đảo cũng vì những con người có bề ngoài tưởng như hiền lành ấy. Một vị Thầy kể rằng, khi được thầy lớn giao về trụ trì một ngôi chùa trong làng để giữ khu đất mới khai khẩn, các Phật tử họp bàn, đồng ý và Thầy đã về nhận chùa. Khi về, chùa đã có sẵn một người giữ chùa, gọi là chủ chùa. Nhờ các Phật tử thuyết phục, ông ta đồng ý cho Thầy ấy về trụ trì. Ở đấy, ai cũng bảo rằng ông ta hiền. Ông ta rất ít nói nhưng khi đã tiếp xúc, mới biết đây là con người rất thâm hiểm và ác độc. Được một tuần, vào lúc trời vừa rạng sáng, thừa lúc chùa không có ai, ông ta vào chùa và yêu cầu vị trụ trì mới phải rời chùa ra đi. Thì ra, bao nhiêu Thầy, bao nhiêu Ni cô đến đây đều phải ra đi vì bị ông ta đui đi một cách bí mật. Những người ấy cũng ngại điều gì đó nên không nói cho ai biết, lặng lẽ xách gói ra đi. Riêng vị trụ trì này không chấp

nhận yêu cầu của ông ta, cũng không tự ái nên đã đề nghị hỏi ý kiến Phật tử. Tối hôm đó, Phật tử và cả mặt trận chính quyền họp lại. Tất cả đều ủng hộ vị trụ trì đó. Cuối cùng, chính ông ta đã bỏ đi khỏi chùa. Sau đó, ông ta vẫn nuôi hận trong lòng và mưu hại vị trụ trì kia thật thê lương. Con người được mọi người cho là hiền lành, ít nói ấy thực chất là như vậy.

Cũng có những trường hợp, người ta giấu sở trường, giấu tài sản, giấu ưu thế, giấu thực lực của mình. Đây là loại người có bản lĩnh. Chúng ta chưa nói như vậy là xấu hay tốt nhưng phải thừa nhận rằng họ là người có bản lĩnh. Có khi chúng ta cũng phải biết áp dụng cái bản lĩnh ấy trong cuộc sống. Không nói ra thực lực, sở trường của mình trước hết là vì đạo đức, sau nữa là vì khôn ngoan. Người khôn ngoan thường không nói ra những gì mình có được, nhất là về tiền bạc. Trong thế gian, những người hay khoe cái mình có thường là người không có bản lĩnh. Trường hợp người không có tiền của cũng cố gắng chạy vay mua sắm cho bằng thiên hạ càng cạn cợt hơn nữa. Những người như vậy rất khó làm nên việc lớn.

Những người có dịp tiếp xúc với giới xã hội đen đều cho rằng, những tay trùm, những tay anh chị thường là những người tỏ ra hiền lành, nói

năng lịch sự, khác hẳn với bọn đàn em luôn tỏ ra dao búa, nói năng thô tục. Đó là những người có bản lĩnh, biết giấu thực lực của họ để không bị người khác nhòm ngó. Trong giới kinh doanh cũng vậy, những người làm ăn lớn thường không cho người khác biết thực lực của mình vì sợ bị cạnh tranh. Hiện nay, việc “ăn cắp” kỹ thuật trong sản xuất để cạnh tranh là một trong những vấn đề bức xúc nhất trên thế giới. Do đó, người ta thường giấu những bí mật về công nghệ, về kỹ thuật. Ngày xưa, người Việt Nam ta và người Trung Hoa thường có hiện tượng “giấu nghề”, nhất là những nghề gia truyền. Cho nên, có nhiều nghề dần dần bị mai một và thất truyền.

Trong khi đó, ở phương Tây, khi phát minh ra những lý thuyết về khoa học, người ta thường công bố cho mọi người cùng biết. Ví dụ, một nhà khoa học người Anh phát minh ra một kỹ thuật hiện đại trong chế tạo máy hơi nước. Sau đó, nhà khoa học người Đức lại tiếp tục nghiên cứu và phát minh ra kỹ thuật khác hiện đại hơn. Nền văn minh của họ vì thế mà tiến bộ vượt bậc. Hiện nay, về khoa học - kỹ thuật, chúng ta phải học theo phương Tây rất nhiều. Có thể nói, họ gần như cho không nhân loại về công nghệ kỹ thuật. Tuy nhiên, khi xã hội có sự cạnh tranh

gay gắt về kinh tế, người ta cũng bắt đầu giấu sổ trường, giấu những cái hay, sự tiến bộ của mình. Bởi vậy, luật bảo vệ tác quyền của con người ra đời. Tất cả những sáng chế, phát minh đều được đăng ký bảo vệ. Nếu ai bắt chước, tác giả có thể nhờ luật pháp can thiệp. Nhưng sau 50 năm, những sở hữu trí tuệ đó đều trở thành của chung nhân loại, ai cũng có quyền sử dụng. Nhờ vậy mà nhân loại ngày càng tiến bộ.

Như vậy, người có bản lĩnh, khôn ngoan, thường giấu sổ trường của mình. Nhưng không phải bao giờ người khoe khoang cũng là người cặn cọt, không đáng sợ, không làm được việc lớn. Có trường hợp, khoe khoang mà vẫn khôn ngoan, thủ đoạn. Đó là trường hợp khoe khoang để lừa đảo. Chúng ta thường gặp đối tượng này trên hai lĩnh vực: tôn giáo và kinh tế.

Trong tôn giáo, những người này thường bắt chước Phật và Chúa. Khi Phật đấng đạo, Ngài tuyên bố là Ngài thành Phật, thành Đấng Giác Ngộ. Chúa cũng nói Ngài là con của Đức Chúa Trời. Nhưng cuộc sống của các Ngài đã chứng minh những lời nói đó là thật. Chúng ta phải thừa nhận rằng, những giáo pháp mà Đức Phật để lại thật tuyệt vời. Trước Ngài, không ai nói được như vậy. Và sau Ngài, cũng không ai có thể nói hay hơn. Ngày nay, người ta nói rất

nhiều, sách viết về Phật còn nhiều hơn Phật thuyết. Nhưng tất cả đều phải dựa vào những điều Phật đã nói. Cuộc sống của Phật là cả một bức tranh đạo đức tuyệt vời, không ai có thể sánh bằng, những điều Ngài nói về giác ngộ đã được Ngài chứng tỏ trong suốt cuộc sống rất thần thông, trí tuệ và rất đạo đức của Ngài.

Chúa cũng chỉ đi giảng đạo 3 năm rồi mất nhưng Ngài đã thể hiện được thần thông, phép lạ, trí tuệ và đạo đức của mình.

Về sau, nhiều tôn giáo đã được thành lập bởi những giáo chủ cũng lớn tiếng khoe khoang, quảng cáo về mình. Họ tự xưng mình là Thần, là Thánh và mười người nghe được cũng có đến hai, ba người tin. Bởi vậy, gặp những đối tượng nói như đinh đóng cột là đã chứng đạo, chúng ta phải cẩn thận, không khéo họ thuộc về trường hợp này. Ví dụ, giáo chủ của đạo Aum Shrykyu cũng từng tuyên bố là mình đã đắc đạo, nhiều người đã tin theo và cúng cho ông ta bao nhiêu là tiền bạc. Ông ta cho xây dựng những trung tâm chế tạo vũ khí, chế tạo chất hóa học với mục đích chiếm và cai trị nước Nhật. Cuối cùng, việc không thành, ông ta và các tín đồ đã bị bắt. Ở miền Tây nước ta, trước kia có một người tên là Nguyễn Long Châu cũng tự xưng là Thần, Thánh. Ai chống lại sẽ bị ông ta bí mật cho



người hạ thủ ngay. Hoặc có một thời, người ta truyền cho nhau nghe cuộn băng thu giọng nói của một người đàn bà tự xưng là được Thượng đế nhập để giảng đạo. Những điều bà ta nói không có gì sâu sắc, giọng nói cũng không có vẻ gì thần lực. Nhưng nhiều người vẫn tin, vẫn lay lục để bà ta ban phép.

Người đời cũng lắm kẻ dễ tin. Cho nên, lợi dụng lòng tin của con người, nhiều tôn giáo, nhiều tín ngưỡng đã được thành lập. Mục đích của những tôn giáo ấy là lừa bịp để thỏa mãn những tham vọng cá nhân. Trong đạo Phật của chúng ta cũng có người cố làm ra vẻ mình là người đã đắc đạo để tìm sự ngưỡng mộ của Phật tử. Tuy trường hợp này trong đạo Phật không nhiều vì có giới cấm, nhưng chúng ta cũng phải cẩn thận.

Ở những quốc gia cho tự do tín ngưỡng, tự do tôn giáo, nhiều người đã lập nên nhiều đạo kỳ quái, truyền bá những tư tưởng sai lầm, đem lại tà kiến cho con người. Tất nhiên, sau khi chết, những kẻ ấy phải đọa địa ngục để trả lại những điều dối trá mà họ đã gây nên. Nhưng trong cuộc sống hiện tại, bước đầu họ đã đạt được tham vọng, chiếm được sự quy phục, ngưỡng mộ của một số người dễ tin.

Trên lĩnh vực kinh tế, có nhiều trường hợp khoe

khoang về thực lực của mình để lừa người khác. Thực tế đã cho thấy, không ít người tan cửa nát nhà vì tin vào sự giàu có của người khác. Tiền bạc họ dành dụm được từng đồng đã góp cho các chủ hụi để rồi trắng tay, chỉ còn cách ngửa mặt kêu trời. Nhiều vụ án lớn xảy ra gần đây phần lớn đều có liên quan đến vấn đề kinh doanh của những công ty lớn. Các vị giám đốc không ngần ngại phô trương tài sản của mình để vay thế chấp ngân hàng và lao vào vòng quay nghiệt ngã của nền kinh tế thị trường. Cuối cùng, khi mọi việc vỡ lở, người ta mới biết rằng đó cũng là một cách lừa đảo vay chỗ này, thế chấp chỗ kia. Đây là trường hợp khoe khoang nhưng hoàn toàn không phải do cạn cợt mà là thủ đoạn.

## **TRONG SỰ TU HÀNH, HẠNH KÍN ĐÁO LÀ QUAN TRỌNG**

Trong sự tu hành, hạnh Kín đáo là điều quan trọng. Vì khi nói cho người khác biết về cái hay của mình thì điều không hay sẽ xuất hiện. Đó cũng là lý do tại sao cuộc sống của chúng ta lại lắm thăng trầm. Thăng vì đôi lúc chúng ta biết khiêm hạ nhưng trầm vì chúng ta còn mắc bệnh khoe khoang.

Ví dụ, một người thấy mình có nhiều ưu điểm:

giỏi giang, siêng năng, lanh lợi, làm việc chu đáo, liền đem khoe với người khác, sau đó điều không hay đã xảy ra ngay. Họ làm việc gì cũng gặp điều xui xẻo, không thành công. Không chỉ riêng người tu hành, các Phật tử cũng thường mắc phải điều này. Nếu để ý chúng ta sẽ thấy, hễ cái gì mình tự cho là hay, cái không hay đó sẽ đến ngay.

Về công phu tu tập mỗi ngày, chúng ta cũng phải kín đáo. Nếu nói ra cho người khác biết, chúng ta sẽ gặp trở ngại, không thực hành được nữa. Ví dụ, một người ngồi thiền rất siêng năng, mỗi ngày ngồi ba thời đều đặn. Một hôm, trong lúc nói chuyện với người khác, người ấy bộc lộ: “Một ngày tôi ngồi thiền được ba lần”. Bỗng dưng qua ngày sau, người ấy không ngồi thiền được nữa. Đến giờ ngồi thiền, chuyện không đâu tự nhiên kéo đến: khi bệnh hoạn, ốm đau, khi trở ngại công việc. Cứ thế, có khi họ phải bỏ luôn cả tháng trời không ngồi thiền được.

Hoặc một người tu pháp môn niệm Phật. Đi, đứng, nằm, ngồi, v.v... họ đều niệm Phật. Nếu chỉ niệm trong tâm thì không ai biết. Nhưng vì muốn khuyến khích Phật tử tu hành, người ấy đã nói cho Phật tử biết: “Thầy lúc nào cũng vậy, đi, đứng, nằm, ngồi đều niệm Phật”. Sau đó, người ấy gặp nhiều khó khăn trở ngại trong việc

niệm Phật. Nhiều khi cũng niệm Phật nhưng Thầy toàn nghĩ đến những chuyện đầu đầu. Câu niệm Phật vì thế cũng biến mất.

Nói chung, chúng ta không được lộ công phu thực hành ra cho người khác biết. Ngay cả lúc ngồi thiền, chúng ta cũng phải tìm chỗ kín đáo, không được ngồi chỗ trống trải nhiều người biết, trừ khi ngồi thiền tập thể ở trong chúng. Nếu ở gia đình, quý Phật tử tập ngồi thiền cũng cần phải kín đáo. Đến giờ ngồi thiền, mỗi người nên vào phòng đóng cửa lại, không cho ai biết. Có như vậy, việc ngồi thiền của chúng ta mới được lâu bền. Đó chính là công phu tu tập của chúng ta.

Có một vị Sư từng khoe là mình tu thiền rất tốt. Một lần, ông ta đắp y, mặc áo vàng, ngồi thiền trên một tảng đá. Vị trí ngồi thiền của vị Sư ấy rất trống trải, ai qua lại cũng nhìn thấy. Ngồi được ngày thứ nhất, ngày thứ hai, rồi sau đó ông chẳng bao giờ ngồi thiền được nữa. Lý do thứ nhất là vị Sư ấy đã khoe khoang công phu của mình bằng lời nói, sau đó là khoe khoang về hành động. Ngồi thiền nhưng ông đã chọn vị trí mà những Phật tử đi qua đi lại đều nhìn thấy. Công phu của ông vì thế mà mất hết.

Như vậy, một lời nói có khi làm mất công phu

của mình đến hàng tháng, có khi vài ba năm hoặc vài ba kiếp. Nhiều khi đã nhìn thấy lỗi, chúng ta phải sám hối đến mấy tháng sau mới lấy được công phu trở lại. Có những trường hợp, vì lỡ một lời mà vài ba năm hoặc vài chục năm sau, có khi vài ba kiếp sau, chúng ta mới lấy lại được. Bởi vậy, chúng ta phải cẩn thận trong lời nói, đừng bao giờ khoe khoang. Chúng ta cũng không nên nói về kết quả đạt được vì sẽ bị thoái thất. Trong cuốn Luận về Nhân Quả, tác giả có dẫn câu chuyện về ngài Trí Khải và một vị Tăng trong Tùng Lâm tuyển tập. Khi ngài Trí Khải đến gặp vị Tăng, ông ta không thềm ngồi dậy chào mà chỉ nói về định mà mình có được. Ông cho rằng, mình đã được định. Nhờ định này, khi nghe trong núi có một chấn động, hướng tâm về đó, ông ta biết có một vị Tăng đang quán lý Vô thường và quán rất đặc lực. Cho nên, khi thần lực đó phát ra, ở đây nhờ có định, ông ta nhận được điều đó. Vị Tăng hỏi ngài Trí Khải: “Đó là định gì?”. Ngài Trí Khải trả lời: “Đó là biên định, chưa sâu, mới chỉ bên ngoài nhưng vì nói ra nên mất”. Nghe nói, ông ta giật mình, đứng lên và nói: “Mất rồi”. Ông vừa nói xong, tự nhiên định đang có trong tâm mấy tháng nay, mấy năm nay đã biến mất. Muốn lấy lại định đó không phải là chuyện đơn giản, có

khi phải mất hai ba chục năm sau. Vì nguy hiểm như vậy nên chúng ta phải cẩn thận, không nói về những kết quả tốt mà mình đạt được.

Ví dụ, khi tu thiền đã nhiếp tâm được vào trong định, chúng ta sẽ cảm thấy an lạc, hạnh phúc. Cảm giác sung sướng, hạnh phúc, an lạc ấy không thể diễn tả được bằng lời. Đôi khi không kiềm chế được, chúng ta bộc lộ cho người khác biết. Như vậy, chúng ta sẽ mất ngay cái định đó. Nhưng vì sao chúng ta lại nói ra cái hay của mình? Quá trình này thường trải qua hai giai đoạn. Trước hết, trong tâm chúng ta tự công nhận mình có cái hay và sau đó là nói ra cái hay đó.

Ví dụ, chúng ta là người tu hạnh Nhẫn nhục, tùy thuận ở trong chúng. Nghĩa là trong chúng ai nói nặng nhẹ điều gì, chúng ta cũng hoan hỷ, không giận hờn ai. Đây là điều tốt mà chúng ta có được trong nhiều năm nay. Một hôm, thấy người này người kia hay cãi nhau, hay sân với nhau, chúng ta bỗng so sánh và chợt nhận ra mình là người nhẫn nhục. Nghĩa là trong tâm ta đã tự công nhận mình là người nhẫn nhục trước. Khi đã thừa nhận điều này, một lúc nào đó, khi nói chuyện với người khác, chúng ta bỗng nói: “Tôi là người rất nhẫn nhục”. Nói như vậy, tưởng không có gì quan trọng nhưng sau

đó chuyện bực mình đã liên tiếp xảy ra khiến chúng ta nổi giận. Nghĩa là sự nhẫn nhục không còn nữa.

Đó là những chuyện nhỏ. Trong quá trình tu tập, có những chuyện lớn hơn, quan trọng hơn nhất là công phu tu tập, những trí tuệ đạt được, những định đạt được, chúng ta phải hết sức kín đáo. Khi có điều gì hay và chúng ta đã tự công nhận thì phải nhớ tâm niệm: “Điều ấy chưa chắc chắn đâu”. Nếu nói ra, tất cả điều tốt ấy sẽ mất hết, sẽ tan vỡ hết. Chúng ta phải luôn ý thức rằng, vì chưa thật sự chứng Thánh nên hạnh mà mình có được, điều hay mình có được chưa chắc chắn. Hoặc tuy có hạnh tốt ngày hôm nay nhưng có thể chưa qua thử thách, khi gặp khó khăn, trở ngại chưa chắc mình giữ được, v.v... Hễ vừa phát hiện ra điều tốt của mình, chúng ta phải tự nhủ điều ấy. Vượt qua giai đoạn thứ nhất, chắc chắn chúng ta không vấp phải sai lầm ở giai đoạn thứ hai là nói lời khoe khoang. Có những điều hay mất đi chỉ vài tháng sau chúng ta có thể lấy lại, nhưng cũng có những cái trầm trọng đến vài ba kiếp sau mới lấy lại được. Nói như vậy hoàn toàn không cường điệu. Có vị tu thiền đắc đạo, phát ra được trí tuệ, bát nhã, thông dong, tự tại, đối đáp thiền ngữ như mây, như gió. Trong những bài giảng pháp,

vị này nói rằng chỉ một cái tâm này là Phật, cái tâm rỗng rang như không, cái tâm trùm khắp pháp giới. Nghĩa là, người ấy diễn tả cái tâm mình chứng được và nói tâm đó là Phật, nghĩ mình là triệt ngộ bằng Phật, không cần tìm đâu nữa. Đến khi chết, ông ta ngồi kiết già tịch đàng hoàng. Đến mức độ như vậy, chúng ta cũng nghĩ rằng chưa chắc chắn. Vì sao? Vì qua kiếp sau, tùy phước, có khi ông ta lên làm vua. Qua một kiếp làm vua như vậy, nhân ái dục đã gieo sẽ kéo dài đến bao nhiêu kiếp mới có thể lấy lại được. Có khi đi qua hai ba chục kiếp dần dần vị ấy mới hiểu được lỗi của mình và cố gắng lấy lại công phu trong kiếp mình chứng được. Chúng ta biết rằng, công phu ngồi kiết già tịch phải mất hai chục kiếp sau mới có thể lấy lại đúng trình độ đó.

Chúng ta ít nhiều đều biết đến Tô Đông Pha (Trung Quốc), con người có tâm hồn phóng khoáng nhưng lại lặn độn trong chốn quan trường. Người ta kể rằng, kiếp trước ông ta là Sư Giới, tu ở chùa Ngũ Tổ. Vị thiền sư Sư Giới này có sức ngộ rất khủng khiếp. Bao nhiêu người dùng thiền ngữ đối đáp với ông đều thất bại. Vì sắc bén như vậy nên ông được các thiền sư khác khen ngợi. Khi chết, ông đầu thai thành Tô Đông Pha. Vậy, tại sao người ta biết Tô



Đông Pha là hậu thân của Ngũ Tổ Sư Giới?  
Chuyện kể rằng, một lần, nhân có công việc gì đó, ông Tô Đông Pha đã đi đến vùng nọ. Trong khi đó, có ba người, kể cả hai vị sư nữa cũng đi đến đó. Khi đến nơi, ba người cùng kể là đêm qua mình nằm mơ thấy Ngũ Tổ Sư Giới. Họ không hiểu tại sao hôm nay người mình gặp chính là Tô Đông Pha. Lúc ấy, ông Tô Đông Pha mới nhớ ra rằng, khi còn nhỏ (khoảng bảy, tám tuổi), ông thường nằm mộng thấy mình là một vị Tăng ở ngôi chùa mà kiếp xưa có ông Ngũ Tổ Sư Giới tu tại đó. Từ những câu chuyện như vậy mà người ta cho rằng ông Tô Đông Pha là hậu thân của Ngũ Tổ Sư Giới. Cả cuộc đời, ông Tô Đông Pha chịu biết bao long đong, lận đận, bị đày lên, đày xuống trong chốn quan trường. Trong khi đó, đời trước ông từng là một vị Tăng xuất sắc.

Như vậy, có những trường hợp chỉ lỡ một lời hay có sự hiểu sai về một điều gì đó, con người phải chịu biết bao gian truân, và những công phu, những điều hay có được bị mất đi đến hai, ba kiếp hoặc có khi hai, ba chục kiếp sau mới lấy lại được. Bởi vậy, chúng ta phải luôn có câu “thần chú” gì đó để hộ mạng mình, để giữ miệng mình không bật ra lời nói khoe khoang.

Trong cuộc sống, có những kế hoạch làm việc,

đôi khi chúng ta cũng không nên nói sớm. Những người hay nói trước điều mình định làm thường hay gặp trở ngại trong công việc. Quả thật, sống lâu ở ngoài đời, chúng ta sẽ thấy điều này rất đúng. Dân gian ta có câu: “Nói trước bước không tới”. Còn ngạn ngữ phương Tây cho rằng: “Một trong những bí quyết giúp con người thành công là phải giữ bí mật đến cùng”. Để rút ra những kinh nghiệm như vậy, chắc hẳn người xưa phải trải qua những thất bại cay đắng lắm.

Vì vậy, có những công việc, thường là dự định việc gì, chúng ta chỉ bàn với những người có bổn phận, có trách nhiệm và với những người có quyết tâm, không nên nói rộng rãi cho người khác biết. Khi đã nói ra dự định, chúng ta có cảm giác như mình đã làm rồi, đã hưởng được danh dự rồi và vì thế mà không làm được nữa. Điều này nghe có vẻ kì lạ, không giải thích được nhưng lại là điều có thật, chúng ta cần phải lưu ý.

Ví dụ, có người gặp ai cũng luôn miệng nói: “Mai mốt, chắc chắn tôi đi tu, tôi sẽ làm Phật”. Thực tế cho thấy, người ấy không bao giờ đi tu được nữa, đừng nói là được làm Phật. Có một thầy kể rằng, khi chưa xuất gia, Thầy cùng với một người bạn ước hẹn với nhau là sẽ đi tu và

chỉ có hai người biết điều này thôi. Nhưng mấy hôm sau, không ngờ những người bạn khác cũng biết chuyện đó, biết chuyện người bạn định đi tu. Rồi ý định của hai người không thực hiện được vì không hiểu sao hoàn cảnh lúc ấy rất khó khăn, duyên cũng chưa đến. Cho đến khi bất ngờ, duyên hiện ra, người này không nói với ai hết và vào chùa luôn. Sau này, người ấy mới biết anh bạn cùng ước hẹn với mình khi xưa đã lập gia đình, không bước chân vào con đường tu hành.

Không chỉ riêng trong việc tu hành, việc ngoài đời cũng vậy. Những kế hoạch làm việc, nếu nói sớm quá, người thế gian cũng khó thành công. Bởi vậy, làm bất cứ việc gì, chúng ta cũng nên âm thầm, lặng lẽ một cách khiêm tốn, không khoe khoang, chắc chắn chúng ta sẽ thành công.

## **NHỮNG TRƯỜNG HỢP CÓ THỂ KỂ VỀ ƯU ĐIỂM CỦA MÌNH**

Tuy nhiên, trong cuộc sống cũng có những trường hợp có thể kể về những ưu điểm của mình. Đó là những người có sự hiểu biết uyên thâm, có được nhiều điều hay. Khi tự biết mình được mueri, người ấy có thể kể một hoặc hai khi cần khuyến khích người khác. Ví dụ, khi thấy một người vào chùa tu hành nhưng ít lay Phật,

chúng ta khuyên người ấy nên cố gắng lay Phật. Để có sức thuyết phục, chúng ta có thể kể những điều mình có được khi siêng năng lay Phật. Nhưng phải lưu ý một điều, những cái đạt được có thể rất đặc biệt, chúng ta chỉ nói rất ít thôi. Chẳng hạn, nhờ siêng năng lay Phật, tự nhiên chúng ta có được trực giác, có thể biết chuyện này, chuyện kia. Hoặc khi lay Phật nhiều, đi đến nơi nào, chúng ta cũng đem may mắn đến cho người khác. Hoặc ai đối xử tốt với mình, hôm sau họ sẽ gặp may mắn, v.v... Tất cả những điều ấy, chúng ta phải giấu, không nên nói ra. Khi khuyên người khác lay Phật, chúng ta chỉ kể một chút rất nhỏ để khuyến khích họ. Chúng ta có thể nói cho họ biết, nhờ lay Phật mà đạo tâm mình vững hơn, lỗi lầm mình bớt phạm hơn.

Một ví dụ khác, khi thấy một người vào chùa mà không siêng năng công quả, chúng ta biết người ấy sẽ không có phước. Người đã xuất gia phải sống một đời hết sức vị tha, lo cho Tam Bảo, cho Phật Pháp; lo cho huynh đệ, cho chúng sinh, lo cho tất cả mọi người, không bao giờ chỉ lo cho bản thân mình hay đi tìm sự nhàn nhã. Có như vậy, phước mới dần dần tăng trưởng. Có thể người ấy hiểu đạo chưa sâu nên lười công quả. Chúng ta phải khuyên người ấy cố

gắng công quả, siêng năng làm việc, coi như lấy công quả để cúng dường Tam Bảo. Chúng ta có thể nói, nhờ siêng năng công quả mà mình cảm thấy đời sống được dễ chịu, khi cần cái gì tự nhiên không bao lâu sẽ lại có được. Kể về những điều có được của bản thân mình cho huynh đệ biết là để khuyến khích, sách tấn họ. Sự thật, kết quả đạt được do công quả gấp mười lần như vậy nhưng chúng ta không nói. Khi siêng năng công quả, tâm vị tha sẽ phát triển, và tâm vị tha sẽ là nguồn sức mạnh ủng hộ cho thiền định rất hiệu quả. Siêng năng công quả sẽ tạo nên phước, phước đi sâu vào trong đầu, trí tuệ được mở ra, bỗng nhiên chúng ta học rất sáng, học rất giỏi, có thể thuyết pháp rất sâu, những điều hay do công quả chúng ta không nói hết, chỉ nói những cái phước nhỏ để khuyến huynh đệ mình. Đây là trường hợp được mười mà chỉ kể một, hai.

Trường hợp thứ hai có thể nói chuyện mình đó là người đã tu đến chỗ không thấy mình nữa. Tuy kể chuyện mình mà người ấy vẫn thấy như chuyện của người khác. Vì thấy rằng, đó là quy luật tất nhiên phải xảy ra.

Ví dụ, khi gặp một Phật tử, chúng ta nói: “Đường xá trong làng hay hư, quý Phật tử cố gắng làm, đắp đường có phước lắm. Tôi rất

siêng đắp đường. Ở đâu có đường hư là vác cuốc đi làm, tìm đắp những ổ gà, có chút tiền là thuê người phụ làm đường. Sau này, khá hơn một chút, lại làm những con đường lớn hơn. Nhờ vậy mà bây giờ tôi có xe hơi đi”.

Cách nói như vậy không hay lắm. Hãy kể giống như vậy, nhưng giả định câu chuyện đó thuộc về một người khác: “Ngày xưa có một người hay siêng năng đắp đường...”. Kể chuyện của chính mình nhưng chúng ta làm như kể chuyện của người khác, không xem mình là quan trọng nữa.

Trường hợp thứ ba, chúng ta có thể kể về mình là khi kể một ưu điểm thì tự kể thêm vài khuyết điểm. Ví dụ, khi khuyên Phật tử cố gắng tu hạnh khiêm hạ, chúng ta lỡ lời, tự khoe mình khiêm hạ, lúc nào cũng thấy mình như cát bụi, nhờ vậy trong đời sống luôn được huynh đệ thương và mọi chuyện dễ thành công, v.v... Sau đó, chúng ta phải kể thêm vài lỗi của mình để bù lại. Trong cuộc sống, có nhiều người làm chúng ta phải ngạc nhiên vì họ không bao giờ kể những thành công hay những điều tốt của mình mà toàn kể chuyện xấu, chuyện thất bại. Những người ấy đáng để cho chúng ta học hỏi.

Trường hợp thứ tư, chúng ta có thể kể chuyện mình khi tâm hiếu danh không còn nữa. Chúng

ta không có tâm thèm khát sự cảm phục của người khác, không muốn được kính trọng, chỉ kể để sách tấn hoặc giúp người khác một kinh nghiệm tu hành. Tất nhiên, chúng ta phải diệt tận gốc tâm hiếu danh, tâm thèm khát được người khác kính trọng. Khi nói chuyện của mình, chúng ta cũng sẽ bị tổn phước, bị mất công phu nhưng đôi khi vì kinh nghiệm đó cần thiết, chúng ta cũng phải nói để người khác biết mà tu hành, nhất là những lắc léo trong thiền định.

Riêng trường hợp Phật hay các vị Alahán tuyên bố quả vị mình vì tâm của các Ngài đã hoàn toàn vô ngã, không còn tâm hiếu danh. Đây cũng là sự cần thiết để xác định danh nghĩa. Cũng như các vị Alahán khi chứng xong, cái ngã tan biến, các Ngài cũng tuyên bố:

“Ba minh ta chứng được  
Lời Phật dạy làm xong.”

Ngài nói một cách vinh quang, rống lên tiếng rống của con sư tử bởi vì Ngài không còn ngã. Ngài nói câu đó không phải vì tâm tự hào, hiếu danh nữa. Còn chúng ta không nên nói vì chưa có cái vô ngã nên nói ra dễ bị lỗi, dễ bị bản ngã lừa gạt.

Những vị Bồ Tát thị hiện cũng ít khi bộc lộ thân phận. Các Ngài thường giấu kín thân phận mình. Phật và các vị Alahán còn nói về mình,

các vị Bồ Tát thị hiện bao giờ cũng giấu. Có khi thị hiện vào trong cuộc đời, các Ngài giả vờ làm vài lầm lỗi để chúng sinh đừng nghĩ các Ngài là cao siêu. Khi mọi người nghĩ các Ngài cũng bình thường như bao người khác, các Ngài dễ gần gũi và giáo hóa họ hơn. Và nếu không có lầm lỗi, nếu đặc biệt quá, người ta sẽ nghi ngờ, sẽ dè dặt, cẩn thận, các Ngài không làm được những chương trình mà mình đã vạch ra.

Chúng ta hay kể câu chuyện ngài Hư Vân đi triều sơn, về Ngũ Đài Sơn, đi lễ Bồ Tát Văn Thù, cứ 3 bước lạy 1 lạy. Ngài đi qua mùa đông tuyết phủ và bị bệnh, Bồ tát Văn Thù hiện ra làm ông già tên là Văn Cát cứu chữa cho Ngài. Lúc đi, Ngài thấy ông già đi ngược đường lại. Khi Ngài bệnh, ông ta săn sóc cho Ngài xong rồi đi luôn. Lúc bệnh phải nằm lại, Ngài lại thấy ông ta. Ông nói: “Tôi vừa mới đi về trở lại”. Cứu chữa cho Ngài xong, ông ta vạch hành lý giúp Ngài Hư Vân để Ngài lạy Bồ Tát. Thấy vậy, ông già nói: “Thôi, lạy đủ rồi, đừng lạy nữa”. Ngài Hư Vân đâu biết ông là Bồ Tát Văn Thù nên nói một cách kiên quyết: “Tâm tôi đã quyết, tôi thà sinh mạng bỏ chứ phải lễ Bồ Tát”. Thấy tội nghiệp quá, ông già bảo: “Thôi, Thầy đưa hành lý tôi xách cho để Thầy lạy cho khỏe”. Thế là ông già, vị Bồ Tát mà Ngài Hư Vân lạy, xách túi đi đằng sau, còn Ngài



cứ đi 3 bước lạy 1 lạy về phía trước. Khi Ngài hỏi: “Tiên sinh tên gì?” Ông già trả lời: “Tôi tên là Văn Cát”. “Tiên sinh ở đâu?” “Tôi ở núi Ngũ Đài Sơn. Thầy đến Ngũ Đài Sơn hỏi tôi, ai cũng biết”. Ngài Hư Vân cứ tưởng ông già hay đi chơi lòng vòng mấy chùa nên ai cũng biết, đâu ngờ chùa nào ở Ngũ Đài Sơn lại không thờ Bồ tát Văn Thù. Sau khi đến nơi, Ngài đi hết chùa này đến chùa kia và hỏi: “Ở đây có tiên sinh Văn Cát không?”. Không ai biết cả. Sau đó, khi gặp một Thượng tọa, Ngài kể lại câu chuyện gặp ông già Văn Cát trên đường đi triều sơn, Thượng tọa giật mình: “Thôi chết rồi, Bồ Tát Văn Thù đó”. Câu chuyện nghe rất thắm thía nhưng đó cũng là cách chứng minh các vị Bồ Tát thị hiện thường giấu kín thân phận.

Đôi khi, bên cạnh chúng ta cũng có một Bồ Tát thị hiện mà chúng ta không nhận ra vì vẻ ngoài rất bình thường, thậm chí còn rất ngu ngơ, còn mắc phải những lỗi lầm. Chúng ta phải cẩn thận, không nên coi thường những người như vậy.

## **NHỮNG ĐIỀU TRONG TẶNG CHÚNG, KHÔNG NÊN NÓI RA NGOÀI**

Trong Tặng chúng, có những điều chúng ta phải kín đáo, không nên nói ra ngoài. Ví dụ, chúng ta không được nói vấn đề tài chính của chùa.

Chùa giàu hay nghèo, chỉ những người trong chùa biết mà thôi. Vì nếu nghèo, chúng ta nói ra ngoài, người ta sẽ cho là mình tham, cầu cúng dưng. Nếu nói rằng chùa giàu, người ta không hiểu sẽ cho là mình khoe khoang. Điều này rất nguy hiểm.

Hơn nữa, chúng ta không hiểu hết những dự định của thầy mình. Đôi khi, thầy cần tích lũy một số tiền để trùng tu lại chùa hay làm một việc gì đó nhưng thầy kín đáo, không nói ra. Nếu đi đâu cũng khoe về nguồn tài chính tích lũy được của chùa, vô tình chúng ta đã hại thầy mình, khiến thầy không làm được Phật sự lớn như ý nguyện nữa. Bởi vậy, tốt nhất là chúng ta không nên nói về vấn đề tài chính của chùa cho ai biết. Đối với những lỗi làm của huynh đệ, của Tăng Ni, chúng ta cũng không nên nói ra ngoài. Ai sống mà không phạm lỗi lầm. Hơn nữa, lỗi lầm đâu phải là cái cố định, không sửa được. Nhiều khi, hôm trước chúng ta thấy huynh đệ phạm lỗi đó nhưng hôm sau họ đã sửa rồi. Người xưa thường nói: “Nhất ngôn ký xuất, tứ mã nan truy”. Nếu lỡ nói ra ngoài về lỗi lầm của họ, chúng ta sẽ không thu hồi lại được và người ta sẽ tiếp tục nghĩ xấu cho huynh đệ mình. Vì vậy, chúng ta đừng nói lỗi lầm của huynh đệ ra bên ngoài mà cố gắng tìm cách chỉ lỗi để huynh đệ sửa chữa.

Khi lớn lên, đi làm Phật sự bên ngoài, tiếp xúc với nhiều người, chúng ta sẽ nghe nhiều chuyện kinh khủng về những lỗi lầm của người tu có thể khiến mình choáng váng. Có những trường hợp, nghe xong chúng ta bàng hoàng, không hiểu tại sao có thể xảy ra như vậy. Nhưng rồi, chúng ta vẫn phải im lặng. Im lặng vì chúng ta biết được nguyên nhân dẫn đến lỗi lầm của họ cũng như tin rằng lỗi ấy không cố định, một ngày nào đó, người ấy sẽ vượt qua được lỗi lầm của mình.

Nếu bây giờ, ai cũng nói lỗi ấy rộng rãi ra ngoài, đến khi người ta sửa được rồi, tiếng xấu vẫn còn. Do đó, trước lỗi lầm của người khác, chúng ta phải bình tĩnh. Nghĩa là vẫn hi vọng, vẫn chờ đợi sự sửa đổi, vẫn tin vào những điều tốt đẹp của con người, không nên nghĩ rằng những lỗi họ phạm là vĩnh viễn.

Có những dự định đặc biệt của chùa mà điều kiện chưa đủ để thực hiện, chúng ta cũng không nên nói. Nhiều khi nói ra sớm quá, mọi việc sẽ không tiến hành được suôn sẻ.

Chúng ta cũng không được khoe khoang uy tín của thầy mình, của tông phái mình. Có thể thầy mình là người tài giỏi, có đức độ, giáo hóa được nhiều nhưng chúng ta cũng không nên khoe.

Thực ra, nói những điều hay cho người ta quy hướng cũng tốt, nhưng không cần thận để lẫn

bản ngã trong đó. Vì khoe thầy cũng có nghĩa là trong đó có bản thân mình. Cho nên, tốt nhất là chúng ta nên im lặng.

Một điều nữa chúng ta cũng cần phải bàn là lợi ích về giáo lý và hệ quả của nó - sự ngưỡng mộ. Ví dụ, sau này khi ta đi giáo hóa, được nhiều Phật tử hay Tăng Ni lắng nghe, hiểu được, tu được và sinh lòng ngưỡng mộ. Đó là một hệ quả rất tự nhiên, nhưng ta không nên bận tâm về hệ quả đó. Mục đích của chúng ta là đi giảng dạy, đem lợi ích về giáo lý đến cho mọi người, làm sao cho người khác nghe, hiểu và tu được. Khi đi giáo hóa, chúng ta chỉ phát nguyện một điều là đem giáo lý, đem ánh sáng Phật Pháp để khai mở cho mọi người. Chỉ có vậy thôi. Khi có hệ quả phát sinh là sự ngưỡng mộ của Phật tử hay của những người khác, ta phải cắt ngay, tuyệt đối không để vướng phải điều này. Chúng ta không cần người ta biết đến mình, ngưỡng mộ, kính phục mình mà chỉ cần họ hiểu được Phật Pháp và tu được. Đây là điều rất quan trọng, người tu phải ghi nhớ. Có thể ban đầu mới đi giảng, người ta chưa ngưỡng mộ nhiều, chúng ta không bị đắm vào đó. Nhưng một thời gian dài, xuất hiện lòng ngưỡng mộ, chúng ta rất dễ bị đắm vào sự khát khao ngưỡng mộ ấy. Điều này cũng có nghĩa là

chúng ta bắt đầu sai lầm. Cho nên, mỗi người phải giữ tâm này cho thật kỹ.

## **MỘT CHÚT Ý NGHĨA VỀ ÂM DƯƠNG**

Trong bài Hơi thở và xả Thiền, chúng ta có tìm hiểu qua về Âm Dương. Âm là phần khuất kín bên trong, Dương là phần bộc lộ bên ngoài.

Trong một cấu thể, phần khuất kín là phần quan trọng, phần bộc lộ ra ngoài là phần dành để sử dụng. Theo vua Văn Vương (Trung Quốc), tỷ lệ thể hiện sự khôn ngoan là 5/1. (5 âm thì 1 dương). Nếu thực lực bên trong của mình có 5, chúng ta để lộ ra bên ngoài cho người ta biết chỉ có 1 mà thôi. Hay nói cách khác, làm được 5 phần, chúng ta chỉ bộc lộ 1 phần, không nên để cho người ta biết nhiều. Những cái hay mình có được, không nên bộc lộ tất cả ra ngoài. Chỉ có những người sống gần gũi lâu ngày với mình mới biết được cái hay của mình mà thôi. Có như vậy, những cái hay, cái tốt của mình mới giữ được bền lâu.

Trong một ngôi chùa, hình thức ngôi chùa thuộc về dương và nội dung tu hành trong tâm của Tăng Ni thuộc về âm. Như vậy, nội dung tu hành phải gấp 5 lần hình thức của ngôi chùa. Nếu chùa nào đạt được tỉ lệ này, chùa ấy sẽ phát triển, sẽ vững bền. Ngược lại, những ngôi chùa rất đồ sộ, bên ngoài hào nhoáng, đẹp đẽ nhưng

bên trong Tăng chúng ít tu, chỉ sau một thời gian, chùa đó sẽ suy tàn. Cho nên, khi đánh giá một ngôi chùa, chúng ta cần xem sức tu tập của Tăng chúng như thế nào. Nói như vậy để chúng ta thấy rằng, hình thức bên ngoài thường phá nội dung tu hành. Chúng ta phải cẩn thận, luôn luôn chú trọng tâm linh hơn hình thức. Có thể chùa không đẹp, không lớn nhưng chúng ta tu tốt vẫn có giá trị hơn là sống trong ngôi chùa đẹp quá, lại khó tu.

Hình thức của y phục cũng vậy. Khi phủi tóc, mặc áo cà sa đi ra đường, chúng ta đã tự khoe khoang rồi. Vì hình thức ấy đã ngầm nói với mọi người chúng ta là thầy tu, là người có đạo đức. Bởi vậy, chúng ta phải tu nhiều hơn người ta nghĩ về mình. Nếu người ta nghĩ chúng ta từ bi, độ lượng, chúng ta càng phải từ bi, độ lượng nhiều hơn, gấp 5 lần điều người ta nghĩ để bù lại hình thức mà mình đã lỡ khoe khoang ra ngoài. Chưa kể, nếu đeo thêm một sợi dây chuỗi, đội thêm cái mũ Tỳ Lư, đắp y, mang giày trịnh trọng nữa, chúng ta phải tu rất nhiều mới bù lại nổi. Hình thức nhiều bao nhiêu, chúng ta phải cần nội dung lấp đầy hình thức đó nhiều bấy nhiêu. Ví dụ, khi thấy chúng ta đeo râu chuỗi thường xuyên bên mình, người ta sẽ nghĩ chắc là chúng ta siêng năng niệm Phật, tu chắc

cao siêu lắm. Nếu người ta nghĩ mình một ngày niệm cả trăm xâu chuỗi, chúng ta phải niệm năm trăm xâu chuỗi mới đủ. Nếu chỉ đeo xâu chuỗi, đi đâu cũng lần tràng hạt, đầu cứ đội mào Tì Lư mà bên trong không tu thì một thời gian, chúng ta sẽ hết phước và phải hoàn tục vì trong chúng ta, nội dung không bằng hình thức. Hiểu như vậy, chúng ta phải biết giấu hình thức, cho nội dung thật nhiều để cuộc đời tu hành của mình được bền bỉ. Đây là điều rất khó, chúng ta phải cố gắng mới làm được.

Khi làm từ thiện, những đoàn Phật tử cũng nên kín đáo, không nên quay phim, chụp ảnh nhiều để phô trương danh tiếng. Nếu ít khoe khoang thì mọi cái sẽ được bền lâu.

## **LÀM CHỦ LỜI NÓI**

### **CÔNG DỤNG CỦA LỜI NÓI**

Lời nói thường có hai công dụng; lời nói biểu hiện nội tâm, Lời nói là phương tiện để giao tiếp. Lời nói biểu hiện nội tâm.

Khi nghe một người thốt lên lời nói, chúng ta có thể biết được quan điểm, đạo đức, cá tính, sở thích cũng như trình độ, trí tuệ của họ. Nhưng tìm hiểu lời nói dưới góc độ Tâm lý Đạo đức không phải chỉ để chúng ta nhận xét, đánh giá

người khác mà còn để đánh giá được chính mình.

Trước hết, qua lời nói, cách nói, chúng ta có thể hiểu được quan điểm của người đối diện.

Chẳng hạn, khi chúng ta nói chuyện với họ về tôn giáo, về tâm linh, về nhân quả, họ tỏ ra không quan tâm lắm, cũng không tranh cãi điều gì. Nhưng khi có dịp, họ chỉ nói toàn những vấn đề về kinh tế, khoa học - kỹ thuật, chúng ta biết ngay người này không có khuynh hướng về tín ngưỡng, về tâm linh.

Hoặc qua lời nói, chúng ta có thể đánh giá được đạo đức của người khác. Thông thường, khi đã tu dưỡng đạo đức được một thời gian dài, chúng ta trở nên sắc bén hơn trong việc nhìn nhận và đánh giá người khác. Vì đã trải qua không ít những sai lầm trong cuộc sống và biết quá rõ về mình nên chỉ cần người khác có những biểu hiện rất nhỏ, chúng ta cũng có thể biết ngay họ là người như thế nào. Nhưng chúng ta phải hiểu, không phải biết để phê phán, mà để thương yêu và thông cảm. Nếu có điều kiện, có duyên, chúng ta còn giúp họ vượt qua những lỗi lầm mà họ phạm phải. Tuy nhiên, phải thừa nhận rằng, khi bước ra làm việc đạo, chúng ta rất cần dựa vào lời nói để đánh giá người khác. Trong quá trình giao tiếp, nhờ vào



lời nói, chúng ta có thể nhận xét được người khác và công việc sẽ dễ dàng hơn. Đó là vấn đề thuộc về bản lĩnh làm việc và chúng ta sẽ khai thác trong một dịp khác. Bây giờ, chúng ta chỉ tìm hiểu lời nói trong việc tự đánh giá chính mình. Trong cuộc sống, có những điều khi đã buột miệng nói ra, chúng ta mới giật mình nhận ra đó là lời nói sai và tự trách mình sao lại nói những điều sai lầm như vậy. Rõ ràng, nhờ vào lời nói, chúng ta có thể kiểm soát được tâm mình, ngăn chặn được nghiệp bất thiện và tăng trưởng được tâm thiện.

Ví dụ, khi nghe người đối diện thốt lên lời thô tục, thiếu văn hóa, có thể chúng ta sẽ xuất hiện hai cách phản ứng: nguyên rủa người ấy hoặc cảm thấy tội nghiệp họ. Nếu trong tâm ta phát ra lời nguyên rủa người ấy, chúng ta là người không có đạo đức, không có tâm từ bi. Chúng ta phải hiểu rằng, tâm từ bi không chỉ dành để thương yêu con người khi họ lâm vào cảnh khổ mà phải thương ngay cả lúc họ gieo nhân xấu. Trước lỗi lầm của người khác, chúng ta sinh tâm bực bội quá đáng, thậm chí ghét bỏ nguyên rủa họ là chúng ta thiếu từ bi, gây nên ác nghiệp. Khi đã lỡ lời, chúng ta phải ăn năn, sám hối để chuộc lại tội lỗi của mình. Nếu khi nhìn vào nhân xấu rồi nghĩ đến quả báo xấu của một

người và thấy thương họ hơn vì sống mà không biết nhân quả, tội phước, đó là chúng ta có tâm từ bi. Như vậy, qua một lời nói trước một vấn đề, chúng ta có thể đánh giá được đạo đức, đánh giá được tâm của con người. Hiểu được điều này, chúng ta sẽ không nói những lời ác độc.

Những cá tính, sở thích hay những thói xấu, lòng ham muốn còn đang tiềm ẩn trong con người cũng dễ được bộc lộ ra qua lời nói. Trong lúc nói chuyện, nhiều khi vô tình, chúng ta đã để lộ ra những điều xấu còn tiềm ẩn trong tâm mình. Chính nhờ vào những lời nói vô tình đó, chúng ta có thể phát hiện và loại bỏ những thói xấu, những ham muốn tầm thường mà trước kia ta chưa biết.

Lời nói cũng thể hiện được trí tuệ của con người. Nhờ lời nói, chúng ta biết được trình độ, trí tuệ của người đối diện. Ví dụ, khi trở thành thầy, làm giáo thọ, giảng sư hay trụ trì, có người đến chùa hỏi: “Tại sao tôi tu lâu mà không tiến bộ?”, chúng ta phải trả lời như thế nào? Mỗi người có thể trả lời một cách theo quan điểm của mình nhưng câu trả lời có trí tuệ là: “Do thiếu công đức”. Vì đây là câu trả lời có thể giúp đỡ người khác hiểu được vấn đề và biết tu như thế nào cho đúng.

Công đức bao gồm đạo đức và phước. Nếu công đức chưa đủ, người tu phải tạo thêm công đức bằng cách cố gắng tu dưỡng đạo đức và làm việc phước. Tuy nhiên, trả lời như vậy vẫn chưa sâu sắc vì mỗi người đều có nghiệp riêng. Chúng ta phải chỉ rõ được nghiệp của họ: đố kỵ, ích kỷ, khoe khoang, kiêu mạn hay giải đãi. Có người tu không tiến bộ vì họ ít bố thí quá, sống hẹp hòi quá. Với những người như vậy, chúng ta khuyên họ phải biết buông xả, đừng chấp giữ vật chất vì vật chất là vô thường. Bố thí giúp đỡ người khác sẽ tạo thành phước trong tâm. Có người thiếu công đức lễ Phật nên tu không tiến bộ. Chúng ta khuyên họ phải cố gắng lễ Phật. Có người vì khoe khoang, tu được điều gì cũng đem nói cho mọi người biết nên mất hết Phước, không còn hạnh Kín đáo nữa. Người ấy tu cũng không tiến bộ. Vì vậy, chúng ta khuyên họ phải kín đáo. Hoặc có người sống hay đố kỵ với người khác, thấy ai thành công cũng tỏ ra ganh ghét nên việc tu hành của họ không tiến bộ được. Đối với những người này, chúng ta lại khuyên đừng đố kỵ, phải cố gắng tập hạnh tùy hỷ với người khác.v.v...

Nhưng điều quan trọng là làm sao khi nhìn vào mỗi người, chúng ta biết được Nghiệp của họ để có những lời khuyên sâu sắc, hợp lý?

Nhiều khi người hỏi câu ấy là một người hoàn toàn chưa quen biết nhưng chúng ta phải nhìn thấy ngay được cái nghiệp của họ để trả lời cho có trí tuệ. Đây là cái khó của người thầy. Nếu chỉ dựa vào kinh nghiệm trong đời sống tu tập của mình thì chưa đủ. Vì có những “bệnh” người ta có mà chúng ta hoàn toàn không có. Như vậy, chúng ta cần dựa vào những cái họ bộc lộ ra bên ngoài qua lời nói. Tất nhiên, phải có mối quan hệ gần gũi với người ấy, chúng ta mới đánh giá được cá tính, nội tâm của họ qua lời nói cũng như việc làm.

Còn trường hợp người hỏi điều đó chưa hề sống gần gũi với mình mà chúng ta vẫn biết được là nhờ vào quá trình tu hành của mình. Vì nhờ tu tốt, tâm linh phát triển, trực giác phát triển, chúng ta có thể biết được nội tâm của người khác. Nhưng phải hiểu một điều là chúng ta biết để giáo dục người chứ không phải để khoe khoang. Phật gọi điều này là giáo hóa thần thông. Nghĩa là thần thông dùng để giáo hóa, không phải thần thông dùng để làm điều lạ. Có được điều này không phải dễ nhưng đã theo con đường của đạo Phật, ai cũng cần phải có một chút trực giác. Nhờ trực giác, khi người ta đến với mình, chúng ta sẽ biết quan tâm, đối xử với họ đến mức độ nào để giúp họ gỡ cái

nghiệp mà họ đang gánh nặng. Không phải lúc nào chúng ta cũng dạy được người khác, nhưng biết người ta nặng nghiệp ở chỗ nào, khuyên họ xoáy vào chỗ đó để dễ vượt qua cũng là điều rất cần thiết. Mặt khác, trả lời người khác một cách chính xác cũng thể hiện được trí tuệ, trình độ tu tập của người thầy.

Với những câu hỏi đơn giản như vậy, chúng ta có thể theo trực giác trả lời để giúp họ tu tập được tiến bộ.

Trường hợp khi được hỏi những câu thuộc về đạo lý, sâu sắc hơn, chúng ta phải có trí tuệ rất cao mới trả lời được. Có một thầy kể lại câu chuyện có thật mà mình gặp phải, chúng ta nghe để thấy rằng, trả lời đúng một câu hỏi lắt léo của Phật tử không phải là chuyện đơn giản. Một lần, người ấy ngồi nói chuyện với một nhóm Phật tử, trong đó có một người có khả năng kiến giải rất cao. Anh ta kể về trình độ tu tập của mình khiến ai cũng nể phục. Mặc dù chỉ là cư sĩ nhưng anh ta đã từng ngồi thiền Yoga và có được sự đốn ngộ như một nhà Thiền. Trong nhóm Phật tử, người hỏi câu này, người hỏi câu kia, chỉ có anh ta là nói nhiều hơn cả để chứng tỏ mình là người có kiến giải đặc biệt trong đạo Phật. Quả thật, những điều anh nói đều rất sắc bén. Trong lúc nói chuyện, bất ngờ anh quay

sang hỏi vị thầy một câu:

-Thưa Thầy ! Không biết tại sao khi nhìn mặt ông bà già bảy tám mươi tuổi, tôi vẫn thấy họ nhỏ hơn tôi nhiều?

Câu hỏi ấy không phải dễ trả lời. Nhưng anh ta vừa dứt câu hỏi, ông thầy ngồi đó đã trả lời ngay : “Kiếp trước anh tu làm Tiên trường thọ sống đến hai, ba trăm tuổi nên ông bà già bảy tám mươi tuổi đối với anh vẫn còn là trẻ con”. Ngay lúc đó, một người bạn anh ta mới nói tên của anh ta là Nguyễn Thọ Trường. Lúc này, anh ta mới tiết lộ: Từ khi còn là cậu bé bảy, tám tuổi, anh đã biết được phép tu tiên, đã luyện Yoga, luyện khí công rất thành công. Anh có thể nhập định giữ không cho mạch nhảy, không cho tim đập. Nghĩa là mức độ luyện khí công, luyện các phép tu Tiên của anh có kết quả khá tốt. Đây cũng là dấu hiệu cho thấy kiếp trước anh đã luyện thành công nên bây giờ gặp lại phép đó, anh đã tu rất sớm và rất thành công. Và kiếp trước anh tu làm Tiên trường thọ nên bây giờ, cái nghiệp đã rơi vào tên của anh là Nguyễn Thọ Trường.

Thực ra, ông thầy mới gặp anh ta lần đầu, không hề biết những chuyện ấy, nhưng không hiểu sao lại trả lời đúng, lại giải thích được một vấn đề anh ta còn băn khoăn khiến anh ta rất nể

phục. Từ đó, hình như cái ngã của anh ta lắng xuống, anh ít nói hơn, biết lắng nghe hơn. Câu trả lời như vậy là có trí tuệ. Tất nhiên, đó không phải là câu trả lời duy nhất. Có thể một người khác cũng hỏi câu tương tự như vậy nhưng trường hợp này không phải do tuổi thọ lớn hơn mà có khi do đời trước họ từng làm vua. Vì đứng trước ông vua dù còn rất trẻ, một ông già bảy, tám mươi tuổi cũng phải quỳ.

Như vậy, không phải trường hợp nào cũng giống trường hợp nào, chúng ta phải có cách trả lời cho phù hợp. Trong việc giáo hóa hay giao tiếp, chúng ta sẽ đối diện với nhiều đối tượng, nhiều trường hợp khác nhau. Nếu trả lời một cách sâu sắc, chúng ta sẽ giúp người khác có niềm tin vào Phật Pháp, có hướng đi đúng đắn và có sự tinh tấn trong cuộc sống cũng như trong việc tu hành.

Đặc biệt, khi tiếp xúc với người khác, chúng ta phải dùng lời nói giúp người tin sâu nhân quả. Vì luật nhân quả chi phối mọi mặt trong đời sống cũng như sự tu hành. Nếu dựa vào đó để giải thích, chúng ta sẽ ít bị sai lầm. Có Phật tử từng là đệ tử của một vị thầy khá nổi tiếng đã tâm sự với một thầy khác rằng: “Thầy của con không đi sâu vào nhân quả mà nghiêng về tâm lý học, xã hội học. Ông thường dùng những lý luận của

tâm lý xã hội để giải thích nhưng áp dụng vào cuộc sống lại không thích hợp. Khi nghiên cứu về nhân quả, con thấy hợp lý hơn, tâm con yên hơn và dễ chấp nhận hơn”. Đây là một lời tâm sự rất chân thành. Những điều mà người Phật tử ấy nhận xét là có cơ sở. Bởi vậy, chúng ta hiểu sâu nhân quả để hướng dẫn, giáo hóa sẽ đem lại nhiều lợi ích cho chúng sinh.

Và như vậy, chúng ta có một phương pháp tu khá hay là luôn luôn quan sát lời nói trước khi phát ra. Đó là Chánh niệm trong lời nói. Trước khi nói, chúng ta phải kiểm soát xem mình sắp nói ra điều gì. Có nhiều người, khi được người khác hỏi đến, không bao giờ suy nghĩ mà vội vàng trả lời ngay nên không kiểm soát được tâm mình. Nếu có trí tuệ đi trước, chúng ta sẽ biết mình nên nói điều gì và nói điều gì trước, điều gì sau để tránh khỏi sai lầm.

Ví dụ, khi nghe người khác khen một thầy nào đó học giỏi, luôn luôn được điểm cao, chúng ta suýt buột miệng nói: “Chắc có cảm tình riêng với giáo thọ nên được điểm cao chứ giỏi giang gì”. Nhưng nhờ sự tỉnh giác, kiểm soát trước lời nói, chúng ta đánh giá được ngay đó là lời hàm ý chê bai và được xuất hiện từ tâm đố kỵ nên không thốt ra. Chúng ta biết rằng, tâm đố kỵ rất nguy hiểm, người còn tâm đố kỵ sẽ tạo nên



những nghiệp khổ khiếp sau này. Như vậy, nhờ đánh giá trước lời nói, chúng ta giữ lại được những lời nói không hay nên tránh tạo thành nghiệp. Đồng thời, chúng ta cũng biết trong tâm mình còn sự đố kỵ và quay về lạy Phật sám hối để vượt qua.

Chúng ta tuyệt đối không nói lời đố kỵ, chỉ trích mà chỉ nên hoan hỷ khen điều tốt của người. Khi nghe ai khen người khác, chúng ta nên vui mừng thật sự và cũng bày tỏ sự khen ngợi, cảm phục của mình. Ví dụ, nghe một người khen một vị giảng sư rất nổi tiếng, làm được nhiều việc tốt cho Phật Pháp, chúng ta dựa vào nhân quả và khen rằng, có lẽ vị này đã có công đức trước đó rất lớn, có nhiều hạnh tốt ở trong tâm nên có một sự thành công như vậy. Người ấy chỉ giảng những giáo lý cơ bản, không có gì sâu sắc nhưng lại được nhiều người nghe và khen ngợi, chắc chắn người ấy phải có đức, có phước gì đó rất lớn. Khen được như vậy, trước hết tâm chúng ta phải biết hoan hỷ.

Khi nghe người khác tài giỏi, thành công, chúng ta phải vui mừng. Đây là điều người tu chúng ta nên lưu ý. Trong cuộc sống, người đời hay có bệnh ganh tị nhau như con gà ghét nhau tiếng gáy. Nhưng là người tu, chúng ta phải vượt qua được điều đó. Có thể rồi chúng ta sẽ làm nhiều

việc cho Phật Pháp, khi làm việc cho Giáo hội, khi đi dạy cho Phật tử, cho Tăng Ni... nhưng nghe ở đâu có người giảng hay, chúng ta phải thực sự vui mừng. Vì trong đạo Phật, có được nhiều người giảng hay như vậy, nhiều chúng sinh sẽ được hóa độ.

Nói tóm lại, chúng ta phải kiểm soát lời nói của mình. Muốn nói điều gì, chúng ta phải nhìn trước lời nói đó và khi thốt ra lời, phải thông thả, chậm rãi, trầm tĩnh.

Chúng ta biết, lời nói là biểu hiện của nội tâm. Nhưng cũng có những trường hợp lời nói và nội tâm trái ngược nhau. Đó là trường hợp nói không thật tâm hay còn gọi là giả dối. Ví dụ, trong lòng ghét cay ghét đắng người nào đó nhưng vờ nói thương. Hoặc ghét người nhưng không dám nói thẳng rồi nói xấu sau lưng. Hoặc không có đạo đức nhưng làm ra vẻ đạo mạo để mọi người tôn trọng, v.v... Người tu chúng ta không nên rơi vào trường hợp này, cần sống buông bỏ, không giận ghét bất cứ ai và nghĩ như thế nào, nói như thế đó. Người chân tu phải chân thật, thẳng thắn nhưng khả ái, dịu dàng không thô tháo, không nói nặng lời để làm mất lòng nhau, phải có ái ngữ.

Tại sao người tu phải sống chân thật? Vì không thích ai đó nhưng cứ giả vờ nịnh hót, nói ngọt

để lấy lòng họ, chúng ta sẽ trở thành con người hèn hạ. Đó là lối sống của kẻ tiểu nhân. Người đời sống theo đạo Nho, đạo làm người quân tử cũng tránh lối sống giả dối như vậy (trừ một số trường hợp). Cho nên, là người của đạo Phật, đi tìm danh vị Thánh, chúng ta không bao giờ được sống luồn lách, dối trá. Mỗi người phải sống thật như chính tâm hồn mình.

Không những lời nói biểu lộ nội tâm mà giọng nói cũng biểu lộ nhiều điều. Có những điều qua lời nói chúng ta không nhận ra được nhưng giọng nói lại biểu lộ rất rõ. Bởi vậy, khi đánh giá một người, nhiều khi không cần nghe họ nói điều gì, chúng ta chỉ cần nghe giọng nói họ như thế nào. Giọng nói của con người thường biểu lộ hai điều: phước và đức. Phước là cái nhân quả họ đã gieo. Đức là những tính tình của họ. Nếu nghe một người có giọng nói vang ồm, trang trọng, chúng ta biết đó là người giàu có, thậm chí là người nổi tiếng. Trong đời sống, có những người tuy khỏe mạnh nhưng giọng nói lại yếu ớt. Những người như vậy thường có cuộc sống nghèo khổ hoặc chết sớm. Người có giọng nói không rõ ràng là người vị kỷ, nham hiểm. Người có giọng nói nghe chát chúa, khó ưa là người có tính tình hung dữ và thô tháo. Người này hay nói những điều làm mất lòng người

khác. Trong khi đó, không ít người có giọng nói rất êm ái, rất chuẩn. Đó là những người có tâm từ bi. Vì xuất phát từ lòng từ bi, thương yêu nên khi nói với người đối diện, người ấy như đang chan rải tình thương. Gặp những người như vậy, chúng ta rất dễ có cảm tình. Một khi đã có tâm từ, chắc chắn họ đã làm nhiều việc phước nên những người này cũng là người giàu có tuy không nổi tiếng, không có uy quyền. Còn trường hợp giọng nói êm nhưng chưa chuẩn, nghĩa là tâm từ mới xuất phát, có thể người này chưa giàu vì nhân mới gieo, quả chưa đến. Có người nói giọng êm nhưng uốn éo. Đây là người có tâm đa tình, đa cảm. Người này thường yếu đuối, thiếu lập trường. Ngoài đời, chúng ta thấy nhiều người lẳng lơ, lẳng nhăng cũng có giọng kiêu này. Không ít người trong cuộc sống gặp nhiều điều rắc rối, phức tạp cũng vì giọng nói ngọt ngào, êm ái mà đa tình ấy.

Có những trường hợp, giọng nói biểu lộ được cá tính, nội tâm của con người rất rõ. Nghe giọng nói bên trong có vẻ gì vừa dứt khoát, cương nghị vừa êm ái, chúng ta biết đây là người vừa có đạo đức, vừa có ý chí. Có nhiều người tướng mạo bên ngoài đẹp đẽ nhưng giọng nói không dứt khoát, yếu đuối. Đó là người rất khó tu. Trong việc nhận xét con người,

những thầy tướng thường cho rằng giọng nói quan trọng hơn gương mặt. Ví như người có gương mặt đẹp mà giọng nói không tốt vẫn có thể bị phá tướng. Bởi vậy, mỗi người phải có ý thức sửa dần giọng nói của mình.

Nếu để ý chúng ta sẽ thấy giọng nói cũng có những “tật” riêng. Có người nói quá lớn, có người nói quá nhanh, có người lại nói lấp, ngọng nghịu.

Người nói quá nhanh thường là người thông minh. Trong vùng não của họ có những tư tưởng phát ra rất nhanh. Nhưng những người nói nhanh cũng biểu lộ một nhược điểm là vội vàng, hấp tấp. Nếu biết mình có “tật” nói nhanh, chúng ta phải tập kiểm soát lời nói của mình trước khi phát ra. Như vậy, lời nói tự nhiên sẽ chậm lại. Người có giọng nói quá lớn thường là người không có chiều sâu, hay khoe khoang và thường là người không có bản lĩnh. Người có giọng nói bị lấp, ngọng nghịu là người thiếu phước và gây nghiệp xấu ở đời trước. Nói lấp (còn gọi là nói cà lăm) là trong một câu nói thường có một vài chữ lặp đi lặp lại nhiều lần khiến câu nói không suông. Người có “tật” nói lấp thường khó thành công trong cuộc sống. Người ta có kể một câu chuyện vui về người nói lấp như sau: Khi huấn luyện cho những người

lính tập nhảy dù, huấn luyện viên có dặn khi nhảy ra khỏi máy bay phải đếm một, hai, ba... đến mười thì giắt dây cho dù bung ra, từ từ rơi xuống đất. Sau khi bung dù, huấn luyện viên kiểm lại thấy thiếu một người. Thì ra, anh ta rơi xuống bị “lệch pha”, cũng may là rơi trên đồng rơm nên không nguy hiểm. Hỏi ra mới biết anh ta chưa đếm đến mười thì đã rơi xuống đến đất rồi. Lúc ấy mọi người mới biết anh ta bị nói lấp, đếm đến năm, sáu bị lặp lại nhiều lần quá nên bung dù không kịp.

Khác với nói lấp, nói ngọng là người nói phát ra phụ âm không rõ. Ví dụ, trong một câu thơ viết về những anh chàng “ngọng”, nhà thơ Hồ Xuân Hương có viết: Một đàn thằng ngọng đứng xem chuông.

Chúng nó bảo nhau: “áy ái uông”. (“thấy cái chuông”-NV)

Chúng ta biết rằng, trong văn học cổ Việt Nam, Hồ Xuân Hương nổi tiếng là một nữ sĩ có cá tính ngang tàng, độc đáo. Viết những câu thơ này, bà muốn mỉa mai những anh học trò tài năng còn non kém, tài thơ còn “ngọng nghịu” mà dám làm thơ chọc gheo mình.

Người nói lấp, nói ngọng thường là người bị nghiệp trong quá khứ. Họ phải sám hối thật nhiều trong đời này. Như vậy, căn cứ vào giọng

nói, chúng ta có thể biết được nghiệp và tâm mình để sám hối, sửa đổi.

## **Lời nói là phương tiện giao tiếp**

Đây là công dụng thứ hai của lời nói. Trước kia, khi chưa có chữ viết, chúng ta giao tiếp với nhau chủ yếu bằng lời nói. Từ thế kỷ thứ X, ta có chữ Hán; thế kỷ XIII, cha ông ta chế ra chữ Nôm và đến thế kỷ XVII, chúng ta sử dụng chữ Quốc ngữ với mẫu tự Latinh làm phương tiện ghi lại lời nói. Nhưng phương tiện giao tiếp chủ yếu giữa con người với con người trong cuộc sống vẫn là lời nói. Bởi vậy, lời nói có vai trò rất quan trọng trong việc tạo nên sự tương quan giữa người và người. Chúng ta phải cẩn thận trong lời nói để tạo nên mối tương quan tốt. Dù bày tỏ ý nghĩ của mình cho người khác nghe hay nhờ vả, sai bảo, thuyết phục, chào hỏi, lời nói cũng cần phải có đạo đức. Tuy nhiên, dùng lời nói để thuyết phục người khác là một điều rất khó.

Chẳng hạn, khi ra giáo hóa, gặp người nào đó chưa tin luật nhân quả, chúng ta phải dùng lời nói có đủ sức thuyết phục để họ tin đạo lý nhân quả. Vì không tin luật nhân quả là điều bất hạnh lớn trong cuộc đời. Khi không hiểu luật nhân quả, không biết về sự quả báo, họ sẽ làm nhiều

điều làm lỗi. Để có sức thuyết phục, chúng ta phải có đủ lý lẽ và phải nắm được trình độ của họ. Thuyết phục cho người ta làm điều họ chưa làm, tin điều họ chưa biết, từ bỏ lối sống cũ, chuyển qua lối sống mới và tu hành tốt hơn là điều rất khó của giảng sư. Điều này hoàn toàn khác với việc trình bày một đề tài cho người khác hiểu của người đi giảng ở thế gian. Trình bày cho người ta hiểu chỉ đơn giản người trình bày hiểu sâu sắc vấn đề và có tài ăn nói khéo léo một chút. Trong đạo, người giảng sư không chỉ làm cho người khác hiểu mà còn phải thuyết phục họ thay đổi cách sống. Cái sức mạnh chuyển hóa người khác ấy phải xuất phát từ chính sự tu hành của mình.

Trong giao tiếp, người phát ngôn luôn luôn có đối tượng tiếp nhận. Nếu khi nói chuyện với người đối diện hoặc với hai, ba người với nhau, chúng ta phải cẩn thận từng lời nói thì khi chuyển lời của mình thành sách, chúng ta càng phải cẩn thận hơn. Vì chúng ta không thể hình dung bao nhiêu đối tượng sẽ đọc sách của mình.

Cũng có trường hợp nói mà không có đối tượng, người nói chỉ lầm nhằm một mình. Đó là những trường hợp đặc biệt. Người nói có vấn đề không ổn về thần kinh hoặc có khi người bình thường



ghét ai đó nhưng không dám nói thẳng nên làm bầm chửi rửa một mình. Người tiểu nhân thường có tính xấu đó.

Sở dĩ chúng ta phải cẩn thận từng lời trong khi nói vì nếu lỡ nói lời không hay, xúc phạm đến người khác, chúng ta sẽ làm đổ vỡ tình cảm. Mà tình cảm một khi đã đổ vỡ thật khó hàn gắn lại nguyên vẹn như xưa. Người ta thường nói: “Mọi sự chấp nối, dấu tinh vi cũng còn dấu vết”. Ông bà ta cũng từng nói một câu rất chí lý: “Ly nước đổ ra hót lại sẽ không đầy”. Nếu trong lúc nóng nảy, lỡ nói những lời càn dỡ, sau này chúng ta có ân hận cũng không kịp nữa. Bởi vậy, tốt hơn hết, chúng ta phải cẩn thận, đừng nói lời quá nặng, xúc phạm đến người khác. Trong cuộc sống, chúng ta luôn nhớ một điều:

“Vết dao đâm có thể lành thương tích.

Lời nói đâm nhau, hận một đời”.

Trong khi nói chuyện, chúng ta nên khen điều tốt của người hơn chê bai, chỉ trích. Vì sao như vậy? Vì lời chê bai, chỉ trích thường làm buồn lòng người khác và gây nên sự bất hòa. Hơn nữa, theo luật nhân quả, nếu chê ai điều gì, chúng ta sẽ bị quả báo, sẽ mắc những điểm xấu giống như vậy. Ngược lại, nếu khen điểm tốt của người, chúng ta sẽ được những điều tốt ấy. Bởi vậy, trong giao tiếp, chúng ta cứ nhìn vào

ưu điểm của người khác để có lời khen ngợi, đừng bao giờ chỉ chăm chăm vào những điểm xấu của họ.

Trong lời nói còn có một “bệnh” đáng để ý nữa là nói nhiều. Chúng ta phải hiểu rằng, giá trị của lời nói nằm ở ngay trong việc làm của chúng ta. Hay nói cách khác, việc làm chính là cái gốc giá trị của lời nói. Liên hệ đến Kinh tế học, chúng ta sẽ hiểu rõ hơn điều đó. Như chúng ta đã biết, đồng tiền lưu hành có giá trị là nhờ có cái gốc của nó. Mỗi quốc gia thường có một cách xác định giá trị của đồng tiền. Chẳng hạn, có quốc gia dùng vàng để xác định giá trị đồng tiền. Họ quy định một lượng vàng bằng một trăm đồng chẳng hạn. Muốn phát hành tám tỉ đồng cho lưu hành ra ngoài, trong kho bạc Nhà nước, họ phải dự trữ một số vàng tương ứng. Như vậy, đồng tiền lưu hành ra ngoài có giá trị là nhờ vào số vàng cất trong kho nhà nước làm cái gốc giá trị cho nó. Đồng tiền hoàn toàn không phải là tờ giấy đơn thuần được in ra. Nhưng nếu một lúc nào đó, do lạm phát, kinh tế khó khăn, họ in ra hai mươi tỉ đồng. Giá trị của đồng tiền bị giảm đi vì không có cái gốc.

Có quốc gia lại xác định giá trị đồng tiền của nước mình dựa vào ngoại tệ mạnh ở nước

ngoài như đồng đô la của Mỹ. Một đô la, họ quân bình thành bao nhiêu tiền của nước họ. Tương tự như vậy, số tiền phát hành bên ngoài tương ứng với số đô la họ dự trữ trong ngân hàng nhà nước. Nếu có trường hợp bị lạm phát, số tiền họ in ra nhiều hơn thì đồng tiền của họ sẽ bị giảm giá.

Từ ý nghĩa kinh tế học, chúng ta suy ra giá trị của lời nói cũng vậy. Lời nói có giá trị là lời nói có sức thuyết phục đối với người khác. Cái gốc giá trị của lời nói nằm ở việc làm của mỗi người. Đó là việc làm bố thí, vị tha, thương yêu giúp đỡ người khác một cách tận tụy, đối xử tử tế với tất cả mọi người. Trong cuộc sống, có nhiều người rất khéo nói, nói rất nhiều nhưng không làm được bao nhiêu. Đó là những lời nói không có giá trị. Chúng ta không cần nói nhiều nhưng làm tất cả mọi điều giúp đỡ người khác, lời nói của chúng ta chắc chắn sẽ có giá trị, có sức thuyết phục mạnh mẽ.

Ví dụ, chúng ta sống một đời bố thí, buông xả, không bao giờ giữ bất cứ cái gì cho riêng mình. Khi nhìn thấy một huynh đệ sống ích kỷ, không bố thí quảng đại, không buông xả, chúng ta chỉ khuyên một câu nên sống một đời buông xả, rộng rãi bố thí, đừng giữ cái gì cho riêng mình, một câu ngắn thôi nhưng người ấy đã hiểu ra và

thay đổi. Sức mạnh của lời khuyên ấy nằm ở những việc làm bố thí, ở cả một đời sống vị tha của chúng ta. Hiểu như vậy, chúng ta không nên nói nhiều (cũng như đồng tiền phát hành nhiều nên mất giá trị). Mỗi ngày, chúng ta nên tổng kết lại mình làm được bao nhiêu việc tốt. Nếu cân đối lại, thấy mình đã nói nhiều hơn làm việc tốt, chúng ta sẽ khắc phục hôm sau sẽ làm nhiều hơn nói, để lời nói không mất giá trị. Hơn nữa, nói nhiều cũng là biểu hiện của “bệnh” chấp ngã, lúc nào cũng muốn người ta phải để ý đến mình, thấy mình là người quan trọng. Người nói nhiều không những dễ bị sai lầm mà còn làm phiền người khác. Đây là một loại “bệnh” cần phải sửa. Hằng ngày, chúng ta phải có ý thức sám hối, sửa chữa mới vượt qua được.

Trong cuộc sống, chúng ta gặp không ít người rất ham nói, ham biện luận. Nhưng đó là loại người biện luận rỗng, cố nói để thuyết phục người nghe tin vào lý luận của họ. Đó là những người giả dối, lừa đảo mà chúng ta cần phải tránh. Theo kinh nghiệm, chúng ta thấy người nói nhiều thường ít nói thật. Không phải tự nhiên mà khi nói với đệ tử của mình, một vị giảng sư đã nói: “Muốn thuyết pháp, trước hết phải biết im lặng”. Nghĩa là người nói phải làm chủ được lời nói của mình, làm chủ được tâm hồn mình,

sống mà không còn mong cầu điều gì hết, không còn mong cho người khác phải tin theo mình, phải tu theo mình, không thấy mình là quan trọng nữa. Người sống như vậy, không còn điều gì để nói. Họ thuyết phục người khác bằng chính nội tâm có tu hành, từ nội tâm buông xả của mình chứ không hoàn toàn bằng lời nói. Sự thật, giảng sư không phải chỉ tìm cách nói nhiều, nói hay. Trên thực tế, biết bao nhiêu người học làm giảng sư nhưng số người nói có giá trị, có sức thuyết phục chỉ đếm trên đầu ngón tay. Nguyên nhân được tìm thấy là do phần lớn họ không có tu tập, cuộc đời chưa trải qua những khổ đau, thử thách; chưa có sự rèn luyện đạo đức, chưa có những giờ phút yên lặng ngòì thiền, chưa có những lúc thiết tha lạy Phật sám hối, v.v... Nếu cứ học cho nhiều, ghi chép thật đầy đủ, khi đi dạy đem những điều mình đã học được nói lại cho người khác thì chúng ta chẳng khác gì cái máy. Những lời giảng của chúng ta phải thoát ra từ nội tâm mới có sức thuyết phục người khác. Nếu cứ giảng cho mọi người rằng hãy sống nhẫn nhục nhưng trong tâm mình chưa bao giờ thực hành điều đó, chưa bao giờ nhẫn nhục trước nghịch cảnh cuộc đời thì làm sao những lời nói ấy có thể đi vào trái tim người nghe. Ngược lại, nếu xuất

phát từ trái tim, từ những đau khổ, trở trần, từ những giờ phút tinh tấn của chính mình thì những lời nói ấy sẽ đi vào tâm người nghe làm cho họ chuyển hóa, bị thúc đẩy phải tu tập.

Trên lĩnh vực khác, chúng ta không cả quyết, nhưng nói chuyện Phật Pháp thì phải xuất phát từ trái tim biết tu tập. Ánh sáng phát ra từ trái tim ấy sẽ thắp vào những trái tim khác cũng biết tu tập như vậy. Cứ như thế, trái tim biết tu tập này lại thắp sáng những trái tim khác tạo thành những ngọn đèn nối nhau từ trái tim đến trái tim. Sức thuyết phục của lời nói không có được do học tập mà từ sự hành trì tu tập, kiên nhẫn lễ Phật, tọa thiền, bố thí, vị tha. Do vậy, chúng ta cố gắng tu hành, lễ Phật, ngồi thiền, sống vị tha thương yêu huynh đệ, chịu đựng những nghịch cảnh, dấn thân vào những việc khó khăn, để có sức mạnh nói được những lời pháp có giá trị, chuyển hóa giáo dục được nhiều tâm hồn khác. Sức thuyết phục ấy còn được tạo nên từ nơi phước của công quả. Câu chuyện một Ni Sư ngộ đạo nhưng không chịu nấu bếp nên không giảng pháp được là một ví dụ. Khi đã ngộ đạo, bà bỏ ngang không chịu nấu cơm tiếp ba năm như đã hứa. Bồ tát hiện ra bảo: “Nếu con không nấu cơm hết ba năm, con không thuyết pháp

được”. Bà vẫn không nghe và ngang bướng bỏ đi luôn. Quả thật, dù đã ngộ đạo nhưng đến khi chết, bà cũng không thuyết pháp được do thiếu phước. Đây là điều rất lạ. Chúng ta đừng tưởng mình có thể đem cái tàng thức có được từ kiếp trước qua kiếp sau. Nếu không chịu làm phước, dù kiếp trước có là giảng sư, đời này chúng ta cũng không thể làm giảng sư được.

Trái với người nói nhiều, có người thốt ra lời nói thật khó khăn, không diễn tả được tâm trạng của mình. Nguyên nhân thứ nhất là do ít học, ít viết lách nên vùng ngôn ngữ trong não không phát triển. Muốn khắc phục được tình trạng này, chúng ta phải tập viết thật nhiều. Viết nhiều, chúng ta có điều kiện trau chuốt câu văn, cộng thêm những công hạnh khác, lời nói của chúng ta sẽ dễ thuyết phục. Nguyên nhân thứ hai là do vùng não kém phát triển làm giọng nói không lưu loát. Đó là người thiếu phước, cần lễ Phật sám hối.

Trong giao tiếp, có khi ta bắt gặp những người có lời nói thiếu chính xác do không phán đoán được phản ứng của người nghe. Đây là chỗ biểu hiện trí tuệ khôn ngoan của người nói. Chưa bàn đến vấn đề có thuyết phục trước đông người hay không, chỉ trong phạm vi trao đổi trong từng người, chúng ta cũng nhận ra

điều này. Khi nói xong một câu, chúng ta phải hiểu người nghe phản ứng ra sao, trong tâm họ hiểu chưa. Nếu đoán họ chưa hiểu, chúng ta sẽ lặp lại vấn đề một lần nữa. Nếu họ hiểu rồi, chúng ta có thể chuyển sang vấn đề khác. Hoặc khi nói ra điều gì, chúng ta phải đoán được người nghe hoan hỷ hay tự ái, buồn lòng, để kịp điều chỉnh. Khi thuyết pháp trước đám đông, chúng ta vẫn phải đoán được phản ứng của người nghe dù rất đông. Như vậy, lời giảng mới hấp dẫn và có hiệu quả.

### **ĐẠO ĐỨC CỦA NGÔN NGỮ**

Trong đạo Phật, đạo đức của ngôn ngữ thể hiện ở sự ái ngữ. Mọi người phải dùng lời khả ái dễ nghe, biểu hiện thái độ nhã nhặn, lịch sự. Người tu không được nói lời thô tháo, cộc cằn hay có thái độ khinh bỉ, miệt thị người khác. Lúc nào trong lời nói, chúng ta cũng biểu lộ hai điều: thương yêu và tôn trọng. Đối xử với người nhỏ hơn, chúng ta phải thể hiện lòng thương yêu và sự tôn trọng, không quát tháo, nạt nộ. Đối với người lớn hơn, chúng ta cũng biểu lộ sự thương yêu và kính trọng đúng mực. Sự thương yêu, tôn trọng ấy chủ yếu biểu hiện ở cách xưng hô hay ở giọng nói, lời nói. Chúng ta phải xưng hô rõ ràng, hợp lý và đúng mực; giọng điệu phải từ tốn, lễ phép, chậm rãi; lời nói phải rõ ràng, dễ



nghe.

Không chỉ thương yêu, tôn trọng, với người nhỏ hơn, chúng ta phải bảo bọc, phải hy sinh nhiều hơn. Chúng ta đừng bao giờ có suy nghĩ mình tu lâu hơn, phải được hưởng nhiều quyền lợi hơn. Đó là quan niệm sai lầm, tạo nên một định kiến, một tiền lệ không hay trong đạo Phật. Là người tu trước, hiểu đạo nhiều hơn, có đạo đức hơn, sức chịu đựng cũng nhiều hơn, chúng ta phải hy sinh nhiều hơn cho người nhỏ. Đó là tư cách của người tu trong đạo Phật.

Đặc biệt, chúng ta không được hơn thua trong lời nói, không được bộc lộ sự khoe khoang. Người có tâm hơn thua thường hay biểu lộ ra lời nói, muốn tranh hơn với người khác, nhất là trong giáo lý, điều này sẽ làm tổn phước. Vì vậy, chúng ta nên nhường nhịn nhau trong lời nói. Ví dụ, khi nghe người ta nói một lời muốn chứng tỏ họ hay hơn mình, chúng ta nên im lặng, mỉm cười. Vì chúng ta biết họ đang có tâm hơn thua, không muốn nghe mình. Khi nào người ta muốn nghe, chúng ta sẵn sàng trình bày những kiến giải của mình một cách chân thành. Có như vậy, họ mới nể phục mình.

Những người mới tu thường bộc lộ sự khoe khoang, hơn thua với huynh đệ. Họ hay bắt chước những thiền sư trong Thiền ngữ thử kinh

nghiệm nhau, thử sức ngộ của nhau bằng cách bác bỏ lời của nhau. Nói đến Thiền ngữ, chúng ta hay nhắc đến ngài Đại Huệ. Ông chuyên môn đặt những câu hỏi bắt bí người khác. Ai trả lời được, người ấy thực sự là giỏi. Một hôm, có một vị Tăng bước vào cốc của ông ta, ông hỏi:

- Không cùng vạn pháp làm bạn là người nào?

“Vạn pháp” là mọi chuyện trên đời này: hơn thua, ganh ghét, tình tiền... Không làm bạn với những thứ đó là ai? Tất nhiên là người đã giải thoát. Ông Tăng trả lời ngay:

- Kẻ không mặt mày.

Câu trả lời cũng hay nhưng ngài Đại Huệ nói:

- Lúc nãy có một người trả lời như ông đã bị ta đánh đuổi ra.

Nghe vậy, ông Tăng chựng lại ngay và ngờ ngộ không biết tại sao câu trả lời hay như vậy mà bị đánh đuổi ra ngoài. Thấy thế, ngài Đại Huệ đánh đuổi ông Tăng ra liền. Rõ ràng, vị Tăng kia nói được mà tâm chưa chứng được. Mới nghe ngài Đại Huệ thử một câu đã chựng lại ngay. Đọc những câu Thiền ngữ đó, người mới tu thường hay bắt chước hỏi về đạo, muốn tỏ ra hơn người khác.

Một biểu hiện khác trong đạo đức của ngôn ngữ là nên khen nhiều hơn chê. Trước khi khen ai câu gì, chúng ta phải suy nghĩ. Vì một lời khen

không đúng cũng có nghĩa như một lời chê. Nhưng trước khi chê ai điều gì, chúng ta càng phải suy nghĩ nhiều hơn. Muốn chê trách ai, chúng ta phải có đủ đức độ. Khi đã có đức rất lớn, chúng ta chê trách, người ta không giận mà còn tiếp thu, sửa chữa. Nếu chưa đủ đức, chúng ta chê trách, chỉ trích người khác sẽ khiến họ giận ghét, tạo ra tương quan không tốt giữa người và người.

Trong cuộc sống cũng như trong đạo, khi có duyên với nhau, mỗi lời nói đều đem lại sự vui vẻ, thú vị. Những lúc như vậy, chúng ta nên nói. Trường hợp nói mà người khác không nghe, chúng ta đừng bao giờ nói. Phật Pháp cũng như thuốc bổ vậy, đúng liều, đúng đối tượng sẽ có lợi; quá liều, không phù hợp với đối tượng, sẽ trở thành thuốc độc. Đây là chỗ tế nhị, chúng ta nên cẩn thận.

Mỗi lời nói đều là sự lan truyền hoặc tốt, hoặc xấu nên khi nói, chúng ta phải nghĩ đến hậu quả của lời nói, phải cân nhắc, thận trọng trước khi nói. Chẳng hạn, khi chê ai một điều gì, chúng ta phải nghĩ nếu lời chê bai của mình lan ra thì hậu quả sẽ như thế nào, ảnh hưởng đến Phật Pháp ra sao? Hoặc chúng ta nói cho người đối diện nghe một giáo lý thì phải hình dung người đó nói lại cho người khác nghe sẽ có lợi hay có hại cho

Phật Pháp. Đây cũng là điểm cần phải cẩn thận. Các vị thiền sư thường hay có cách phá chấp cho người trước mặt, nhưng qua người thứ hai thì sẽ trở thành bất lợi.

Ví dụ, ngài Đức Sơn nói: “Mười phương Bồ tát giống như đồng phân chuột”. Có thể câu nói phá chấp của ông làm cho người đối diện ngộ đạo, nhưng lời nói ấy lan truyền tạo ra một sự ngộ công cuồng trong giới những người học thiền. Từ đó, người học thiền thích nói bậy bạ làm tổn phước, không còn ai tu chứng được nữa. Như vậy, chỉ một người mà gây hại cho không biết bao nhiêu người. Trong khi đó, Đức Phật luôn nói lời có lợi cho mọi người. Phật nói với người này nhưng nếu đem cho người khác, lời nói ấy vẫn có ích lợi vì lời nói của Ngài luôn luôn chuẩn.

Khi có Phật tử tìm đến nhờ giải đáp một vấn đề gì về đạo hoặc về chuyện gia đình, chúng ta phải cân nhắc trước khi trả lời. Có thể lời khuyên của chúng ta làm cho họ tỉnh ngộ nhưng áp dụng cho người khác lại không phù hợp, lại sai lầm. Chúng ta phải lường trước điều này. Làm sao khi một lời nói ra đầu có lan truyền sang người khác vẫn không để lại hậu quả. Muốn vậy, chúng ta phải kiểm soát kỹ lời nói của mình để khỏi mắc sai lầm.

Khi nói đến đạo đức của ngôn ngữ, chúng ta

thường khuyến khích ít nói. Tuy nhiên, có lúc cần phải nói nhiều. Đó là khi can đảm nói lên sự thật để minh oan hay bênh vực cho những người yếu thế, giải tỏa những oan ức cho họ. Hoặc có khi chúng ta dùng lời nói để khuyên lơn, dạy cho người khác biết điều hay để tránh lỗi lầm. Biết người ta mắc sai lầm mà không mạnh dạn ngăn cản, chỉ lo cho bản thân mình là chúng ta thiếu trách nhiệm đối với Phật Pháp. Tất nhiên, khi đã làm giảng sư, chúng ta không thể nói ít được. Lúc ấy phải nói nhiều nhưng phải nói hay và đúng đạo lý, lời nói mới có ý nghĩa. Có lúc gặp được người tâm đầu ý hợp như tri kỷ gặp nhau, chúng ta nói chuyện cả ngày không biết chán. Nhưng có những khi người ta khen mình hết lời, chúng ta lại dè dặt, không nói gì. Nói như vậy để chúng ta hiểu rằng, không phải lúc nào cũng ít nói, có khi cũng cần phải nói nhiều, nói cho mạnh mẽ.

Trong một bài kinh, Đức Phật nói: “Sau 45 năm ta chưa hề nói một lời”. Nghĩa là dù nói suốt đời mà Phật lại chẳng thấy mình nói lời nào. Đức Phật sống trong định rất sâu, Ngài không chấp một điều gì, Ngài có nói cũng vì chúng sinh mà nói. Thuyết pháp 45 năm nhưng Ngài vẫn thấy mình không nói gì hết là điều rất tự nhiên, không lý luận được. Ai từng sống trong cái định sẽ hiểu

sâu sắc được điều Ngài nói. Thử sống trong thanh tịnh một ngày, chúng ta sẽ thấy mình làm rất nhiều việc nhưng lại thấy như không làm gì cả. Chúng ta cần học theo Đức Phật để giữ chánh niệm trong lời nói. Dù nói chuyện với người nhưng chúng ta vừa kiểm soát được tâm mình, giữ tâm mình cho thanh tịnh để khi người ta đi rồi chúng ta vẫn thấy mình như chưa nói gì hết. Đó là cái đạo, là con đường của Phật Pháp mà chúng ta phải đi theo. Có thể bây giờ chưa thực hiện được nhưng nếu luyện tập, chắc chắn chúng ta sẽ làm được.

Có trường hợp chúng ta phải nói và dùng lời nói để cho không khí giao tiếp thêm vui tươi, nói để độ người. Điều này nghe hơi lạ nhưng sự thật nhiều khi rất cần. Ví dụ, một vài Phật tử có chuyện gì buồn ở ngoài vào chùa chơi cho yên tĩnh. Thấy vậy, chúng ta mời vào chùa lễ Phật, sau đó mời qua nhà khách uống nước. Họ chẳng biết Phật Pháp là gì để nói chuyện nên cứ im lặng. Lúc ấy, nếu chịu khó một chút, chúng ta sẽ hỏi chuyện xem họ làm việc gì, có hay đi chùa không, hay xem Kinh không? Sau đó, chúng ta có thể cho họ mượn cuốn sách mình thấy hay. Trong khi nói chuyện, chúng ta nói nhẹ nhàng, từ ái, thông thả, nói trong sự vui vẻ, người ta cũng cảm thấy vui vui. Hôm sau có

dịp họ lại đến chùa. Nhờ vậy, họ dần dần biết đạo, phát triển được đạo tâm. Đây cũng là một cách độ người. Như vậy, khi cần thiết phải nói cho vui, đó là đạo đức của ngôn ngữ, chúng ta không cố chấp. Nhưng lúc cần phải im lặng để mọi người niệm Phật, giữ tâm, chúng ta không nên nói làm xao động, làm loạn tâm người khác. Chúng ta cần phân biệt được hai trường hợp này.

Học bài Làm chủ lời nói nhưng điều cuối cùng chúng ta cần chốt lại là phải để tâm nói nhiều hơn miệng. Ví dụ, trong Chúng có những người có tâm thương yêu huynh đệ rất mực. Từ ánh mắt, nụ cười cho đến việc làm của họ đều biểu lộ tình thương yêu huynh đệ chan chứa nhưng họ lại rất ít nói. Khi tiếp xúc, chúng ta sẽ hiểu và cảm nhận được ngay. Tự nhiên, trong tâm chúng ta cũng yêu mến họ. Có người lại nói rất nhiều, gặp ai cũng nói thương mến nhưng trong tâm chẳng có tình thương yêu. Khi tiếp xúc, chúng ta cũng nhận ra ngay. Bởi vậy, dù họ rất khéo léo, nhỏ nhẹ trong lời nói, ân cần trong việc làm, chúng ta cũng cảm thấy nhạt nhẽo, không có cảm tình.

Sống trong cuộc đời này, để tâm nói nhiều hơn miệng, chúng ta phải huân tập từ tâm thật sâu rộng. Làm sao khi mắt vừa thấy người, tâm từ

đã khởi phát ngay. Người ta nói, tâm từ bi lan đến cỏ cây vạn vật là như vậy. Mỗi ngày ngồi thiền, chúng ta trải tâm từ đến tất cả chúng sinh. Mọi người xung quanh sẽ cảm nhận được điều đó. Ngay cả những người sống trong thế giới vô hình cũng cảm nhận được. Trong cuộc sống cũng vậy, khi ra đường, nhìn thấy những người xa lạ, chúng ta đều khởi tâm thương yêu thì trong vô hình, họ đều có cảm ứng trở lại. Họ sẽ nhìn người tu chúng ta một cách triu mến, có cảm tình. Ngược lại, nếu không khởi tâm thương yêu mà tỏ ra bực dọc, người ta cũng sẽ nhìn mình với ánh mắt khó chịu. Trong tâm, tự nhiên họ nảy ra ý mỉa mai, xỉa xói người tu. Đây cũng là điều rất lạ. Vì vậy, chúng ta cố gắng tu tập tâm từ cho thật mạnh. Trong bài Tâm từ, chúng ta đã nói nhiều đến vấn đề này. Khi mắt chạm đến chúng sinh là lòng thương yêu mình khởi phát ngay. Cả một cuộc đời, chúng ta phải sống được như vậy, phải tập được như vậy. Một điều chúng ta cần chú ý khi học về ngôn ngữ là các phương tiện ngôn ngữ giao tiếp thay đổi theo thời đại. Ngày xưa, cách đây mấy ngàn năm, thời Đức Phật, người ta giao tiếp với nhau chủ yếu bằng lời nói vì chưa có chữ viết. Người này nói, người kia nghe và truyền lại cho người khác. Cứ thế, đời này truyền lại kinh nghiệm



sống, ý tưởng, tình cảm cho đời sau đều bằng con đường truyền miệng. Một thời gian dài, văn học hình thành, phát triển và lưu truyền cũng bằng hình thức này, gọi là Văn học Dân gian. Tất nhiên, khi truyền miệng qua con đường trí nhớ thì sẽ không giữ được nguyên vẹn những lời nói, ý tưởng ban đầu. Người ta gọi hiện tượng này là: “Tam sao thất bản”.

Phát minh ra chữ viết là một tiến bộ vượt bậc của xã hội loài người. Khi có chữ viết, con người giao tiếp với nhau phong phú hơn, tiện lợi hơn. Lúc đầu, người ta viết trên thẻ tre, sau đó là viết trên giấy dó (một loại giấy thô làm bằng vỏ cây), rồi giấy lụa. Chữ viết đã trở thành một phương tiện giao tiếp quan trọng giữa con người với con người. Những người không biết chữ sẽ cảm thấy lạc lõng giữa xã hội. Trong thời đại bùng nổ thông tin hiện nay, không biết chữ là một thiệt thòi rất lớn của con người. Bởi vậy, Nhà nước ta đã có chủ trương xóa nạn mù chữ, đem “cái chữ” về vùng sâu, vùng xa; đưa ra chương trình phổ cập cấp 2 cho người dân ở các quận, huyện trong thành phố, v.v...

Ngày nay, máy vi tính cũng đã trở thành một phương tiện giao tiếp hiện đại, quan trọng trong đời sống con người. Vào thời điểm này, phương tiện giao tiếp trên computer còn mới mẻ, nhưng

đến một lúc nào đó, nó sẽ được sử dụng phổ biến. Người ta nói chuyện điện thoại, gửi fax, e-mail, chat, truy cập thông tin, tính toán sổ sách, điều khiển bằng computer. Nếu ai không biết sử dụng computer, người ấy sẽ trở nên lạc hậu, sẽ đứng ra ngoài xã hội.

## HỐI HẬN

### ĐỊNH NGHĨA

Hối hận là nỗi buồn khi nhận ra mình đã làm nên chuyện sai lầm về mặt đạo đức.

Trong cuộc đời, chỉ có hai hạng người không biết hối hận. Đó là những vị Thánh đã giải thoát, không còn lỗi lầm và những người cực kỳ ác độc, không hề biết tội phước là gì. Ngoài hai hạng người trên, những người bình thường sở dĩ không hối hận là do họ không biết lỗi. Nếu biết lỗi của mình, trong lòng ai cũng đều có sự hối hận thầm kín. Nhìn lại bản thân mình, chúng ta sẽ thấy không ít lần trong đời, chúng ta đã buồn và hối hận thật sự về những sai lầm mình đã gây nên.

Tùy mức độ lỗi lầm lớn hay nhỏ mà sự hối hận của chúng ta sẽ nhiều hay ít. Có khi đó là những lỗi lầm của thuở còn thơ. Khi theo chúng bạn đi chơi, bạn xúi mình làm điều không tốt (hái trộm

quả chín trong vườn người ta hay bắt trộm gà về làm thịt...), chúng ta cũng làm theo. Chuyện đã trôi qua trong dĩ vãng. Cho đến ngày biết Phật Pháp, tin được luật nhân quả, chúng ta mới hiểu rằng việc làm thuở nhỏ của mình là sai lầm. Vì không những phạm tội trộm cắp, chúng ta còn phạm tội sát sinh. Cả hai tội đều nặng. Khi đã hiểu được đó là một điều xấu, lòng chúng ta cứ ray rứt, hối hận, buồn phiền vì chúng ta biết đó là tội và sẽ có quả báo về sau.

Hối hận của buồn phiền hoàn toàn khác với tâm tiếc rẻ vì không đạt được mục tiêu bất kỳ trong cuộc sống, nhất là những hành vi bất thiện.

Thực tế, có những người luôn tỏ ra buồn phiền sau một việc làm bất thiện nào đó nhưng không phải là buồn vì hối hận mà buồn vì không thực hiện được mục đích của mình. Ví dụ, một người nợ có tính tham lam, hay lấy cắp của người khác. Một lần vì không lấy cắp được món đồ quý của ai đó nên người ấy cứ tiếc mãi trong lòng. Tâm lý đó gọi là tâm tiếc rẻ.

Trường hợp thứ hai chúng ta cũng thường gặp là hối tiếc vì đã đánh mất một cơ hội để đạt được lợi ích cho bản thân mình. Chẳng hạn, khi đi trên đường, bất ngờ thấy người ta đánh rơi một gói tiền, chúng ta vội vã chạy nhanh đến để nhặt nhưng không ngờ người khác nhanh chân

hơn đã nhận trước. Về đến nhà, chúng ta vẫn còn hối tiếc vì lỡ cơ hội làm giàu. Sự hối tiếc đó cũng không phải là hối hận.

Như vậy, chúng ta cần phân biệt rõ ba loại tâm lý ấy. Trong đó, sự hối tiếc do tâm muốn làm việc bất thiện mà không làm được thuộc về tâm ác độc. Sự hối tiếc do đánh mất đi cơ hội cho cá nhân thì thuộc về người sống không thanh thản, tâm còn bị ràng buộc. Còn trường hợp hối hận, ray rứt, buồn phiền vì biết mình đã phạm phải làm lỗi thuộc về người có đạo đức.

### **TÂM HỐI HẬN LÀ DẤU HIỆU CỦA ĐẠO ĐỨC**

Chúng ta là những người có nhiều thiện căn nên tuổi đời vừa lớn đã vào chùa xuất gia. Dựa vào điều đó có thể đánh giá lúc còn nhỏ chúng ta không từng làm việc gì quá đáng để đến nỗi hối hận nhiều. Và cũng chính vì thế, chúng ta không nhìn rõ được tâm hối hận. Nhưng trong cuộc sống, trong quá trình tu hành từ nay cho đến mãi về sau, chúng ta sẽ có rất nhiều cơ hội tạo làm lỗi. Nếu không cẩn thận giữ mình, sẽ có lúc chúng ta gây nên những tội lỗi lớn để phải thấm thía thế nào là hối hận. Tâm hối hận là dấu hiệu của đạo đức. Vì thế, khi đã mắc phải lỗi lầm, chúng ta phải chân thành nhận thấy điều đó để hối hận và sửa chữa.

Người tự biết lỗi của mình là người có trí tuệ.

Khi tu đến mức độ cao, chúng ta có thể biết nhiều điều nhờ có trí tuệ, nhưng điều quan trọng là phải biết được lỗi của mình. Tâm vừa khởi nhẹ một niệm thiện hay ác là chúng ta phải thấy ngay, phải đánh giá chính xác ngay về ý niệm đó. Con người thường có chung một nhược điểm là hay tự biện hộ, tự bênh vực cho mình khi làm điều gì sai trái. Ở đây, chúng ta không tự biện hộ mà phải tự trách mình, tự biết lỗi của mình. Vì thế, chúng ta nói rằng, hối hận là dấu hiệu của đạo đức, cũng là chỗ căn bản của trí tuệ.

Như vậy, phải tự nhận lỗi rồi mới hối hận, mới có nỗi buồn. Tiến trình ấy bắt đầu từ việc chân thành nhận lỗi nhưng tất cả đều xuất phát từ chỗ có trí tuệ. Có thể còn một chuỗi tâm lý xuất phát tiếp theo rất vi tế mà chỉ có chúng ta mới nhận ra được. Chẳng hạn, khi trao đổi với huynh đệ về đạo lý thiền, chúng ta cảm thấy không vừa ý nên phủ nhận ý kiến của huynh đệ và khẳng định những ý kiến của mình là đúng. Người ngoài nhìn vào chỉ thấy đó là một cuộc đàm đạo bình thường giữa hai tu sĩ với nhau về vấn đề thiền học, nhưng nhìn sâu vào lòng, chúng ta chợt nhận ra mình đã phô trương kiến thức, tỏ ra hơn thua với huynh đệ. Tâm tỏ ra khoe khoang, hơn thua ấy không ai nhìn thấy,

chỉ tự chúng ta nhận thấy. Khi biết mình vừa phạm lỗi khoe khoang, vừa phạm lỗi hơn thua, dấu hiệu của sự sa sút đạo đức, chúng ta cảm thấy hối hận ngay. Chúng ta phải nhận ra được lỗi của mình chứ không chờ dư luận bên ngoài đánh giá. Người ngoài có thể không thấy lỗi của mình hoặc có khi lại đánh giá quá đáng, thiếu chính xác.

Thử lấy một ví dụ rất đơn giản, chúng ta sẽ thấy rõ điều này. Một lần, vì cảm thấy mệt mỏi, chúng ta vào bếp xin một ly nước chanh. Nhưng lúc ấy nhà bếp không có ai nên chúng ta tự pha lấy.

Vậy mà, có người để ý và nói với mọi người là ngày nào chúng ta cũng xuống bếp lấy thức ăn. Tự chúng ta biết là mình không có lỗi ấy nhưng người ta đã nói quá cho mình. Ở đây, chúng ta chỉ có lỗi là không nói qua với người có trách nhiệm một tiếng để có người làm chứng là mình đã không tự ý. Nhưng thực ra, lỗi đó cũng không đáng kể.

Như vậy, trong việc đánh giá lỗi làm, chúng ta không bỏ qua dư luận vì có khi người ta gợi ý hoặc chỉ ra lỗi mình rất hay nhưng cũng không quá coi trọng dư luận. Tốt nhất là chúng ta tự biết lỗi mình để hối hận và vượt qua.

Một khi đã xuất hiện nỗi buồn hối hận về một lỗi làm mình đã gây nên, chúng ta sẽ tâm niệm,

ước ao rằng mình đã không làm điều sai lầm đó. Thậm chí, chúng ta còn ước ao thời gian quay lại để mình không làm việc sai lầm đó nữa. Đây chính là nhân lành để về sau chúng ta không bao giờ lặp lại lỗi lầm cũ. Chúng ta không thể quay ngược thời gian, trở về quá khứ để làm lại từ đầu, nhưng nếu tâm vẫn hướng về quá khứ và ước mình chưa bao giờ làm chuyện không hay đó thì tâm niệm ấy sẽ thành nhân tốt cho vị lai và chắc chắn chúng ta sẽ không phạm lỗi lầm ấy nữa.

Ví dụ, khi còn nhỏ, chúng ta đã từng nói dối cha mẹ xin tiền mua sách vở nhưng lại mang tiền đi chơi, ăn uống với bạn bè. Khi lớn lên, biết Phật Pháp, nghĩ lại chúng ta thấy thương cha, thương mẹ vô cùng. Từ chỗ hối hận, chúng ta ước ao giá như lúc đó mình đừng nói dối, giá như lúc ấy mình lo học nhiều hơn, thương cha mẹ nhiều hơn. Chính ý nghĩ về quá khứ đó đã biến thành cái nhân của vị lai. Qua kiếp sau, chắc chắn chúng ta sẽ trở thành một người con ngoan, biết hiếu thảo.

Có những người sống một đời mà chưa từng hối hận. Đó thường là những người ác độc. Vì sao như vậy? Vì chỉ có những bậc Thánh, những người đã giải thoát mới không có lỗi làm để không hối hận. Còn tất cả chúng ta, sống

trên cuộc đời này không ai không từng có làm lỗi. Chỉ có những người có tâm ác độc mới không biết được phải trái, đúng sai, không biết tội phước nên chưa bao giờ hối hận.

## **GIÁC NGỘ ĐƯỢC ĐẠO LÝ MỚI CÓ THỂ HỐI HẬN LÀM LỖI CŨ**

Sở dĩ có thể hối hận được làm lỗi cũ là do chúng ta giác ngộ được đạo lý. Chẳng hạn, trước đây, khi chưa biết được tội phước, chúng ta có thể phạm tội sát sinh khá nặng (săn sàng giết heo, giết bò phục vụ cho đám cưới, đám tang, khi có người nhờ đến). Khi học được đạo lý, chúng ta mới thấy rằng muôn loài đều cần sự sống và cũng hiểu được nỗi đau đớn của con vật khi bị giết. Vì thế, chúng ta cứ hối hận không nguôi.

Như vậy, nhờ biết được đạo lý, biết được nhân quả mà chúng ta biết hối hận. Khi hiểu được đạo lý, chúng ta sẽ biết so sánh cái thiện của đạo lý đã học với cái bất thiện mình đã phạm phải. Vì thế, mỗi khi học được những điều hay, lẽ phải, chúng ta thường xuất hiện tâm hối hận. Không ít người trong chúng ta khi bắt đầu biết Phật Pháp cứ buồn phiền, hối hận mãi vì trước đây đã có sự đối xử không đúng với mọi người; với cha mẹ, anh chị em trong gia đình. Khi đã đi tu, mỗi ngày trôi qua, khám phá ra được một



đạo lý, chúng ta quay nhìn lại quá khứ, càng hối hận hơn vì những lầm lỗi cũ. Cứ thế, trong suốt cuộc đời dài dặc này, con người đã vấp không biết bao nhiêu lầm lỗi nên cứ phải hối hận hoài. Chúng ta còn nhớ trường hợp vua Asoka (vua A Dục) vì tin sụ cao cả của Phật Pháp đã biết hối hận và tạo nên công đức. Trước kia, ông là một Hoàng tử ác độc. Vua cha có nhiều Hoàng tử nhưng trong đó Asoka là người hung dữ nhất. Nghĩ rằng Asoka là người hung dữ sau này sẽ làm loạn hại những người anh em khi ông qua đời nên nhà vua đã sai Hoàng tử cầm quân ra ngoài trấn biên giới.

Nghe lời vua cha, Asoka lên đường. Khi trấn quân biên giới, với tính tình nóng nảy, ác độc, ông đã muốn đem quân xâm chiếm nước người. Nhưng vì chưa có lệnh vua cha, hơn nữa, đạo quân vua cha giao cho cũng không đủ mạnh nên Asoka không dám làm loạn. Đó cũng là dụng ý của nhà vua. Đưa Asoka ra biên giới, vua cha cũng đã tính kỹ mọi đường. Khi ông nằm xuống, Asoka sẽ không về kịp, Hoàng tử được chọn kế vị ngôi vua sẽ đăng quang kịp thời. Khi về đến nơi, mọi việc đã đâu vào đó, Asoka sẽ không dám làm loạn.

Vua cha tính toán thật chu đáo nhưng không ngờ Asoka còn nhanh hơn ông tưởng. Nghe tin

cấp báo vua cha hấp hối, ông ta kéo quân về ngay lập tức. Về tới kinh thành, ông giết sạch các anh em của mình một cách dã man và lên làm vua. Một ông vua lên ngôi bằng hành động độc ác như vậy chắc chắn không thể “trị quốc, bình thiên hạ” được vì người dân nghĩ rằng ông ta lên làm vua được là nhờ giết bao nhiêu anh em mình. Để cuộc đời sung sướng, họ cũng phải giành giật với người này, phải giết hại người kia. Vì thế, khắp nơi trong nước, dân chúng đã nổi loạn. Cuối cùng, vua Asoka đã tỉnh ngộ và quay về với Phật Pháp. Có hai thuyết nói về sự tỉnh ngộ của ông.

Thuyết thứ nhất kể rằng: Vì ông là con người có hành động nổi tiếng tàn bạo nên trong nước dân cứ nổi loạn liên tục. Nơi này trộm cướp nổi lên, nơi kia xảy ra lừa đảo, giết người. Ông bèn xây một nhà ngục giao cho một tay chủ ngục ác độc có nhiều thuộc hạ hành hình tội nhân cai quản. Hồi đó, xã hội không có sự công bằng. Người phạm tội gì cũng bị quăng vào ngục hành hạ cho đến chết. Ông cho chủ ngục quyền sinh, quyền sát. Tay chủ ngục cũng là kẻ độc ác nên ai đã vào ngục, không mong ngày được trở ra. Trong khi đó, nhà vua chỉ lo đem quân đi xâm lược các nước láng giềng. Ông cất quân đánh nước này, thôn tính nước kia, mở rộng đế quốc

Ấn Độ. Lúc bấy giờ, lục địa Ấn Độ trở thành một vương quốc thống nhất là nhờ tài cầm quân, nhờ sự tàn bạo của vua Asoka.

Một lần, có một Sa môn, một nhà sư Phật giáo, không hiểu thế nào lại vào thẳng trong ngục. Tên cai ngục tưởng là tội nhân mới được bên ngoài gởi vào để trừng phạt. Nhưng khi được hỏi đến, ông ta ngờ ngẩn không biết cách trả lời, hấn bực mình ném ông vào chảo dầu đang sôi. Trong chảo dầu, ông vẫn giết giữ, tắm rửa, kỳ cọ thoải mái. Tên chủ ngục kinh ngạc đứng nhìn. Hấn thấy nhà sư thỉnh thoảng bay lên không trung rồi lại hụp xuống tiếp tục tắm. Cai ngục chạy vào báo cho vua Asoka biết chuyện kỳ lạ và mời nhà vua ra xem. Vua A Dục vội vàng chạy đến xem và vô cùng ngạc nhiên khi thấy vị Tỳ kheo nghiêm trang cất mình giữa hư không. Lúc đó, tâm hồn ông bỗng nhiên bị lay động. Từ trước đến nay, ông không tin trong cuộc đời này có những chuyện thần thánh nên đã đối xử tàn bạo với mọi người. Hành động tàn bạo đầu tiên là giết anh em mình để giành ngôi vua, sau đó là đem quân xâm lược khắp nơi, chém giết con người một cách tàn bạo để giành đất đai. Hôm nay, chứng kiến sự kiện lạ ấy, ông tin rằng cuộc đời có chuyện Thần Thánh và cảm thấy lòng mình xao động. Ngay lúc đó, vị Tỳ kheo đã

thuyết pháp cho ông. Nhà vua bưng tỉnh, thấy được lỗi làm của mình và quỳ xuống xin sám hối. Vị Tỳ kheo khuyên nhà vua nên dùng đạo đức để cai trị dân, không nên dùng những hình phạt nghiêm khắc, tàn bạo như vậy. Vua thỉnh vị Tỳ kheo về cung điện và dần dần ra lệnh sửa đổi luật pháp cho thư thái hơn.

Khi thấy vua cùng vị Tỳ kheo đi khỏi ngục, tay chủ ngục níu vị Tỳ kheo lại và nói:

- Tâu Đại Vương, Đại Vương có luật là ai vào đây là không thể ra.

Vua Asoka nói:

-Đúng. Và người phải là người như vậy.

Nói xong, ông túm lấy tay chủ ngục quăng vào chảo dầu. Đó là hành động độc ác cuối cùng của ông khi bắt đầu gặp được Phật Pháp. Sau đó, ông thỉnh vị Tỳ kheo về cung để học hỏi Phật Pháp. Đây cũng là duyên may cho đạo Phật vì Asoka truyền bá Phật Pháp mạnh mẽ sau khi ông đã dùng bạo lực đánh chiếm các nước khác và xây dựng một đất nước thống nhất. Do vậy, cả lục địa Ấn Độ thời đó đều theo Phật. Có thể nói, bạo lực đi trước, Phật Pháp đi sau. Dựa vào uy lực của vua mà đạo Phật tràn lan khắp Ấn Độ và người đạo Phật cũng tùy hỷ trước việc ông xâm lăng cũng như trước những chiến công của ông. Và quả báo cũng đã tới.

Vào thế kỷ thứ XIII, quân Hồi vào giết hết người theo đạo Phật tại Ấn Độ. Nhà sư bị giết, đền đài bị đập phá nên đạo Phật biến mất. Chỉ còn những nước lân cận như Tây Tạng, Tích Lan, Hồi giáo không đặt chân tới được nên Phật Pháp còn tồn tại. Đó cũng là nhân quả vì người ta đã truyền bá đạo Phật bằng con đường bạo lực mà người theo đạo Phật vẫn tùy hỷ.

Thuyết thứ hai nói về Kalinga. Sau một trận chiến khủng khiếp, xác người chết đầy đồng, đàn bà trẻ con chết đầy đường, chợt có đội quân cưỡi ngựa đến báo tin cho nhà vua biết Hoàng hậu ở nhà hạ sinh được một Hoàng tử. Nghe tin báo, ông vui mừng khôn xiết. Tình cha con trời dậy đã làm cho những tình cảm khác sống dậy trong ông. Nhìn những đứa trẻ chết trên bãi chiến trường cùng với những người mẹ của nó, rồi những cụ già chết la liệt trong chiến tranh, ông hối hận và kéo quân về. Trên đường về, ông gặp một vị Tỳ kheo. Vị Tỳ kheo đã thuyết pháp, giáo hóa cho ông. Từ đó, ông hồi đầu về với Phật Pháp. Thuyết này không có sức thuyết phục lắm nhưng cũng cho chúng ta biết vào thời đó đã có một vị Thánh nhân, một vị Tỳ kheo chứng đạo đủ sức cảm hóa một ông vua bách chiến, bách thắng như vua A Dục để ông ta trở về với đạo Phật.

Như vậy, khi tin được sự cao cả của Phật Pháp, chúng ta mới biết hối hận. Nếu không cúi đầu trước sự cao cả của Phật Pháp, chúng ta sẽ không thấy được những lỗi lầm mình đã phạm trước đây. Đọc lại một câu chuyện trong Góp nhặt cát đá, chúng ta sẽ thấy hối hận xuất phát từ đâu. Chuyện kể rằng, một vị Thiền Sư đang tụng kinh thì một tên cướp xông vào. Hắn dí dao vào cổ Thiền Sư và bảo ông đưa tiền. Ông cũng bình tĩnh tụng kinh, không nhúc nhích gì và chỉ cho tên cướp biết tiền để trong tủ. Sau đó, ông vẫn tiếp tục tụng kinh. Khi tên cướp lấy tiền xong quay đi, ông mới ngừng tụng kinh và nói: “Nhận tiền xong phải cảm ơn”. Hắn nói: “Cảm ơn”, rồi đi thẳng. Ông vẫn tiếp tục tụng như không có gì xảy ra. Sau khi cướp tiền của vị Thiền Sư, tên cướp lại đến cướp thêm ở nơi khác và bị công an bắt. Hắn cũng hối hận và thật lòng khai ra những vụ trộm cướp hắn đã thực hiện, trong đó có vụ cướp tiền của vị Thiền Sư. Công an giải hắn đến chùa và hỏi vị Sư: “Thưa Ngài, có phải là tên này đã vào đây chĩa dao vào cổ Ngài và lấy tiền của Ngài không?”. Vị Thiền Sư trả lời: “Không. Tôi có cho và nó có cảm ơn”. Nhờ câu nói ấy nên tên cướp được giảm án vì người ta nghĩ hắn chưa đến độ tâng tận lương tâm dám vào chùa cướp của. Khi ra

tù, hẳn đã đến chùa xin xuất gia, làm đệ tử vị Thiên Sư ấy.

Trong trường hợp này, điều gì đã làm cho tên cướp hối hận? Đó chính là lòng từ bi, cao thượng của vị Thiên Sư. Trong cuộc đời, có những người làm việc ác vì họ chưa từng gặp điều cao cả, cao thượng, chưa gặp được tình thương yêu. Họ thấy xung quanh mình luôn tồn tại những điều ác độc, con người chỉ biết tranh giành nhau mà sống; kẻ mạnh, lắm mưu mô xảo quyệt sẽ thắng kẻ yếu đuối, hiền lành. Họ không tin có nhân quả. Sống như vậy cho đến khi bắt gặp tình thương yêu, sự cao thượng từ người khác, họ cảm thấy hạnh phúc và chợt nhận ra thế gian này đâu chỉ toàn là điều ác độc, quanh họ vẫn còn đầy tình thương yêu. Sống trong tình thương yêu của con người, họ hối hận và muốn mãi mãi được tắm trong tình thương yêu đó.

Trong cuộc sống, có thể chúng ta sẽ gặp rất nhiều người xấu. Qua câu chuyện này, chúng ta hiểu được họ vẫn có thể còn biết khởi tâm hối hận và cố gắng dùng tình thương để cảm hóa họ. Lúc nào chúng ta cũng phải giữ tâm thương yêu. Chỉ có tâm thương yêu, không ganh ghét đố kỵ, không hơn thua kiêu kỳ mới có thể cảm hóa được người xấu. Chính lòng thương yêu

của chúng ta sẽ làm cho họ có niềm tin vào cuộc sống, con người và biết hối hận để quay về với nẻo thiện. Để làm được điều đó, chúng ta phải huân tập tâm từ bi thật sâu đậm. Ngoài những lời nói, trong tâm chúng ta phải thật sự có tình thương yêu. Chúng ta phải hiểu rằng, giúp người khác tin vào sự cao cả, tin ở điều thiện, tin vào tình thương yêu để họ biết hối hận, là một công đức lớn.

Một điều rất hay nữa là hối hận có thể rửa được tội. Có thầy kể rằng, khi còn nhỏ chưa biết Phật Pháp, đọc sách của ông Krisnamurti - người Ấn Độ từng đi giảng khắp Tây Phương - người ấy không hiểu gì cả nên tỏ ra không thích. Sự không hiểu ấy một phần do người viết, một phần do người dịch chuyển ngữ không thích hợp với văn Việt nên câu văn tối nghĩa.

Sau này, khi lên đại học, học qua lý thuyết dịch, Thầy mới hiểu ra điều ấy. Nghĩa là người dịch phải dịch nghĩa chứ không phải dịch chữ. Chẳng hạn, I go to school (dịch theo chữ là Tôi đi tới trường) nhưng nghĩa lại là Tôi đi học. Một câu văn theo nguyên văn có khi dài dòng, phức tạp, người dịch phải tìm ra nghĩa rồi chuyển sang câu văn tiếng Việt cho dễ hiểu. Đó cũng là lý do khiến Thầy không hiểu và không thích ông Krisnamurti. Khi nói chuyện trao đổi đạo lý với



mọi người, Thầy đã bài bác ông ta. Cho đến khi gặp được Phật Pháp, học được thiền, Thầy mới chợt tỉnh là mình đã bài bác nhầm một bậc Thánh. Ông quả thật là một bậc Đạo Sư đã giác ngộ. Khi hiểu ra điều đó, vị Thầy ấy cứ hối hận, ray rứt mãi. Khoảng được nửa năm, một đêm trong giấc mơ, Thầy thấy ông hiện ra, gương mặt sáng như ánh trăng rằm nhìn mình cười tha thứ rồi biến mất. Khi thức giấc dậy, sự hối hận giài vò Thầy suốt nửa năm qua đã tan biến. Thầy hiểu rằng, tâm hối hận của mình đã được chứng minh và Thầy đã rửa được tâm bất thiện trong quá khứ.

Như vậy, hối hận là một tâm niệm vô cùng quý giá. Nếu sống mà không biết hối hận, chúng ta không bao giờ rửa được sự bất thiện đã gây ra trong quá khứ.

Cách đây không lâu, trong một tài liệu giảng về Phật giáo Nam Tông, một vị Sư Nam Tông đã cho rằng: Tâm hối hận là tâm bất thiện. Và ông đã kể ra một câu chuyện để chứng minh điều đó. Thời Đức Phật, có một vị Tỳ kheo vì mền mộ Phật Pháp nên đã xuất gia. Vị Tỳ kheo này là con một, xuất thân từ một gia đình giàu có, đã có vợ nhưng chưa có con. Khi gặp Phật, người ấy đã theo Phật đi tu. Một hôm, khi trở về thăm lại gia đình, cha mẹ ông nói cho ông biết tài sản

của gia đình rất lớn. Ông là con một, nếu đi tu mà không để lại một đứa con nào nghĩa là gia đình coi như tuyệt tự. Theo luật pháp Ấn Độ thời bấy giờ, khi cha mẹ ông chết, tài sản của gia đình sẽ bị sung vào công quỹ nếu như ông không để lại đứa con nối dõi. Cha mẹ ông muốn ông phải để lại một đứa con. Thương cha mẹ và bị thuyết phục quá, vị Tỳ kheo xiêu lòng ăn ở lại với vợ có một đứa con rồi ra đi.

Thời đó Phật chưa có chế giới, chỉ có người đi tu tự biết làm Sa môn là phải giữ phạm hạnh, phải sống theo lương tâm mình. Khi để lại một đứa con, vị Tỳ kheo không thấy mình phạm quy, nhưng thấm sâu trong lương tâm, ông biết mình đã phạm sai lầm nên vô cùng hối hận. Nỗi buồn phiền ấy day dứt mãi trong lòng ông lúc trở lại Tăng đoàn. Sau đó, ông lâm bệnh rất nặng.

Nghe tin ông bệnh, Đức Phật đến thăm và hỏi rõ sự tình (thực ra, Ngài đã biết hết mọi điều). Vị Tỳ kheo thành thật trình bày sự việc và sám hối. Lúc bấy giờ, Đức Phật thuyết một bài pháp để vị Tỳ kheo hiểu được lỗi lầm và ca ngợi đời sống phạm hạnh. Sau đó, Đức Phật cũng chế ra giới luật. Nhờ Phật thuyết pháp, an ủi nên tâm hối hận của vị Tỳ kheo biến mất. Ông trở lại tiến tu và về sau cũng chứng đạo.

Kể chuyện này, vị Sư Nam Tông muốn kết luận:

Tâm hối hận là tâm bất thiện.

Chúng ta biết rằng, Phật giáo Nam Tông vốn có truyền thống bảo thủ, người trước nói sao, người sau nói vậy, nếu nói trái sẽ bị phê bình là ngoại đạo. Vì vậy, bên Nam Tông Nguyên thủy nhìn các thầy Đại Thừa như là người ngoại đạo Bà La Môn, không phải đạo Phật, mặc dù họ vẫn thờ Phật. Cho nên, có thể câu kết luận tâm hối hận là tâm bất thiện ấy không phải của vị Sư kia mà của một vị Sư trước đó. Vị Sư này nghe người trước mình nói như vậy nên nói lại. Cũng có nghĩa là điều đó đã được truyền qua mấy ngàn năm. Điều đáng ngạc nhiên là câu kết luận sai lầm này đã được giữ cho đến ngày hôm nay. Thật ra, đạo Phật có nhiều Tông phái. Tông phái nào cũng cho mình là chân lý, là đúng đạo Phật. Đây là điều mà chúng ta phải tỉnh táo xét lại. Dù đi theo bất cứ Tông phái nào: Nam Tông, Bắc Tông Đại thừa hay Khất Sĩ, chúng ta cũng không bao giờ được tin một cách mù quáng. Ở đây, chúng ta xem nỗi buồn là một hệ quả, nỗi buồn của hối hận là nỗi buồn vô cùng cao đẹp. Nếu nỗi buồn do ích kỷ là sự xao động tầm thường, thì nỗi buồn vì lỗi lầm là nỗi buồn có khả năng thanh lọc, làm sáng tâm mình và rửa được những tội lỗi. Chúng ta phải hiểu rằng, trong con người vốn có nhiều tình cảm. Nếu tình

cảm được sử dụng đúng chỗ sẽ làm tăng trưởng được thiện pháp, giúp con người đi dần về phía giải thoát. Ngược lại, những tình cảm được đặt không đúng chỗ sẽ đưa chúng ta đi dần về phía ràng buộc.

Ví dụ, tâm xót xa vốn thuộc trạng thái động. Khi thấy một người nào đó khổ, chúng ta khởi tâm xót xa thì sự xót xa đó gọi là bi, là thương xót trước nỗi khổ của người khác. Đây là một tình cảm động, nhưng lòng bi ấy cho thấy thiện pháp trong chúng ta đang tăng trưởng, tâm hồn chúng ta trở nên cao thượng và đang đi dần về phía giải thoát. Trong trường hợp này, nếu giữ tâm cho tịnh, chúng ta lại rơi vào tâm ích kỷ.

Còn trường hợp xót xa cho bản thân mình (như than thân trách phận) là tình cảm động nhưng khiến ta đi về phía ràng buộc luân hồi, vì đó là cái động của sự ích kỷ.

Hoặc tình thương yêu cũng là tình cảm “động”. Nếu vướng vào tình yêu đôi lứa, chúng ta sẽ bị ràng buộc, phiền não rồi đi về phía sinh tử luân hồi. Nhưng cũng tình thương yêu ấy nếu đem ra chan rải khắp thế gian, thương yêu tất cả chúng sinh, chúng ta sẽ đi về phía giải thoát. Bởi vậy, nếu được sử dụng đúng chỗ, tình cảm sẽ giúp cho tâm hồn thăng hoa, cao thượng hơn. Chúng ta đừng sợ những tình cảm ấy làm tâm mình

xao động. Không phải lúc nào cũng giữ tâm mình phẳng lặng, yên tĩnh như cát, như đá là chúng ta đã tu tốt. Thấy người khác khổ mà không xót xa, nhìn thấy chúng sinh mà không khởi lòng thương yêu, đó không phải là người tu theo đạo Phật, chúng ta khẳng định chắc chắn như vậy.

Tương tự như thế, người tu hành phải sống hiền lành, không bao giờ được hung dữ nhưng sự hung dữ nếu sử dụng đúng chỗ cũng là một điều hay. Nếu có duyên, chúng ta sẽ tìm hiểu chữ “dữ” này và như thế nào là “dữ” đúng chỗ trong Phật Pháp.

Khi biết so sánh đạo lý cao xa với việc làm sai lầm của mình, chúng ta sẽ xuất hiện tâm hối hận. Cứ mỗi ngày tìm ra được điều gì mới, chúng ta càng hối hận vì trước đây mình đã không biết được điều này, đã ứng xử sai lầm. Khi đã hối hận, ngoài việc tâm niệm ước ao mình đừng làm điều ấy trong quá khứ, chúng ta còn phát sinh một tâm lý khác là muốn tạo công đức. Hối hận lỗi cũ có thể giúp chúng ta tạo nên công đức mới như một sự chuộc lỗi.

Nói đến điều này, chúng ta không thể không nhắc đến câu chuyện người kiếm sĩ đào con đường hầm trong Góp nhặt cát đá. Vì đây là câu chuyện tiêu

biểu cho việc muốn tạo công đức để chuộc lại lỗi lầm sau khi hối hận của con người. Chuyện kể về một kiếm sĩ theo tinh thần võ sĩ đạo của Nhật. Vì phải lòng người vợ của một viên quan, ông ta đã giết viên quan đó và mang người vợ đi. Khi sống gần nhau, ông mới phát hiện ra người đàn bà mà ông thương yêu bấy lâu để phải làm nên tội lỗi ấy lại là một người đàn bà tầm thường, tham lam và ích kỷ. Ông đã từ bỏ người đàn bà đó và ra đi trong nỗi hối hận khôn nguôi. Để chuộc lại tội lỗi của mình, ông đã phát tâm đុc một con đường hầm đi xuyên qua núi để người dân địa phương qua lại không phải bỏ mạng trên đường đèo. Người con trai của viên quan nọ sau một thời gian học kiếm thuật đã tìm đến ông để trả thù. Cuối cùng, người thanh niên gặp được người đàn ông ấy trong lúc ông ta đang ngồi đុc đá trong hang núi. Người con trai của viên quan nói: “Người hãy quay lại cầm kiếm đấu với ta, ta không muốn giết kẻ thù từ phía sau lưng”. Người học kiếm thuật thường quân tử như vậy. Họ không muốn làm việc hèn hạ. Ông già vẫn tiếp tục ngồi đុc đá, không quay lại mà trả lời: “Cậu hãy đợi tôi đុc xong con đường hầm này, tôi sẽ dâng mạng sống của tôi cho cậu”. Người kia không biết làm sao vì giết người ta sau lưng thì không phải là người

quân tử. Hơn nữa, việc đực con đường hàm này cho mọi người đi của ông ta cũng là điều tốt, không nên ngăn cản. Anh ta cầm gươm ngồi chờ ông già đực xong con đường. Ban ngày, ông đi xin ăn, chiều tối lại về đực. Người thanh niên cứ lẻo đẻo cầm gươm đi theo. Thời gian trôi qua, cảm thấy ngồi chờ ông già đực đường như thế cũng buồn, người thanh niên bèn làm phụ ông. Hai người cứ sống với nhau như vậy suốt bao nhiêu năm. Khi đường hàm đực hoàn thành, người kiếm sĩ già cầm cây gươm đưa cho người thanh niên và nói: “Đầu tôi đây, cậu hãy cắt đi!”. Người kia quỳ xuống: “Làm sao con có thể cắt đầu Thầy đực”. Câu chuyện đã kết thúc một cách rất cảm động.

Như vậy, nhờ tâm hối hận, qua bao nhiêu năm làm phước, ông đã tẩy sạch hết tội lỗi, tẩy sạch hết tâm bất thiện của mình trong quá khứ khiến người từng coi ông là kẻ thù đã nhận ông làm thầy.

Chúng ta biết rằng, tội lỗi đực cấu thành phải có hai yếu tố: Bên ngoài là tội làm tổn hại chúng sinh, bên trong là tâm bất thiện. Cái hay của tâm hối hận là vừa xóa đực sự bất thiện trong tâm vừa xóa đực phần tội bên ngoài. Trường hợp ông kiếm sĩ già trong câu chuyện này là một ví dụ tiêu biểu. Bao nhiêu năm trời hối hận, lại tạo

được phước nên sự bất thiện trong tâm ông đã được xóa tan và tội bên ngoài, tội giết viên quan ngày xưa cũng được xóa đi phần lớn. Người con trai viên quan kia không giết ông để trả thù đã chứng minh điều đó. Có thể kiếp sau ông sẽ bị trả quả báo nhưng chắc chắn sẽ trả một cách nhẹ nhàng.

Tin nhân quả cũng giúp cho chúng ta biết hối hận, nhất là khi thấy mình gặp nghiệp quả không may. Vì tin nhân quả, khi gieo nhân, chúng ta suy luận được quả báo nên biết hối hận, biết nhận ra được lỗi của mình. Do đó, trong suốt cuộc đời làm việc đạo, chúng ta cố gắng truyền cho người khác niềm tin về nhân quả. Đó cũng là cách làm cho đạo đức tăng trưởng trong cuộc đời này và làm cho mọi người được lợi ích.

Trường hợp nhận quả báo, chúng ta suy luận ngược lại cái nhân mình đã gieo và cũng phát sinh tâm hối hận. Ví dụ, một người nọ không may gặp tai nạn phải mất một cánh tay. Khi ngồi suy luận nhân quả, người ấy nghĩ đời trước chắc mình đã làm điều gì ác với người khác nên đời này mới gặp quả báo như vậy. Vì tin nhân quả nên bây giờ người ấy hối hận và chắc chắn suốt quãng đời còn lại, họ không dám làm điều ác nữa.



## **NHỮNG CÁCH CHUỘC LỖI**

Thông thường, người ta có ba cách chuộc lỗi: Thứ nhất là chuộc lỗi với đối tượng mà mình đã phạm. Chẳng hạn, khi lỡ nặng lời với người nào đó, chúng ta đến gặp họ để xin lỗi. Hoặc một lần nào đó không kiềm được lòng tham, lỡ lấy cắp của người ta một vật gì đó, chúng ta hối hận tìm đến họ xin lỗi. Như vậy, chúng ta đã chuộc lỗi với đối tượng mà mình đã phạm. Khi chuộc lỗi với họ, lỗi trong tâm chúng ta sẽ hết.

Trong cuộc đời có rất nhiều tình huống để chúng ta phạm lỗi. Có những trường hợp đối tượng mình đã phạm không còn nữa để mà xin lỗi. Lúc ấy, chúng ta cũng có thể chuộc lỗi bằng cách phát lồ trước Đại chúng. Đây là một nghi thức rất hay trong đạo Phật. Khi có làm lỗi, chúng ta ra trước Đại chúng nói lên lỗi của mình, tâm bất thiện về lỗi đó sẽ không còn nữa. Phát lồ với Đại chúng là biểu hiện rất cao lòng can đảm của người phạm lỗi.

Cách thứ ba là chuộc lỗi bằng cách lễ Phật. Có những lỗi làm không tiện nói với người mình đã phạm lỗi, cũng không có cơ hội để phát lồ với Đại chúng, chúng ta chỉ có thể thiết tha trình bày lỗi và ăn năn sám hối với Đấng tối cao là Đức Phật. Ví dụ, khi phát hiện ra trong mình còn tồn tại tính tham lam, chúng ta không biết thổ lộ,

sám hối cùng ai. Những tâm niệm rất tế đó, chúng ta chỉ có thể quỳ lạy trước Phật mà sám hối. Vì Đức Phật là Đấng tuyệt đối hoàn hảo về công đức, trí tuệ, từ bi. Lòng tôn kính Phật, công đức lạy Phật sẽ làm phước của chúng ta tăng trưởng và tội lỗi của chúng ta vơi đi rất nhiều. Khi lễ lạy Phật, chúng ta luôn hướng về tội lỗi của mình, lỗi sẽ được xóa đi rất nhanh. Nhưng điều quan trọng là chúng ta phải biết đúng lỗi, có tác ý đúng lỗi và hướng về lỗi đó mà ân hận. Có như vậy, chúng ta mới vượt qua được lỗi lầm. Ngoài ra, trong đạo Phật còn có nghi thức sám hối định kỳ, mỗi tháng sám hối hai lần. Đây cũng là nghi thức rất có ý nghĩa. Vì không ai sống mà không có làm lỗi. Mỗi ngày trôi qua, chúng ta đều có thể phạm lỗi lầm. Nếu cứ nửa tháng được sám hối một lần, tâm hồn ta sẽ trở nên thanh thản. Nhưng vấn đề là sử dụng nghi thức sám hối như thế nào. Hiện nay, có nhiều nghi thức sám hối: Hồng Danh, Lương hoàng sám, Thủy sám.

Ở một số chùa, các vị Thầy lớn cũng đặt thêm những nghi thức sám hối khác. Nhìn chung, nghi thức sám hối đều có hai ý nghĩa: kể lỗi và lạy Phật. Hai việc làm này rất đúng trong việc sám hối nên hầu hết các vị Tổ đặt ra các bài sám đều dựa trên hai ý nghĩa này. Trong đó, bài

tụng Lương hoàng sám rất hay. Khi tụng, người sám hối phải kể tội từng li, từng tí. Như vậy, họ sẽ nhìn lỗi mình kỹ lưỡng hơn. Ví dụ như việc ăn cắp, chúng ta phải thấy rõ: ăn cắp là một cái tội, xúi người ta ăn cắp cũng là một cái tội, thấy người ta ăn cắp mà mình tùy hỷ cũng là một cái tội. Trong tâm, chúng ta phải nhìn thấy từng lỗi như vậy để sám hối, lạy Phật rất nhiều.

Nghi thức chung đang sử dụng hiện nay chỉ sám hối lỗi tổng quát rồi lạy Phật. (sám hối Hồng Danh, người sám hối phải lạy 89 lạy, còn phần kể tội, kể lỗi không nhiều). Hơn nữa, văn kinh bài sám hối lại bằng chữ Nho nên rất khó hiểu. Sở dĩ nghi thức sám hối này được phổ biến vì không quá dài như những bài sám khác, vừa đủ thời gian cho Phật tử tụng. Trong cuốn Những bài kinh tụng do chùa Phật Quang ấn hành có soạn một bài sám hối ngắn để Phật tử có thời gian tụng. Trước hết, bài sám hối ca ngợi Đức Phật. Mỗi đoạn ca ngợi một đức tính của Phật trong sáu câu (như trí tuệ, từ bi, sự thanh tịnh). Sau mỗi đoạn ca ngợi Phật, người tụng lạy Phật một lạy. Cứ thế, khi ca ngợi Phật xong, chúng ta đối chiếu lại lỗi của mình, kể lỗi mình và tiếp tục lạy Phật. Ví dụ:

Từ chấp ngã ban đầu  
Biến thành tâm ích kỷ

Chỉ nghĩ lợi phần mình

Mà quên đi tất cả

Bây giờ con ăn năn

Xin nguyện chừa lỗi trước.

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật (1 lạy)

Như vậy, suốt bài kinh, chúng ta lạy khoảng mười lăm lạy. Bài sám hối vừa gọn vừa dễ hiểu, dễ tụng lại được phước.

Nói tóm lại, có nhiều cách chuộc lỗi. Nhưng áp dụng nghi thức phát lồ hàng tháng cho từng người sẽ hiệu quả hơn. Vì khi Đại chúng tập trung, từng người có lỗi lên phát lồ sám hối, họ sẽ có dịp nhìn thẳng vào lỗi của mình.

### **TÂM HỐI HẬN TẠO NÊN CÔNG ĐỨC**

Trong chúng ta, không ai vừa hối hận lại vừa kiêu mạn. Vì hối hận chỉ phát sinh khi chúng ta đã phạm lỗi lầm. Bởi vậy, tâm hối hận sẽ giúp chúng ta phát khởi tâm khiêm hạ. Ngoài việc xóa lỗi, hối hận còn tạo nền tảng đạo đức cho tâm khiêm hạ. Đây là một lợi ích lớn của tâm hối hận.

Ví dụ, một người tài giỏi dễ phát sinh tâm kiêu mạn. Hệ quả tất yếu của tâm kiêu mạn là ô nhiễm. Do tâm bị ô nhiễm nên chúng ta tạo ra lỗi lầm. Khi đã phạm lỗi lầm và thấy được lỗi lầm, chúng ta sẽ hối hận. Khi đã biết hối hận, trong chúng ta sẽ xuất hiện tâm khiêm hạ. Đó là quá

trình tất yếu. Nhưng từ tâm kiêu mạn, một người tài giỏi học được tâm khiêm hạ phải trải qua quá trình gần cả một đời người. Trong suốt quá trình đó, đôi khi chúng ta phải trả bằng sự đau khổ, tan vỡ, phải trả bằng những giá rất đắt mới học được sự khiêm hạ. Đôi khi thấy người tài giỏi mà kiêu mạn, chur Phật, chur Bồ tát đẩy họ vào lầm lỗi để họ học được đức khiêm hạ. Đây là điều rất đáng sợ. Bởi vậy, ngay từ đầu chúng ta phải cẩn thận kiểm soát tâm mình, đừng để kiêu mạn phát sinh. Đó cũng là lý do vì sao khi học môn Tâm lý Đạo đức, chúng ta lại bắt đầu bằng bài Khiêm hạ. Những người kiêu mạn sau này thường bị phạm phải lỗi lầm. Nhờ có lỗi lầm, họ biết hối hận và nhờ hối hận, họ học được hạnh khiêm hạ. Đó là điều đáng quý. Lỗi lầm có thể nặng, có thể làm chúng ta đau khổ, ray rứt nhưng điều quan trọng là cuối cùng chúng ta đã học được hạnh khiêm hạ từ lầm lỗi ấy. Chúng ta biết rằng, với con người, kết quả đạt được sau khi đã trải qua bao đắng cay, chấp nhận bao nhiêu điều mất mát là điều quý giá nhất. Bởi vậy, đôi khi chúng ta cũng nên **“cảm ơn lầm lỗi”**.

Khi chưa có lỗi lớn, chúng ta phải biết sám hối những lỗi nhỏ để ngăn ngừa dần. Lỗi nhỏ mà không được nhìn ra, không hối hận, không sám

hối sẽ đưa chúng ta đến lỗi lớn. Như vậy, cách tốt nhất để tránh lỗi lớn là biết cẩn thận sám hối từng lỗi nhỏ.

## **BẤT HỐI**

Bất hối là không còn hối hận. Khi thiền định, sắp vào sơ thiền, phá được năm triền cái (tham ái, sân hận, thùy miên, trạo hối, nghi ngờ), chúng ta sẽ không còn bị tâm hối hận giày vò nữa vì lúc này, tâm được thanh tịnh. Như vậy, tâm bất hối có được là do thiền định. Mặt khác, người không làm lỗi cũng sẽ không còn hối hận. Vậy, thiền định đưa đến bất hối và không có lỗi cũng đưa đến bất hối. Ở đây, chúng ta phải hiểu một điều là thiền định có nghĩa là không còn lỗi.

Người muốn đạt được thiền định phải là người có đạo đức rất chuẩn mực, không có lỗi lầm. Chính đời sống trong sạch như băng tuyết mới giúp chúng ta đạt được thiền định. Lâu nay, nhiều người lầm tưởng cứ ca ngợi một pháp môn nào đó, thực hiện được pháp môn nào đó sẽ đạt được thiền định. Thực ra, muốn có được thiền định, chúng ta phải bắt đầu bằng đạo đức. Thiền định đưa đến bất hối. Chính Đức Phật đã nói điều này. Phá được năm triền cái để vào Sơ thiền, chúng ta sẽ đạt được bất hối. Khi phạm lỗi lầm, chúng ta liền biết lỗi và không tái phạm nhưng trong tâm không có hối hận. Ngay bây

giờ, khi chưa chứng được nội tâm vắng lặng, chúng ta phải cố gắng tẩy sạch lỗi. Trong việc tẩy sạch lỗi có một điều quan trọng là chúng ta phải sống một đời hết sức vị tha, không vì bản thân mình.

Trong cuộc đời, không ai thật sự đã hết lỗi, trừ những vị Thánh giải thoát. Vì vậy, chúng ta nên khéo giữ gìn tâm hối hận để giữ được đạo đức. Điều ấy mới nghe qua tưởng chừng vô lý nhưng đó là sự thật. Vì hối hận là một nỗi buồn, nhưng là một nỗi buồn rất đẹp và cao cả. Chúng ta đừng nghĩ mình học đạo, sống trong môi trường đạo thì không có lỗi. Hãy nhìn sâu vào tâm mình, chúng ta sẽ nhìn thấy tất cả những vô minh trong đó. Đó chính là lỗi. Khi hiểu rằng lỗi mình chưa hết, chúng ta phải cố gắng giữ tâm hối hận để giữ được đạo đức. Giữ tâm hối hận cũng như giữ một pháp môn thiền định: giữ một câu niệm Phật, giữ phương pháp điều hòa hơi thở. Lúc nào chúng ta cũng xét lỗi mình để hối hận. Hết lỗi này tan rồi, chúng ta tìm lỗi khác để tiếp tục hối hận. Cứ như thế cho đến khi tội lỗi tan ra, chúng ta sẽ đạt được cái bất hối của thiền định. Như vậy, hối hận cũng có thể được xem là một pháp môn để chúng ta nhập được vào định.

Những lỗi lớn, tâm hối hận dễ thấy. Nhưng

những lỗi vi tế, tâm hối hận khó thấy hơn. Tuy nhiên, chúng ta cố gắng giữ tâm hối hận vì tham, sân, si, mạn chưa bao giờ thật sự đã được nhổ sạch gốc. Trong chúng ta, không ai dám khẳng định là mình đã chấm dứt được tham, sân, si. Khi tin rằng mình còn tham, sân, si, mạn, chúng ta luôn luôn hối hận về bốn điều này để dần dần tẩy rửa chúng. Chúng ta biết rằng, lỗi chỉ tiếp tục tồn tại và phát triển khi chúng ta không hối hận về nó. Một khi đã biết lỗi và hối hận, lỗi sẽ không phát triển được nữa. Đó cũng là một cách để xóa được tội.

Chúng ta đã từng nghe bài kệ: “Tánh tội vốn không do tâm tạo, tâm nếu diệt rồi tội sạch trong, tội trong tâm diệt cũng là không, như thế mới là chân sám hối”. Bài kệ còn nhiều điểm phải bàn. Trước hết, nói “tánh tội vốn không do tâm tạo” cũng có thể chấp nhận được. Thực ra, tội làm ra bên ngoài không có thật nhưng do tâm bất thiện khởi lên nên mới tạo tội ra bên ngoài. Nhưng cho rằng: “tâm nếu diệt rồi tội sạch trong”, diệt cái bất thiện bên trong rồi thì cái tội bên ngoài mất, là điều cần phải xem lại. Có khi tâm bất thiện đã rửa được nhưng tác hại đã gây ra cho người khác vẫn còn nguyên vẹn. Người tạo tội vẫn phải chịu trả quả báo. Chúng ta phải hiểu tội làm bên ngoài và tâm bất thiện có sự



khác nhau. Tâm thanh tịnh nghĩa là cái bất thiện bên trong không còn nữa nhưng tội mình đã gây ra cho chúng sinh bên ngoài vẫn còn đó, quả báo vẫn còn chờ đó. Bởi vậy, câu nói: “Tâm nếu diệt rồi tội sạch trong” là không chính xác.

Người viết câu này muốn đi tìm chân sám hối bằng cách giữ tâm thanh thản. Sợ hối hận là cái “động”, không phù hợp với đạo nên họ đưa ra một bài kệ giúp người học đi tìm tâm thanh thản mà không tìm tâm hối hận.

Thực ra, đi tìm tâm thanh thản trước mà bỏ qua hối hận, buồn phiền là một điều tai hại. Nếu không có hối hận, tội của chúng ta sẽ không bao giờ hết. Chừng nào trả xong quả báo, chừng đó tội tác hại chúng sinh bên ngoài mới hết. Vậy, không có con đường nào làm hết tâm bất thiện bằng con đường hối hận. Phải nhìn thấy lỗi và hối hận vì mình đã gây ra lỗi ấy thì bất thiện sẽ không còn.

Như vậy, đừng bao giờ chủ quan tin mọi điều mình đã học là đúng. Chúng ta phải cảnh giác với điều bài kệ đã nêu, đừng vội tìm sự thanh thản khi tâm bất thiện chưa thật sự hết. Trong cuộc đời tu hành, chúng ta cứ mạnh dạn đi tìm sự buồn phiền của hối hận. Vì đó là một nỗi buồn rất đẹp, nỗi buồn làm sáng lên nhân cách của mình, làm cho tâm mình trở nên cao thượng

hơn. Nhờ vậy mà chúng ta sẽ được giải thoát. Có nhiều pháp môn dạy chúng ta vội vàng đi tìm sự thanh thản, bỏ qua việc tẩy trừ tâm bất thiện. Đó là điều nguy hiểm. Chúng ta phải ghi nhớ một điều: Cái tội của tâm được xem là hết khi sự hối hận được cố ý giữ gìn cho đến khi tự tan biến. Nhưng quả báo vẫn phải trả.

Ví dụ, khi đã lỡ tay tát huynh đệ một cái, chúng ta biết mình sần và hối hận hết ngày này sang ngày khác. Nỗi hối hận cứ giày vò mình mãi, không lúc nào buông. Đến một ngày nào đó, chúng ta cố gắng giữ mà không giữ được nữa. Đó là lúc hối hận đã tự tan biến, cũng là lúc tội mình đã hết. Cái bất thiện đã tan, cái tội đối với huynh đệ bên ngoài cũng xóa được một nửa. Tâm hối hận rất hay. Vì thế, khi có lỗi, chúng ta cố gắng giữ tâm hối hận cho kỹ, đừng buông, đừng quên nó. Đến khi không giữ được nữa nghĩa là tội đã tan và chúng ta đã thành công.

### **KHI CHỈ LỖI CHO NGƯỜI**

Sau này khi lớn lên, chúng ta sẽ có sư đệ hoặc đệ tử. Khi thấy họ phạm lỗi làm, chúng ta phải chỉ dạy. Chừng nào nhận thấy người có lỗi thật sự khởi lên niềm hối hận, chừng đó chúng ta mới tin họ đã nhận lỗi. Để nhận biết điều này, chúng ta phải dựa vào kinh nghiệm. Khi chỉ lỗi, phân tích lỗi cho đệ tử, nhìn trên nét mặt họ thấy

nỗi buồn của hối hận hiện lên, chúng ta biết ngay người ấy đã nhận ra lỗi. Ngược lại, khi phân tích lỗi cho đệ tử nghe, họ chỉ vâng dạ và chấp tay cung kính nhưng nét mặt vẫn tĩnh, không có vẻ gì buồn bã hay xúc động, chúng ta biết rằng người ấy chưa nhận ra lỗi, chỉ giả vờ cho qua chuyện.

Khi phân tích lỗi rất kỹ, rất khéo mà người có lỗi vẫn không nhận ra lỗi, không hối hận, chúng ta phải xem lại. Một là do thiện căn của người có lỗi ít quá. Nếu có thiện căn lớn, họ sẽ nhận lỗi rất nhanh. Ngược lại, nếu thiện căn ít, họ khó nhận ra lỗi của mình. Hai là do cách chỉ lỗi hoặc do đức độ, trí tuệ của mình. Nếu có đức lớn, chúng ta sẽ giúp người ta nhận ra lỗi nhanh hơn. Nếu đức độ và trí tuệ kém, sự chỉ lỗi của mình không những không thuyết phục được người có lỗi thậm chí còn gây cho họ sự chán nản, bất bình.

Do vậy, khi chỉ lỗi cho người mà không đem lại kết quả, chúng ta phải xét lại hai nguyên nhân để khắc phục. Nếu đức độ, trí tuệ của mình còn kém, chúng ta phải tu tập thêm tâm từ bi, phải lay Phật thật nhiều để tăng đức độ. Nếu cảm thấy mình đã có đủ những điều kiện ấy nhưng người có lỗi vẫn không chịu hối hận, chúng ta biết họ thiện căn thấp quá nên khó tu. Với

những người như vậy, chúng ta khoan độ cho xuất gia, giữ họ tu tại gia thêm. Nói tóm lại, sự cảm hóa lệ thuộc vào thiện tâm của người có lỗi và đức độ của người chỉ lỗi.

## **CAN ĐẢM**

### **ĐỊNH NGHĨA**

Xét trên khía cạnh đạo đức, can đảm là dám đương đầu với nguy hiểm để làm điều tốt. Trong đạo Phật, đó là Hùng lực hay Dũng trong Bi - Trí - Dũng.

Can đảm khác với táo tợn, liều lĩnh khi làm điều không chính đáng. Vì vậy, hành động cướp giết của một tên cướp không phải là hành động can đảm mà là táo tợn, liều lĩnh mặc dù phải rất có gan hấn mới làm được điều đó. Ở đây, chữ can đảm bao hàm ý nghĩa đạo đức.

Trong đạo Phật, một vị Thánh hay một người đệ tử Phật chỉ xứng đáng được ca ngợi khi phải hội đủ ba đức tính là Bi - Trí - Dũng. Bi là lòng thương yêu chúng sinh. Trí là trí tuệ, hiểu rõ mọi điều. Nhưng Bi, Trí chưa đủ, phải có Dũng - sự gan dạ, can đảm - mới có thể làm được những điều tốt. Vì không phải mọi điều tốt trên đời này đều dễ dàng thực hiện. Có rất nhiều điều tốt nằm trong hoàn cảnh nguy hiểm, khó khăn. Nếu

không đủ hùng lực, dũng cảm, chúng ta sẽ không thực hiện được.

Trong cuộc sống, khi muốn làm việc thiện, chúng ta có thể đối diện với vô vàn những nguy hiểm, khó khăn. Trong đó, nguy hiểm nhất là cái chết. Có khi để làm được một việc thiện, chúng ta phải đánh đổi bằng cả sinh mạng của mình. Nếu dám hy sinh như vậy, chúng ta được coi là người rất dũng cảm. Nguy hiểm đứng thứ hai sau cái chết là sự thương tật. Khi cứu người khác, chúng ta có thể sẽ bị thương tật, phải chịu đựng những đau đớn. Ngoài ra, những nguy hiểm chúng ta có thể gặp là bị tù đày, có khi phải hứng chịu sự căm ghét, sự phỉ báng của người khác. Quả thật, làm việc thiện không phải lúc nào cũng đơn giản. Nhưng bù lại những nguy hiểm, khó khăn ấy, chúng ta có thể làm được vô số những điều tốt. Đó là cứu người khi lâm nguy, dấn thân trên chiến trường để bảo vệ đất nước, lên tiếng bày tỏ sự thật mặc dù sự thật đó làm cho mọi người bất bình, căm ghét hay vạch trần sự bất công, chống lại tội ác, nhất là những tội ác được tổ chức rất chặt chẽ, tinh vi.

Như vậy, khái niệm can đảm chỉ được dùng cho những hành động hướng về điều thiện. Trong cuộc sống, nhiều khi chúng ta phải đối diện với

những nguy hiểm, và trong những trường hợp đó, can đảm là yếu tố cần thiết giúp chúng ta vượt lên hoàn cảnh và sống tốt hơn. Cuộc đời vốn không bình yên, phẳng lặng như mặt hồ thu mà luôn chứa đựng những bất trắc, những nghịch cảnh éo le, những nguy hiểm. Chúng ta, những đệ tử Phật phải xác định được điều đó và sẵn sàng vượt qua bằng lòng can đảm của mình.

Trong quá trình làm việc đạo, không phải lúc nào chúng ta cũng gặp thuận lợi, dễ dàng. Ngay cả những việc thiện đơn giản trong đời sống cũng đòi hỏi lòng can đảm. Chẳng hạn, khi có một món tiền lớn, chúng ta có thể sẵn sàng bót ra giúp đỡ người khác một trăm ngàn mà không cần băn khoăn, tính toán. Vì số tiền nhỏ đó không ảnh hưởng đến cuộc sống của mình. Nhưng nếu chỉ có trong tay năm chục ngàn, người khác lại rơi vào hoàn cảnh cấp bách cần cả số tiền đó, liệu chúng ta dám nhin ăn để cho họ hay không? Đây chính là lúc đòi hỏi chúng ta phải có đức hy sinh, lòng can đảm. Tất nhiên, điều này cũng không khó bằng việc phải nhảy vào đám lửa để cứu người vì khi nhảy vào đám lửa có thể chúng ta phải đánh đổi cả sinh mạng của mình. Phải có một quyết tâm rất cao, phải có lòng can đảm, chúng ta mới làm được điều

đó.

Chúng ta biết rằng, cái phước có được ở kiếp sau của con người được tính bằng một công thức. Công thức phước ấy được tính bằng tích số giữa việc làm lợi ích cho người khác với sự cố gắng của chính bản thân mình. Ví dụ, khi có trong túi một triệu đồng, chúng ta cho người khác một trăm ngàn thì sự cố gắng không có bao nhiêu. Và phước chúng ta có được sẽ không lớn. Nhưng nếu chỉ có năm chục ngàn đồng, người ta cần, chúng ta cho sẵn sàng tất cả thì lúc này sự cố gắng rất cao. Như vậy, số tiền tuy ít nhưng nhân với hệ số cố gắng lớn, phước của chúng ta sẽ lớn hơn.

Từ ví dụ đơn giản ấy, chúng ta thấy hành động nhảy vào lửa để cứu người đòi hỏi một sự cố gắng vượt bậc. Vì lúc đó, người nhảy vào lửa biết mình có thể bị phỏng, bị nguy hiểm đến tính mạng mà vẫn cố gắng làm. Vì vậy, cái phước có được sẽ rất lớn.

Chúng ta nhớ lại câu chuyện kể về tiền thân Đức Phật. Trong một kiếp, Đức Phật là một vị Sa Môn tu hành. Một lần, Ngài thấy một con chim Cắt, loài chim ăn thịt các con vật khác, đang rượt đuổi một con chim Bồ Câu. Chim Bồ Câu sợ quá bay núp vào người Ngài. Chim Cắt nói rằng, đây là bữa ăn của nó. Nếu Ngài cứu

con chim Bồ Câu thì nó sẽ đói. Đây là sự công bằng của cuộc sống. Nó đi săn được mỗi để sống, Ngài giành con mồi của nó chắc chắn nó không chịu. Nghe vậy, Ngài đành phải cắt một miếng thịt của mình cho chim Cắt ăn, thay cho mạng sống của chim Bồ Câu. Như vậy, Ngài sẵn sàng chịu thương tật đau đớn để cứu mạng chú chim Bồ Câu tội nghiệp. Đó là một thái độ, một hành động rất dũng cảm, người thường không làm được. Câu chuyện thực ra mang tính ngụ ngôn hơn là thật, nhưng cũng giúp chúng ta hiểu được tấm gương sáng về lòng can đảm, đức hy sinh cứu người của Đức Phật. Sau này, nhiều chùa đã vẽ biểu tượng ấy lên tường với ý nghĩa Đức Phật đã từng cắt thịt cho chim Cắt ăn để cứu mạng chim Bồ Câu.

Trong thực tế, chúng ta cũng gặp không ít những gương hy sinh cứu người rất cảm động. Không chỉ người lớn mà trẻ em cũng làm được điều đó. Báo chí đã từng đưa tin về một bé gái dám hy sinh thân mình để cứu bạn. Khi cùng với bốn người bạn đi chơi ngoài bờ đê, dòng nước chảy xiết đã làm bốn người bạn rơi xuống đê. Trong tình huống nguy cấp đó, đứa bé đã nhảy xuống lần lượt kéo từng bạn vào bờ. Nó vốn bơi giỏi nhưng kéo được người thứ ba thì sức gần như cạn kiệt. Biết còn người bạn nữa đang cần



sự giúp đỡ của mình, đứa bé lại nhảy xuống tiếp tục cứu. Khi đứa bé được người thứ tư vào bờ thì nó kiệt sức và bị dòng nước cuốn đi mất. Như vậy, trong lúc quá mệt nhưng nghĩ đến người bạn đang sắp chết đuối ngoài kia, đứa bé đã hết sức cố gắng. Đó là sự cố gắng vượt bậc. Khi vớt được xác đứa bé, người ta đã an táng đàng hoàng và mọi người đến viếng với lòng quý trọng, tiếc thương vô hạn. Với sự cố gắng đánh đổi cả sinh mạng của mình để cứu người, công đức của cô bé vô cùng lớn và chắc chắn cô sẽ được lên cõi Trời sau khi chết.

Hoặc câu chuyện sẵn sàng chịu tù đày thay bạn của một người trong giới xã hội đen cũng khiến chúng ta phải suy nghĩ. Người ta kể rằng, một lần nọ do nóng giận, người này đã đánh người kia đến chết. Khi Công an ập tới bắt thủ phạm đánh chết người, một người khác, bạn của anh ta đứng ra nhận mình là thủ phạm vì vợ của người kia có mang gần đến ngày sinh nở.

Người này đã chấp nhận ở tù cực khổ để bạn mình ở lại nuôi vợ con. Thái độ ấy tưởng đơn giản nhưng thực ra rất can đảm. Dù không đồng tình, thậm chí còn lên án những hành động làm ăn phi pháp, giết người tàn bạo của bọn giang hồ trong giới xã hội đen nhưng chúng ta cũng thừa nhận rằng, họ sống rất hào hiệp, rất tình

nghĩa, sẵn sàng hy sinh để bảo vệ nhau. Hành động dấn thân ngoài mặt trận, sẵn sàng đối diện với cái chết của những người chiến sĩ cũng là hành động can đảm vì điều tốt. Nếu là một người lính chiến đấu trong cuộc chiến tranh phi nghĩa thì tội sẽ rất nặng vì họ cầm súng giết người, vừa phạm tội sát sinh vừa mang tội cướp nước. Nhưng người lính chiến đấu chống xâm lăng, bảo vệ đất nước thì phước của họ rất lớn. Khi đối diện với cái chết, trong tâm họ vẫn nghĩ đến sự bình yên cho đất nước, nghĩ đến hạnh phúc của nhân dân. Chính vì thế, không ít những nhà văn, nhà thơ, nhạc sĩ đã viết lời ngợi ca họ: “Một ba lô cây súng trên vai. Người chiến sĩ quen với gian lao. Đường dài đêm thâu, bóng tối quân thù trước mặt. Nặng tình quê hương anh dâng trọn tuổi đời thanh xuân. Cho em thơ ngủ ngon, và vui bước sớm hôm đến trường...” Những người dám đứng ra bảo vệ sự thật, vạch trần sự bất công, chống lại tội ác đều là những người can đảm. Vì họ dám đương đầu với nguy hiểm để làm điều tốt. Đó có thể là những ký giả ở một số nước tham gia đấu tranh chống tiêu cực. Trong những năm qua, người ta thống kê trên thế giới có khoảng ba đến bốn ngàn ký giả bị bắt, bị giết, bị tù đày vì họ dám nói lên sự thật để chống lại những bất công đang tồn tại trong

xã hội. Khi sự thật được phơi bày, điều xấu sẽ bị khống chế. Nếu sợ hãi, không dám lên tiếng bảo vệ sự thật thì cái xấu sẽ tồn tại và tiếp tục phát triển. Bởi vậy, nói điều đúng, nói điều có lợi cũng sẽ tạo nên công đức lớn.

## **SỰ TẠO THÀNH**

Can đảm được tạo thành bởi hai điều: Một là tinh thần mạnh mẽ, vững vàng. Hai là sự thúc đẩy của thiện tâm.

Tinh thần mạnh mẽ là cái không thể định nghĩa được. Nó cũng giống như tình thương yêu, lòng từ bi vậy. Trong bài Tâm từ, chúng ta đã hiểu tình thương yêu không thể định nghĩa được bằng lời. Chúng ta chỉ nhìn thấy biểu hiện của nó và biết rằng lúc ấy tình thương đang hiện diện. Tinh thần mạnh mẽ cũng vậy. Chúng ta chỉ hiểu, chỉ cảm nhận được tinh thần ấy trong những trường hợp bị thử thách mà vẫn quyết đoán, vẫn bền gan, vững chí. Đó chính là những biểu hiện của tinh thần mạnh mẽ.

Một chuyện rất đơn giản là đi qua cầu khỉ của người miền Tây cũng đòi hỏi ở chúng ta lòng can đảm. Những người chưa đi quen sẽ rất sợ hãi khi nhìn chiếc cầu bắc qua dòng nước đang cuộn trôi chỉ là một thân cây trơ trọi. Nếu lần đầu tiên về miền Tây và tập đi cầu khỉ, chúng ta phải hết sức can đảm, tinh thần phải vững vàng,

không dao động. Lúc bấy giờ, nếu sợ hãi, chúng ta sẽ bị ngã xuống sông. Khi qua rồi, chúng ta sẽ thấy mình làm được điều đó là nhờ có một lòng can đảm, một quyết tâm rất cao.

Hoặc chuyện kể về những người dẫm chân đi trên than hồng thật khó tin nhưng đó là điều có thật. Lửa than cháy đỏ rừng rực, họ dẫm chân lên, miệng tụng những câu thần chú bí hiểm. Thực ra, đó không phải là điều gì màu nhiệm. Những câu thần chú ấy sẽ làm cho họ vững tâm hơn, có niềm tin hơn. Khi đã vững tâm, họ bước đi một cách tự nhiên mà chân không hề bị bỏng. Người ta kể rằng, có một ông thầy dạy đệ tử mình đi trên than hồng. Thầy rải than và bắt đệ tử đi trên đám lửa cháy đỏ rực. Trước khi thực hành, Thầy đi qua một lần cho họ xem nhưng những đệ tử vẫn không dám đi. Lúc ấy, Sư phụ yêu cầu họ lấy mỗi người một tờ giấy và viết lên đó nỗi sợ hãi của mình. Tất cả đều viết: “Bước lên sợ nóng chân, sợ phỏng chân”. Sư phụ cầm những tờ giấy đứng niệm điều gì đó một lát. Niệm xong, ông đốt đi và nói: “Thầy đã đốt hết những sợ hãi. Bây giờ các con không còn sợ hãi nữa, hãy dẫm lên mà đi, chân sẽ không bị cháy”. Nghe lời Thầy, họ vững tin đứng lên than và đi được một cách dễ dàng.

Hoặc có người biểu diễn cho người khác xem

bằng cách cầm cái chai đập vào đầu, nhưng chai vỡ mà đầu không vỡ. Người ta cho rằng đó là kết quả của việc rèn luyện ý chí chứ không có gì đặc biệt. Khi cầm cái chai, họ cứ chí nguyện quyết đập vỡ cái chai mà đầu không vỡ. Khi lòng tin đã vững, họ đập mạnh một cái, chai sẽ vỡ mà đầu không hề gì.

Tinh thần, ý chí của con người có sức mạnh ghê gớm như vậy. Sức mạnh đó luôn tiềm ẩn trong tâm mỗi người mà chúng ta chưa phát huy được. Chính tinh thần mạnh mẽ, vững vàng ấy làm cho con người gan dạ, can đảm hơn khi đối diện với nguy hiểm. Trước cái chết, trước những hoạn nạn, khó khăn, họ vẫn vượt qua được.

Can đảm còn được tạo thành bởi sự thúc đẩy của Thiện tâm - tâm thương người, vì người. Chẳng hạn, khi thấy một đứa bé rơi xuống sông đang lo ngại vật lộn với cái chết trong khi nước sông lại sâu, lòng sông lại rộng, sức mình bơi không nổi nhưng vì tình thương trời dậy, chúng ta liền nhảy xuống để cứu nó. Thấy vậy, những người khác tiếp tục quăng phao xuống cứu và cả hai thoát chết. Thực ra, bình thường chúng ta không phải là người can đảm nhưng vì tình thương đối với đứa bé mà mình trở nên can đảm và làm được việc tốt.

Ngày xưa, vào thời nhà Trần, quân Mông - Nguyên đã ba lần đem quân sang xâm lược nước ta. Chúng đi tới đâu, chém giết tới đó, cỏ cây cũng không mọc nổi dưới vó ngựa của chúng. Triều đình phải tổ chức tiêu thổ kháng chiến. Nghĩa là người dân bồng bế, dắt díu nhau mang theo lương thực vào rừng ẩn náu. Sau đó, quân đội tổ chức chiến đấu. Có những người do căm phẫn tột độ trước sự độc ác của quân thù đã tham gia vào quân đội để chiến đấu. Lòng căm phẫn ấy xuất phát từ tình yêu đối với quê hương, đất nước, đối với nhân dân. Chính tình yêu thương đã tạo cho họ lòng can đảm, thúc đẩy họ làm những điều tốt, sẵn sàng xả thân vì đất nước: “Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa”, họ vẫn cam lòng.

Người không có khả năng, trí tuệ, sức khỏe, thể lực khó có một tinh thần mạnh mẽ. Khi không đủ trí tuệ để phán đoán, nhận định một sự vật, hiện tượng nào đó, người ta thường cảm thấy bất an khi đối diện với nó. Chẳng hạn, chúng ta hay nghe người đời nhắc đến ma. Khi còn nhỏ, nhiều người rất sợ ma và khi đã trở thành người lớn, không ít người vẫn còn sợ. Ngay trong một ngôi chùa, khi nghe có người kể là đã nhìn thấy ma, ai đi lại ban đêm cũng sợ. Có lần vào lúc

nửa đêm, nghe chó sủa quá, một Thầy sợ ăn trộm vào chùa nên thức dậy xem. Khi đi từ nhà Tăng qua nhà khách, Thầy thấy một người không rõ nam hay nữ cầm một vật rất sáng, theo sau là một đám trẻ con, nhưng tất cả đều bước đi rất nhẹ, chân không chạm đất. Khi qua chiếc cầu bắc ngang con suối nhỏ, cả đoàn nhảy lên cây sộp và biến mất. Lúc ấy, Thầy vẫn còn nghe léo nhéo tiếng trẻ con nói: “Cho ăn gì, đói quá!”. Có lẽ mấy ngày Tết vì quá mệt, chùa cúng thí thực không đàng hoàng nên thế giới siêu hình ăn không được no. Sau khi nghe kể chuyện, chùa đã bày một mâm cơm ngon cúng cho họ. Nhưng cũng từ đó, nhiều người không dám qua cầu ban đêm vì tin ở đó có ma.

Như vậy, vì sao trong nhiều trường hợp, người ta tin và sợ ma? Có lẽ người ta sợ ma vì không biết rõ về nó. Vì là “hồn ma bóng quế” nên chúng thoát ẩn, thoát hiện, vô hình khiến người ta sợ hãi. Nếu biết rõ ma ở đâu, đi lại ra sao, gương mặt như thế nào, có lẽ con người không còn sợ chúng nữa. Trong cuộc sống cũng vậy, những điều làm chúng ta sợ hãi là do chúng ta không biết rõ về nó. Hay nói đúng hơn là do chúng ta không có trí tuệ để nhận định.

Trường hợp người ta hay đồn về những ông thầy bùa cũng vậy. Ông ta có thể yểm, có thể

thư người khác được. Nếu ghét người nào, ông chuốc bùa người đó bệnh rồi chết. Nghe đồn như vậy, đa phần ai cũng sợ thầy bùa. Sở dĩ chúng ta sợ vì chúng ta không biết rõ bùa là gì. Nếu biết rõ về nó, về lực của bùa chú, chúng ta sẽ không sợ. Thực ra, bùa cũng có tác dụng nhất định. Bùa có tác dụng của tâm linh, của niềm tin nhờ sự luyện tập lâu ngày và nhờ định lực của thầy bùa. Nhưng tác dụng bùa chú còn lệ thuộc vào nghiệp. Ví dụ, một cái đánh của người khác tác động lên cơ thể làm chúng ta đau, nhưng nó lệ thuộc vào nghiệp. Nếu không bị cái nghiệp nào đó thì người ta không đánh mình được. Bùa cũng vậy. Nếu không bị nghiệp đó thì người ta không đánh bùa mình được. Nó không phải là cái gì quá huyền bí, quá siêu nhiên mà con người không thể biết được. Khi hiểu về nó, chúng ta sẽ không còn sợ hãi nữa. Nói đến bùa chú, chúng ta không thể không liên hệ đến chuyện ngài ANan với Ma Đăng Già. Vì ngài ANan rất đẹp nên cô Ma Đăng Già gặp vài lần đã đem lòng thương nhớ rồi lâm bệnh. Người mẹ tìm hiểu và cô đã kể thật mọi điều. Thương con nhưng bà mẹ không biết làm cách nào cho con khỏi bệnh. Nghe lời mách, bà đến nhờ một thầy bùa làm phép và cô gái khỏi bệnh. Một hôm đợi ngài ANan khát thực đi ngang, cô



gái bước ra chào lễ cúng dường. Do sự thúc đẩy vô hình không ngờ được trong tâm mình, ngài ANan tự nhiên đi theo cô gái vào nhà. Khi Ngài đi vào, cô Ma Đăng Già nói lời yêu thương tha thiết. Tâm đạo Ngài rất vững nhưng bị bùa khống chế nên bị lung lay. Lúc ấy, Phật biết chuyện nên dùng thần thông hóa độ cho Ngài thoát ra. Sau đó, Phật cũng độ cho cô Ma Đăng Già xuất gia.

Qua câu chuyện, chúng ta thấy tác dụng của bùa chú thật ghê gớm. Ngài ANan là người đã tu tập đàng hoàng vậy mà vẫn bị năng lực của bùa chú tác động. Sự thật, điều này còn do nghiệp quá khứ. Trong quá khứ, ngài ANan và Ma Lăng Già đã từng có duyên vợ chồng với nhau, đã từng thương yêu nhau thắm thiết nên bây giờ gặp nhau, duyên xưa trỗi dậy. Cả hai yếu tố hợp lại khiến tâm Ngài bị lung lay chứ không hoàn toàn do bùa chú.

Cũng có trường hợp nhiều người đi trên xe bị người ta đánh bùa, lấy hết đồ đạc. Điều này không chỉ do bùa mà còn do nghiệp của người ấy trong quá khứ. Có thể trước kia, họ cũng đã làm điều gì đó nên bây giờ đến lúc phải trả nghiệp. Khi hiểu được điều này, hiểu nhân quả chi phối, chúng ta sẽ không sợ hãi thế lực siêu nhiên nữa. Nếu ai nói ông thầy bùa này ghê

góm, cao tay ẩn, chúng ta cũng không sợ. Chỉ cần giữ được đạo đức, giữ lòng tôn kính Phật và siêng năng làm việc thiện, chúng ta sẽ không sợ bất cứ thế lực nào, kể cả những thế lực siêu nhiên.

Như vậy, can đảm cũng do trí tuệ mà có. Nếu đã có Trí, có Bi, chúng ta cũng dễ dàng có được cái Dũng.

Tinh thần mạnh mẽ khiến chúng ta trở nên gan dạ, có thể đối diện với hiểm nguy còn được tạo nên nhờ sức khỏe. Một người không có sức khỏe, cơ thể yếu đuối, thường có tinh thần bạc nhược. Khi có sức khỏe, chúng ta cảm thấy xốc vác trong công việc, dám làm mọi việc dù rất khó khăn, vất vả. Cũng nhờ có sức khỏe, tinh thần chúng ta vững vàng hơn và dám làm được những điều mà người khác e ngại. (Tất nhiên, trừ một số trường hợp ngoại lệ). Nếu chùa có việc gấp, dù giữa trưa nắng chang chang hay giữa lúc mưa tầm tã, chúng ta cũng sẵn sàng nhận lãnh.

Chúng ta cũng gặp không ít trường hợp người có thể chất yếu đuối nhưng tinh thần vô cùng mạnh mẽ. Có được điều đó là nhờ họ có phước. Chính phước cũng tạo nên tinh thần mạnh mẽ cho con người.

Những người có khả năng, giỏi giang sẽ có sự

tự tin, tinh thần cũng vững vàng và làm được nhiều việc. Gặp bất cứ việc gì họ cũng có thể làm được. Ngược lại, những người không có khả năng dễ mất tự tin, tinh thần cũng yếu đuối, không mạnh dạn bắt tay vào việc. Ai nhờ làm việc gì, họ cũng ngại không dám nhận lời. Cho nên, sự vụng về, thiếu khả năng cũng làm cho con người ta xuống tinh thần, luôn mang mặc cảm và khó thành công.

Người có tiền bạc, có địa vị, có thể lực thường là người có tinh thần mạnh mẽ. Nếu có một cơ sở vật chất vững chắc, khi ngoại giao hay trao đổi làm ăn với ai, chúng ta cảm thấy mình có một tư thế vững vàng. Nếu quá nghèo khó, tiếp xúc với người khác, chúng ta thường rụt rè, không đủ tự tin. Hoặc một người có quyền hành trong tay thường quyết định mọi việc một cách dễ dàng. Những người này tinh thần cũng mạnh mẽ. Trong khi đó, những người không có quyền hành gì, thường là dân đen, chỉ biết nghe theo lời người khác. Tinh thần họ cũng trở nên yếu đuối.

Như vậy, người có trí tuệ, có khả năng, có sức khỏe, có tiền bạc, có địa vị thường là những người có tinh thần mạnh mẽ, vững vàng. Tất cả những điều ấy có được đều do phước. Hay nói

cách khác, người có phước sẽ có tinh thần mạnh mẽ. Dựa vào đó, chúng ta có thể đánh giá được những người sống quanh mình. Nhìn người nào có tinh thần mạnh mẽ, chúng ta biết người đó có phước bên trong. Những người tinh thần bạc nhược, yếu đuối, lúc nào cũng rụt rè sợ sệt, muốn nói mà không dám nói, muốn làm cũng không dám làm thường là người thiếu phước.

Trên cơ sở đó, chúng ta cũng có thể đánh giá được cái phước có được nơi bản thân mình. Nếu từ trước đến nay, bản thân là người xốc vác, dám nói, dám làm, chúng ta biết mình là người có phước. Hiểu như vậy, chúng ta cố gắng nuôi dưỡng, giữ gìn. Còn nhận ra bản thân mình lúc nào cũng sợ sệt, rụt rè, chúng ta biết mình thiếu phước, phải cố gắng làm phước nhiều hơn. Mỗi ngày, chúng ta nên giúp đỡ mọi người, làm lợi ích cho Phật Pháp. Dần dần, tinh thần chúng ta sẽ trở nên mạnh mẽ. Nếu chịu khó quan sát chúng ta sẽ thấy điều này rất hiệu nghiệm. Nhiều người khi mới vào chùa trông hiền lành, thậm chí còn khờ khạo, ai nói gì cũng nhin, ai sai gì cũng làm nhưng lại cậm cụi lo công quả, tu tập. Sau này, người đó rất có uy đức, trở thành cột trụ của Phật Pháp.

Một điều chúng ta cần nhớ là khi đã có phước,

tinh thần, cá tính được mạnh mẽ, chúng ta không nên lấn át người khác vì nếu sử dụng không đúng chỗ, phước dần dần sẽ hết. Khi đó, tinh thần của chúng ta lại trở nên yếu đuối. Thói thường, những người được nhiều người khen, được nhiều người cung kính hay xuất hiện tâm tự hào. Một khi tâm tự hào xuất hiện, họ bắt đầu chấp vì danh lợi và coi thường người khác. Bởi vậy, khi tu có tiến bộ, có những kết quả, được người khác sùng bái, khen ngợi, chúng ta phải cẩn thận, phải chuẩn bị một đạo lý, một công phu để làm cho nó trở nên vô hiệu.

Sự tham lam ích kỷ, thù hận có thể thúc đẩy con người dám làm những điều nguy hiểm. Ví dụ, những tên cướp dám hành động giữa ban ngày hoặc những tên trộm, ban đêm dám leo tường vào cạy cửa nhà người ta để trộm tiền bạc, của cải đều là những người có “gan to”. Nhưng cái gan của họ có được không phải do tinh thần mạnh mẽ, do sự thúc đẩy của thiện tâm hoặc do trí tuệ mà do lòng tham. Chính lòng tham đã thúc đẩy họ dám làm những việc khó khăn, nguy hiểm ấy.

Ở nông thôn, có nhiều người ăn trộm rất liều. Họ thường lẻn vào nhà người khác lúc xâm xâm tối, khi chủ nhà chưa đóng cửa và chui xuống gầm giường nằm im ở đó. Khi gia đình người ta

đã tắt đèn đi ngủ, người ăn trộm từ từ bò ra lấy đồ đạc và mở cửa tàu thoát. Họ ăn trộm một cách nhẹ nhàng mà táo bạo như vậy. Tất nhiên, sự gan dạ ấy có được là do họ còn phước. Khi hết phước, họ sẽ rơi vào trạng thái yếu đuối, sợ hãi. Trường hợp “Phước tám ngón” là một ví dụ. Đây là một tên cướp nổi tiếng, từng cướp của, giết người không gớm tay, dám đưa ngón tay mình ra chặt trước mặt mọi người, Công an phải truy nã bao nhiêu năm mới bắt được. Nhưng khi vào tù, phước hết nên tinh thần cũng xuống. Ngày bị đem ra pháp trường xử bắn, anh ta run sợ, chân không bước nổi nữa. Sở dĩ phước của những tên cướp như “Phước tám ngón” không còn khiến tinh thần bị sa sút trầm trọng vì trước kia họ đã gây nên quá nhiều lầm lỗi.

Ngược lại, những người thật sự có thiện tâm, tinh thần sẽ mạnh dần đến lúc chết. Lịch sử còn ghi lại những tấm gương sáng về tinh thần chiến đấu, hy sinh vì quê hương đất nước của những chiến sĩ cách mạng. Họ chiến đấu dũng cảm, đến giây phút cuối cùng của cuộc đời mình, tinh thần họ vẫn vững vàng. Liệt sĩ Nguyễn Thái Học, lãnh tụ Việt Nam Quốc Dân Đảng bị bắt trong cuộc khởi nghĩa Yên Bái, khi bị đưa lên đoạn đầu đài vẫn hiên ngang, không hề run sợ. Trước lúc chết, người chiến sĩ cách mạng ấy

vẫn còn hô lớn: “Việt Nam muôn năm!” Sở dĩ tinh thần của những chiến sĩ mạnh mẽ cho đến phút cuối cùng vì họ có phước lớn. Vì tâm thiện, họ đã sống và chiến đấu vì quê hương đất nước.

Trong cuộc sống, nhìn vào tinh thần của những người già, chúng ta cũng sẽ biết trong suốt cuộc đời, họ có làm nhiều điều thiện hay không.

Những người lớn tuổi mà đầu óc vẫn minh mẫn sáng suốt, tinh thần vẫn vững vàng, mạnh mẽ là những người suốt cả một đời chất chứa điều thiện. Ngược lại, những người già có tinh thần yếu đuối, hiu hắt như ngọn đèn trước gió thường là những người không làm được bao nhiêu điều thiện trong cuộc đời mình.

Nếu nhìn thấy những người thân của mình có một tinh thần yếu đuối, các Phật tử hãy khuyên họ làm phước. Chúng ta biết rằng, người sắp lìa khỏi cuộc đời mà tinh thần yếu đuối thì khi chết sẽ không được đi về cõi siêu thoát. Ngược lại, những người đến lúc chết vẫn vững vàng sáng suốt, hiền lành, tỉnh táo thì khi chết sẽ được đi về nơi sang quý, về cõi Trời. Đặc biệt, những người còn trong độ tuổi thanh xuân thường có sức khỏe tốt nên tinh thần mạnh mẽ. Nếu ở vào tuổi này mà cảm thấy tinh thần yếu đuối, chúng ta phải lo làm phước, sống một đời hy sinh cho

người khác.

## **MỘT VÀI TẤM GƯƠNG**

Tìm hiểu một vài tấm gương của người xưa, chúng ta sẽ có thêm những bài học quý trong việc rèn luyện tinh thần, ý chí. Ngày xưa, vào thời Đức Phật, trong những khu rừng Ấn Độ có rất nhiều thú dữ, nhất là cọp, beo, sư tử, mãng xà sinh sống. Vậy mà, có những lúc Phật chấp nhận sống một mình cô đơn trong rừng sâu để tu tập, nhất là trong 49 ngày Ngài ngồi thiền nhập định, trước khi thành tựu Phật quả. Đó là một thử thách ghê gớm đòi hỏi phải có một lòng can đảm đặc biệt. Khi nhập được định vào khoảng Nhị thiền, những ảo ảnh Ma Vương hiện ra quấy phá Ngài. Trong những cảnh quấy phá ấy có cảnh Ma Vương muốn làm cho Ngài phải khiếp sợ, phải di động cơ thể để mất thiền định. Muôn ngàn Ma quân cầm gươm dao chém tới tấp vào Ngài. Cảnh hiện ra trông như thật chứ không phải là ảo ảnh. Chỉ cần cơ thể nhúc nhích, tâm dao động là Ngài sẽ mất ngay thiền định. Nhưng lúc ấy, Ngài vẫn không nhúc nhích. Vì trước khi bắt chân lên ngồi, Ngài đã phát lời đại nguyện: “Nếu không thành tựu vô thượng chánh đẳng chánh giác, ta thà tan xương, nát thịt chứ không rời khỏi tòa này”, một lời thề thật quyết liệt. Vì vậy, khi muôn cảnh hiện ra với



những người cầm dao chém tới tấp, Ngài coi như mình đã chết, ngồi yên không cử động. Nhưng tất cả vẫn không chém được Ngài bởi đó chỉ là ảo ảnh. Một lần khác, khi Ma quân cầm cung tên bắn vào người Ngài, Ngài vẫn ngồi đó, chấp nhận chết, quyết không nhúc nhích cơ thể. Nhưng kỳ lạ thay, những mũi tên ấy bay tới biến thành những đóa hoa rơi lả tả quanh Ngài. Đây là một câu chuyện đẹp và lãng mạn ca ngợi tinh thần dũng cảm, lòng can đảm, cái đại hùng đại lực của một người trên đường đi tìm sự giác ngộ vì con đường đi đến giác ngộ không phải là con đường đơn giản.

Hoặc chuyện ngài Quy Sơn Linh Hựu đối diện với cọp trên núi cũng là một gương sáng về lòng can đảm. Một thầy địa lý đã kể với ngài Bá Trượng, ngài Quy Sơn về một thắng cảnh tốt có thể quy tụ cả một ngàn năm trăm người. Ngài Quy Sơn xin đi về vùng núi đó. Khi đến nơi, Ngài chỉ cất một cốc nhỏ, một am tranh để ở và tu. Trên đường đi, có khi Ngài phải lượm trái rừng mà ăn, có khi còn gặp cọp, beo, nhưng Ngài vẫn không sợ. Chúng ta biết, cọp là loài vật hung dữ, có tướng đi vững chắc, oai vệ, đôi mắt sáng rực, tiếng gầm vang cả núi rừng. Người yếu đuối đứng trước mặt một con cọp sẽ bủn rủn tay chân, có khi ngất xỉu vì quá sợ hãi trước

thần lực của nó. Muôn thú trong rừng đều sợ họ nhà cọp. Nhiều con vật khi đã gặp nó, không đủ sức chạy nữa vì sức thôi miên của nó. Nhưng tinh thần ngài Quy Sơn Linh Hựu vẫn vững vàng. Thấy con cọp chặn đường, Ngài nói: “Nếu ta có duyên với núi này, người tránh qua bên; còn nếu ta không có duyên, người cứ ăn thịt”. Nói rồi, Ngài xăm xăm đi tới. Nhưng con cọp đã tránh qua một bên. Thần lực của Ngài rất vững vàng, tinh thần của Ngài rất mạnh mẽ đến cọp cũng phải nể.

Chuyện cọp vào quy y với ngài Hư Vân cũng thật kỳ lạ. Hòa thượng Hư Vân là người rất đặc biệt. Khi Ngài giảng Kinh trong chùa, một con cọp trên núi cũng xuống vào chùa xin quy y. Gần đây nhất là câu chuyện ngài Hư Vân dám đi thẳng vào quân trại gặp thống binh Lý Căn Nguyên để ngăn chặn việc phá chùa, bắt Tăng ở Trung Hoa. Khi Cách mạng Tân Hợi thành công (1911) đánh đổ được triều đại nhà Mãn Thanh, chấm dứt triều đại phong kiến tồn tại hàng mấy ngàn năm và thành lập nước Trung Hoa Dân quốc, Tôn Văn, là Tôn Dật Tiên, lên làm Tổng thống đầu tiên của Trung Hoa. Ông là người theo Tây học và có theo đạo Thiên Chúa. Vì vậy, chính quyền của ông rất có ác cảm với đạo Phật và ra lệnh đập phá chùa chiền, bắt

Tăng sĩ. Trong đó, thống binh Lý Căn Nguyên là người cực đoan, chống lại đạo Phật rất quyết liệt. Ông đem quân tràn xuống miền Vân Nam, nơi ngài Hư Vân đang ở, bắt Tăng sĩ giam vào tù, phá dỡ hết chùa chiền. Nghe nói ngài Hư Vân rất nổi tiếng, là người thuộc hàng lãnh đạo của Phật giáo, ông ta có ý định sẽ đến đó bắt giam cả Ngài. Ông đưa quân về đó lập doanh trại nên Tăng chúng trong các chùa đều xin đi nơi khác, không ai dám ở lại. Ai cũng lo sợ, khuyên Ngài hãy đi lánh nạn nhưng Ngài nói: “Các vị muốn đi thì cứ đi. Nếu phải trả nghiệp báo thì lẩn trốn có ích chi. Ta sẵn sàng đem thân mạng mình hy sinh cho Phật Pháp”. Rồi Ngài đích thân một mình đi đến doanh trại xin gặp ông thống binh. Khi tới cổng trại, những người lính biết Ngài là bậc chân tu đã khuyên Ngài nên trốn đi, nếu không tai họa sẽ ập đến. Nhưng Ngài nói: “Không, cho tôi vào gặp thống binh” và đi thẳng vào doanh trại. Vốn không có cảm tình gì lại thấy Ngài dám vào nói chuyện với mình, thống binh Lý Căn Nguyên sắc mặt nóng giận hỏi Hòa thượng:

-Phật giáo dùng để làm gì, có ích lợi chi? Hòa thượng Hư Vân đáp:

-Ân đức giáo hóa của Thánh nhân thật vô lượng. Phật giáo dùng để cứu đời, làm lợi ích

cho nhân dân. Từ lời dạy đơn sơ đến lý lẽ thâm sâu đều vì tạo việc lành, trừ điều ác. Phật giáo dạy người trị bệnh trong tâm. Tâm là gốc của muôn ngàn sự vật. Nếu gốc chân chính thì muôn việc đều bình an, trời đất luôn thái bình. Nghe Hòa thượng trả lời như vậy, ông ta hỏi tiếp:

-Vậy chứ còn tượng đồng, tượng gỗ để làm gì vậy, chỉ tốn hao tiền của dân chúng thôi chứ ích lợi gì?

...

-Nếu thế, tại sao các tăng sĩ không làm những việc tốt mà lại đi làm các việc kỳ quái, như những kẻ phế thải trong xã hội?

...

Khi nói chuyện, ông ta công kích đạo Phật rất dữ dội. Tất nhiên, trước sự công kích của người khác, chúng ta phải suy nghĩ lại. Chúng ta phải nghĩ xem trong thời đó, quý thầy đã làm gì để người ta kết luận sự hiện diện của đạo Phật không đem lại ích lợi cho cuộc đời này mà đem lại sự tổn kém; còn các Tăng sĩ như những kẻ phế thải trong xã hội? Suy nghĩ về lời phê phán nặng nề của người khác một cách sâu sắc, chúng ta sẽ thấy được lỗi của mình. Trong trường hợp này, ngài Hư Vân đã bình tĩnh trả lời từng câu hỏi của ông thống binh bằng đạo lực

và uy đức của mình. Nhờ vậy, từ một con người công kích đạo Phật rất nặng, bắt hết Tăng sĩ, dọa bắt luôn ngài Hư Vân, vị thống đốc kia trở nên có cảm tình với Ngài và cảm tình với đạo Phật. Ông ta đã nhận ra Phật Pháp thật cao siêu. Sau này, vị tướng họ Lý vào chùa xin quy y, nguyện xin làm đệ tử của Hòa thượng và thỉnh Ngài làm tổng trụ trì toàn núi Kê Túc. Câu chuyện cho thấy tấm gương can đảm của ngài Hư Vân. Nếu không do đức tu hành khổ hạnh và lòng can đảm, làm sao Hòa thượng có thể chuyển tâm được viên tướng Lý Căn Nguyên trong một khoảng thời gian ngắn ngủi như thế? Chuyện ngợi ca những gương can đảm trong đạo Phật như vậy rất nhiều. Chúng ta chỉ nêu một vài chuyện tiêu biểu để làm gương. Trong chiến tranh, có biết bao tướng sĩ dũng cảm xông pha vào chỗ chết để chiến đấu bảo vệ quê hương, đất nước. Chúng ta từng nghe sử sách kể về tấm gương can đảm của ông Trần Bình Trọng. Vào thời nhà Trần, quân Mông Cổ đem quân xâm lược nước ta. Bọn chúng là những kẻ hiếu sát và khát máu. Gặp quân ta, chúng giết ngay chứ không cần bắt làm tù binh. Nhưng khi bắt được Trần Bình Trọng, bọn chúng không giết mà yêu cầu ông hợp tác và hứa nếu ông đồng ý, chúng sẽ phong Vương

cho ông. Trần Bình Trọng trả lời một cách khẳng khái: “Ta thà làm quỷ nước Nam chứ không thèm làm vương đất Bắc”. Câu trả lời nổi tiếng của ông đã đi vào sử sách và tên tuổi của ông đã được lưu danh muôn thuở. Tuy sự nghiệp của Trần Bình Trọng không được sử sách viết nhiều nhưng là người tu học, chúng ta phải suy luận xem ông có uy đức gì khiến những tên lính khát máu đó phải nể phục? Có thể nói, Trần Bình Trọng có một thần thái phi thường, phát ra bên ngoài ở sự cương nghị, ở phong thái đĩnh đạc và tư thế hiên ngang, bất khuất. Nếu không bị bắt và bị giết, có lẽ ông sẽ có nhiều công hiến lớn lao hơn cho đất nước. Con người ấy rất phi thường mà chúng ta không thể nào khai thác hết được.

Hoặc chuyện kể về Nguyễn Biểu cũng được lịch sử ghi lại như một tấm gương sáng về lòng can đảm. Khi quân Minh sang xâm lược nước ta, ông đại diện cho Lê Lợi đến thương lượng với giặc. Một mình ông dám đi vào doanh trại của giặc trong khi bọn chúng đang tìm cách tiêu diệt lực lượng kháng chiến của nghĩa quân Lam Sơn. Khi tiếp kiến, bọn giặc đã chặt đầu một tù binh đem hấp, mắt còn mở trừng trừng và đặt lên bàn để đả ông. Nhưng ông vẫn bình tĩnh lấy

đũa gấp hai con mắt bỏ vào miệng nhai nuốt trước sự ngạc nhiên của bọn giặc. Con người ấy quả thật có một lòng can đảm, một tinh thần mạnh mẽ, vững vàng. Lật lại từng trang lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc từ xưa đến nay, chúng ta còn thấy lấp lánh biết bao tấm gương khác về lòng can đảm, về tinh thần dũng cảm, không khuất phục trước kẻ thù. Chúng ta rất tự hào khi tổ tiên mình có những con người phi thường như thế.

Hiện nay, trên thế giới vẫn đang tồn tại những tổ chức tội ác rất tinh vi như: Mafia ở Âu Châu hay Hội Tam Hoàng ở Hồng Kông. Bọn Mafia hoạt động có tổ chức rất chặt chẽ và có một quy định gần như thành luật, luật bất thành văn gọi là luật im lặng. Nghĩa là thấy chúng giết người hay làm bất cứ việc gì ở đâu, mọi người đều phải im lặng. Nếu không, chúng sẽ trừng trị thẳng tay, không tha thứ. Vì vậy, suốt một thời gian dài, không ai dám tố cáo bọn tội phạm đó. Chúng vẫn lộng hành nhưng cảnh sát không thể nào điều tra được. Cuối cùng, không chịu đựng nổi, toàn dân Ý đã đứng lên chống lại. Họ chấp nhận chết, quyết không chịu im lặng. Nhờ phá vỡ luật im lặng ấy mà tổ chức tội phạm Mafia dần dần bị tiêu diệt. Trong cuộc chiến đấu chống lại bọn tội phạm ấy, có những vị quan tòa đã phải trả

giá bằng cả sinh mạng của mình. Tiêu biểu cho những con người kiên quyết chống lại bọn Mafia ấy là Falcon. Ông chiến đấu chống bọn tội phạm rất có hiệu quả. Nhưng cuối cùng, bọn chúng điều tra và nắm được lộ trình của ông. Một lần trên đường đi về từ sân bay, xe ông bị chúng đặt bom làm nổ tan tành. Ông đã phải trả giá bằng cả sinh mạng của mình. Những người sau vẫn kế tục sự nghiệp chống bọn tội phạm của ông một cách gan dạ, kiên trì, không mệt mỏi. Trong cuộc đời, nếu nhiều người dám chống lại tội ác, không hề sợ hãi, tội ác sẽ dần dần bị đẩy lùi. Nếu chúng ta lúc nào cũng dè dặt, sợ hãi, tội ác sẽ càng ngày càng lan tràn.

## **CÔNG ĐỨC**

Chúng ta biết rằng, tạo phước trong điều kiện dễ dàng, phước sẽ không nhiều. Chính sự cố gắng quá độ mới đem lại cho chúng ta phước lớn. Nếu tạo phước trong điều kiện nguy hiểm thì công đức vô cùng lớn. Đây là điều chúng ta cần khẳng định lại.

Trong hoàn cảnh thế giới hiện nay, Phật Pháp còn gặp rất nhiều khó khăn. Nếu nghĩ rằng Phật Pháp hiện nay đang phát triển trong hoàn cảnh thuận tiện, chúng ta sẽ mất đi ý thức phấn đấu để giáo hóa chúng sinh, để xây dựng Phật Pháp. Sở dĩ đạo Phật gặp nhiều khó khăn là do



những nguyên nhân khách quan và chủ quan. Trước hết, bên cạnh những cán bộ có thiện cảm, giúp đỡ cho đạo Phật phát triển, vẫn có nhiều người còn ác cảm với đạo Phật, luôn gây khó khăn, cản trở những người làm Phật sự. Đây là một sự thật. Vì vậy, hoạt động Phật Pháp trong hoàn cảnh có nơi chính quyền có thiện cảm với đạo Phật, có nơi không có thiện cảm, chúng ta sẽ rất vất vả. Nhiều cán bộ còn ảnh hưởng tư tưởng cho rằng đạo Phật, tôn giáo là thuốc phiện của quần chúng theo tín ngưỡng cũng đồng nghĩa với mê tín. Vì thế, họ luôn luôn gây khó khăn cho chúng ta. Nhiều khi họ còn nghi kỵ những người về vùng hẻo lánh mang Phật Pháp, đạo đức đến cho con người. Họ cho rằng những người ấy có liên quan đến chính trị và luôn theo dõi, rình rập. Những lúc như vậy, nếu sợ hãi, không dám đương đầu với nguy hiểm, chúng ta sẽ không làm được việc cho Phật Pháp. Mỗi người phải can đảm, cứ tiếp tục làm việc Phật Pháp để giáo hóa chúng sinh. Chính những việc làm tốt của chúng ta, chính nhân cách đạo đức của chúng ta sẽ giúp họ hiểu ra sự thật.

Bên cạnh đó, còn có không ít những quần chúng còn chỉ trích tu sĩ. Đó là những người không có tín ngưỡng, không có niềm tin vào

Phật Pháp. Nhiều khi nhìn thấy người tu, họ còn xem thường, thậm chí công kích. Tất nhiên, người xuất gia chúng ta cũng cần xem lại nhân cách, tư cách đạo đức của mình. Có thể có trường hợp “một con sâu làm rầu nồi canh”, khiến họ “vơ đũa cả nắm” và có ác cảm với người tu. Bổn phận của chúng ta là phải cố gắng, phấn đấu rèn luyện tư cách đạo đức của mình để làm gương cho những người đi sau. Chúng ta làm sao cho tất cả những người tu đều có đạo đức tốt, đều có lòng thương yêu chúng sinh, có lý tưởng thiết tha hướng về sự giác ngộ giải thoát. Có như vậy, cuộc đời này sẽ bớt đi người xấu và quần chúng bên ngoài bớt đi sự công kích. Đó cũng là cách để chúng ta đền ơn Phật. Chúng ta quyết không để vì một người xấu mà ảnh hưởng đến uy tín của đạo Phật.

Ngoài những nguyên nhân trên, các cuộc cạnh tranh tôn giáo cũng gây khó khăn cho sự phát triển của đạo Phật. Đạo Phật vốn rất hiền lành, thậm chí nhu nhược trong khi các tôn giáo khác luôn âm thầm có những kế hoạch lôi kéo tín đồ. Chẳng hạn, một người trong đạo lấy chồng hay lấy vợ đều phải chọn người theo đạo hoặc buộc người khác phải theo đạo của họ. Hoặc con cái sinh ra phải theo đạo của cha mẹ. Trong khi đó,

đạo Phật không quan tâm đến điều này. Nhiều người theo đạo Phật nhưng khi lấy chồng, lấy vợ lại bỏ đạo để theo đạo của chồng hoặc vợ mình. Có khi, cha mẹ theo đạo Phật nhưng lại không hướng cho con cái theo đạo Phật, cứ quan niệm khi lớn lên, tùy con cái lựa chọn tín ngưỡng cho mình. Đó là thái độ vô trách nhiệm của Phật tử hiện nay mà người tu chúng ta cần phải lưu ý.

Không chỉ đơn giản là giành tín đồ, một số tôn giáo còn có những kế hoạch phá đạo Phật rất thâm hiểm. Chúng ta biết rất rõ điều đó. Mặc dù lòng vẫn từ bi, không thù ghét nhưng chúng ta cũng phải hiểu đây là một sự đe dọa lớn đến việc phát triển đạo Phật.

Đối với đạo Thiên Chúa, việc truyền bá đạo cũng nằm trong khuôn khổ luật pháp nên không gây nhiều khó khăn cho các tôn giáo khác. Tại những vùng đạo Hồi phát triển, thân phận người theo đạo Phật rất nguy hiểm. I-ran, Ba Tư ngày xưa được coi là những nước có đạo Phật phát triển mạnh, bây giờ trở thành một nước chỉ có đạo Hồi ngự trị. Hay một đất nước Ấn Độ rộng mênh mông, trước kia đạo Phật chiếm lĩnh, bây giờ thành đất nước của Hồi giáo, của Ấn Độ giáo. Những vùng như Indonesia, Mã Lai cũng

là nơi đạo Phật phát triển bây giờ đã thành vùng đất của Hồi giáo. Hay ở Thái Lan, Phật giáo vốn là Quốc giáo, bây giờ miền Nam Thái Lan đang dần dần trở thành đất của Hồi giáo.

Nếu chúng ta cứ thờ ơ, không nhìn xa, nhìn rộng, không thấy được trách nhiệm của mình đối với đạo Phật thì tiền đồ của Phật Pháp sẽ không thể nào tươi sáng. Ngay từ đầu, chúng ta đã xác định là không có hành động tranh giành tín đồ nhưng mỗi người phải có trách nhiệm đem Phật Pháp giáo hóa rộng rãi khắp nơi để mọi người biết được luật nhân quả. Không biết luật nhân quả là một thiệt thòi lớn cho chúng sinh. Vì vậy, chúng ta phải truyền bá Phật Pháp để truyền được luật nhân quả, đem ánh sáng trí tuệ đến cho con người. Nếu chúng sinh tin được luật nhân quả, họ sẽ có chánh kiến vững chắc để đi trong luân hồi bớt đau khổ. Đồng thời, họ được soi mình trong ánh sáng của Phật Pháp. Trong đạo Phật còn có lý tưởng, có con đường đưa đến sự giải thoát giác ngộ. Đó là nơi hạnh phúc, an vui thật sự tuyệt đối mà các đạo khác không có. Chính vì vậy, chúng ta luôn luôn cố gắng đem Phật Pháp truyền bá cho mọi người. Tuy nhiên, lý tưởng thật cao đẹp nhưng do tinh thần yếu đuối, nhu nhược nên cuối cùng chúng ta đã để biết bao nhiêu chúng sinh rơi vào tà

kiến của các tôn giáo khác. Đó là một nhược điểm mà chúng ta phải khắc phục.

Hiện nay, ngay trong nội bộ đạo Phật cũng chưa có sự đoàn kết. Đây là điều đau lòng nhất trong Phật Pháp. Sống trong những môi trường như vậy, chúng ta cũng phải can đảm, không ngần ngại khi nói ra sự thật này. Có những lúc không đấu tranh được, chúng ta phải biết chịu đựng nhưng cũng chịu đựng với một thái độ gan dạ. Một điều nữa chúng ta cũng cần phải quan tâm. Đó là những cách thức có tính hủ bại trong sinh hoạt của Tăng sĩ. Ở đây chúng ta không tiện phân tích kỹ nhưng sự thật có nhiều chuyện rất đau lòng, cần phải được chấn chỉnh. Nói ra điều này, chấn chỉnh điều này chắc chắn chúng ta sẽ gặp những phản ứng gay gắt, thậm chí còn bị nhiều người thù ghét, công kích và tìm cách mưu hại. Trong hoàn cảnh hiện nay, sự căm ghét, mưu hại cũng là một trong những mối nguy hiểm mà chúng ta phải đối phó trong quá trình sinh hoạt Phật giáo. Khi bước ra làm việc đạo, chúng ta phải xác định rằng mình phải đi trong chông gai, trong sóng gió, biết bao hiểm nguy đang rình rập. Do đó, ngay từ bây giờ, chúng ta phải trang bị cho mình lòng can đảm cao độ để có thể vượt qua những khó khăn, nguy hiểm để có thể làm được nhiều điều lợi ích

cho chúng sinh, góp phần xây dựng Phật Pháp. Và quan trọng hơn nữa là để chúng ta đền ơn chư Phật, chư Thánh, đền ơn những vị Tôn túc đã đi trước dẫn dắt chúng ta. Được sống trong môi trường yên ả, thanh bình để tu học, chúng ta hoàn toàn nhờ vào công lao của những bậc Tôn túc đi trước, gần nhất là quý thầy trong ban Giám hiệu, xa hơn nữa là bao nhiêu vị Hòa thượng chân tu đã tiếp nối giáo hóa Phật Pháp. Chính các vị đã giáo hóa rất nhiều Phật tử cho những thế hệ đi sau mình. Chúng ta phải hiểu rằng, việc hộ đạo luôn luôn là việc của cư sĩ. Không có họ, chúng ta khó có thể duy trì được Phật Pháp. Nghĩ đến điều đó, chúng ta phải tiếp tục giáo hóa để Phật tử về sau lại tiếp tục hộ đạo, duy trì Phật Pháp, nuôi dưỡng chư Tăng ở thế hệ sau. Đó cũng là trách nhiệm vô cùng thiêng liêng của mỗi chúng ta.

## **NHỮNG PHẢN ỨNG PHỤ**

Tâm can đảm cũng có những phản ứng phụ. Trước hết, sự can đảm dễ trở thành sự kiêu mạn; người can đảm cũng dễ là một người kiêu mạn. Vì qua một lần sử dụng sức mạnh của tinh thần, tự nhiên bản ngã được kích động và lớn dần lên.

Ví dụ, một lần nọ, mấy tay du côn ở đâu kéo đến chùa, tấn công mọi người. Trong chùa, có

một thầy biết võ, gan dạ đứng ra đánh lại bọn chúng bảo vệ chùa, bảo vệ Tăng đoàn, Tăng chúng. Sự can đảm, chiến thắng những kẻ du côn hung bạo đó đã làm cho người ấy kiêu mạn, tự hào. Đó là tâm lý rất dễ xuất hiện trong mỗi người. Bởi vậy, chúng ta phải xác định, đi tìm sự giải thoát phải vừa can đảm, vừa khiêm hạ. Dũng là một đức tính rất cần thiết của người tu nhưng trong gian nguy, làm được điều gì cho Phật Pháp, chúng ta cũng phải thấy mình chỉ là cỏ rác, cát bụi mà thôi. Có như vậy, tâm kiêu mạn mới không có dịp khởi lên.

Sự can đảm cũng dễ tạo thành tính nóng nảy. Thông thường, những người có tinh thần mạnh mẽ, xốc vác, dám xông pha vào những nơi khó khăn cũng là người dễ nổi sân. Vì kiêu mạn nổi lên thì sân sẽ đi theo. Do đó, chúng ta phải lưu ý điều này. Chúng ta rất gan dạ, rất can đảm nhưng cũng rất hiền lành, điềm đạm. Đó là tính cách đặc biệt của người theo đạo Phật.

Đọc những câu chuyện viết về cuộc đời ngài Hư Vân, chúng ta thấy con người này có phong thái ung dung, tính tình vô cùng hiền lành nhưng khi gặp nguy hiểm lại can đảm đối diện, không hề sợ hãi. Chúng ta phải học theo tinh thần ấy của Ngài. Nếu gặp khó khăn nguy hiểm, chúng ta sẵn sàng gánh vác cho mọi người nhưng lúc

nào cũng giữ thái độ khiêm tốn, phong thái hiền lành, nhẹ nhàng.

Một điều chúng ta cũng thường thấy là sau một khó khăn, nguy hiểm để hoàn thành công việc tốt, người ta dễ sinh tâm niệm cậy công. Đó là sự kể công, là nhớ công lao của mình. Ví dụ, một người rất can đảm, từng xông xáo trong đám lửa cháy rừng rực để cứu của, cứu người thoát nạn nhưng sau đó cứ nhớ mãi việc làm của mình. Thỉnh thoảng, người ấy nhắc lại với một niềm tự hào, một chút cậy công theo kiểu: “Nếu không nhờ tôi, tất cả bây giờ đã trở thành tro bụi”.

Tâm niệm cậy công cũng là một điều làm chướng đạo. Chúng ta phải tránh tâm niệm ấy. Trong hiểm nguy, gian khó, nếu đã quyết tâm làm được điều gì tốt thì chúng ta phải để công lao đó bay theo mây, theo gió, đừng bao giờ nhớ đến nữa, cũng đừng mong ai phải nhớ điều đó nữa. Thử liên hệ đến truyền thống đánh giặc giữ nước của dân tộc, chúng ta sẽ thấy không phải ngẫu nhiên mà cha ông ta ngày xưa đã để cho câu chuyện “Thánh Gióng” kết thúc một cách hoang đường kỳ lạ như vậy. Người anh hùng làng Gióng sau khi đánh đuổi giặc Ân ra khỏi bờ cõi nước nhà đã phi ngựa lên núi Sóc Sơn, cởi nón sắt, giáp sắt bỏ lại, một mình một



ngựa bay thẳng lên trời biển mất. Đó cũng là biểu hiện của tấm lòng vì nước, vì dân, sẵn sàng chiến đấu nhưng không cần người đời ghi nhớ và biết ơn.

Tâm can đảm còn có một phản ứng phụ khác. Đó là sau khi đối diện với hiểm nguy, chết chóc trở về, con người dễ trở thành những người tàn nhẫn. Thực tế đã chứng minh điều đó. Nhiều người lính từng có những năm tháng gian khổ, cận kề với cái chết từ chiến trường trở về đã có những biểu hiện rất tàn nhẫn. Họ ra đi chiến đấu vì chính nghĩa là điều hoàn toàn đúng. Nhưng khi đối diện với nguy hiểm, lòng can đảm, sự gan dạ sẽ tăng lên. Rồi bản ngã, sự tàn nhẫn vì thế cũng tăng lên theo. Khi trở về hậu phương, nếu không biết tu sửa, kiềm chế, họ dễ có những hành động thô bạo. Nhiều khi chỉ cần người khác nói điều gì không vừa ý, họ có thể đánh đập một cách tàn nhẫn.

Hiểu được những phản ứng phụ đi theo tâm can đảm như vậy, chúng ta phải rất cẩn thận. Một mặt, chúng ta phải can đảm gan dạ, đối diện với nguy hiểm nhưng mặt khác lại hết sức từ bi, thương yêu con người. Đó là lý do vì sao Phật đưa yếu tố Bi lên trước Trí và Dũng.

Là đệ tử Phật, chúng ta phải tu tập tâm từ thuận thực, ngày đêm quán từ bi cho thật kỹ để làm

nền tảng cho tính can đảm (Hùng lực). Quán từ bi là việc rất quan trọng nên chúng ta phải huân tập lâu dài. Khi quán được tâm từ bi, chúng ta sẽ thấy mọi việc trong cuộc sống dần dần thay đổi và thái độ của chúng ta đối với con người cũng thay đổi. Được như vậy, sau này chúng ta sẽ làm được nhiều việc tốt cho Phật Pháp nhưng vẫn giữ được đức khiêm tốn, vẫn thương yêu con người, vẫn không xem mình là quan trọng.

Khi còn là Tăng sinh, dù được quý Thầy che chở, được sống trong môi trường bình yên, nhưng biết can đảm, dũng lực, là một đức tính quan trọng của người tu Phật, chúng ta phải tập dần thân vào nguy hiểm, khó khăn để rèn luyện đức tính ấy. Khi có việc khó khăn, cực nhọc hoặc nguy hiểm, chúng ta không ngần ngại giành lấy về mình, không được tránh né hay tỏ ra sợ hãi. Bên cạnh đó, chúng ta cũng phải tích lũy phước từng chút để tinh thần được mạnh mẽ. Chính tinh thần mạnh mẽ là yếu tố cơ bản để tạo nên tính can đảm về sau. Nếu tinh thần yếu đuối, khi gặp chuyện nguy hiểm, chúng ta sẽ không dám đương đầu.